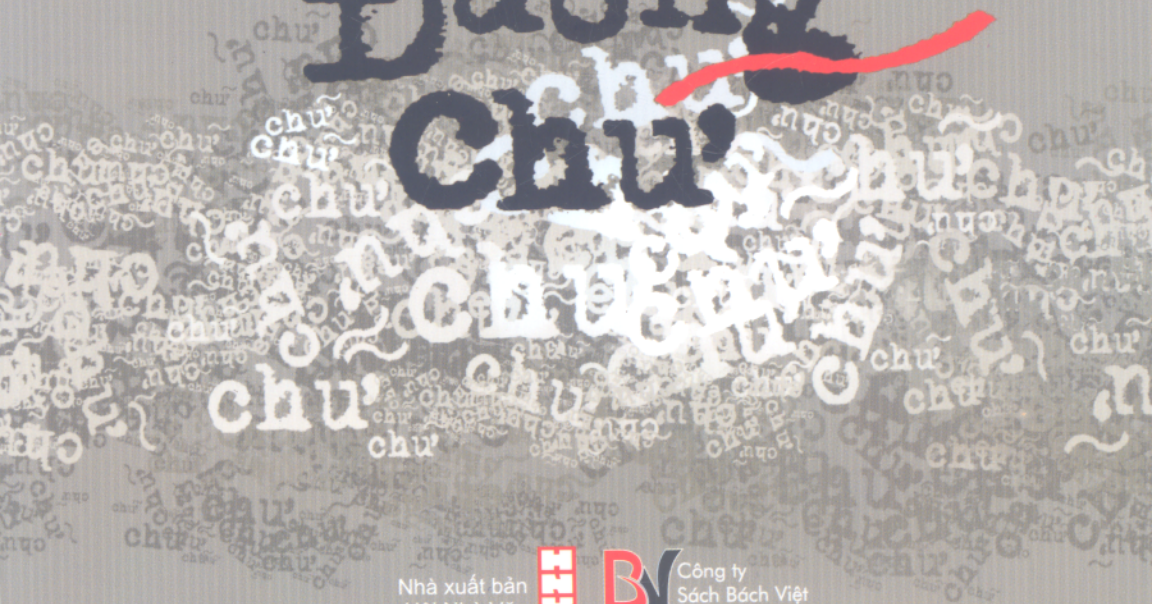


LIÊN ĐẠT



Đường

Chữ



Nhà xuất bản
Hội Nhà Văn



Công ty
Sách Bách Việt



Trọn đời trọ góc
nhìn thiên hạ

Cam tâm
làm khách lạ bản thân



LÊ ĐẠT

Đường Chữ

Nhà xuất bản
Hội Nhà Văn



Công ty
Sách Bách Việt

Đường
Chữ

ĐƯỜNG CHỮ

Bản quyền tiếng Việt © BachvietBooks và tác giả, 2009

Công ty Sách Bách Việt

Số 13, Tổ 74, Hoàng Cầu, Phố Mai Anh Tuấn, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 3514 8742 Fax: (84-4) 3514 8685

Email: info@bachvietbooks.com.vn

Website: www.bachvietbooks.com.vn

Blog: <http://360.yahoo.com/bachvietbooks>

LÊ ĐẠT

Đường Chữ

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Lê Đạt

như thế. (Đã có Đạt)

Tên Lê Đạt sinh mà tôi là ~~Đạt~~ - Kì phải tôi biết mình ở với họ ~~Đạt~~ mà ~~đi~~ họ - Lê là tên một người bạn gái một mối tình ly. thành thật học trò.

Tôi sinh ra ở Yên Bái, một tỉnh ở miền Bắc nước Việt Nam. Tôi là con út của gia đình một quý tộc của một gia đình.

Cha tôi ~~là~~ ^ở quê ở Phú Thọ, tỉnh Bái Giang. Mẹ tôi là con gái của một gia đình quý tộc ở Phú Thọ. Cha tôi là một người bạn của vua.

Cha tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua.

Mẹ tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua.

Tôi lớn lên như một đứa trẻ con như là một ^{người} ~~đứa~~ con của một gia đình quý tộc. Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua. Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua. Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua.

Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua. Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua. Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua. Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua. Tôi ~~đã~~ ^{đã} đi theo vua.

gửi vào quý kỳ tại thư viện.
Đi là phần bị cho gia' lịch tại cơ n.
gửi ty hinh hinh.

* giải đ' hơn 1 triệu.
 Năm nay từ đầu 10/10. Giá 1000 đ. đến 100 đ.
 Từ mùa báo đ. qua đ. đ., tôi có thể nói r' r' r'
 vì có dân t' ch'ua làm g' xai h' ~~đ~~ h'
 (v' t' r' m' h' f)

ty snol' ans' st. hoay hoay and nup

Pha vau di
Sơn hử Cánh trời xang lư sô
Thơ em yểu yểu gió lữ Hô

Mẹ đau đóc công sa Hết Bùn
Ghe búp Xe ^{phở} ~~phở~~ Xung Tham an



THO'

XƯNG DANH

Phó thường dân

phổ nhỏ vô danh

vô giai thoại

Thành tích

mấy trang giấy sờn

mấy câu thơ bụi

núi Vô Sơn

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Tôi ghé như thiếu số phụ gia

Vấy chữ thẳng hoa

Thoảng cà cuống chưa đóng lọ

Đừng tìm tôi

chỗ những ghế ngồi

Hộp thư

đuôi chóp ngọ đầu ô

KHUYẾT ĐIỂM

Vườn chôm chôm
mùa khem thềm thòm trái cấm
Vui mồm lấp lẩn
nhiều kinh kệ không quen
Amen

KẾT LUẬN

Đời tốc hành
một ga xanh sót lại
Một góc tuổi mãi tàu
thơ đại mãi
Tìm nhà quên mất số lớn khôn

CHÚNG TA QUYẾT GIỮ ĐẤT NÀY

Nắng vui nẻo đường xanh,
Ánh sáng chan hòa mái lá.
Núi rừng thênh thang cánh tay.
Em bé cười xinh quá.
Dưới đồng, lúa xanh đương lên,
Tiếng mõ trâu thông thả,
Hoa mua nở hiên lành,
Gió lúa tung ánh nắng.
Những con mắt trong mờ to
Nhớ thương những cánh đồng bát ngát,
Những hạt lúa vàng mồ hôi
Cháy rụi đất cằn xơ xác
Em bé không còn được cười
Máu lã những mảnh hồn trong trắng

Chúng ta quyết giữ đất này,
Giữ nẻo đường thơm lúa chín.
Giữ nụ cười giữ con mắt trong,
Lòng chúng ta chói nắng
Thắm thiết bao nhiêu yêu thương
Khát sống ủa lên chiến thắng.
Năm lấy cuộc đời
Gió thổi trên đầu lồng lộng
Mái tóc xòa bay nhìn trời
Yêu thương trùm núi rừng cao rộng.

06-1950

NHẬN TRẦU

Vợ chồng đi nhận trầu
Vui như ngày mới cưới,
Miệng cười chân bước vội
Vợ đưa chồng miếng trầu.

Hai vợ chồng nhìn nhau
Trên cành đôi chim hót.
Con lon ton chạy trước
Hôn hờ vỗ tay hò.

Dân cây rong trống ruổi cờ,
Ào ào như nước vỡ bờ cuộn reo.
Địa chủ tựa củi rêu tan tác
Xanh mắt ngồi ngơ ngác nhìn nhau.
Ta đòi ruộng, ta đòi trầu
Bắt chúng nó cúi đầu nhận tội.

Người nhìn trâu nghĩ ngợi
Nhớ lại những ngày xưa.
Từ lúc trâu còn thơ
Đến ngày trâu biết vực.
Người bên trâu chăm sóc
Thân thiết như mẹ hiền.

Trâu vừa lớn khôn lên
Địa chủ xô tới bắt.
Ruột người như dao cắt
Đau lòng mẹ mất con.

Bao nhiêu công chăm nom
Những mong ngày trâu lớn,
Trâu đỡ dần hôm sớm
Cho người bớt nhọc nhằn.

Đời thêm bát cơm ăn
Đỡ tủi lòng con trẻ,
Giờ xay đàn tan ghé
Biết trông cậy vào đâu?

Cơm áo cũng theo trâu
Đi về nhà địa chủ.
Người ôm trâu nước nỡ
Nước mắt thấm lưng trâu.

Bao nhiêu năm xa nhau
Giờ mới nhìn thấy mặt.
Người rưng rưng nước mắt
Sung sướng quá trâu ơi!

Trâu lại về với người
Như con về với mẹ,
Ngọt bùi cùng chia sẻ
Trâu người kiếp kiếp thương nhau.

Người khẻ vuốt lưng trâu
Trâu ngẩng đầu khe khẽ,
Trên mình trâu chằm chệ
Con tíu tíu phất cờ,

Vừa rún rẩy, vừa hô
Trâu chuyển mình khua mõ.
Mẹ đưa trâu bỏ cỏ
Trâu nghển cổ trâu cười.

Xưa kia trâu ruộng về người,
Giờ đây trâu ruộng đất trời của ta.
Trâu người một dạ thiết tha
Chung lòng chung sức tăng gia cấy cà.
Bên nhau khuya sớm vui vầy
Cho tươi bông lúa cho đầy bát cơm.

1953

CỨU LÚA

Lửa cháy từ trên trời
Lửa hun từ dưới đất.
Nắng ngày đêm chồng chất.
Nắng trắng cả cánh đồng.

Trắng cả núi cả sông
Nhắm mắt còn thấy nắng,
Những đêm dài đằng đẳng
Nắng cả trong giấc mơ.

Những đáy nước cạn trơ
Cá nằm khô lặng lẽ,
Đất phồng lên nứt nẻ
Không có vũng trâu đầm,
Không có cỏ trâu ăn
Trâu thờ dài mong nước.

Đất ruộng hăm hấp sốt
Chân mạ cháy xém vàng,
Tóc rụng trên đồng hoang
Mạ bạc đầu chết rụi.

Năm nay rồi kém đói
Biết lấy gì mà ăn?

Ngày hai bữa bần khoản
Đứng ngồi trên lửa đỏ,
Đêm trở mình không ngủ
Ngửa mặt nhìn lên trời.

Sao vắng vặc khắp nơi
Ngày mai trời lại nắng,
Vợ nhìn chồng cay đắng
Thương mạ như thương con.

Lòng cha mẹ héo hon
Xót xa tình ruột thịt,
Không lẽ nhìn mẹ chết
Mà đành lòng bỏ tay?

Nắng cháy lá vàng cây
Nắng cháy thì mặc nắng,
Dù trăm cay nghìn đắng
Ta cứu lấy mẹ ta.

Sông nước dù có xa
Ta gánh về tưới ruộng,
Lấy nước cho mẹ uống
Cho mẹ đỡ xót lòng.

Đất nứt nẻ khô cong
Hơi nước mờ lên khói,
Tươi hết ngày hết buổi
Mạ vẫn còn thềm thường.

Ta đắp đập, đào mương
Bắt sông về ruộng cấy,
Lòng người theo nước chảy
Chan hòa trên cánh đồng.

Nước ngọt và giếng trong
Ta đào sâu mạch đất
Mạ tha hồ tắm mát
Mạ sớm chiều mạ vui.

Mạ ngẩng mặt trông trời
Chân mạ trời rể mới
Tóc mạ xanh phơi phơi
Xanh mát cả lòng người.

Bao nước mắt mồ hôi
Nuôi mạ lên thành lúa,
Thương chồng và thương vợ
Thương lúa và thương con.

Bây giờ vất vả chăm nom
Mai ngày cơm trắng, gạo thơm ấm lòng
Sớm khuya vui vợ vui chồng
Vui làng vui xóm lúa đồng cũng vui
Lúa ơi! Lúa lớn với người
Trăm năm chung sống cuộc đời tự do
Ruộng này ruộng của Bác cho
Lúa, người ơn Bác ấm no đời đời.

07-1954

ĐÓN BỘ ĐỘI MIỀN NAM

Nước sông đỏ hay cờ đỏ,
Gió thổi hay lòng vui.
Ta hát ta cười,
Ta muốn lội theo dòng Mã
Ùa ra biển cả
Nhắm tay người bạn miền Nam.

Gió thổi buồm căng,
Không căng bằng lòng ta nhớ bạn.
Cờ phấp phất bay trong ánh nắng
Không rộn bằng tim ta đợi chờ.
Nắng cháy rực bờ trưa
Ta đứng trên cồn cát,
Bụng đói và cổ khát
Mắt vẫn nhìn ra khơi.
Cốt thấy bạn là vui
Có nghĩa gì nắng đổi.
Bao nhiêu ngày mong đợi,
Mong từng phút từng giờ,
Mong cả trong giấc mơ.

Em bé đêm không ngủ,
Thức giấc ba lần trăng sao còn tỏ.
Giật mình i ới gọi nhau
Vui đi đón những người anh công tác,
Lâu ngày nay mới về.

Các em gỡ ba lô
Níu lấy các anh cười cười nói nói.
Mẹ chạy theo thăm hỏi
Khẽ quạt cho các con.

Rờ tay mẹ xương xương
Bỗng nhớ ngày còn nhỏ,
Tiếng hát ru con những buổi chiều Nam bộ
Thương mẹ như thương má ở nhà

“Mẹ ơi:

Tình mẹ con ta
Sông núi không ngăn nổi
Xa quê hương vẫn thấy quê hương gần gũi
Nam Bắc cùng một nhà”

10-1954

BÀI THƠ HÀ NỘI

Ta lắng nghe tim ta đập
Hà Nội đây rồi!
Vui nước mắt muốn rơi
Sung sướng nói không thành tiếng
Đi trên đường mà như đi trên biển,
Vui cờ, vui phố, vui người.

Hà Nội ơi!

Mỗi bước chân đi mỗi thương mỗi nhớ.
Gặp lại đường xưa phố cũ
Như gặp lại người yêu.

Cuối mùa thu gió heo
Phấp phới bóng cờ đỏ thắm
Em bé giơ tay cười vẫy nắng
Nắng từ Việt Bắc nắng về.

Nhớ đêm nào ra đi
Nước lạnh chân cầu sông Cái.
Nhìn Hà Nội hẹn ngày trở lại
Ngày ấy đến rồi.

Cờ đỏ làm mặt trời
Người làm sông, làm suối,
Hà Nội reo mừng phơi phới
Ngập ngừng nắm lấy tay nhau.
Quân địch lui đến đâu
Bộ đội tràn đến đó.
Khắp các nhà mở cửa,
Khắp các nhà đồ cờ,
Khắp các nhà hoan hô.

Hà Nội của ta, ta giữ lấy,
Trời hôm nay xanh xanh biết mấy
Nắng vàng gợn nước Hồ Gươm.

Mẹ không lo mất con
Chồng không lo mất vợ
Em gái chúng ta thôi không còn lo sợ
Yên lòng khôn lớn, yêu đương.

Mẹ âu yếm nhìn con
Khe khẽ ru con ngủ.
Con bí bô gọi bố
Tay chỉ lên lá cờ
Giấc ngủ con nhiều bướm, nhiều hoa
Yên ổn dưới lá cờ của Bác.

Em bé ơi tha hồ em hát
Anh các em về rồi.

10-1954

ĐƯỜNG CHÚNG TA ĐI

Gửi Vũ

Tôi muốn viết vào tim
Như vào một tấm bia chiến đấu,
Tên những con người yêu dấu
Đã hy sinh cho Đảng có ngày nay.
Những cuộc đời sáng như ban ngày
Những cuộc đời không bao giờ hết.
Tôi muốn máu chảy nhanh
Trào lên những dòng thơ tha thiết
Tim đập thành tiếng trống hành quân
Kêu gọi bà con làng xóm xa gần
Nhịp bước theo bài ca của Đảng.

Đêm nay tôi thức cho trọn sáng
Thắp ngọn đèn bên ảnh Bác Hồ
Nước mắt rùng rùng viết một bài thơ
Ca ngợi một người đồng chí.

Trước mắt tôi còn hiện lên hình chị
Quân thù chặt cụt hai tay
Mái tóc vẫn còn bay
Như ngọn cờ trước gió
Máu đầy người thắm đỏ
Hai mắt nhìn trừng trừng.
Ánh mắt sáng lạ lùng
Chúng nó rùng mình cúi mặt.

Gió thổi lúa đồng rào rạt
Ôi! Làng xóm cũ yêu thương!
... Giếng nước... mái nhà... con đường
Bụi chuối... cây đa... bờ mương
Mẹ già đêm khuya thao thức
Lăn tròng hạt mong con từng phút
Nước mắt chảy vòng quanh...
Các đồng chí nhìn nhau không nói...
Ngọn cờ Đảng bay trên đầu phơi phới
Lời thề còn vẳng bên tai.

Nắng buổi sớm mai
 Ào ào như nước
Trên cành chim hót
 Bóng chị dài trên cánh đồng.
Như một cây thông
 Rướn người lên chị hát.
Tiếng hát đập vào tai lũ giặc
Tiếng hát bay bay xa
 Như tiếng thăm thì của dòng sông, bãi cát
 "Đoàn quân Việt Nam đi..."

Bọn giặc lăm lăm cò súng
Tiếng hát càng cao càng vọng
 Át tiếng súng giết người.
Miệng chị mím cười
 Lũ giặc sùi bọt mép
Chị thấy mình không chết.
 Chân bước đi dưới cờ
 Hai mắt mở to
 Say sưa chị hát.

Lá cờ bay phần phật
“Đoàn quân Việt Nam đi...”

Chị ơi!
Đoàn quân chúng ta người người lớp lớp
Người chết lẫn người còn
Mang đất nước trong lòng
Miệng hát bài ca cộng sản.
Dù mưa bom bão đạn
Cờ Đảng ta vẫn bay
Chúng ta trăm triệu bàn tay
Vẫn trái đất theo đường đi của Đảng
Chúng ta làm Cách mạng
Sống chết ta không rời,

Ta đi trọn cuộc đời
Đảng với chúng ta là một.

02-1955

CHÔNG HÒA BÌNH CHỦ NGHĨA

Từ hòa bình ta chuyển vào thành phố
Có rất nhiều người ngủ
Cuộn tròn trong đệm bông
Như con sâu mùa đông
Rút đầu trong vỏ ốc.

Hòa bình không là rượu thuốc
Mà sao nhiều người say.
Có từng đàn mối bay
Rụng cánh dưới loa đèn thành phố.

Những ngày hòa bình cháy sôi như lửa
Suy nghĩ vỡ đầu
Một nửa thân thể chúng ta quặn đau
Trên những lễ đường Nam bộ.
Giặc Mỹ sửa ran ngoài ngõ
Nắng đỏ đất đỏ trời.
Thôn xóm vất vả mồ hôi
Thắt bụng cầm hơi chống hạn
Lấy sức người làm mưa nắng
Thay trời.

Tôi rất muốn thơ tôi
Rúc lên
Như những tiếng còi nhà máy
Dựng mọi người đứng dậy
Xuống đường.
Cùng lớp lớp công nhân
Đi kiến thiết công trường đất nước.

Làm cách mạng
Nghĩa là luôn luôn thức
Luôn luôn lao về đằng trước
Không nghỉ
Không ngừng
Tấn công.
Cách mạng như trái tim
Một phút thôi không đập
Là một phút chờ xuống đất
Nằm nghỉ trong quan tài.

Đường cách mạng còn dài
Nhiều ngã ba, ngã bảy
Không chúng ta đứng đây
Ai chi đường
Cho trái đất quay?
Dù đi giữa ban ngày
Cũng phải mở to hai mắt
Trái đất
Không chúng ta
Ngơ ngác mù lòa
Chống gậy
Bước đi loạng choạng.

Chúng ta đấu tranh
Dẫn loài người đi lên Cộng sản.
Quyết không thể hài lòng
Đứng ngắm những thành công
Như một bọn chơi đồ cổ.

Dĩ vãng là rất nhỏ
So với tương lai:
Chúng ta khát ngày mai
Cháy se cổ họng.
Không đời nào
Hòa theo giồng lờn
Ngu dân
Thực dân
Chỉ biết nằm ăn cho béo
Sống ngụp đầu trong thịt rượu
Chết đuối trong đũng quần đàn bà.

Tuổi trẻ chúng ta
Sống chết đi trên đường Cộng sản
Đứng đầu ghềnh Cách mạng
Hộ vệ cho cuộc đời.

Bọn đế quốc khắp nơi
Đương lồng lên làm loạn
Chúng ta phất cao ngọn cờ của Đảng
Đứng trấn các nẻo đường.

Công việc bận bịu, Cách mạng chưa xong
Sao đã vội lên giường đi ngủ?

06-1955

Ý CHÚNG TA

Ở miền Nam thẳng Ngô theo lệnh Mỹ
Bắt nhân dân trưng cầu dân ý
Để giết ý dân
Đội lột dân bán nước.

Dân nào? Ý nào?
Hỡi những đồ vong quốc
Dân Việt-nam triệu triệu người như một
Không muốn bán đất này.
Miếng đất chua cay
Máu trộn mồ hôi bê bết.
Miếng đất bao nhiêu đời sống chết
Vẹn toàn trao lại cho nhau.

Lớp trước lớp sau
Mồ má ông cha còn đây,
Từng ngọn cỏ hôm nay nóng rẫy
Những lời gửi gắm hôm qua.
Nước chúng ta
Dân chúng ta bất diệt
Sông núi mấy nghìn năm tha thiết
Vẫn thăm thì hai tiếng Việt-nam.

Những xóm, những làng
Những cây đa cổ thụ,
Những bờ tre gốc lúa,
Những giếng nước, dòng sông.
Những câu dân ca như chảy máu lòng
Không thể bán buôn cho Mỹ!

Chúng ta không muốn dân chúng ta nô lệ.

Gông xích đẩy người

Ngóc cổ lên trời

Đói tự do như trẻ thơ đói sữa.

Chúng ta muốn yên nhà yên cửa

Vợ chồng làm lụng yêu nhau.

Nước chúng ta đẹp giàu

Con chúng ta khôn lớn.

Chúng ta muốn, chúng ta muốn sống

Một cuộc đời lâu dài

Súng không gí vào tai

Không có lưỡi lê ngoài ngõ.

Chúng ta muốn và chúng ta không sợ
Giữa bóng tối miền Nam
Máu chúng ta vẫn đỏ
Lòng chúng ta vẫn nhắm gọi Bác Hồ
Miệng chúng ta vẫn đãa đảo thẳng Ngô,
Tim chúng ta vẫn đập
Như sông núi khát khao đòi Thống nhất
Sớm chiều nhắc nhủ bên tai.

*
* *

Ý chúng ta, ý chúng ta là thế
Nước một nguồn, cây một rễ.
Bắc Nam một nước Việt-nam
Để quốc Mỹ cút về nước Mỹ!

10-1955

LÀM THƠ

(Trích THƠ GỬI NGƯỜI YÊU)

Đêm khuya
Bóng đầu anh
Hằn trên trang sách nhỏ
Như bóng hàng cây
quặn gió
Láng xuống mặt đường

Giông bão mênh mông
Anh nhìn Tổ quốc
Đất nước đêm nay trĩu đầu ngòi bút
Hàng vạn vần thơ mang nặng tình người
Anh nghe tiếng đất trời
Xao động lùm cây ngọn cỏ
Như hiệu thính viên
Đêm không ngủ
Ghi những lời cuộc sống
điện về

Những tiếng nặng nề
Những tiếng cục cằn uất ức
Những tiếng căm thù chua xót
Những tiếng yêu thương

Mỗi ngày bao nhiêu vui buồn
Đề nặng trên đầu anh suy nghĩ
Một người lực sĩ
Chỉ mang nổi ngàn cân
Anh suốt tháng suốt năm
Mang quả địa cầu trong óc

Anh nhớ ngày em khóc
Ôm bụng kêu trời
Mấy chị hộ sinh nói khề
"Chiếc thai quá to
Cả mẹ cả con khó lòng sống được".

Mỗi lần đề bao vui buồn, chua xót!

Người làm thơ nắng mưa thiếu đốt
Ăn nằm với cuộc đời
Thai nghén đất trời
Sinh ra sự sống
Nặng tâm tư của trăm ngàn quần chúng
Đau xót hơn bao nhiêu

Em ơi!
Anh thức thâu đêm suốt sáng
Moi óc làm thơ
Moi tim làm thơ
Như người thợ
Chui xuống lòng hầm mỏ
Moi than moi lửa
Đốt sáng cuộc đời...

Anh muốn Đảng gọi anh đến nơi
Hội ý về cuộc sống
Điều động anh vào Bộ Tâm hồn quần chúng
Giúp Trung ương
Xây dựng

những CON NGƯỜI

Từng từng giọt mồ hôi
Đắm bàn đồ chính sách
Anh mở lối giữa cuộc đời ngóc ngách
Óc anh là một công trường
Mỗi dòng thơ là một cây số mới
Trên con đường đi tới
Xã hội

Ngày mai
Một tiếng súng tương lai
Nổ vào đầu dĩ vãng

Anh vác bút đi theo Đảng
Xông lên hàng đầu.

01-1956

MỚI

Gửi Vũ

Không gì đẹp bằng con người
Không gì quý bằng tuổi trẻ
Những bàn chân mạnh mẽ
Xung kích vào đời
Những con mắt nhìn thẳng về phía trước
Phấp phới bao nhiêu mơ ước
Đập cánh bay lên

Những ngày những đêm
Nắng mưa dữ dội
Lòng chúng ta sôi nổi
Như những trái bọc lòi
Đến giữa cuộc đời
Xòe lửa
San đường phá ụ
Mở những chân trời

Phải giữ tuổi hai mươi
Như giữ gìn cuộc sống
Mỗi ngày bao nhiêu bụi bặm
Rơi xuống đầu người
Bao nhiêu gông xiềng tập quán
Cột lấy bước chân

Đừng chửi tôi kiêu căng
Lên mặt dạy đời khinh khỉnh
Tôi chưa đeo kính
Chưa vào hàn lâm
Tôi mới hai mươi lăm tuổi
Chung quanh tôi bao cuộc đời mệt mỏi
Thất bại cúi đầu
Công thức xò dây vào mũi
Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Ý như một dây bình vôi
Càng sống càng tối
Càng sống càng bé lại

Tôi đã sống rất nhiều ngày thảm hại
Khôn ngoan không dám làm người
Bao nhiêu lần tôi không thực là tôi
Tim chết cứng trong lễ thói
Những đêm trắng tẩy lên dữ dội
Không muốn nhìn mặt mình
Trời sao sáng long lanh
Nhựa cây thơm rạo rực
Đêm mùa xuân thiêu đốt
Bao nhiêu khao khát làm người

Nhưng dòng nước trôi xuôi
Lại đẩy tôi về bến cũ
Những mơ ước trong đầu ấp ú
Chết dần như những chiếc thai non
Tôi ngập chân đi trong những lối mòn
Mong đổi lấy một cuộc đời yên ổn

Nếp cũ cay chua và trắng trợn
Đè trên vận mệnh con người

Đời đời nối đời đời
Trao lại cho nhau một lời nóng hổi:

Mới! Mới!

Luôn luôn mới!

Bay cho cao

Bay cho xa

Trên những vết già nua cũ kỹ

Trên lê đường hạn gí

Vượt ngày hôm nay

Vượt ngày mai, ngày kia,

Vượt mãi...

MỖI NGÀY MỖI LỚN

Gửi Kế Hoạch Nhà Nước 1956

Kinh tế không thể vác ba-lô đi bộ
Hoàn thành kế hoạch hai năm.
Cuộc sống mới cần đi xe lửa
Những chuyến xe tốc hành,
Kiến thiết cho nhanh
Đất nước mười năm xơ xác
Bom đạn cày trên người
Nước mắt soi nụ cười
Rũ máu bước đi kiến thiết.

Những con đường đã chết
Nghe gọi sống vùng lên,
Vạch cỏ vạch lau đứng dậy
Giơ tay chào những công trường.

Chúng ta đi nắng lửa cháy lưng,
Chân nẻ toác trên đá rát,
Mồ hôi lặn từng tấc đất,
Tay không nặn những con đường.

Cây mọc trên rừng
Rừng không có lối,
Chỉ có gió lùa sớm tối
Con vượn leo lên
Con chim bay lên
Ta không là vượn
Ta không là chim
Ta cũng leo lên
Chặt gỗ về làm tà vẹt
Rách da tím thịt
Sốt rét rung giường.

Cầu sập xuống sông
Nước trôi loang loáng
Đôi bờ cát trắng
Mười năm nhớ nhau
Sóng cả sông sâu
Cầu chìm đáy nước
Tay ta làm cần trục
Nhấc cầu qua sông
Lấy lối cho tàu chạy.

Những người hôm nay cầm máy
Hôm qua còn vác cày
Phi bỏ hai bàn tay
Trong nhà thẳng địa chủ
Mọi thứ còn bỏ ngõ
Trên công trường thành thị
Dắt máy như dắt trâu
Lửa điện lóe trên đầu
Ánh những bàn tay giải phóng.

Đời dân ta mỗi ngày mỗi lớn
Bước đi từng bước khổng lồ,
Đem những giấc mơ
Biến thành sự thực
Thành bù loong đình ốc
Gá lấp lại cuộc đời.

Thực dân làm hai mươi năm
Ta hoàn thành trong bốn tháng
Mỗi ngày thi đua cách mạng
Bằng mấy chục ngày thường
Ta nắm cổ thời gian
Quất cho ngựa phi nước đại.
Kéo ngày mai gần lại
Thúc vào lưng cuộc đời
Mở máy đến chân trời công sản.

Tiếng còi rúc gọi trong ánh sáng
Mời tất cả lên tàu.

02-1956

CHA TÔI

Đất quê cha tôi
đất quê Đê Thám
Rừng rậm sông sâu
Con gái cũng theo đòi nghề võ

Ngày nhỏ
cha tôi dẫn đầu
lũ trẻ đi chăn trâu
Phất ngọn cờ lau
Vào rừng Na Lương đánh trận
Mơ làm Đê Thám

Lớn lên
Cha tôi đi dạy học
Gối đầu trên cuốn *Chiêu hồn nước*
Khóc Phan Chu Trinh
Như khóc người nhà mình
Ôm mộng bốn ba hải ngoại
Lênh đênh khói một con tàu
Sớm tối
ngâm nga mấy vần cảm khái

Đánh nhau với Tây

Bỏ việc

lang thang

vào Nam

ra Bắc

Cắt tóc đi tu

nhưng quá nặng nghiệp đời

Gần hai mươi năm trời

Tôi vẫn nhớ lời cha tôi cháy bỏng

Dạy tôi

làm thơ

ước mơ

hy vọng

Những câu Kiều say sưa

đưa cuộc đời bay bổng

Tiếng võng

trưa hè mênh mông

"Phong trần mài một lưỡi gươm

Những phường giá áo túi cơm sá gì".

Nhưng công việc làm ăn mỗi ngày mỗi khó

Cuộc đời chợ đen chợ đỏ

Thù hận con người

“Muốn sống thanh cao
đi lên trời
mà ở
Mày đã quyết kiêu căng
Niu lấy cái lương tâm gàn dở
Dám
không tôi
như chúng tao
Suốt đời mày sẽ khổ”.

Quan lại trù cha tôi
cứng đầu cứng cổ
Người “An Nam” dám đánh “ông Tây”
Mẹ i eo dẫn vật suốt ngày
Chửi mè, mắng chó
“Cũng là chồng là con
Chồng người ta khôn ngoan
Được lòng ông tuần ông phủ
Mang tiền về nuôi vợ”.

Bát đĩa xô nhau vỡ
Cha tôi nằm thở dài
Anh em tôi bỏ cơm
Hai đứa dắt nhau ra đường tha thẩn
Trời mùa thu trăng sáng
Sao nở như hoa
Không biết Ngưu Lang trên kia
Có bao giờ cãi nhau cùng Chức Nữ.

Rồi cha tôi
 lui tới nhà quan tuần, quan phủ
Lúc về
 gặp tôi
 đỏ mặt
 quay đi

Một hôm
 tôi thấy chữ R.O¹
 treo ngoài cửa

¹ Đại lý thuộc phiên.

Cha tôi không dạy tôi làm thơ nữa
Người còn bận đếm tiền

ghi số

Thình thoảng nhớ những ngày oanh liệt cũ
Một mình uống rượu say
Ngâm mấy câu Kiều

ôm mặt khóc

Tỉnh dậy

lại loay hoay

ghi số

đếm tiền

Hai vai nhô lên

Đầu lún xuống

Như không mang nổi cuộc đời

Bóng in tường vôi

im lặng

Ngọn đèn leo leo ánh sáng

Bóng với người

như nhau

Mùi ẩm mốc, tiếng mọt kêu cọt kẹt

Ở chân bàn

hay ở cha tôi?

Cuộc sống hàng ngày

nhỏ nhen

tàn bạo

Rác rưởi gia đình

miếng cơm

manh áo

Tàn phá con người.

Những mơ ước thời xưa

như con chim gãy cánh

Rũ đầu chết ngạt trong bùn

Năm tháng mài mòn

bao nhiêu khát vọng.

Cha đã dạy con một bài học lớn

Đau thương

kiên quyết làm người!

07-1956

NHÂN CÂU CHUYỆN MÃY NGƯỜI TỰ TỬ

Độc báo *Nhân dân* số 822

Có đăng tin mấy người tự tử

Vì câu chuyện tình duyên trắc trở

Đêm mùa hè nóng nôi

như lửa

Tôi ngồi làm thơ

Vừa giận, vừa thương mấy người xấu số

Chân chưa đi hết nửa đường đời

Đã vội nằm im dưới mộ

Cuộc sống cho dù lắm mưa

nhiều gió

Nhiều cay đắng xót xa

Cũng còn đẹp gặp vạn lần cái chết

Chết là hết

hết đau

hết khổ

Nhưng cũng hết vầng trăng soi sáng trên đầu

Hết những bàn tay e ấp tìm nhau
Len lén, bước chân hò hẹn
Bây giờ gặp gỡ nơi đâu?
Dù có chết cùng nhau
Cũng vẫn là chia tay vĩnh viễn
Trời đâu xuân mây vẫn bão chuyển
Có lạnh không?
Tôi biết hai người khổ lắm
Còn gì buồn bằng không được yêu nhau
Nhưng sao lại chết?
Nhà đạo đức vượt hàng râu mép
Hạ kính
lắc đầu
chép miêng
"Hòa bình chủ nghĩa"
Tôi không nghĩ vội vàng như thế
Tôi đã từng yêu
từng đã khổ nhiều
Nhưng không thể tán thành cái chết

Tôi không thích loại cúi đầu theo số kiếp
Không sống cùng nhau
Thà chết cùng nhau
Con người ta cần cứng một cái đầu
Chọi nhau cùng số kiếp
Cắn răng vào cứ sống cứ yêu
Khi Lương Sơn Bá tương tư trên giường bệnh
Ngày một vớ vàng
Ôm bóng người yêu mà chết
Khi Chúc Anh Đài xăm xăm vào huyết
Theo nhau cho trọn lời nguyện,
Cả rập lặng yên
Những chiếc khăn tay đầm đìa nước mắt,
Sự thật cuộc đời đắng cay hơn nghệ thuật,
Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài
Sống không được yêu nhau,
Chết còn được hóa thành đôi bướm,
Nhưng mấy người tự tử
Xác bây giờ mục nát dưới mồ,
Biết ai thương họ?

Có phải vì chúng ta quá yêu người cũ
Mà quên người sống bây giờ?
Có phải vì chúng ta mất nhiều trong
Kháng chiến,
Nên chủ trương tiết kiệm lòng mình?
Có phải vì chúng ta muôn việc rối tinh
Đành xếp lại chuyện mấy người tự tử?
Lịch sử trải qua bao nhiêu đau khổ
Những người chết thiêu trong lửa
Những người chết gục trong tù
Những người chết treo trên cột
Tùng xẻo lảng trí
Rỏ máu trên bàn thờ nhân loại
Cho con người được làm người
Cho con người được yêu được sống

Tôi muốn gào lên cho đến khi lạc giọng:

"Không gì đau thương

bằng

mất một con người

Sao họ lại đưa nhau đi tự tử

Có phải họ không bằng lòng chế độ

Bất mãn với cuộc đời?

Không!

Họ chưa hai mươi

Cô bé hôm nào mới lớn

Soi trộm vào gương, thấy má mình hồng

Nghĩ đến chuyện lấy chồng

đỏ mặt

Người con trai ngồi trên gò đất

Thối sảo gọi người yêu

Làm nằng chiểu

dừng lại

Lúa đương thì con gái

Cũng thấy rộn trong lòng

Xôn xao gió thổi

Đầu sát bên đầu bàn chuyện tương lai
Thôn xóm tan dần bóng đen địa chủ
Cuộc đời như ánh trăng mỗi ngày một tỏ
Sáng bừng lên

trong những chiếc hôn đầu
Chế độ ta không cấm họ yêu nhau
Mà sao họ chết?

Người công an đứng ngã tư
đường phố

Chỉ huy

bên trái

bên phải

xe chạy

xe dừng

Rất cần cho việc giao thông.

Nhưng đem bực công an

máy móc

đặt giữa tim người

Bắt tình cảm ngược xuôi

Theo đúng luật đi đường nhà nước

Có thể gây rất nhiều chua xót

ngoài đời

*

*

*

Ngày Phất đàn vừa rồi được nghỉ

Tôi đến nhà Văn Cao

Hai đứa rủ nhau

đi ăn thịt chó

Văn Cao vốn là người nề vợ

Ăn xong mua một gói về nhà

Tôi bỗng giật mình,

(nhưng không để lộ ra)

Người chủ xé thơ tôi

gói thịt

Ngay lúc đó tôi chỉ còn muốn chết

Như đại như điên tôi oán đất, oán trời.

Nhưng hôm nay tôi chỉ oán mình tôi

Thơ tôi bị cuộc đời ruồng bỏ

Vì tôi đã ngủ quên trong chế độ

Vẽ phấn bôi son, tô toàn màu đỏ

La liệt đầy đường hoa nở

chim kêu

"Tốt tốt!

xà và!

tốt tốt!"

Qua thơ tôi
Cuộc đời như hết chuyện
Có thể khoanh tay yên trí đi nằm
Như Thượng Đế bước sang ngày thứ tám
Không! Không!
Bóng những ngày xưa u ám
Còn lớn vồn che cuộc đời như gấu ăn giăng
Cái cách đột năm
Tôi có qua thăm nhiều thôn xóm
Những cây lúa cúi đầu dưới ruộng
Đã ngẩng mặt lên trời
Mơ ước mấy nghìn đời
biểu tình trên dây thề
Lũy tre làng phới phới bay xa
Mở rộng cửa đón những ông chủ mới
Ruộng đất nông dân được đội về cời trói
Nhưng còn tìm
còn óc con người?

Giữa năm Cộng hòa lớn khôn mười một tuổi
Vẫn còn lọt lưới

 nhiều thói "an nam"

Dán nhãn hiệu

"Made in Cách mạng"

Ngang nhiên xúc phạm con người

Đẩy họ đi tự tử.

Phải quét sạch mây đen

 cho chân trời rộng mở

Chặt hết gông xiềng

 cho những cánh tung lên

Ngày và đêm

 mộng bay đầy cuộc sống

Khát vọng theo khát vọng

Không gì ngăn cản con người.

Hà Nội, 06-1956

Bài thơ đến đây, đáng lẽ là chấm hết
Nhưng tác giả đọc cho mấy người quen biết
Thấy cần tái bút đôi lời
Một anh bạn chửi tôi:
"Hết chuyện rồi sao
Mà lại đẽo đến chuyện người tự tử
Ngậm mực phun đen chế độ".
Anh bạn ơi!
Tôi khuyên anh
Không đẹp gì cái lối vu oan giá họa
Ném bã rượu vào nhà người
"Trăm năm bia đá thời mòn
Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ".
Lịch sử luôn luôn duyệt lại
Không ai lừa được cuộc đời
Rồi các anh sẽ phải trả lời
Trước tòa án ngày mai.

Mấy thằng bán rế ông cha đi làm chó

Đánh hơi gặt gù

“Lại một anh làm thơ bất mãn”

Lên la xán đến gần

Hoa tay múa chân

Rêu rao miền Bắc

Trong kia miền Nam

thế này

thế khác.

Cút đi ngay! Đừng giờ trò kiếm chác

Ăn bần sù càn

Đất nước trong khó khăn

Đối với chúng ta càng yêu càng quý

Con thương cha mẹ

lúc ốm

lúc đau

Chén thuốc múi chanh bảo nhau chạy chữa.

Tôi chưa quên những ngày qua đau khổ

Kiếp sống nặng trên vai

như một án tù

Cắt tóc đi tu

tu không trọn

Thuốc phiện dấm thanh không thoát nợ đời

Mười tám tuổi già hơn ông cụ

Tôi đã biết thế nào là tự tử

Nên tôi yêu tha thiết cuộc đời

Càng yêu cuộc đời

tôi càng yêu chế độ

Chế độ của tôi.

Sống để bụng

chết mang theo dưới mộ

Nhưng yêu thương

không có nghĩa là tụng kinh gõ mõ

Bán đầu cù là

Xoen xoét "vì Đảng vì Dân"

Để lừa Dân lừa Đảng

Cuộc đời đòi hỏi người làm thơ can đảm
Vạch mặt những con sâu cách mạng
Ẩn núp trong nếp cờ
Đội mũ đi hia,
Phè phỡn trên lưng chế độ.
Tôi trở lại chuyện mấy người tự tử
Họ đúng hay sai,
thôi để họ nằm yên ngủ
Dù khen dù chê
họ cũng đã chết rồi
Nhắc nhở chúng ta nhiệm vụ với những người
còn sống
Phải hiểu
Phải yêu
Phải trọng
Con người...

Hà Nội, 07-1956.

TRĂNG MẬT

Sum họp rồi cách xa
Cách xa rồi thương nhớ

Đời sao toàn gặp gỡ?
Đời sao toàn chia tay?

Mười năm tình không cũ
Thương nhau vừa hết ngày

Trăng mật
trường kỳ
như kháng chiến

MƯA NGÂU

Ba năm về thăm vợ
Đôi bờ ngồi trông nhau
(Mưa hè dâng nước lũ)
Mắt không đi bằng cầu

Ôm suốt một đêm tròn
Yêu nhau trong bóng nước
Sớm ba lô lên đường
Mắt mờ không rõ bước

Nắng hè mà mưa ngẫu.

Già rồi trong đêm
Anh tìm căn tay anh trong bóng tối
Anh còn anh nữa không?

Chán nản như giữa đường chiến đấu
Không còn tin lý tưởng của mình
Cổ họng mơ lưỡi dao sắc ngọt
Mất em mất hết cuộc đời

Con chim hót
gió trên cành nhảy nhót
Xôn xao
lá xanh
Tà áo cửa mình
lưng lay phở bướm
Tiếng phát thanh ồn ào

Đỉnh núi Ba Vì

xa mây phủ

Hoa gạo đánh hồng

soi má xuống lòng sông

Đôi miệng trẻ tìm nhau

ban ngày

trên ghế đá

Ôi! Chết làm sao khi cuộc đời đẹp quá.

Một ngọn cỏ

rủ anh vào kỳ lạ

Thôi chào em

Chào đêm.

DU

Em đập đu lên cho bổng
Lưng trời chỉ có hai ta
Tóc xõa tìm nhau
Áo xòe cánh ừ
Dải thắt lưng bay ngàn sợi tơ hồng

Anh ước tình ta
Như cánh đu ngày hội
Tron đời thổi vút lên cao

Ngày xưa
có hai người yêu nhau
Rướn cánh đu bay bay bổng
Chót vót lên cao
không thấy về

Đêm ấy một nhà thiên văn học
Thấy hai ngôi sao mới trên trời.
Ngỡ ngác lục chỗng sách cũ
Tra tìm mãi mắt không ra.

THU

Nửa đêm lá rừng mình thức giấc
Heo may rồn rợn mặt hồ
Vũ trụ đương có gì muốn nói
Trời trong xanh như con mắt mở to
Lá rụng đưa chân ngày cũ
Tiếng chổi khua mặt đường
Mùa thu về song những khung cửa ngỏ
Se se cánh chim
Tháng Tám lòng người mênh mông nước lũ
Cách mạng như tình đầu

Nước Hồ Gươm ngơ ngác
Bờ phượng mi dài chớp rung xao xác
Em lên công trường
Tóc xòa bay như khói.

BÀI THƠ TRÊN GHẾ ĐÁ

Đêm mùa thu, gió cả
Mưa không có nhà

Hai người nghiêng trên ghế đá
Vũ trụ trưng thu làm của riêng

Một áo che chung
Đôi lòng nhích lại
Mái nhà nào ấm bằng

Hai miệng chạm nhau
Chớp đảo chân trời lóe sáng.

Ghế đá rùng mình
Lần đầu tiên trong đời
Bỗng chán cuộc đời làm đá

Hồn ghế đá rú nhau
Từng đôi từng đôi
Tay khoác tay tâm sự
Đi suốt đêm không ngồi

Cây trút lá gửi tình hôn mặt nước
Mưa gió buồn cũng rú nhau đi.

BÁT NƯỚC CHÈ XANH

Lá xào xạc tìm nhau trên hè vắng
Đêm khuya gió thổi rộng mặt đường
Góc phố ánh đèn leo lét nằng
Ấm lòng bát nước chè xanh
Hăm khói thuốc lò
Say như uống rượu

Nhớ một giếng làng
Nước khơi thăm thẳm
Những đôi chè hoa trắng
Đôi chim cuộc đời xù lông
Khí mằm mằm nhú trên ngực đất
Vú lá đâm chồi
Mối tình đầu thơm mùi lúa.

Ngày hai đứa mình còn nhỏ
Soi chung bóng nước chè xanh
Khúc khích
uống nhau vào trong bụng
Mấy tháng trời lo có mang

Mặt trời bỏ quên vàng trên ruộng lúa
Đường mùa rơm phủ ánh trắng
Mặt cối tung những chùm sao lạc
Rơi vào yếm ai
Bát nước chè xanh câu hát

Hai đứa không lấy được nhau
Bờ Việt Trì sông chia mấy ngả
Cây đa, bến cũ, con đò.
Ôi! Những chiều nắng quái
Trán nhọc nhăn triu bóng trên tay

Bát nước chè xanh

khói bay

mềm mại

Như tóc thờ em còn con gái

Chút tình quê mát lòng

Nâng bát nước

Thấy xa chìm ánh điện

Tiếng xe tiếng máy ồn ào

Bóng những tà áo bay uyển chuyển

Lúa kéo về trên đường

Phấp phới như cờ bay rợp phố

Bóng chè xanh dịu trên đầu

Mắt ai long lanh giếng nước

Hồn quê hương vỗ về.

**KHÚC HÁT CỦA
NGƯỜI LÀM THƠ VÀ
NGƯỜI THÙY THỦ**

Gió đi về từ phương nào xa

Gió nói gì với nắng

Quê hương ta

 bao la

Không tiếng gà gáy sáng

Không lũy tre đằng ngà

Ta bỏ bao nhiêu chân trời đằng sau

Đói khát những chân trời đằng trước

Cánh buồm nghiêng nghiêng con nước

Sương sớm gọi gió chiều

Ôi! biển thân yêu
Bốn mùa mênh mông sóng vỗ
Quê hương của những người không biết sợ
Bồng bềnh mặt nước chân mây
Gió đông rồi gió tây
Biển xanh rồi biển tím
Ngửa mặt đối trời sao trò chuyện
Gió rì rào đưa tiễn chân đi
Nghe tiếng cá gọi nhau
Giữa lưng chừng nước rộng
Sóng vỗ ru mạn thuyền
Đã mời cánh chim
Đã chìm ngọn núi
Chỉ có mình ta
bạn với
nước trời

Qua những ngày thu xanh như câu hát
Qua những ngày giông bão hãi hùng
Vũ trụ cũng ôm đầu kinh sợ

Tiếng gió xa khơi
Chân trời nhắc nhở
Giục giã lên đường
Từ biệt những bến bờ bình yên xưa cũ

Ôi! những người làm thơ
Ôi! những người thủy thủ
Thèm mênh mông như má một người nào
Lồng ngực rộng sớm chiều đón chờ
Mắt vô cùng vọi vọi nhớ trời cao
Đắm đuối không gian
Và phải lòng biển cả.

NHỮNG CÁNH BUỒM MÙA THU

Những cánh bướm nghiêng như cánh bướm
Phơi mình trên đồng biển nhấp nhô
Gió đa tình cúi hôn ngực sóng
Bướm giật mình vỗ cánh lô xô

Nắng hoa cúc nở khuy vàng áo cát
Buồm chớ trời xanh thu ghé hỏi bờ

THUỜ XANH HAI

Không ai chọn đất mình sinh đẻ
Như không ai chọn mẹ chọn cha

Tôi trở về nơi tôi tuổi nhỏ
Một tỉnh thương du bụi đỏ
Bến Âu Lâu sông Hồng
Nhận ra tôi
 chỉ gốc cây gạo cụt
Tạm ứng nửa trời hoa trước đón nhau

Một em gái nhìn tôi bờ ngõ
Ngày nào anh còn mua kẹo em ăn
Dung dăng dắt tay em ngoài phố
Mới hơn mười năm trời
Em xa lạ gọi tôi bằng bác
Văng trán lạnh dăm nếp đau ngơ ngác
Hỏi thăm đôi sợi tóc vô tình
 sớm bạc vì đâu

Có đủ dài sông Ngân
Cắt chúng ta bờ hai thế hệ

Em bỗng cười như nắc nẻ
"Em nhận ra anh rồi
Sao anh mau... trẻ thế".
Và thoăn thoắt xuân vút cao đà nắng
Em giờ tay rất quân sự chào tôi
Ai đánh rớt những cánh hôn hồng cỏ dại
Hoa mười giờ
môi con gái chín cây

Em dắt tay tôi đi chơi
Giữa vườn sao nở sáng
Như tuổi em chưa mười tám
Như ngày nào dĩ vãng
Sống lại dần từng phút quê xưa
Có phải em nhận ra tôi
tôi nhận ra thơ nhỏ
Thuở xanh hai
mình lại ra đời

HOA MƯỜI GIỜ

Em hái hoa mười giờ
Hoa thì em mười bảy
Tim tím em chả thấy
Hoa chỉ hoa mười giờ

Anh trồng hoa mười giờ
Hoa mở vườn em hái
Mắt đuôi chớp xuân về
Hoa chạy hường lên má

Hoa em đến hoa má
Thơm má hoa mười giờ

Mưa rửa đến
Hoa tuổi trắng lau quên

1965

CHIỀU BÍCH CÂU

Cột đèn rớm điện
Là chiều Bích Câu

Rằng tiên xuống trần
Rằng ta gặp nhau

Lạnh giờ em đâu

Khói lay mái chùa
Mà ngõ tên em
Mở ơ đá vỡ

Ba hồi ngân chuông

Có nhớ có thương
Thì rờn tóc xuống
Mây trắng ngàn năm
Ơi em cố tích

Mùi mưa xưa
lòng chưa tạnh
phổ nhau đâu

ĐÊM

Bước đệm

đưa tình

xanh khúc phố

Nốt chân xuân

đàn cò lạ

phím lửa

Chập chững dương cầm

bè lạc

ngã tương tư

1971

QUÊ TÂM XUÂN

Em như tấm bản đồ thân chữ nổi
Đất anh lần mò nguyên quán tâm xuân
Thời gian mù bạc đầu lau ăn lồi
Đào vô tâm

neo buột nhớ

mưa dầm

1972

VƯỜN MÀU

Tuổi dạy pastel phổ lựa
Tranh Gauguin chiều thổ cẩm phơi đào
Đường nắng cánh sen đèn hội má
Vườn màu con gái

bướm phù dâu

1972

ANH Ở LẠI

Nắng rũ áo mộng đồ neo bến nhỏ
Lá bỏ cành trời rút én xanh lìa cây
Chiều ngậm mãi một nỗi chim rời tổ
Ga Vọng
thu khuya ai xổ hồi còi

Anh ở lại
phố nghèo xuân biết má hồng xiêm em ngọt
Quả môi thơm đầu mùa
Vườn ổi hương chim thương
thường đến ăn hạt nhớ
Mái à ơi mưa nguồn
Mì khép góc phòn đông
B52 Cổng Trắng

Anh ở lại

phổ già tóc đên em lặn lội

Như câu thơ bách niên

đương thì chín tới

Mỗi năm

lần hoa mới nghĩa mùa xuân

Chữ em thôi

một đời

chưa đi trọn hành trình

NHỮNG CÁI HÔN

Những cái hôn gửi đi
Nổi đỏ chiều hoang di thực
Biển đục chiều sương lau còi tàu

Những cái hôn gửi đi
Trun trút gió sang sông
Sều gọi đồ ngang nước đổ
Dài yếm đào gãy cầu

Những cái hôn gửi đi
Biển biệt phù sa
Đất hên má mùa nắng lạ
Vườn đôi ai nhạt lá ô môi

MÙI SÀU RIÊNG

Mỗi lần em về
Má thơm cỏ núi
Rồi em lại đi

Mỗi lần anh về
Mặt đen gió muối
Rồi anh lại đi

Mỗi lần em về
Mỗi lần anh về
Lại đi

Lại đi

Một mùi sầu riêng
Trắng hai đầu nước.

SÁNG SOI

Anh mang tình em đi
Qua những đèo lè nằng
Những sông trưà không đò
Những đường mưa ngấn trắng

Anh mang tình em đi
Qua những đồi sim chín
Những sắc cây mơ già
Mưa rừng hoa mùa tím

Anh mang tình em đi
Qua những mùa đất lạ
Những sớm chim dị hình
Những chiều sương bạc má

Giông gió mù trời
em bóng sáng soi.

CHI... CHÀNH

Chi chi chành chành
Chữ đánh thối lửa
Cấp kể đi tìm
Ta vẫn đi tìm
Ta đi mò chân

Em ơi cho anh
Mượn con ngựa gỗ

Gió ú đầu ga
Mưa òa thiên hà
Bóng chim sơn tiêu
Chiếc lông ráng chiều
Ta ra biển cạn
Ta vào biển Đông
9 gác Lãn Ông¹
Lòng xanh xuân chờ
Gió mùa xổ cửa
Tim đèn rong khuya

¹ Lê Đạt ở số 9 phố Lãn Ông.

Mai sau ta chết
Ai đó đừng quên
Đưa ta dăm đồng
Để ta ăn đường
Để ta sang sông
Để ta đi tìm
Chi chi... chành chành.

ÁT CƠ

Anh tìm về địa chỉ tuổi thơ

Nhà số lẻ

phố trò chơi bỏ dờ

Mộng anh hưởng

tim môi em bói đồ

Giàn trâu già

khua

những át cơ rơi...

TÌNH HOA

Em tặng anh bông hoa

Tình hoa em chắt tặng

Hương về hoa ngổ thơm

Hoa giấu lòng hương vắng

Hoa kẻ giường

hương trắng mấy đại dương.

BÔNG CHỮ

Chia xa rồi anh mới thấy em
Như một thời thơ thiếu nhỏ
Em về trắng đầy cong khung nhớ
Mưa mấy mùa

mây mây độ thu

Vườn thức một mùi hoa đi vắng
Em vẫn đây mà em ở đâu

Chiều Âu Lâu
bóng chữ đông chân cầu.

THU NHÀ EM

Anh đến mùa thu nhà em
Năng cúc lăm rằm vũng nhỏ
Mà cho đầy rửa lông mày
Nông nổi heo may từ đó

Mưa đêm tuổi nổi ao đầy
Đôi cốm đường thon ngõ cỏ
Bướm lượn bay hoa ngày
Tin phấn vàng hay thưở gió

Tóc hong mùi ca dao
Thu rất em
và xanh rất cao.

EM ĐẾN

Em đến

áo lụa

trời bỗng sau mưa

Mắt van niên thanh

trưa hồ thủy

Nắng lục giàn mi thiên lý

Tóc hè

nghe ngờ ngờ may thu.

TRƯỜNG SƠN

Bom bi bom bi

Bom bi

bí bom

Xe đi

xe đi

Cầu mở phao sông

Phà à à sóng

Bom bi

bí bom

Xe đi

xe đi

Bom bom

bon bon

Dáng xoan một con.

QUAN HỌ

Tóc trắng tằm xanh qua cầu với gió

Đùi bãi ngô non

ngo ngó sông đây

Cây gạo già lơ lửng lên hiệu đỏ

La lá cành

cởi thắm

để hoa bay

Em về nói làm sao với mẹ.

*

* *

Em trường nét gấm thon bình cổ đại

Mình Lưỡng hà

thoai thoải

vú Đông Sơn

Ước gì

nhỏ đẩy bằng con giống

Bò tui đi cùng

ta phổ bông tình bông

NHỊU TÌNH

Sự đẳng ngà

tâm tuyết trắng

dưa lê

Vườn truyện ngọt

Đàn tử non

âm hé cong mỏ hót

Lòng nhịu tình

ngôn ngữ loài chim

TRUNG DU

Tháp Gò-tích núp đôi trưạ thờ nằg
Chuông ngân chìm
 thân trắng
 bướm cựa mình
Lửa gạo thấp hoa đèn soi cỏ lạ
Mây Sơn Tinh
 nước cả
 ngã ba tình.

PHÀ ĐEN

Công trường nắng tháng năm bụi khát
Chiều phà đen môi cặp bến em hồng
Má vôi nồng
 thơm vị lá mơ lông.

GỐC KHẾ

Khi gió mùa anh đi
Sang sông tìm nắng khác

Để mẹ già tóc bạc
Lưng còng trên gậy tre
Để người yêu ngơ ngác
Gốc khế xanh đầu hè

Ba năm anh không về

Mẹ già anh ngơ ngác
Lưng còng đau gậy tre
Người yêu anh đốm bạc
Tóc khế xanh đầu hè

Ba năm anh không về
Ba năm rồi ba năm

Mẹ anh thành nấm đất
Người yêu anh cũng đi
Gốc nửa ngày khế chết
Sốt bóng hoa mơ chờ...

THANH MINH

Lúa con gái
 lam rừng rình nổi gió
Lá hát tình
 nặng tỏ
 bạch đàn chanh
Nợ cũ khối xương rồng hoa trà đỏ
Hương thấp gọi ba lần
 không đáp lửa
Hồn có nhà
 hay bắt mộ đi xanh

PHỞ XUÂN

Xuân một năm đi đâu
Chiều xanh
 xuân xịch đến
Không kịp ra đón tàu

Hoa cửa tha thẩn đèn
Chả quen
 mà cũng hẹn
Ô muốn đèo bé đời
 sau xe đạp
 xoan chơi

Phố thì thì con gái

HÁI HOA

Anh rưng anh hái hoa
Hoa lúm hoa bông thắm
Hoa bông môi thật hồng

Em đùa em lấy chồng
Hoa cho bông chết đắng

Anh lòng anh hái hoa
Hoa hái hoa bông thắm
Hoa bông hoa rõ hồng
Hoa hồng bông hồng bông

THÙY LỢI

Em vỗ lòng anh
Một dòng nghĩa nặng
Đất xưa cò đặng
Heo may trắng đồng

Nay mùa đông lúa
Ngô bông bông con
Nay đàn chữ lợi
Lá ô xòe đường
Nay hoa đơm lối
Bướm vẽ văn công

Một đàn ngày trắng phau phau
Bì bạch bờ xoan nước mát

Mộng hoa dâu lúm lúm má sông đào

SÔNG QUÊ

Bây em én
 tin xuân
 tròn mấy áo
Hội kênh đầy
 chân trắng ngấn sông quê
Nắng mười tám
 má bờ đề con gái
Cây ải cây ai
 gió sải
 tóc buông thề

Ông lão trạm bơm
miệng o tròn
 ria chớp nón
Ô trời
 lòng cổ thụ bỗng tình tang

Máy kéo gặt xứ đồng tơ ơ cỏ
Nghe sắt buồn lưng sáo đá xon xon

QUÁ EM

Có phải vì quá em
Đứng ngồi
anh vẫn em đôi mắt
Đứng ngồi
anh vẫn bắt em xa

Từng thớ thịt
Anh sống em trọn hẹn
Chỉ bóng anh
ò e
xe Văn Điển
một mình

Anh vẫn hôm em
Phố đời đông động
Cửa đèn
môi men má nắng
Trời mệnh chim
Tu huyết yêu

QUEN... LẠ

Em đứng đỉnh ban ngày
Áo bướm cong nét nắng
Em đứng chéo vòm đêm
Tóc vườn xanh góc mộng

Phố cũ ồ lên đèn
Cả chữ buồn cũng vui

Xuân mỗi lần mỗi quên
Xuân lần xuân mỗi lạ
Tóc hoa đèn

tìm lần giờ trang em

MỚI TUỔI

Ai xui em đẹp em xinh
Ba lần con thiến gáy
Mùa xuân phăn phăn lòng đường
Em vừa mới tuổi
Tà áo bay sao phố bối hồi trời
Bâng khuâng thời gian

Chữ khép lối đôi chim non câu ngủ
Trang tâm xuân
 cau chưa mở nụ ngà
Bến cửa ngực đèn lòng ga trắng rồi
Ngõ trắng bởi hơi mây nổi
U ú thiên hà
 tàu nhà khói
 ngã ba

VÀO HÈ

Sớm hạ búp sen đôi gió
Sóng dòng buồm nhấp nhô thơm
Tóc liễu trường tân thơ cổ
Trời xanh cô ban rất Đường

Anh đời bến nước tên em mát
Đội mắt em qua mây nắng rõ
 Ơi em rất ô
 Ơi em rất hồ
Trắng vổ ỗ hô trúc bạch
Bước động ngày thon róc rách

THÙY MẶC

Mây may thu mắt thúy mặc hồ
Nét thảo biếc đậm mây quá khứ
Nắng nhạt bước thon hè tình sử
Jin xô dài
 khăn chấm đỏ
 bụi mưa

MƠ NGÀY

Một thoáng nắng hồ mưa ào phố
Mini hồng mây rần lửa khăn bay
Tàu điện đỏ đáy hồ chuông tuổi nhỏ
Ngã tư may
 đường truyện cổ mơ ngày...

TRUYỆN BỒ CÂU

Nước rửa lông mày
 anh tươi tâm cây
Vùng lửa hạn
 mắt lá ngày rằm mát
Măng cầu
 chim huyền thoại
 truyện bồ câu

NỤ XUÂN

Nụ xuân chớp đông
 hoa xuân chợ hồng
Chùm cau tứ thì chùm chim
Ú ở mơ gần
 một giấc chim xuân
Chiều bóng mây
 hay mắt em rợp tím
Hè thon cong thân nằng cửa mình
Gió ngó tình
 xanh nín lộc
 giả làm thính

KÊNH CHỜ

Từ Bích Câu em biên biệt tin về
Thu mở mùa chim mây vỡ tổ
Mái thấp cao
 chiều ngổn ngang tần số
Đầu ăng-ten
 trời quê ngoại kênh chờ

TỎ TÌNH

Lòng mới ngò yêu
 tím ngọng nói
Lời tỏ tình chưa sáng sõi bình minh
Âm lạ phố ồn
 oanh bỏ đợi
Liều đầu cành
 độc thoại đoạn trường xanh

Em trung tâm nào
 Ngũ ngoại tìm anh

CHIM ỨC LỬA

Rouge gorge! Rouge gorge!

Dân ca Pháp

Em vụt đến như mảnh tinh cầu vỡ
Ơi con chim ỨC LỬA môi đỏ hồng
Thà đỏ đốt xứ đồng không anh nhớ
Một thoáng đào
 nhen mấy độ hồng
Sương khói Bích Câu chiều
 ai có giáng

CHÙA HƯƠNG

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Chu Mạnh Trinh

Chân đưa xanh tháp én bước lạc nhà

Bờ cầu u ơ nắng đỏ

Nước ngực triều dâng con nhớ

Phấn vàng chim thỏ thẻ

mơ non

Bến nọ hoa tròn môi đợi nói

Suối Giải Oan mưa ngân

Mâm oản trái rằm xuân cúng Phật

Lòng trần thơm mãi lộc chùa Hương

CẨM VẬN

Tại chiếc bài thơ em đội đầu
Cong cánh mi rừng chim vương sớm
Vòm sơn ca lồng nắng vẫn cài then
Tại bến nọ dòng em khép mộng
Kênh hoa sen

mùa cấm vận

môi đèn

THUỞ ĐẦU DÒNG

Anh dắt em đến cửa tình yêu
Mùa nhỏ xưa
Me dắt đến trường
Bài học vỡ lòng tuổi chớm

Trang vắng mưa đêm về sớm
Heo may rải đồng giấy non
Anh vực tay em
Be bé nét đồng
Ai có biết lòng mẩu tự?

Khuôn trắng
chờ xem mặt chữ
Gió se se hoa trinh nữ thẹn thùng
Thuở đầu dòng
đầu nhớ
đầu trông

ÔNG PHÓ CÀ NGỰA...

Khúc sung già cong chông rệ rừng
Mưa xả gân già dốc dựng

Cháu đồng chiêm lững chững
tuổi ngàn
quà đàn tuần mã
Khúc gỗ như sinh ra để ngựa...

Cảm thông số phận cây cỏ
hay ông già tồn chất gỗ
Thiên hạ danh xưng phó mộc

*

* *

Bạc phó cá
 dễ ít nhiều
 tạo hóa
 Cùng cánh thợ
 Kỹ thuật già
 mộng trẻ
 sòn sòn loài lạ
 đuôi rồng mặt hổ
 bờm bờm sư tử
 sơn lông thì hươu sao
 Rất mực tung hoành Xích thổ
 mà lù đù gỗ

Ngựa số
và không số
cổ ba ngàn
năm sáu
tiếp theo
Và cứ...

Lối mùa xuân rủ rê lớn
Con cu gù xanh
hay cao số ngựa cây còn
sự mọc

Lũ vật lớn bốc
Một đàn lốc nhốc
guốc khua cốc cốc
sơn bốn chân thò mọc
lộc ngọc
ngựa quăn cộc

Ơi cái dây thì của gỗ!

Một tay thang ghếch đầu quên
cửa mở
thông đồng trời
đập
vẫn cánh viễn du

* * *

Kiểm mắt hôm sau một ngựa

* * *

Lẳng lẳng ông già thang chỗ khác

* * *

Có phải đời ngựa rồi
cây vẫn nổi niềm
hoàng hôn tha thiết xanh
dặm vì sao đổi ngôi

E đường vân tâm cây
khi không phải thớ gỗ
biết đâu chẳng những ghi âm con trống
ơ tình
sớm ập xuân nào
cứ ai...
Cô trẻ thư người yêu tối qua
sớm khăng khăng ngựa chim hát
Hỏi ông già
ông già mái đầu
Chừng ông cũng đương chim hát
một ngày rất dĩ vãng

Ngựa lên mây,
mà nghìn tuổi cây
và một tiểu sử người

Ông già từng đâu
loài lạ

đời đường trường

Thì long

Thì ly

Thì sư

Thì hổ

Thì hươu

Thì anh cán bộ bảo tàng một hai

Thời ma-mút ngựa xếp hạng

văn minh Xahara.

Nghé nghiêng cô trẻ tay bồng vố

Giống cụ phó

Ông già tùm tùm
Ngựa là tính tôi

Cụ phó sinh năm Bính Ngọ
Hai bên lại có tin tìm hiểu
Bà kể chuyện dân gian
mọc mộng
bằng tuổi nước

Khớp khớp
Cái con ngựa ô

Cũng có thể ông Q. thợ trời
dăm ba chi tiết sửa đổi
ngày Chúa nhật...

Ông quyền trưởng ban cải tiến nông cụ
Hợp tác Rừng
Hay ông già bất giác
sự ngựa
ga Kỳ Lừa nào
Có người bảo
cụ biết mã ngựa.

Phép dưỡng gỗ đời nhận ra
mấy ai...

* * *

Nhất thanh thân vẫn là món trẻ
phốc tốc luôn mình ngựa
giật cương

Nhong nhong cắt cỏ Bồ Đề
Xứ xứ đồng chiêm nước bạc
đại lộ rừng chưa kịp tên
Cột cây số mơ ông
lại cột kilômơ (viết tắt km) cháu

Đường bụi trang lịch cũ
ếp ếp
đàn Thời gian...

ÔNG CỤ CHẮN DÊ

Ông cụ một mù dê phía núi
Ríu rít làng và khói xóm lưng

Mặt con chim hót
Thuở ông già nhập núi
gió cửa rừng với lạnh
Ơi! Cái hơi người

Lững vững
Ba lần thuốc ông châm
Mảnh tình lạc trời
Có quet đúng tẩu ông già gỗ sâng
mồi thuốc Mán bỗng rục
Ông rít hơi dài
Đàn dê bồm bẻm trắng
Mấy lũn cữn dê con
Chân tân tất trắng
vềnh râu thang gọi
Be he ông
Ông vuốt râu cháu nhỏ
đứa ông đón tay hạt muối
Bầy chiền lành có mộng
luân mùa đất hẹn
Chấn đàn râu nặng

Ông là ông cụ chăn dê
Lòng những nơi mẫm

Ông cái cò nương Voi
Cửa núi mình tơ tơ đẹp
Tia ngọn rừng non xoe lá tán
miệng nồn nà dê
Đàn dê ông nuôi Hợp tác
nhân như rừng...

Anh kể bố tức về
Biết phép tam suất
Đếm đi đếm lại
Một con dê trắng... hai con trắng dê
ba con dê trắng...
Dê hăng hà nghìn lẻ võ bạch đêm
Ơ những con A con B con C¹
con Dê
bàn trang trang trắng thảo thơm
Ông rén bước nhẹ
Mùa chẳng là xuân
Đất dậy men
Trời ghe xanh
Yếm trúc mấy măng đôi núm sừng bò
Mót xoan
Gốc lim mười năm sét đánh
Ngó ngoáy chồi tơ trái đào
gọi là tí xuân

¹Đọc là A, Bê, Xê.

Con đông thử
đất lòng nửa năm tu ngủ
hé dim mắt
ngáp cái xuân khởi động...
Bụng mồm xoan ba tháng
Rừng động xanh
Ai đừng được xuân
Mấy dê non buồn sừng húc gió
căng lên cõn lên
Be he xuân

Ông bắt quả tang cây bạch đàn

Nồi cơm phì

phưỡn bụng khi

Anh kể thì say ông già đơng lẫn

thì ông già khả khả

"Mùa xuân... mùa xuân

gạo nở"

Ngày lún phún nắng

Gió xông nhà đỏ hoa hí hờn

màu phong bao

Anh kể lên cây "xi-mi-li"

đánh mới nước lẫn đôi xăng đá

Ông cháu ta xuất hành hướng nào

Ria vắn về đằm chiều ông cụ
một câu khai bút
gặm sàn con hoa mơ bỗng

Ồ

Đét đui ông cụ nét hơ hớ
một sự sinh
tay ha hà phía mọc trời
“Hướng cục tác”
Ơ hời ngực son
phập phồng non nộn xuân
Con mái đuôi xòe ngơ ngờ
Chiều bạn chân đàn núi

gặm xanh đồng sao

Ông ngồi... thời gian
Trán bồi nếp địa tầng
Đêm vô cùng ông hàn huyền gì
Mãi trời
Chiếc tàu Mán khê rung
Có phải cần vô tuyến điện
Tút tít bên kia lúc lại bíp bíp về
Như tiếng chim bìm bịp đôi khuya
Ông hắt hơi thông ba lần
Chân ông con cún mực dương không động
leo lét mắt ánh sao ơi là xa
Nó anh em gì chó đằm chiêu Kim tự tháp
Năm trăm ngàn cát
nung nấu mớ mắt đá
Ông biết chờ...

*

* *

Dang cánh cửa trời xanh ông

“Chào bác”

Tức có hồi âm

“Chà... ào b... aác”

Trình trọng ông ngà mũ

Anh kể chợt à

Hai người chào ngôi thứ ba

Bông hoa mười giờ ai hẹn hò

Có người gọi hoa đồng hồ

Ông nghiêng bình toong nhưa Hàm Rồng

khà thôi nước lụt

tóc vòm lơ đãng trắng

Gối đầu tay hoa chờ

Ô sợi tóc tiên nào cù râu

Từng duyên nợ loài chim hiếm

Thời đồng đá đầu bay biển cạn

Tay hơi ai một chiếc lông đuôi

Nhip nửa cầu vồng
ngã tư áo giải nàng công chúa

Be he Be he

Từng tiếng đơn thanh gió
người khách du thấp thỏm chân trời
Nương sẵn chiều nhớ lửa
Con gà rừng gáy gọi

Ông lim dim
nghe im cửa máy mùa

Sớm nay nhìn gì
Đỉnh núi ông đứng
Ông đứng nhìn gì
Bây mười năm làm người
hòn đá trôi xuôi
Con mương nay mừng thuận ngược
Dâu chiêm rể mùa
Hai họ lúa đi tới tới
Ai thống kê bản Phương hoàng xanh đèo đôi
Vườn đồng bào xen như vui vườn trẻ
Trạm thủy điện nhỏ đầy tuổi tôi bật ngọn đèn
Cây me mũ thóp đỏ đầu nhà sinh

Ông đứng cả giờ

Ông vẫn đứng

*

*

*

Dân bản xì xào

Như đỉnh núi ít lâu nay nhô cao

Các cụ rằng

Sách chép Âm Dương vận hành

Trăm linh xuân

lần đá đê

điểm Đại Mùa

Chòm núi hình sương sớm ông cụ chẵn dê

Người ta gọi chòm núi

Ông cụ Chẵn Dê

ÔNG CỤ NGUỒN

Ông cụ quê đâu

Tên gì

Quen miệng... ông cụ Nguồn

Dắt ông cháu tiểu lịch chích trái đồng

Khăn gói mấy lần cổ tích

Ông già mù

Chuyện rằng...

người lại chi tiết

chi tiết nào cũng đẹp

cũng mùi

chính bâng khuâng ông cụ

hơn một lần xuýt xoa

không đúng thế là không đúng

Hai ông cháu tung tăng huyền thoại

trường kỳ hỏi nước

tìm nguồn

Mây trắng đồng dao đưa cụ xã Việt Hà
Đất đậu
xưa đàn cò là
Mùa hoa nắng
ban quản trị khách đãi trà bạch trúc
tuyết một lừng tiếng rừng

Cụ nhập ngum
Nhấn mắt
Trà thanh... nước tạ
Phủi quần ra hiệu cháu
không đoái hoài chiều rượu lùi
món già hùm
khói mâm đồng Lạc Việt
phập phồng một vị riêng quê
Đám trẻ rất sự mê
núi áo người đi
hai ba
mạch đòi thứ thiệt

Ông cụ khả khả râu
đứng bắt tay từng mộng trẻ
giọng bỗng trầm
“Các cháu đừng buông tuồng nước”

Trong thanh trắng
Ông nhìn phía bên kia vật
Tay lần mạch đất
như người lần mạch chữ
vượt biên thù cỗi biết

Nguồn nơi đang trong

Và khác người thuận trũng
mà giếng
Ông ngược cao
Rèo mùa xuân én hèn
cánh mơ đầu trắng
Lúc lại dừng bước
Tay áp ngực
trăm ngâm
tiếng nước tâm sự đáy
Người thâm canh sống

Mắt ông
bằng sóng sánh
như vì sao tắt ngàn năm
tắc lòng giờ mới thông tin sáng

Ông cầm giếng
Côn đất múp
Sừng gái mười bảy
Đào lút hai vầu cột cờ

Anh kỹ thuật đo
vừa loa
Mười chín... tám
Thì reo
Rồi ùng ục
Rễ nước đại thụ
tử sơ địa
mịt mù dã sử
phun sáng ngần
Đêm pháo hoa mừng tuổi nước

Một ngôi sao mới lớn
mãi gương mờ kỳ thi hoa hậu
vô ý lẫn tùm giếng
Đường Ngân Hà giọt giọt
niềm trần
lấp lánh

Non một chiêm bao
Giếng cạn chỉ hai mươi thước nước
gấu xuân
em mức mắt giếng thề

Một chị mẹ
Gái một con
Thon nở phì nhiêu
Mẫu tự xuôi
Vú măm
Tia ngó cần
Tăm
lòng giếng động

Bát nước tuổi đầu
tâm phau
khối bạch

Những năm đất hạn
Nước xót rì máu

Con trai con gái đổ xô giếng Cự

(còn tên giếng Sữa)

Kín nước

kín kín như hội Nhảy

Rồi nhiều năm

Vùng Rừng không thấy cự xuất hiện

Chứng ông cự về Nguồn

1970

EM ĐI

Từ bước em xa

xuân vắng nhà

Nửa phố gió mùa

mình hoa khép một

Nửa gối trắng soi

nửa buồng mưa dột

Nửa chiều buồn

ngiêng nhớ nửa giường

Ngõ thông lạnh ống sớ mi đường cụt

Cột đèn chột

chống một chân

THƯ KHÔNG NGƯỜI NHẬN

Đôi chim cu anh nuôi
Con trống mèo đen ăn thịt
Con mái vào ra một mình
Ấp lạnh bóng trắng rồi chết

Vàng hồ bay
thư không người nhận
gió trả về

HÁT ĐÔI

Tặng H.Linh và T.Đình

Em đừng lo anh già
Tóc hoa dù bụi trắng
Gốc trường xanh búp chờ
Vòm mai mơ bật nắng
Một đôi chim liu lo

Em đừng lo anh già
Câu xưa dù bụi trắng
Tay quàng xanh mình thon
Từng con âm hé nắng
Rủ rỉ xuân đầu đường

Sương những chiều buốt nắng
Những đêm tàn trắng sông
Chữ xưa dù bụi trắng
Múa bông em sân buồn

Anh dò thời những dấu hôn tro phủ

*

Em chẳng lo anh già

Em lại tung tăng

NGÀI

Chờ rửa lông mày chết cá ao anh

Ca dao

Mắt xưa xanh

mưa lành

sương liễu sóng

Mùa sang may

thu đánh ngài lông mày

Mây nổi trắng ao say

Ai ruốc mộng ban ngày

ĐẠO NHẠC

Sóng tháp bút

bước mờ trầm

âm lắng

Mưa búp măng

lưng phím nắng dạo ngân

Mình nước đập ngà

sông vỗ trắng

Nhựa nhạc phồng con nốt

khuông xuân

HÀ NỘI B.52

Đồng bào chú ý

Loài người chú ý

Địa ngục trắng Hit-Nixon xổng xích

Và Nôen Việt Nam

Những Jêxu mồ côi

bới đổ tìm hơi mẹ

Mỹ Giáng sinh

bom những mái lành

bom những giấc xanh

Mộng bạc đêm hầm

Ta không bao giờ quên những phố nghĩa trang

Sắc gạch rụng mưa

gió mùa Cổng trắng

Xác B.52

Thủy Khuê anh vẫn gốc đa chờ
Pháo thủ Thạch Sanh Hà Nội
Mắt chiến hào ai biếc ụ tầm xuân

Hăm có Nguyễn Du
trời tên lửa
Bia hồ liễu liễu mới Đường thi
Tóc súng tiến nhau đi
Nu nú ngông non
chiều lú bú
Xanh thênh thang
mùa bay mở
én ra ràng
F ẹp
F ẹp
B.52 ẹp

Em ơi!
mùa xuân
ta đi trồng hoa nghĩa trang

HOA NGHĨA TRANG

Sống khác làng
Chết cùng quê liệt sĩ
Đoi máu thay lời
Trang nghĩa trắng soi

Mai ngày anh không còn
Hành quân vui gió nắng
Đầu anh em nhớ trông
Một gốc hoa mận trắng
Để lòng riu riu cảnh
Nghìn bướm cười cánh nắng

Hoa tình hoa nghĩa trang
Hoa mơ hoa biệt động
Đáy lạnh lòng bắn khoản
Xòe nắng vui người sống...

TUỔI VIỆT MINH

Biết lập thu

Heo mị rài hổ

Biển thời mắt mùa xưa

Lá mách lẻo thư rừng. Thì la

Phổ ngàn chim

Tuổi Việt Minh

thu bạ̉m sáu bẻn cờ họ̉ng

Áo bướm phổ truyền đơn

Nắng rằm

má bông thơm mười chín

Rồi bóng em đi

bản đồ đất nước

Cổ tròn bay

hai dài tóc đuôi điều

Trời áo thà dài xanh chấm gót

Dép cao su lổp ngăn bụi ngày

Em! ô đừng heo may

LÝ BẠCH

Tiến tửu

chén với

trăng đầy hát

Rượu say mềm

sầu tình

hận không say

Thiên lý chữ tuôn lòng nhật bạch

Không tận xanh

thơ thở trắng trời

LIÊU TRAI

I

Em đăng ký hộ tim anh thường trú
Mùa mưa dầm em lại bỏ đi
Nhà trống cửa tâm thất ngỏ
Ai vẽ?
Tiếng lạ
 kho đồ đạc cũ
Âm ngữ vùng mắt ngủ
 bạc đầu

II

Tim đã hạ tình sâu đáy huyết
Mà thanh thiên
 ai bỗng hiện về
Ma người cũ
 nhập cùng ma tình chết
Mơ làm
 say
 tục viết Liêu Trai

BẠCH CƯ DỊ

Gái nhỏ cười thuyền nhỏ

Hái trộm sen trắng về

B.C.D

Cô gái trộm hái sen

về ù tuổi

Lóng khuy cài

gió cời

một dòng hương

Chân dại

bước e

tình ấp lồi

Bướm cờ non

màu í ới lòng đường

THU ĐIỀU

Cá đàu đớp động dưới chân bèo

Nguyễn Khuyến

Mộng đầu sông

mưa ngâu

thuyền bến cũ

Lòng đò đưa

đuôi con nhớ quẫy cờ

Cá đớp động bóng lay văng tuổi nhỏ

Phao chìm

câu giạt hững một tình khô

GỌI ĐÒ

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò

Tú Xương

Quên đã bỏ nhau đi

Bãi nhớ còn vũng lại

Con nước mưa cơn

tình lãp khôn đầy

Sao trũng mắt đồng chiêm...

Ếch gọi đò

Gốc bời hện trắng mờ sông bến lở

Hoa áo trắng học trò

hương tuổi暮 về đâu

Biển tín dụng xanh

vỗ nợ sóng bạc đầu

PHẠM THÁI

Em để lại tim anh
Tên một loài hoa cổ
Cắm tên em đi tìm
Lần lối hoa văn cũ
Lối bia thần tích xưa
Lối bìa da mộng phủ
Gạo bay bông
lông ngỗng rù truyền kỳ
Trăng Ba Vì
sao đối
chữ thiên di

NGUYỄN DU

Nhớ liễu hồ

tới nhờ em xõa tóc

Em vắng nhà

• bồ kết chứa đi xa

Cầu nước chảy

bóng chiều xuân tha thướt

Xanh Thanh minh em thối liễu vô hình

HỒ XUÂN HƯƠNG

Bá ngọc con ong bé cái lằm

H.X.H

Xuân chẳng buông hương

sao bướm vượt đường

Kìa hoa leo tường

là hoa dâm bụt

NHỊ TÌNH

Sao anh ăn ở với em nhị tình

Bài hát cổ

Anh vào chờ

Như măn hạn chờ

Em tới

Ôm em giờ

chưa giải đợi em xưa

Em thật

gối chen kê em mộng

Lòng một

giảng chia

nỗi nhị tình

NAI PHỒ

Mưa rợp bóng mi

mây động gió

Cổm gọi mùa chim ngó đò

ngực thu

Nai phổ mình Honda nữ

mắt hoang vu

Cổ tròn bóng hương như rừng tuổi nhỏ

Bờ má sương mưa vãn vục chớp nguồn

Cò quên tên chim trống đồng học nói

Đất sớm mai mùa con chữ bói u ơ

Trang ngò trắng

ngõ hoa mơ tình sử

CÁ THẦN TIÊN

Kính biếc trời aquarium phố

Non bộ hồng

quầy đỏ

cá thần tiên

Áo chành thuyền

tìm đại lộ nằm nghiêng

Ngấn bóng cột đèn – Từ Thức

TÌM EM

Tìm em

tim em

Phố chậm lên đèn

Tìm em

tim em

Phố chẳng lên đèn

Phố bỗng không quen

Lối cũ

nghe mình bước lạc

Hàng Đào tìm em

Hàng Bạc em đèn

RÂM THÁNG BAY

Hãy góp

nửa nghìn hôn thư đắm thắm

Hóa vàng

đêm rằm

xóa tội vong nhân

Chiều Chủ nhật

đường nghĩa trang khuất nắng

Thủ thi tình

cái vắng đỡ tủi thân

SAO THƯƠNG

Anh vọng ngày

anh vọng đêm

kỳ ngộ

Em chớp hiện

phút xuân vừa chớp cửa

Vết hương móng rồng

Đền Mẫu trắng sông

Lòng đường trường

anh khẩn phía Sao Thương

CHUỘC TUỔI

Thưa ầy tôi rất già

Mở miệng

khuôn tổ tiên rập nói

Tôi bán khoán cửa

chùa Quán Ngự

Lời chuộc tuổi mình

Nói thật khai sinh

RỒNG RÀN

Thầy thuốc có nhà hay không?

Bài hát trẻ con

Tim đau xuân

tình rồng rần đến nhà

Thầy thuốc vắng

mộng đuôi

tha hồ đuổi

Mây vầy hồng

mưa tuổi

phổ tê tê...

NGÕ CHỜ

Thư hẹn

én đầu mùa màng hội

Phát vội

nhằm địa chỉ ngã tư

Xê đuxen đèn trắng sáng

Ngõ chờ

Mà biến chỉ đường luống tuổi

*

* *

Em như người đưa thư

Xe khóa nhà anh

Tin xanh nhà xế cửa

Biển khổ bên này

bến độ bên kia

Lá nẩy chia

chim yếm đỏ

nhận thia lia

CỎ LÚ

Rừng buồn bút lá chim chim

Hỏi sim sim tím

hỏi bìm bìm leo

Chiều gió cả

tiếng ngàn xưa khăn lá

Thảm vàng khô

ai hóa những thư già

Ước lòng chữ trắng

nhẹ tênh cỏ lú

Chín kiếp truyện đời

ú ớ

một tên em

ĐÂY TUỔI

Tương cời

hé thân xuân

Da sữa ngân

thấp trắng

Đêm ba mươi

phòng tắt điện

vẫn trắng rằm

Đây tuổi sáng sang năm

GHÉP TIM

Tim ghép ngọt

góc cần xuân bỏ hóa

Máu chữa hoàn hồng

tình cà dậu non

Mộng đăng ngà

bướm vắn son ăn mạ

Vô tâm

hay em ghép quả bồ hòn

MƯA CHIA CƠN

Nắng nhà em
Mà giông nhà anh
Nửa ấy long lanh
Nửa này áp thấp
Mưa chia cơn
Con nước chia dòng
Mây trắng giăng sông
 chiều mống cụt
Xe Thất tình nghiêng
 sao bạc thất tình

DẤU CHÂN

Bãi trắng rằm

dấu chân cầm văng chú

Cát lằm

tên sóng xóa

chữ vô tâm

Tim ù ù

gió ú

một nguyên âm

GƯƠNG

Hay em biển trong gương

một người giống em

trở lại

Má má môi

mà mỗi mãi xa

TÚ VÀ

Gió bồ kết

nặng lưng liêng mảy cúc

Mà phập phồng

xa thao thức bỗng xanh

Ngò trắng ổ hoa vườn trứng cuốc

Tú và ngà ai ọ ghé đồng tranh

Chiều xênh đàn

em chẳng gọi tên anh

Đầy vô tình

nên đây hóa vô danh

THƯ TÌNH CỎ

Đời tối giản

đất bình yên

gốc mộng

Lời rướm mơ ước rờn gửi ngoài kia

Khăn gói

đường về vũ trụ

Dăm mẫu tự cốt hình

làm vốn thông lưu

Tranh sành thảo một hàng

thư tình cỏ

ĐỊA ĐẦU XXI

Trắng mặt là tuyết rơi

Trắng lưng là tuyết đổ

Cái trắng địa đầu

nạt nộ

Họ đi triền miên

như tổ tiên

điên

rừng tiền sử

Hai chân sau

chung chiêng đứng thẳng vùng ẩn số

Hai chân trên

ngheo ngào phôi chữ

một khai nguyên

BỜ GĂNG

Tình nhà đây nhà đây
Găng một bờ cách hai
Hoa không cho bên ấy
Nở chồi thơm bên này

Tối để anh về qua
Gai rào đâm thủng áo
Anh không còn mẹ già
Ai rách vá cho anh

Tuổi sớm đi trồng xanh
Áo rách cho nên gió
Tình trách người cách ngõ
Găng bờ xui lắm gai
Xuân đẳng lòng măng trúc mai.

GỌI ĐẦU

Em đãi sỏi chân cầu
Tóc xanh dầu bụi lấm
Đừng mượn sông gọi đầu
Tội lòng xuân vương vẩn

Mình anh

lĩnh án
gầu sòng
tát quạnh
biển Đông.

TRÁI MÙ U

Xuân tự bao giờ
Mà hoa tuổi mở
Xuân tự bao giờ
Mà hoa ngực nở
Cho mùa dạ hương
Để má mảy thương
Để hương mảy nhớ
Mấy vườn Liêu trai.

Đèn phải hơi ai
Mà đèn đỏ mặt
Nhà ngổn ngang đường
Dây điện nhện vương.

Lỗi sữa lọc măng mảy nhựa

Trắng tròn thêm trái nhớ mù u.

MẮT ĐÁP CẦU

Đương nắng

đường rừng lạnh

Mi rừng em gió lửa

Hay nổi tím mùa xưa

Băng lãng động

bước hoa cà

em vào tuổi

Chớp đầu sông

con đông tím giải nồng

Mây bỗng bầy mơ trắng rìa lông

Màu kỷ niệm

mắt Đáp Cầu

đuổi bướm.

TRANH HỌA ĐỒ

... như tranh họa đồ

(Ca dao)

Đất lành

Nứt xanh

Mới tranh họa đồ

Bụi lỗ ô câu lấp ló

Trắng nguyên tiêu

xuân tú ự cổ rằm

Đây đây có mời chăng?

MÀU CỦA TUỔI

Áo Sài Gòn sắc ngọt mắt Hồ Gươm
Ngực chín nắng xoài thơm
Má Hônđa hồng mini gió
Bến ngược thời hương
Hoa giáng đỏ
lúm đầu

Phố chợt giác màu của tuổi

Vườn vỡ lòng xuân
môi lạc lối đào

MEN TRẦN

Trắng sáng hay nước da em sáng
Thân nông sông sóng tuôn gần
Vò nội phủ gồm men trần vân nắn

Có điều buồn
em chẳng trắng cho anh.

NHỚ

... vô lộ nguyệt mang mang
Đường thi

Mây tóc gió ngậy chiều kỳ ngộ
Tình đầu thơ cổ mộng ngày xưa
Thu áo trượt tà bay hương nắng nhạt
Mùa động mây chim hát giục về trời
Sao bời bời
đường giải thảm trắng phơi
Lông ngỗng phở ngoài tình lạc.

NGÕ TRẮNG

Mây thu mắt rừng chớp rộ
Cơn nguồn tóc đổ phối muôn chim
Một đàn con chữ lợi xanh sông tìm.
Chiều phơi dòng
 đôi búp chữ lim dim
Ngõ trắng hoa đôi rạng đỏ.

RỪNG NGUYÊN XUÂN

Mộng thổ dân rừng nguyên xuân em cầm
Dương xỉ trường thân sơ thùy nương tân
Vùng bảo hộ măng nhung tuần lộc nắng
Chim môi xinh hoa hé trắng mơ trần

Ai đốt lòng rừng
 cho gỗ tiêu tâm.

THÁNH THỂ

Anh hành hương Bétlêem

12 gác Hàng Phèn

Chuông lễ trắng non phố bể

Thuở giảng trần

em ban thánh thể

Táo Thiên đường

quên rửa tội tổ tông

MỤC HÓA HỌC

Mục hóa học

tim lẫn chìm khe chữ

Lệ bạc đầu

thơ muện tỏ Bích Câu

Lòng lênh đênh lẫn lạc thuở Bồng đèo

Môi cốm mùi hoa tình gửi

DỌT

Mong mượn mở tóc mây tình gội mái
Mun rợp hương chìm đại giấc hoa về
Mây sang sông lòng lều đông dột mãi

Mưa rừng xa
bong bóng nổi giữa nhà.

NGÃ TƯ

Cửa mắt đợi tâm đèn chưa ử biếc
Trời ùn mây xanh miết ứ lòng đường

Thập tự xuân
ngưỡng đình
tình khổ nạn
Phố buồn buồn
angiêluxy chuông thương.

NÔEM

Nôen

Nôem

tháp nổi tin đồng

Bước giáng động lòng xuân

Lưng én chuyển mùa

Áo cộn đường xanh nổi biển

Tuổi đôi chiều ngã tư

Phổ bướm truyền thơm thư má

Cửa thời trần mâm đầy

Mưa liễu phây phây

tinh rét ngọt

Chuông rền

Năm Em Một

kỷ nguyên.

HIỀN EM

Mưa buồn về

Góc đường hiên em hai mái

Nắng vườn non nài nài chuối đồi

Mộng khép tán ngực đôi chim hót ngọt

Dao bồ câu

vững

cơn trắng muốt

tuổi nàng hương.

VƯỜN MÁ NỢ

Đường vắng gió lay đèn đào phở
Hè sương bay lòng bụi lạnh mưa hơi
Ghế đá lở gốc si đôi hen lở
Chuông giờ xưa

vườn má nợ

bóng ngồi

Tình tình số lá rơi.

LỄ XUÂN

Cây nhà nằng chín mưa vừa tới
Của thảo thơm mơ mới trái mùa
Giống nguyên chủng oản chùa hoa nếp cái

Em lễ xuân

quả xuân lại em.

OMAR KHAYAM¹

Thượng Đế bắt cần ta trung thành

Hãy trung thành các cô gái trẻ

O.K.

Ai bảo em nhốt đôi chim cu lông trắng
Để cau non chum ngơ ngẩn chũm mằm
Ai bảo em ủ men trăm ang nắng
Để ong bầu ngay ngó rượu cần xuân
Bướm râu bạc tần nghênh kênh mười tám.

¹Nhà thơ cổ vĩ đại người Ba Tư.

CHIẾU GON

Á ở đâu đi bán chiếu gon

Nguyễn Trãi

Củ mật bụ hồng

xuân thấp nộ

Yếm chụp đèn

hoa thạch nhũ

sen non

Xưa Tây Hồ

hay ai bán chiếu gon.

ÉN ĐỎ

Đường về nhà em
ba mươi sáu ngõ
Nêông liễu hồ tóc gió ngã tư
Xuân lúa mưa mini mùa én đỏ
Khăn bay cờ
lòng phố cổ
lay mơ.

MAY SAU

... dù có bao giờ

Nguyễn Du

Đôi cầu thơ may
Vương gấu áo em
Hồn cò may lưu lạc
Rê ngày
mây kiếp bạc
tóc lau lay.

TỪ BIỆT

Tôi đi đây

chẳng gì níu chân nhau nữa

Âm ă phổ trò

Vượt biên vào tỉnh lặng

Nghe tình đất nói thăm

Xuân thổ lộ cỏ xanh

Mộng lạ thâm canh đồng Xứ ngụ

Trình làng người

dẫm chữ ngoại cư

TÌNH MƯA

Ngã ba

biết thu tên là số phận

Gió đầu đường

già ủa quần lưng trưa

Lá xung tội

tuổi tình mưa phố lội.

HƯƠNG CHỮ

Găng đứng đợi anh

đầu đường hai mốt

Thân cột cờ

tóc tốt

mắt thu thiên

Dù thấp sáng

trời

Một nguyên thành thốt

Thư thà tình hương chữ cấm kỳ duyên.

NGƠ NGÁC

Em đình ninh

anh nặng tình ngờ ngác

Đầy tấp một đường

đây lạc cửa ô

Mùa thà trắng tóc đầu thu mây bạc

Hè lảm cột đèn phố lảm ngã tư.

LỄ PHỤC SINH

Em bỏ anh

Hội mùa chim Lễ lá

Rét tháng Ba xuân nấn ná nụ chờ

Ngã tư hẹn

bốn phương

mưa bốn phía

Lịch Phục sinh nhằm

tình chẳng Phúc âm.

GIẢI TRÌNH

Mắt vẫn vu

đài khẩn tin cấp báo

Vịnh đảo em đèn đỏ báo cấm đường

Tim gió táp

mảnh thuyền thương sóng rạt

Phơi tình ven vạt cát

giải trình trắng

ẢO THUẬT

Em tay xòe một con chim cánh thắm

Cắp tim anh

vù nghìn dặm thiên di

Yêu tha thẩn đi trường kỳ trang vắng

Dối bóng chim

tim một bóng tim.

ĐU BAY

Tóc xỏa khói may phở sả
Nước cà bờ cong sóng lạ ngực hồ
Đê biếc thân mây sông trắng khóa
Mộng điều trắng chếch thả mây thu

Tình đu bay
dây gió đánh ù ù.

TUNG HỨNG

Tung con tim
tình hứng một con thuyền
Đại dương vẽ sóng năm màu đèn xiếc
Phông hoa đào tút kèn xanh sàn biếc
Tình hạ màn
tim mắc cạn
hà ăn.

TỪ TRƯỜNG

Tim cửa đêm em đừng đóng
Đàn nhớ sông sương
 rừng rộng
 phổ mù
Mình từ trường đường thiên di sếu mộng
Xanh bỏ bùa mây Vọng ngã tư thu.

THẤT THƯỜNG

Mùa phổ lịch thất thường theo áp biếc
Hè lửa lửa xanh chuyển tiết mưa thu
Chuồn chuồn thả thư may hồ loạn liễu

Khéo ái đài khí tượng chau mày.

BƯỚC CŨ

Con đường đôi đôi ta đã đi

Lá trở

mồ ma bước cũ

Kỷ niệm vui nồng

chân lộ ủa tình.

BẮN KHOẢN

Mắt nhiệt đới địa cực tình buốt lạnh

Tim lẫn lửa hè lòng lạnh phố băng

Mưa chẳng tạnh

hai bán cầu hiu quạnh

Mộng đi mùa chim cụt cánh tàn đâu.

THÙNG THÌNH

Đàn lặc lè

Mắt mạch khơi kín mộng

Trắng lung linh

Thùng thình rộng

giếng nhật tình.

ĐÀO PHAI

Chim én vẽ

tình em quên lại

Tóc lạnh canh già bạc mái xuân

Thắp bạch đêm mai đầu sáng đợi

Trêu người hoa mừng tuổi đào phai.

CHÙA THIÊNG

Chùa thiêng tên em

riêng tình bẽm biết

Tu từ duyên gien ngữ ghép căn thương

Hương khói lửa thiền trắng vắng cảnh

Âm mộc hoa thầm

chuông sáng sông.

HẢI NGOẠI

Giữa đôi ta cao áp tình giáp phố

Sóng bạc nghìn trùng

nhớ võ đại dương

Chiều Hà Nội nổi thối buồn xa xứ

Nhà cuối đường

thu hải ngoại mù sương.

VÀO XXI

Vào Hai một

có còn anh đứng đó?

Công viên chờ đầu thế kỷ nắng xưa

Văn Điển điện hoa về hương đón đò

Xe ôm đường tắt tà gió vượt mùa

Phan Đình Phùng sương thưa

chiều chuyện cũ

Lá hai hàng sấu ú bước em thu

Chân chữ rào xanh

phổ đồng hành bóng.

TUỔI DẠI

Đưa anh lẫn những vùng quên tuổi dại
Thuở trắng sim soi lại bãi tim khờ
Thêm thế kỷ bóng trường xưa Yên Bái
Phố dài áo trắng gái sương mai

THƠM XƯA

Phố anbum đêm trừ lòng lá úa
Bóng những đàn bà cũ heo may
Vắng vặc môi trắng đường dang dở
Hoa mùi thơm cổ má đầy tay

HỒ HỌC TRÒ

Có phải thu quê bên Hồ Kiếm
Tóc mưa mai nhớ biển thương dài
Hỏi liễu cành lay chim làm mối
Môi đào hoa mách lối nhà ai

GIẾNG CHÙA

Hồ rải liễu ốc đảo vui nắng lạ
Lắc rắc mưa quê kỷ niệm thả về
Mắt ngỡ nước giếng chùa thu biếc động
Cây đa phố già cái bóng tuổi xa

CHĂN BÒ CÔN SƠN

Ba mươi tuổi ba mươi con bò

Ngư không số dư

Thưở chăn bò cỏ bãi xanh đầu tuổi
Côn Sơn trắng vườn vải nổi thông reo
Chòm Yên Tử gió triều neo mây nổi
Suối Giải Oan chân lội tội trần

CU GÁY

Tình kết lạnh truyện xưa cu gáy
Chim ca dao lòng hát cháy thương đầu
Thu muộn nắng quái chiều cò áy
Tro tàn còn hôi đáy thời gian

CÁI NGỦ

Khuya mài gió tàn thu mộng ủa
Em vô tình theo cái Ngủ đi đâu
Một đời ta bên nhau
Nửa đời ta cách trở
Nửa giường chăn đang dở trắng đơn

GÓM

Một chiếc bàn xoay hỗn cổ sử
Một lò lửa ủ đất lên men
Lòng gổm rượu sủi tăm tình cũ
Gác chân họ Lý ngủ say mềm

VÔ ĐỀ

Mây thấp nặng mướt giàn chữ đặng
Áo ban mai quái nắng bay dài
Không em phổ chốt trời hoang vắng
Hoa nói gì
xuân gọi tắc xi đi

ĐÊM TRẮNG

Ứng đảo thiên minh đầu tận bạch

Bạch Cư Dị

Ngủ giấc giờ mỗi ngắn
An thần liễu mỗi cao
Tóc đêm vắng vặc trắng
Gối bạc đầu vào đầu

LÚ LẤN

Tuổi lú lẫn ngược nhâm ga trẻ đại

Hay u ơ

quên mất lối về già

Tha thân chữ ngã ba

THUYẾT MINH XANH

Như em bé viễn dương

thuyền rãnh nhỏ

Đông lạnh thơ ngây

càng trữ Vịnh bạc đầu

Quẩy sáng đuôi vại thủy nữ

Buồm bênh

vai bướm

thuyết minh xanh

VĨNH CỬU

Em chợt hiện như một chiều cổ đại
Vườn nhạt mùa hoa lải rải mưa xưa
Bếp ngội chớp bùng tâm lửa lại
Vĩnh cửu xanh soi một mái tình

VẮNG

Vắng em rồi ai dẫn anh đôi phố
Sầu vàng đường trắng trở ủa chân thu.

TÀU NHANH

Xuân bắt đầu tàu nhanh
 xanh thức ngủ
Tinh tăng bo toa đổ đoạn bạc đầu.

XIN LỬA

Lúm má xoan toan cậy nhờ hạt lửa
Độ nhật hưởng qua nửa trường đông.

TUỔI CHÍN

Ngực dự hương thơm đêm mùi tuổi chín
Mắt lá tre đặng ngâm mộng ba giăng

ĐÀU THU

Mi liễu mắt đừng sao sắc nữa
E biếc đầu thu lỗ giết người

TÌM TRÂM

Lòng rừng già mà hoa thì con gái
Tóc dư hương
cho thương ngâm ngải tìm trầm

BẾN NỎI

Mắt hải đăng soi đường xanh bến nổi
Ngực triều non phao nổi tuổi bình bồng

LỜI HƯƠNG

Điện tắt thu tàn trăng cuối tháng
Lời thắm hoa phát sáng thư hương

THỨC

Thức chợt mới hay mơ rằng thức
Hoa đèn tên nở nước hương đêm

XÔNG NGÀ

Lòng biển triều xa con sóng
Lòng xông ngà tim ướm giọng
ngực tình ca

Ú TIM

Ngỡ trốn đùa
đâu ngờ em trốn thật
Rừng ngàn tìm lạc giọng
hu... ú tim

PHẢ LẠI

Vườn nắng mặt gió bay mùa hoa cải
Bóng lá râm phai ngày Phả Lại đặng cay.

LẠY TRỜI

Yên lành xuân mắt nguồn xanh vẫn vù
Lạy trời em đừng họ với cơn giông

NGÂU

Vào yêu mong ba chia xa mong bấy
Tình hăm một ngày xúi quẩy may Ngâu

MÁY NHÂN TIN

Máy nhắn chim tin tìm mê lộ phố
Lòng khác tình tìm đối số lặng thinh

VŨNG TÀU

Mắt nước con triều thu lên xuống
Mà tàu mắc cạn vũng tình trắng

BÃI NGÀ

Trưa nhiệt đới Bãi Ngà em ẩn nắng
Sóng bênh lênh láng trắng phố nổi nênh

THOẠI HUYỀN

Tóc phong lan cổ bạch đàn tích sóng
Mắt thoại huyền sông chén ngấn hò khoan.

NHẬN HỌ

Phổ nguyện má nguyên đào hoa ngó
Tình khai sinh thơ nhận họ Từ.

RÈO CAO

Hoa váy xòe lưng ngựa
Rừng hồi bối hồi hội kèn môi

VẤN HỎI

Mưa phân vân tuổi chuyển vần cơ mới
Đường bay môi đào vân hội má ngày.

CUỐI MÙA

Vé độc đặc nhằm quần quay gió tiếc
Thu cầm canh xanh biệt phố sầu già

VỠ HỤI

Tình bạc thăm phá sản mẫu thương cũ
Mộng vỡ hụi hưởng
hoa chạy nợ hương

TÁI GIÁ

Mạ tái giá đồng xanh
Bò hóa thừa bạc đầu

XUÂN VỘI

Lịch chưa xuân lửa Nhật Tân bùng má
Đất tốc hành
mùa hối hả tàu nhanh.

SANG SỢI

Tất gót thùng mộng mấy đời để mới
Lòng đợi lành ai mạng sợi sang xanh

CHÓT

Chữ ai xui vườn đào em tìm ngải
Tóc bụi trần tình chưa chót đại xuân

LỢ LEM

Bước hài gấm hội đèn hoa vương miện
Bụt lăm tẩu tình cắt điện
phố lọ lem

MƯA MAU

Hẹn cũ của rơi không người nhặt
Tiền lẻ tình quá đắt mưa mau

CHÔI XANH

Hồ liễu mới nắng mới chim hót gọi
Tình héo rồi xuân đổi nói chồi xanh

DỊ ỨNG

Mắt bừng hồng má đỏ ban phát ứng
Môi trường tình hay dị ứng môi xinh

LŨ

Lũ phi mã tình cuồng con nước tây
Đò vớt người sào lữ đầy tim trôi

PHẢI XANH

Đại lộ trắng những điều con gái
Lòng phải xanh quên đèn đỏ sang đường

CHIM GỖ MỠ

Tim lạnh lạnh gốc bồ đề mưa cũ
Chim gỗ mỡ kiếp xưa
chưa hết rũ lụy tình

NHỤY LỜI

Liều liu lo tình chim dịch biếc
Nhụy lời râu bướm tiếp âm hương

THƯ XƯA

Trang thiên thanh ắp xanh mùa cốm tiếc
Thư ủ tình thu ép biếc hơi hương

THƯƠNG MUỘN

Hương nhu thương tóc tuổi thu rụng lá
Mưa nửa ngày tình cả gió vun cây

CỎ NHẮC

Bìa bụi lập tuổi đá mòn chữ nhạt
Lỗi thăm ba thước nhắc cỏ thì xanh

GIÀ

Tình sớm đến chiều cho qua mộng trẻ

Gương chột già

trắng mặt lè

mưa ga

THƠ CÔ

Chữ nặng trắng xưa mộng vạc

Heo may từ xao xác nghĩa trang già.

KHUÁT NGUYỄN

Bóng cá dạ trắng buồn quấy nước

Dằng đặc tình tắm chữ giải oan.

TÂM DƯƠNG

... giang đầu dạ tống khách

Bạch Cư Dị

Sông lau lách

nhạc điệu hiu lẻ cũ

Gió đầu dòng mưa cuối chữ Tâm Dương

XÍCH BÍCH

Đông phong bất dữ Chu lang tiện

Đỗ Mục

Gió đông má hòa công chiều đỏ

Lửa đào xuân quẹt cháy hoa môi

XUÂN ĐỎ PHỦ

*Lưỡng cá hoàng li minh thủy liễu
Nhất hàng bạch lộ hướng thanh thiên¹*

Đ.P.

Đôi bóng câu huyền
cong biếc liễu
Một hàng cười trắng thẳng thanh thiên.

CHƯƠNG ĐÀI

*... hỏi liễu Chương Đài
Đường thi*

Lời thề xưa liễu thâm ghi âm lá
Chương Đài trắng làm chứng giả cho ai.

¹ Tản Đà dịch:
*Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc
Một hàng cò trắng vút trời xanh.*

ĐÈN LẠNH

Hàn đăng độc khả thân

Đái Thúc Luân

Đèn lạnh năm cùng câu thơ quán nợ

Đường về lòng cửa nhớ

chẳng cài then

CHỮ KHUYA

Trăng Liêu Trai hoa cửa trang không ngủ

Tự vị ma vẽ chữ dụ mộng du

KIỀU

Từ Hải chữ tượng tình hận đứng

Gió hiu hiu

lòng Kim Trọng bói Kiều.

TRĂNG SÔNG

... tam bách dư niên hậu

Nguyễn Du

Mộng võ chưa chừa ba trăm năm mộng

Cửa Bạc Bà xuân khóa

sống tù trắng.

HOA MAI

... chí củi đầu trước hoa mai

Cao Bá Quát

Rừng lặng vắng rặng tình thừa bóng cả

Mai lạnh ồ hoa lời lạ cháy trời

SIM CHÍN

Muốn tắm mát lên ngọn sông đào

Tản Đà

Vùng sâu vùng xa chân hoa bóng lá
Tuổi hoài sim chín má ngọt môi phai.

PHẠM THÁI

Độ nguyên tiêu trăng siêu chùa lệch mái
Mổ cầu kinh lời Phạm Thái tụng tình.

BÍCH CÂU

Người đẹp sương mài thu phủ hện
Hương cầu trăng thấp hiển tranh lên.

MỘT MAI

Chữ một mai chuối ngày
e lần gặp
Nheo mắt tình áp thấp nhận không ra

NẶNG HẠT

Tóc gió lay trắng tà bay nặng hạt
Áo mây phiêu lòng nặng hạt mưa chiều.

HÔNGA ÔM

Hônga ôm tóc tình hương mắc lỗi
Thu đèo xe sợi rối mỗi vương đeo.

LÂN CHÂN

Má lân chân hoa phượng xuân mới họ
Chưa biển đào đăng ký sổ thư môi

BẠC MÀU

Môi xăm thắm ai biết tình bôi lạt
Đồng Câu sâu ăn trắng hạt bạc màu

CHUNG TÌNH

Lời lờ nuốt thề mà mai buột nở
Xuân đa mang hoa khốn khổ chung tình

FORGET ME NOT¹

Lòng hoa chưa quên tình em đã vội
Lưu ly lời gọi tím lối chia ly

ĐOM ĐÓM

Tình chết yếu lửa non lòng mới nhóm
Mây đêm trời mù đom đóm hoa rơi

MƯA NGUỒN

Núi vọng phu nữ lòng em tình phụ
Nước đổ ra sông
ngược lữ mưa nguồn

¹ Hoa "Đừng quên", còn tên hoa Lưu Ly.

MÙA MÁ NHỚ

Đào đỏ hoa hôn vườn then cũ

Cánh nhòe mùa má nhớ

môi se...

NHẬT THỰC

Em nhật thực lảng giềng xuân tối ngổ

Nỡ hẹp hồng quen một lúm đèn

BỜ MƯA

Tóc liễu phất thề bờ xưa bước sỏi

Mơ đoạn ngày tuổi cũ hỏi mưa bay

ĐÈN THÁP

Không đêm nào từ chia tay điện ngủ
Gác ba về ma cửa gỗ tên thu

ĐỊA CHỈ TỪ THIỀN

9 phổ cô đơn tìm nồm mộng dệt
Lòng Ngâu xin từ thiện chút hứng trời

HỒ CHIỀU

Thê - Húc dáng cong bước chiều ký ức
Trang mây bay Bút - Tháp mực xanh ngày

THÁNG GIÊNG

Rằm tháng Giêng em lễ đèn Trần - Võ
Ngực dòng ngân chuông tháp cổ buông đồng

ĐÔI TRANH

Đôi tranh qua quên ngõ nhà anh dặn
Đò hẹn trắng chìm đồng trắng chiêm tim

TÂN TRANG

Mộng mộng má lờ nhuộm xanh nghĩa bạc
Xuân tân trang mùa lạ phát hoa đào

BÓNG CHÌM

Gốc đa hén lỗi tình chim hót già
Giếng chung soi trăng mặt lạ bóng chim

KỶ NIỆM

Yêu đứt đoạn trưa trụi đường nắng lửa
Kỷ niệm xoe tình bóng nửa đời sau

ĐẦU CHƯƠNG

Có bên anh chấm hết đường vạch cỏ
Chữ trang tình lời tựa thưở đầu chương

LÀN THÂN

Lần thân chẳng hội chứng quên ngôn ngữ
Lầm nhăm đời nhăm nhớ chữ tên em

NẮNG MỚI

Sui nắng mới áo phơi màu bạc hạnh
Chim mùa về tìm trốn lạnh tìm đi

KHÔN LỚN

Em khôn lớn và tình ta có tuổi
Cổm nổi vàng mộng cuối đời gam thu

TÌNH MƠ

Mưa lông tơ phơn phớt gió môi chờ
Má tình mơ
thời tình trưa lãng muộn

ĐÀU MÙA

Mi mấp mí mưa mé bờ kỳ ngộ
Má mơn hơi thu da thở mép hồ

VỌNG CHIM

Áo nổi nổi xưa thu đầu ngõ
Cột đèn chìm sương phố vọng chim

HOA VÀNG ANH

Vàng ánh vàng anh hoa chim vườn truyện cổ
Áo gọi chẳng vào lòng nhớ cút tay

LẠ CHỖ

Rằm tháng Giêng xuân phố tìm tổ cũ
Lạnh khói hương hồn lạ chỗ đứng đường

BỊ CAN

Sông nước cả lòng lộ thiên vách đá
Tim trắng soi truy nã bị can tình

CẦU VÒNG

Mông hai nhà vòng xuân cầu bảy sắc
Đèn đỏ ách tình phố tắc mưa dầm

NÚT GIAO THÔNG

Đường nút giải cửa tình xuân khóa mãi
Thông thông lòng xe vượt tải gió đông

ĐOẠN ĐƯỜNG

Nắng thu thiết gió cuối phường ly biệt
Biết đoạn đường thời đổi mấy tiết thương

ĐỒNG SÀNG

Tình khép ngủ mắt tim còn ngờ ngó
Đập hỏi thăm em mộng bỏ anh chưa

DƯƠNG CẨM

Đàn cổ mộng
 dương cầm thu ngân phím
Cánh nhạc di mùa nốt tím hoa mưa

BẢO

Bảo khí tượng đặt hiền tên con gái
Tình Thiên tại
 từng trái tính mây trời?

BỐC BAY

Tuổi lữ trắng mộng mấy mùa hoạn nạn
Quỹ tam tình vay ngắn hạn bốc bay

THU LÔI

Tình sét đánh má đôi môi bão ập
Yêu một liễu xuân bắt chấp thu lôi

CHỢ CHỜ

Tình rời xa gốc đa thu ời ghé
Chợ Chờ mưa bóng mẹ lá khua khuya

SỰ CÓ

Bến Hồng

cảng nước nông

tàu mắc cở

Hòn Đào tâm phao lằm lổ đá ngăm

TAI ƯƠNG

Lúa được mùa đất bình yên gió lặng

Đê để vỡ tình ngập trắng tai ương

XÔNG ĐẤT

Hoa dầy sớm nhụy chờ ong khai mật

Tình không người xông đất để sang xuân

CÀM BĂNG

Tình chia tay quay bóng tìm hẹn cũ
Mảnh thể duyên băng cầm nửa trăng soi

BƯỚM

Xé nát tim thư bay vườn trăng sớm
Chập chờn hoa ngõ bốn bướm vờn bông

THU THỦI

Bóng chiều lạnh gió đơn đường phố cả
Chiều thui già thu ùi lá ngã ba

Ô NHIỄM

Tàu đắm hẹn bội thề lênh láng biển
Trắng tinh bờ mộng thái nhiễm ô mơ

NGUYỄN ĐÀO

Lòng nói cũ vôi vột tình ve mới
Lời bảo lưu hoa đọi đỏ nguyên đào

CỎ TRẮNG

Gương thề vỡ mảnh chìm tim nông nổi
Chiêm ngập trắng băng cỏ lặn lội trắng

TRE²

Quá đổi trẻ để hoa hờn nổi tuổi
Biếng tóc sâu hay nuối thời bạc sâu

LÝ VÔ TÌNH

Hộ ấm chia đôi đôi chia tài sản
 Tình châu rìa
 tim tòa án chẳng chia

HƠI ĐỒNG

Vàng chín chín tim toòng teng ngực thật
Mài hơi đồng tình dỏm khuấy thâm tâm

NƠM

Hồi ký chuyện ngày xưa lòng cời lửa
Hẹn thề nôm mọc mốc
chữ lên meo

SÔNG QUÊ

Nỗi đau thương thượng nguồn xuân chết đuối
Già sông quê lòng nổi xác trắng thề

HÀNH HƯƠNG

Dặm thẳm A di đà em miệng khấn
Chùa Bộc chuông lảng lòng bận bụi trần

AN ỦI

Mùa nắng bên này tình đây hắt hùi
Bên lạnh kia bù an ủi mờ chẳng

KHOẢNG CÁCH

Thiên hà nào hơn xa em liền cạnh
Mộng trăm năm chia lạnh một hiểu lầm

LỖ

Em đi nhanh lời anh trâu chậm bước
Còi giục tàu cầu đục nước lỗ nhau

TREO

Lời xin im tình ẩn tình tuyệt vọng
Treo quái chiêu ảo tưởng dẫu hờ yêu

NHẬP TÂM

Giận thờ ơ nán chẳng chờ thu tạnh
Mây xám mưa dầm tình lạnh nhập tâm

BỤT CƯỜI

Hương chưa tàn khói tình tan thư tận
Lòng đau đôi lời một khẩn Bụt cười

VI TÍNH

Sổ hưu tình vi tính mười năm chẵn
Củ lẩn tìm nhăm lẩn lẻ trăm năm

MÀI MỘT

Em mài một tóc tình xuân đời mới
Hương rằm hoa có đổi thời trăng

MỜ CỬA

Nấp quan tài mưu sinh đời khóa sổ
Chữ bay chim trang thả mở cửa tình

ĐỒNG LỎA

Mắt thuốc mê đen lỵ cà phê đá
Mắt cặp tim đồng lõa chẳng đồn trình

KHU BẢO VỆ

Tim lang thang đỏ xanh đèn lấp liếm
Khu bảo vệ tình hoang hiểm hỏi ai

CHIA

Tuổi luống tâm bản tâm thuật toán
Số tình
chia chẵn một đơn côi

THÂM THI

Gió lấm nhấm đêm thâm thì cò mộ
Sổ sinh thời tình mắc nợ chưa vay

THÔNG BÁO

Khẩn tuyến mắt nguyên sinh rừng hoang lộ
Du lịch tình chưa động thổ biếc khai quang

MIMÔIXA

Nắng tạnh heo mây hoa lạnh
Mimôza chiều khép cánh mimôixa

FÔNGTENBLÔ

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san

Lối ngõ nắng biệt mùa phong ú đỏ
Fôngtenblô tình bỏ nhỏ lá thu

VƯỜN LUXĂMBUA

Lá vai rụng những pho tượng trắng

A. Frăngxơ

Nắng học trò vườn vai thu trắng lá
Nổi bây giờ tượng đá tuổi ngày xưa

KỶ NIỆM

Kỷ niệm platan thu nghìn nổi
Bản đồ bạc màu rừng mỗi lối quên

MIMOZA

Mimôza nhạt mùa hoa má nhớ
Thương nở vườn rực lửa mimôza

ĐƯỜNG ĐÔNG

Phổ thi thi con gái

Ôđêông đường đông thu nắng rộ
Minh riêng siêu thiếu số phổ đa tình

ĐỌC AM

Cử bôi tiêu sầu sầu cánh sầu

Lý Bạch

Mới Bôjôle tình e đã lỡ
Cốc một vang khuya ngõ cạn máu mình

PRÔVĂNGXƠ... VÀNG

Em đừng nữa gió xui lá đổ
Khổ để vàng lượm úa thân thu

TRĂNG ĐỢI

Trăng dương thấp nửa trời bên đó
Nhớ còn sang tỏ sáng bên này

THÈ BÔI

Đất lở đá mòn một hai chìm nổi
Thè bồi lờ cát lồi phải lằm sông

CẬP BẾN

Thế kỷ định ninh tình cặp bến
Ghé nhằm một điểm đến trùng tên

XÍ XÓA

Cùng Giáng sinh ngày Phục sinh tiên tổ
Câu thơ khổ tu xí xóa nợ luân hồi

TRỌ

Trọn đời trọ góc nhìn thiên hạ
Cam tâm làm khách lạ bản thân

TÓC BẠC

Mi rợn liễu rờn xanh xao xác
E đầu ta tóc bạc lấm nhà

BÁT THẦN

Tuổi đến bất thần hoa có biết
Má hời đào bư thiếp mừng xuân

RỪNG TRÚC

Cõi tục trút rừng bay mây trắng
Trúc đăng căn để đăng tâm mắng

CHIM GỖ MỖ

Tâm lắng lạnh gốc bồ đề mưa cũ
Chim gõ mõ kiếp xưa chưa hết rũ lụy tình

CỬA THIÊN

Trúc đường ngày mở mây ủa nắng
Núi nổi sương đêm trắng cửa thiên

KHO TÀNG KINH

Dốc tùng gậy trúc mây vô sự
Kho tàng kinh còn động chữ đa mang

SUỐI GIẢI OAN

Lòng đau nguồn trong suối mức tẩy oan
Dòng đục xót khúc giải lằm cuối nước

HOA ĐẠI

Hoa đại bao giờ kết trái

Nghìn năm tu chưa thành chính quả
Hồn hoa bay bướm thả trắng rừng

MỠ KHUYA

Ngộ tâm dung dị tức tâm nan

Đại sư Hương Hải

Lòng ngộ trắng trong đèn gỗ mỡ
Tùng già xanh trở gió u u

MÓNG RỒNG

Thì móng rồng dây hương trắng cổ thụ
Lòng lơ đãng già tình tú nọ hoa

MÙA CHỜ

Xuân én hẹn mùa chờ hoa đi mất
Lộc xanh thừa thiếu suốt một ngã tư

HOA CÀNH CỎ

Mây bóng chim thiên di tình vắng
Cánh cỏ hoa trắng phố đồ đưa

CHỮ BUỒN

Mộng cường nước vỗ trắng triều ca
Chữ buồn trang thả cá heo chơi

DÀM MƯA

Ô che cùng khung xuân cụp lại
Đầu trần tình tóc đại dầm mưa

NGU LÂU

Đừng mắng anh ngu lâu bạc đầu vụng dại
Dẫu được yêu lòng quá tài vẫn thất tình

THƯƠNG MUỘN

Hương nhu thương tóc tuổi thu rụng lá
Mưa nửa ngày tình cả gió vun cây

RÚI

Vô đơn chí

Bếp lụi năm tàn trang lạnh chữ
Tình còn dự báo gió bổ sung

DI CẢO

Chữ phi lao dải dẫu trắng cát bãi
Di cỏ xanh tình đối thoại đại dương

XUÂN

Áo trắng chân dài nằng lạ
Sáng ngần thân phổ khóa xuân

PHONG CẢNH

Áo gió buồm lên thân biến động
Lưng thuyền chành sóng ngực cồn trắng

NHUẬN

Tháng Hai nhuận thân xuân vừng nẩy lộc
Nữ lập nghiêm anh rét độc một mình

GOM LÁ

Ai vẽ gom lá đại ngàn
Chiều tàn cháy cái úa vàng lập xuân

RẼM

Tháng Bảy rằm trăng sáng quá
Mộng còn xanh tình đã hóa vàng

THIÊN

Đêm lẻ nghìn bóng thời gian thàng thốt
Thâm niên anh ngồi thiên một tên em

DÂN CA

Đến hẹn lại tìm xuân lễ hội
Gặp trăng nói dối bến bội thề

HOA VÀ GIÓ

Đào đơm má đông phong nụ ngò
Hoa hữu tâm mà gió đãng tình

CHIA ĐỘNG TỬ

Một thoáng trăng tròn thu khuyết nửa
Tình người chia thì quá khứ dở dang

XÔNG ĐẤT

Em xông đất sáng vườn hoa năm mới
Ngực thượng huyền
trắng chín
chuối nguyên tiêu

BỎ ÀI

Em vắng mãi xứ đồng tim bỏ ài
Cỏ dại khờ xui đất lại hoang sơ

XIN CHỮ

Lòng năm mới cửa em xin chữ
Xin chữ *tâm* em phát chữ *tài*

CẦU MƯA

Tim hạn mộng héo cảnh ủa rẽ
Tinh lên chùa làm lễ cầu mưa

PHỐ MỚI

Phố mới anh tình em lạc lối
Đèn lô nhô bối rối sương mù

SANG SÔNG

Mắt tận thu xanh trời nhạt biếc
Đò sang sông còn liếc bến chưa chồng

THƯƠNG

Hội thắm môi mùa e ấp nắng
Thương vườn dăm đặng cái ngồng cay

CÚNG RẼM

Trăng tròn mắt tỏ bờ lau
Lén vườn ngực trộm hoa cau cúng rằm

ĐÊM TIM

Đã quyết chia tay chiều bão gió
Tình còn cổ thụ đáy đêm tim

DẠY THÌ

Ngơ ngác đêm thì thơm tuổi cấm
Ngực mằm náy mộng nồn câu trắng

SÁP ĐẶT

Trần trọc tuổi hương nhu tóc ù
Đôi phơì ðòng lũng vú kênh trắng

DẠI YÊU

Ngoan cổ thất tình xuân vẫn mãi
Khờ biết bao giờ hết đại yêu

ĐỘC THOẠI

Hai đứa đầu soi trăng lặng lẽ
Độc thoại hoài nghĩa một cô đơn

SÂN GA

Đèn đỏ sân ga tàu đợi chuyển
Đêm mau già kỷ niệm lắm ma

SIÊU THOÁT

Thư dài lửa mắt sông Hồng buông mát
Chữ tro bệnh tình siêu thoát nổi chằng

QUÊ CHỮ

Chập mạch chấn động tình quên tiểu sử
Lang thang trang lặn quê chữ tìm mình

THẮNG CẢNH

Từng bước đi xuân từng sóng sánh
Em đui thẳng cảnh mắt danh lam

GỬI BÓNG

Đường nắng thương áo ong lưng tránh sóng
Em bận lấy chồng gửi bóng anh chăm

TU TỬ

Một chữ niệm hoài tâm vẫn lạ
Tu tử chưa chín quả trăm năm

NỖI NIỀM

Bóng dài nắng ngả mùa phai
Nỗi mình bạc tóc nỗi ai bạc tình

GỘI

Hạt chữ nẩy mầm xanh luống tuổi
Mơ bạc đầu gội bướm bay xuân

DẠI KHỜ

Lưng bóng em đi đường nắng trở
Chợ tình khờ bán nhớ mua quên

DIỀU

Thu về cho gió lùa mây
Nửa đời dại chữ chơi dây đứt diều

CỎ MAY

Em váy mini chiều đảo phố
Hoa không may đường hoa cỏ may

THU ĐIỀU

Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Nguyễn Khuyến

Liễu lìm đim nước không gợn sóng
Một ngờ liếc biếc động ao thu

PHONG TỎA

Chữ đã mẫm và xanh đã mạ
Đào còn phong tỏa má ướm môi

NỬA

Thu tàn để nửa dư hương
Để người nửa nhớ nửa thương nửa đời

GẶP LẠI

Cùng viếng mộ một tình xưa đang dở
Gặp lại nhau ngờ ngờ ma về

THU

Ai tíu tít chim về bóí nắng
Ai vườn già mưa trắng hươu thu

GẶP GỠ

Gặp gỡ bờ Hồ em xuôi anh ngược
Anh bước về già em bước tầm xuân

LIỀU

Băm sáu phường đau mười hai bến đàng
Vấn liễu vay nắng ủ tâm men

VỢ LÊ ĐẠT

Lòng nguyên xanh tuổi non rừng trụi lá
Oan chồng thương bạc má vẫn công

HÁT BUỒN

Người đẹp vốn thường hay chết yếu
Cổ thi

Người kiêu nểng thời trang mệnh yếu
Heo mai truy điệu ngõ chân dài

XIN TÌNH

Bờ sông bồi bãi xôi ruộng mật
Lời già sóng hát chưa thôi nôi

ĐỒNG SÀNG

Nỗi em mộng già nỗi anh từ ngõ
Tình đồng sàng dị - ngữ đơn trắng

VƯỜN CHÍN

Vườn dậy ngực thì xuân chín mộng
Gió đừng mạnh động để xoài rơi

VỠ LÒNG

Bạc tóc võ lòng chưa chuyển lớp
Chia tình lỗi một động từ yêu

HOA LƯU LY

Thu vườn cũ hoa hương đang dở
Lưu ly tình chưa nhớ đã quên

CỔ PHẦN

Tình hóa cổ phần thương hai nửa
Anh cổ xuân mà em cổ đông

DỰ HƯƠNG

Ngực mới dự hương vườn lủ bú
Rượu làng Vân men ủ ngó cần

PHONG CẢNH

Mắt đèn
Men vú
Ngó trắng nguyên

KỶ NIỆM

Kỷ niệm vết tình xưa gió xóa
Rừng còn nhặt dạ lá thu thư

HỒ TÂY

Thiếp ở Tây Hồ bán chiều gon

Hồ mưa lá tàn sen nhớ ngó
Bộ gỗ nam mô tịnh cửa chùa

LÊN CHÙA

Nỗi anh quá mùa nỗi em siêu trẻ
Lên chùa thương cây si lẻ già nua

THỤ LỘC

Xứ oản đất chùa hương mộc
Vụng đường tu
e dám thụ lộc chùa

KHĂN TÌNH

Người đến rồi người lại đi
Khiến người miếu gốc cây si khẩn tình

TỰ VỊ

Bạc đầu mãi đắm chiêu tự vị
Chữ nhất tâm nghĩa lại nhị tình

TÍNH TỬ

Em đẹp một tính tử chưa có
Thương người vàng vô chữ thâu trắng

CHÂN TRỜI

Tôi khóc những chân trời không có người bay

Trần Dần

Đời bất trắc mộng đầy đất chật

Đói sân chơi hành khất chân trời

THÁP CHÀM

mấy giọt tháp Chàm

Văn Cao

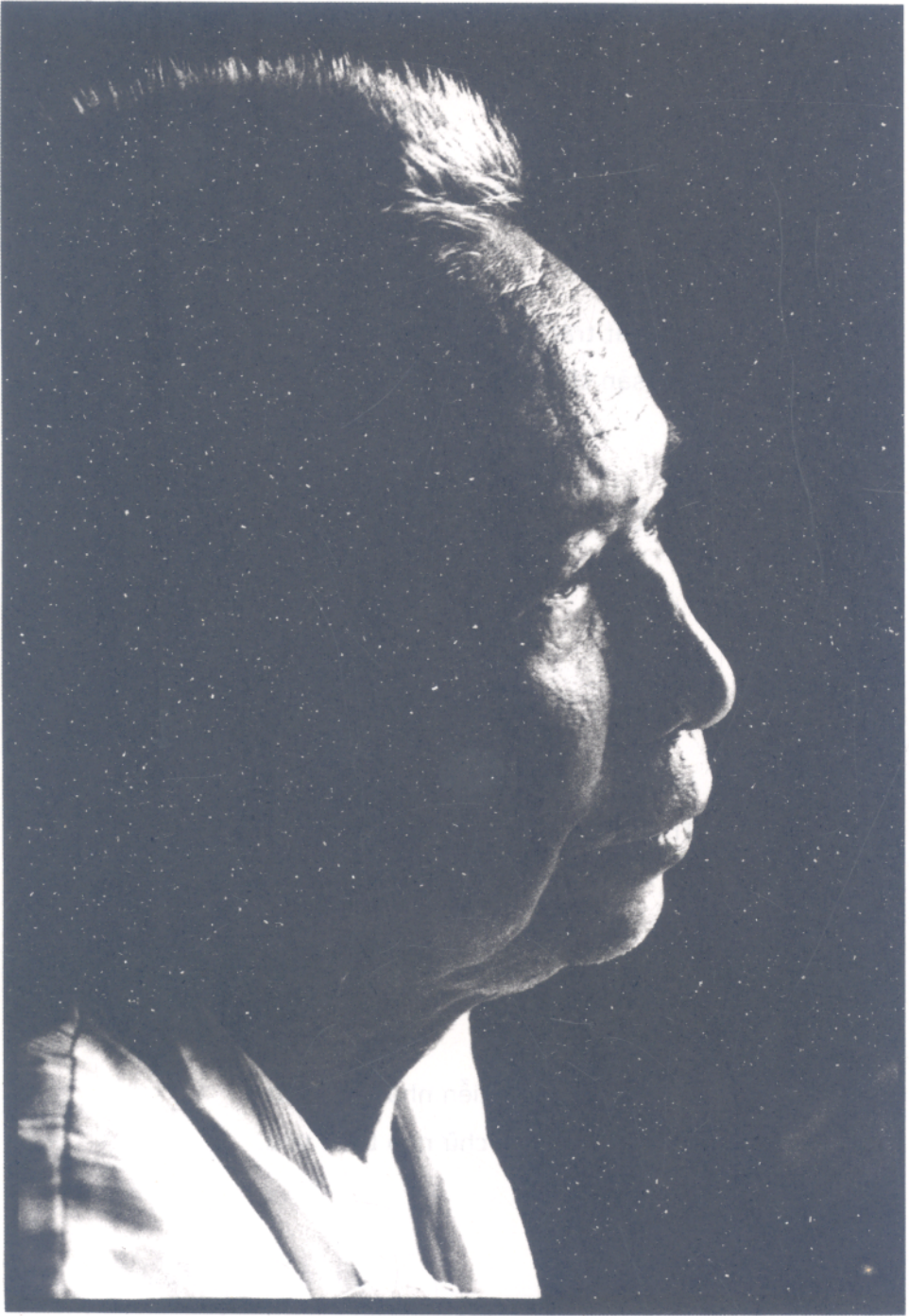
Hồng nở lưng trường trang đá mùa

Tháp lòng cổ sự vù trắng suông

CÓ THỂ

Có thể sau lòng tiễn nhau biệt cửa

Một huệ tình ơn chữ ngộ thừa yêu.



Gerhard chụp năm 1996

DI CẢO

TÌNH MẸ

Thế là bản thảo này thất lạc đã 40 năm. Nó còn thiếu một số bài nhưng điều đó không quan trọng.

Đọc lại vừa có cái vui gặp lại tuổi trẻ.

Vừa có cái buồn về những vụng dại.

Tôi quyết định không đại tu, chỉ xóa một số đoạn quá dài dòng và bỏ một số bài để giảm cân.

Yên Bái bây giờ đã thay đổi quá nhiều.

Đầu năm 2007 tôi có dịp về thăm sau nửa thế kỷ xa cách. Những đường phố không nhận ra tôi đã dành. Cả ngôi nhà sinh ra tôi cũng hoàn toàn xa lạ. Hy vọng Yên Bái sẽ sống mãi trong tôi qua những bài thơ này.

Thời gian kéo dài khoảng 30 năm - từ sau cuộc Khởi nghĩa Yên Bái thất bại đến gần kết thúc giai đoạn Kháng chiến chống Pháp, những bài thơ **Tình mẹ** đều được quan niệm như những truyện ngắn.

Không phải không có những câu thơ hay.

Nhưng nói chung quan niệm bài thơ như một truyện ngắn là một chủ trương sai lầm. Nó chỉ là một biểu hiện cực hạn của xu hướng "văn dĩ tải đạo" xưa cũ.

Tôi đã mất gần mười năm trời vật vả để ra thoát nó, xây dựng nên **dân chủ chữ** chống lại **độc quyền của ý**.

Quá trình này đã được nói rõ trong **Đường chữ**, khỏi lặp lại nữa.

Tình mẹ đánh dấu giai đoạn cuối của thời kỳ **lập ý** mở ra những bước dài của kỳ nguyên **Bóng chữ**.

THƠ NGÂY

Thao thức

mãi trong tôi

một khung cửa sổ

Mở ra

man mác

khoảng trời

Và đôi mắt

người hàng xóm

Mở ra

thời thơ nhỏ

đời tôi

Người ấy

lớn hơn tôi năm tuổi

Nét mặt hơi buồn

mái tóc đêm buông

thoáng

mùi hoa sỏi

Mắt với xa
như
một buổi chiều
Tôi quen gọi
người hàng xóm
tôi yêu
bằng chị
Ôi! Mỗi tình đầu
đứa trẻ mười hai
Cho dù tháng năm
làm tim ta hạn hán
Máu dù
phơi
mưa nắng
bạc màu
Mái tóc bụi
ngiêng chiều
trán lạnh
Ta vẫn nguyên
một màu xanh kỷ niệm

Long lanh

thuở trắng

ban đầu

chân chưa xéo lấm

thơ ngây

Ôi! Người chị năm xưa

thường ôm tôi vào lòng

cho ăn kẹo

dẫn đến trước gương

chải đầu

Bẹo má hôn

đùa gọi

“Người chồng nhỏ của tôi!”

Tôi yêu chị
như yêu mẹ
Nhưng có gì khác thể
Vắng chị
tôi buồn
biếng chơi
biếng học
Ngẩn ngơ
như ghé lạc đàn

Chị hay dắt tay tôi
đi chơi
bờ sông
Ngắt những chiếc lá dâu
thả xuôi dòng nước
Hay tha thẩn
vườn khuya
lổm đổm
vài bông cúc
lập lờ

Áo trắng
căng buồm mộng
Đời tôi thêm
một mùi hoa dạ hương
Đêm đêm
nhớ thương
thường không đi ngủ
Một gốc xoan
hoa phủ
tím đầu
Một tiếng chim khuyên
đu đưa
cành lau bạc
Một ngôi sao bóng tinh
mang hình hai đứa
lang thang
đầu biển
cuối trời

Tôi thường mong
 có con chim đại bàng nào
 đem chi đi mất tích
Để tôi
 được làm
 một Thạch Sanh
 vác búa
 xuống
 hang tìm...

Con đại bàng
 hiện về
 dưới lốt thẳng con quan phủ
Cặp kính trắng
 nhấp nháy
 ngồi trên mũi vọ
Ngâm chiếc bát thuốc lá
 dài ghê
 như chiếc đũa
 chạm rỗng
Học trường Tây
 Hà Nội

Những ngày lễ
vẫn
chiếc xi rô oen
phành phạch khói
Đen ngòm một góc trời xanh
Nó cặp chị đi
Tôi tựa cửa
nhìn hai người
khoác tay nhau
đạo bước

Bơ vơ
như đứa trẻ
lọt lòng mẹ
rơi
tổm
vào đời lạnh
một mình

Chị vẫn đi trên bờ sông
Ngắt những chiếc lá dâu
thà xuôi
dòng nước

Hay tha thân
 vườn khuya
 lốm đốm
 vài bông cúc
 lập lòe

Vẫn mùi dạ hương
 vẫn gốc cây xoan cũ

Chị khác
 người
 ngồi bên chị

Chẳng phải tôi
 cả kỷ niệm
 đời
 cũng ăn cắp nốt

Ít lâu sau
 tôi được tin
 (thôi đừng bắt tôi nói nữa)

Nhìn chị
 đi
 len lén
 cúi đầu

Áo trắng
 bơ vơ
 giữa khoảng trời
 xam bụi

Tiếng trẻ con líp lơ
 “Mày vẽ cái vú mày sưng
 Cái bụng mày óng cái lưng mày gù”
Tôi chỉ muốn
 một quả bom tạ nổ

Một chiều
 chị ôm tôi vào lòng
 nức nở

Có lẽ
 chị có em
 là thương chị

Đêm ấy
 chị ra sông tự tử
Theo những chiếc lá dẫu ngày xưa
Áo trắng

 như bướm mộng
 về một chân trời nào
 cao rộng
 thăm thẳm
 xa

Tôi trở về nhà
vẽ thẳng con quan phủ
lên thân chuối
Thắp ba nén hương đen
đọc họ
đọc tên
kể tội
Cắm một con dao
Đâm
một nhát
ngập vào tim
Gió
rùng rùng
từ một khoảng xa
thổi lạnh
vườn khuya
xào xạc

Ta
muốn sống
yêu thương
mà không được
Xã hội
mày sẽ có
ở ta
một kẻ tử thù
Và cần thận
khi một đứa trẻ trả thù
là tất cả tương lai
lên án.

MỘT CUỘC ĐỜI

(Tiếp theo *Cha tôi*)

Khi tôi còn học lớp vỡ lòng
Chập chững
trên từng trang giấy
Bước
những bước đầu tiên
run rẩy

A quả na
Â mâm cơm...

Anh tôi
đã bay khỏi
lồng trời tỉnh nhỏ
quanh năm vàng rữa
mưa phùn
Trên những lớp thanh niên
Đong nước mắt
trông con
cho vợ
Chưa kịp trẻ đã già như ông cụ

Cặp hai đồng Khái Định

nhỏ

hàm râu

lơ thơ tơ liễu

dưới cằm

Về trường Bưởi

Đeo đuổi mộng

lên cao

học cho bằng người Pháp

Sánh ngang hàng

các nước năm châu

Nhiều đêm

anh ngồi mơ

thức cho đến sáng

Đầu

nhô

trên trang sách

mở to

như con chim

tò cánh

Tình nhỏ
không buông tha
đứa con ương ngạnh
Bảy tám năm sau
tôi lại thấy
anh về
Oai vệ trong chức quan tham tòa sứ
Một quan tham
bình dân
ngày ngày
đi bộ
hai lần
đến sở
Cùng thanh niên
tập thể thao
sớm sớm
một
hai
tập nập
Lay hai bên hàng phố giặt mình
Mấy ngăn tủ
lênh khênh
vô văn sách

Nhưng chẳng lẽ lui tới

quan tuần

quan phủ

Mà lại

xoàng

như

một viên phán sự cà tời

Lão Tư sắn

sau bữa cơm nhà phạ

Biểu anh tôi

một chiếc xe sơn đen

gọng đồng bóng nhoáng

Chuông kính coong

lũ trẻ rỗng rỗng

chạy theo sau

ếp ếp

xua đàn chó

chạy cong đuôi

Mới đầu quan tham còn ngượng
Dăm bữa
 nửa tháng
 mới ngồi chơi
 một bận
Nhưng ở đời
 việc gì
 hai ba lần
 rồi
 chẳng đâm quen
Kể cả đến
 những việc dê hèn nhất

Đôi lúc giật mình
 đêm khuya
 trắng sáng
Thoi thóp
 quấy
 một vài tia ân hận
Rồi im lìm
 trắng tứ phía
 mông mênh...

"Ai cứ bảo

lương tâm không biết hơi tiền?"

Ngay hai buổi ngồi xe

quen vắt vèo

nhìn trên

nhìn xuống

Quan mặc tạt (tạm gọi là hạ thị)

Và nhịp bánh ru

quan đang trí

không nhận ra

vô số bạn bè

Những người làm nên

trời hay bắt tội quên

như thế

Lâu lắm

anh tôi

mới lại ngồi

đọc sách

Từng trang
từng trang
bỗng cuộc đời
tóm tắt
lên trước mặt
Trong khoảnh khắc
đổi diễn
cùng sự thật
Sờn tóc gáy
như kẻ sát nhân
đột nhiên
thấy
người mình thù tiêu
lùng lững
hiện theo về
đối chất

Anh có thể lừa
 cha me
 vợ con
 lừa cả nước
Nhưng thế nào
 cũng có lần
Anh phải lòi ra
 trước
 vành móng ngựa bàn thân anh
Ta tội nhân
 cúi đầu trước
 ta thượng đế
Giờ phán xét cuối cùng

Từng trang
 từng trang
 những mặt nạ
 phấn son
 mũ mắng
 cân đai
 là tả
 rơi
 xuống đất

Chân tướng lộ
 nguyên hình
Trong ánh đèn pha
 co quắp
Và một tiếng thì thầm
 ngghiêm khắc
Dâng lên
 từ
 thăm thẳm tâm hồn
"Ta đã sống
 gần như súc vật"

Anh tìm mặt
 run lên bần bật
Xé nát từng trang
 quảng xuống đường
Giấy trắng
Bóng mấy chiếc chấn song

Từ hôm ấy
chiếc khóa tây
khóa kỹ
giám sách vở
như giam tù chính trị

Một buổi
tình cờ soi gương
Anh chợt thấy một người
bụng phệ
mặt ba cằm
Một ông Tây thuộc địa
đứng bên trong.

NGƯỜI ĂN MÀY GIÀ

(Quo Vadis Domine...)

Người ăn mày già
đến ngã ba
chìa mỗi bàn tay
chỉ được
một bàn tay
đầy bụi
đầy mưa

Và
một ngã ba
thừa mưa
gió

Gò má nhọn
giữa vành râu
nham nhở

Một vũng khăn
rách mướt
như vòng gai
đặt trên đầu

Tôi đã gặp
 người ăn mày này
 ở đâu
Lưng còng
 mang tất cả
 nỗi khổ đau
 nhân loại
Cây gậy mòn lấm bụi
Đã qua những kinh thành nào
 xua đuổi
Đã qua những chặng đường
 đầy ải nào
 đi đến đây
Mắt vàng vọt
 trong bóng chiều

Đêm nằm công viên
ngửa mặt
một trời
man mác
Hàng ức triệu vì sao
không ăn được
Ngắt một bông hồng
nhai trệu trạo
Ngủ chập chờn
nhai tiếp một giấc mơ

Đầu phố
một tòa nhà cao
lâm lý
chiếc biển đề
"Chó dữ"

Giữa phố
 một tòa nhà cao
 lại biến đổi
 "Chó dữ"
Hàng rào sắt
 nhe hàm răng
 tua tủa
Ta rổ gót
 đi gõ từng khung cửa
Sao chẳng thấy
 một lòng nào mở
Cả vũ trụ
 không có đất
 cho một người
 nương tựa
Cả đại dương người
 không một cửa
 dừng neo

Người ăn mày

lê

đến nhà thờ

Đường áo đỏ

áo xanh

vàng bạc

phấn son

đi đón Chúa

Chuông róng rã

rao truyền

tin Chúa hồi sinh

trở lại

với loài người đau khổ

“Con lạy ông
con lạy bà...”

Người ăn mày già
nằm ngã lăn
trên đất

Rầm rập
chân người
phủ
bụi mù
lên mặt

Chân người
chân người
chân người
Một bãi nước bọt
và
một đàn ruồi

Ba lần ta đứng lên
Ba lần ta ngã xuống
Đá nhọn
đóng đinh ta
Vào đất cuội
một cây thập tự ngã tư đường

Người ăn mày già
chết còng queo
với chiếc gậy
còng queo
Trước cửa nhà thờ
mặt gỗ

Buổi sớm
lễ Phục sinh
gác chuông
ngân nga
Thả một lũ sơn ca
đi

bốn phương trời rộng

Nắng non
tiễn đưa mùa lạnh
phất phơ
dài lụa mỡ gà
Nước chảy găm cầu
e ấp gió
Đánh rơi
một lẳng hoa hồng

Những cánh bướm non xanh
Cánh
 phe phẩy
 đập
Đem cho đàn chim
 đương nghệch mỏ
 đồng ca
Mừng Chúa hồi sinh

Tôi nhìn xác người ăn mày
 gò má xương gầy
 vành râu nham nhở
Nhìn lên tượng Chúa
 giật mình

Cha
 Con
 Thánh Thần
 Amen!

Chúa về tự bao giờ
Có phải thật Người không?

Tiếng chuông

lu loa

hồi hà

giục

người bỏ già

Quét

chiếc xác

nằm co quắp

Chết

giữa ngày Phục sinh

Chết

giữa cửa nhà thờ

Dù thế nào

cũng không thể

xóa đi

Ngày lễ

Và làm ngày lễ

mất vui

ĐỢI CHỜ

(Cá đất nước là một nàng Tô Thị)

Ngày ấy

hôn vội em

anh đi

không cho em tiễn

không nói

bao giờ anh về

Cánh cửa

ném vào

một khung trời lạnh

Và

mấy tháng mặt thám

Còi

rúc thất thanh

đêm

Vết anh

còn trũng

đau mặt gối

Bóng anh rợp phủ

kín người

Em chỉ sợ
 chúng đánh hơi
 người thấy
Mây sợi tóc anh
 nằm vương trên chiều
Anh, bao giờ anh về?
Đôi chim bồ câu anh nuôi
Con đực
 mèo đen
 bắt mất
Con cái
 ra vào
 một mình
bỏ cơm
 tha thẩn mấy hôm
 rồi chết

Anh!

bao giờ anh về?

Những đêm trắng suông

Hoa sữa

gọi mùi anh

đến

Hơi anh

tỏa

ngập gian phòng

Khắp cả người em

rưng rức

nhớ

Lòng lạnh ngắt

như nhà

không chủ ở

Một nửa giường

nghiêng

nhớ nửa giường

Anh!

Giờ anh ở đâu?

Ở một khoảng trời nào

ngơ ngác

gió

Nhìn về

chỉ thấy

cây xanh

Ở một hòn đảo nào

quanh năm sóng vỗ

Đêm khuya

nhòe nhoẹt

sao tàn

Ngoi ngóp giữa muôn trùng

nước đổ

Ở một đoạn đường nào

trốc lở

Mưa phùn

xóm thợ

đầu ô

Anh!

giờ anh ở đâu?

Em muốn biết nơi anh ở

Thỉnh thoảng

chiêm bao

cho đỡ nhớ

Mật thám

chăng đây các ngõ

Mộng biết lần đường nào?

PHÁC HỌA MÀU XÁM

Ai chẳng muốn

có những lời

thật xinh

thật đẹp

Nghĩ đến

quê hương tâm bé

của mình

Tôi yêu quê tôi

như yêu

người vợ già xấu xí

Từng chia sẻ với nhau

nhiều cảnh sống đau buồn

nhiều sự thật

một chuỗi ngày nhạt thẽch

cống trên lưng

Yên Bái

dầm cô gái

lỡ thì

thốn thức

Nhất Linh

tay

Loan Dững

lên ô kính bụi

Chợ chồng

mấy con búp bê

gãy cẳng

bạc mẫu

Yên Bái

một phố chiều

thượng du nắng lụi

Một con đường

rơm rơm

máu rơi

Đôi vợ chồng già

không con

nhìn bóng tối

Ôm con mèo gãy

nhức nhối

chuyện ngày xưa

Yên Bái
hôm nào
cũng ra ga
Hôm nào
cũng nhờ tàu
ở lại
Với những tiếng còi
rút ruột
gọi đi
Và một chân trời
nhều nhếch
khói

Yên Bái

một xóm me Tây

ngồi rãi ra

phơi nắng

Mặt nham nhở

hàm răng đen mới cạo

Mấy ả nạ dòng

tu rượu

hát si xô

"*Mình ơi*

có đi bờ Hồ"

Lẫn với tiếng khàn khàn

"*Phu quân ơi,*

phu quân ơi"

Trên một đĩa kèn hát rạn

Yên Bái

những ngày trích lục nhau

sao thành nhiều bản

Chiếc rơmanhtông

móm mém

mù hết chữ

Cụ kỳ đợi về hưu

mổ cò

theo tri nhớ

Yên Bái

một quê hương võ nợ

một biển đề

“Nhà cho thuê”

Trơ mảnh trắng mù

trên phong thơ ảnh

Đêm khuya

một tiếng đổ thùng.

Một lũ Tây say

vạch quần tề dải giữa đường

trong gió loạn

Một ngã ba thành năm sáu ngã ba.

CHIẾC ĐỒNG HỒ

Chiếc đồng hồ

ông tôi để lại

Đứng trên nền tường ám khói

Không biết

bao nhiêu năm rồi

Chiếc kim

run run

lăn

từng chữ số

Như một đồ tùy già

lụ khụ

Lưng còng dưới

những quan tài năm cũ

Lắc lè

không cất nổi

chân đi

Người lão bộc
tóc
phơ phơ
trắng

Mỗi lần lên giây
lại
gạt chiếc cự ly
thờ dài
ngao ngán

Vẫn chậm
một giờ
như hôm qua
như hôm kia
như ngày mai
mãi mãi

Tay
lấy bấy
quay
chiếc kim
lấy bấy

Dắt thời gian
đi uể oải

Không kịp cuộc đời

Rơi
rớt
lại đằng sau

Ôi!

Thiên hạ

chán

ta rồi

Trở

một

tuổi già

ở lại với sân ga

Mưa phùn

gió lạnh

Chuyến cuối cùng

cũng

đã

bỏ

ra đi

Tiếng tích tắc
cầu kinh
trong đêm lắng
Con thạch sùng
cụt đuôi
nào
tặc lưỡi
xót thương ta
Chiếc đồng hồ
vẫn mỗi ngày mỗi chậm
Cho đến một hôm
chiếc kim ngừng hẳn
Lúc ba giờ chiều
Người lão bộc
tóc
phơ phơ trắng

Giữa buổi mai
 reo sáng chan hòa
Vòm lá xanh
 đầu trẻ thơ
Chim ngời rìa nắng
Nhìn chiếc đồng hồ lăm lăm
Ba giờ chiều
 ôm mặt
 thờ dài
 nước mắt
 khô
Như những thoi vàng hồ
 rơi
Đau những giấc mơ bị giết
Trán
 ngổn ngang
 nhiều nếp huyết
 chưa vùi

Thời gian ở đây
vĩnh viễn ba giờ chiều
trên chiếc đồng hồ
đã chết
Và tiếng mọt
kêu cọt két
thay tiếng máy
già
ọp ẹp
hôm qua
Đánh nhịp
cho cuộc đời
bại liệt
theo chiếc kim
nằm chết
lúc ba giờ.

TIÊU THỔ

*Hãy đắp diêm nhớ thương phủ nhiều hoa lên kỷ niệm
Rời biên chế ba lô cho nhẹ gánh lên đường*

Yên Bái

chỉ để lại
trong tôi
những kỷ niệm
nhạt
như nước ốc

Sao hôm nay
khi tiêu thổ quê hương
tôi bỗng khóc

Giữa lúc chia tay
lục lại lòng mình
trong một phút

Chẳng hiểu
mình yêu
từ bao giờ

Ta đã phụ ta
phụ xung quanh
nhiều quá

Yên Bái ơi!

Cố sống

lấy thêm

dăm ngày nữa

Nợ nần

ta trả

cho nhau

Ôi! Những căn nhà cũ

Những trang nhật ký đời ta

Ta

ghi chép lại ta

từng viên gạch mốc

màng tường vôi

nhăn nheo

Văng trán

nhiều kỷ niệm

Hãy đắp điểm nhớ thương

phủ nhiều hoa

lên dĩ vãng

Rồi biên chế

ba lô

cho nhẹ gánh

lên đường

Hôm nay

ta đánh vỡ

quê hương

Đánh vỡ

từng viên gạch

tổ tiên ta

cóp nhặt

Như con chim
hăng ngày
tha rác
đánh vỡ
đời
đời
chống chát
theo nhau
bồi đắp
Mồ hôi
đục
nước sông Hồng
Quê hương ơi!
ta không phải
kẻ ăn tàn phá hại
Vén tay áo xô
đốt gia tài
ông cha để lại

Ta thiết tha

từng mẫu sân rêu

từng chiếc kèo một găm

từng răng cầu thang lung lay

từng khung cửa hom hem

từng chân trời mốc rạn

Ta thiết tha

tất cả những gì

tự tay người

xây dựng

nhọc nhằn

cho

có hôm nay

Nhưng...

không thể

để quê hương

làm mẹ Tây

cho giặc

Mái tóc xanh

che mặt

cúp nhìn

xuống đất

Dù tan vỡ hôm nay

tan vỡ ta

tan vỡ tất

Ta

vẫn còn

nguyên vẹn

tương lai

Và nghĩa cả

những tan vỡ hôm nay

rồi ta sẽ

trả lại

Một cuộc đời
Bốn mặt tường
cửa sổ
 ấm no hơn

Khách bộ hành
 qua Yên Bái
 hãy dừng chân

Nơi đây
 đã sống
 một quê hương
 cam lòng
 tan nát mình
 đi
 theo đuổi tự do

Từng viên gạch
 cũng xa thân
 vì lý tưởng

Ôi! Gạch ngói vô tri
cũng biết anh hùng
Khi tổ quốc lâm nguy!

QUÊ HƯƠNG DU CA

Ôi!

Những ngày đầu
quê hương
tan nát lửa

Như đàn cò
vỡ tổ
bể nhau đi

Đằng trước
một chân trời sọc đạn

Đằng sau
thông thống một đường về

Ta đã
chọn
đường
đi về phía trước

Chân chảy máu
nặng vào nhau ta bước

Điểm chỉ
trên khắp mọi ngã đường

Trong bản giao kèo
ta ký
với tương lai

Còn sống mãi trong ta
những con đường xuyên sơn
cheo leo
muối vắt
Như con suối
lá han
nước mù
đục bờ
Những bản sương
bốn mùa
ngun ngút phủ
Trên cơn sốt rét
vỡ lòng
Chôn quýt dai
nắng chiều
nhoe nhoét đỏ
Phen này
bỏ xác
bón rừng xanh

Ta vật ngã
 ma thiêng nước độc
Như người nặng lời nguyên
 không thể chết

Còn mãi trong ta
 những con đường
Sống trâu
 bùn lầy
 bê bết

Những vai thờ
 độn
 gánh
 còng khum lưng

Những chiếc áo
nhuộm nâu
còn
ngơ ngác trắng
Những lộc chân non
chưa biết
đĩa giày vò
Mắt loang lổ
những đêm
đèn
thành phố
Từng giờ
từng phút
kéo co nhau
Trăm thứ nghĩ
chồng lên
trăm thứ nhớ

Ta vẫn quên
như người thừa nhớ
để mà quên
Chỉ nhớ mỗi một điều
tổ quốc
cần ta có mặt

Tôi theo quê hương
đi
đến một vạt đường

Kèo cột
dựng lên thị trấn

Lại
thơm khói cà phê

Lại
sóng sánh
vài con mắt nắng

Đàn ai gảy một tiếng trầm

Một điệu "Quay tơ"¹

Phố hôm trước

tàu bay

quần

cháy rụi

¹ Ca khúc *Quay tơ* của Tư Phác rất phổ biến giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp.

Hôm sau

lại cột kèo

sừng sững

đứng lên

Tiếng hát

dậy mùi

mô ca

bốc khói

Tôi theo quê hương

đi

đàn con bộ đội

Mỗi đêm

gõ cửa

một chân trời

Nghe tổ quốc
đau thương
 ời ơi
 gọi
Trăm nghìn
 đồn địch
 xối trong tim
Đêm
 ngã xuống
 một bờ sông
 gió thổi
Gửi lòng theo
 khẩu súng
 lên đường

Tôi theo quê hương
 đi
 những ngày
 tan nát
Chỉ còn thừa đôi khát
 để chia nhau
Nhưng ta trải
 quá nhiều năm
 đói nước

Từ đó

không thứ đôi nào
ngăn nổi bước ta đi

Tôi theo quê hương

đi
trong những ngày mờ hôi
tăm tã đất

Công việc

trùng trùng
từng núi
chất trên vai

Thương nghĩa lớn

chưa đủ
người gánh vác

ta đành khổng lồ ta

theo
trách nhiệm khổng lồ

Cả nước

rủ nhau làm Thánh Gióng

Tôi theo quê hương

đi

những ngày

tuyệt vọng

Tai đã nghe

thất bại

điểm danh mình

Ta vẫn thẳng

như người

không biết nản

lòng tin tưởng

Một chút lòng tin

đủ cần bấy

một đĩa cầu

Ôi! Quê hương
sau những ngày bão tố
Lại rộng dài
thêm một khoảng rừng xanh
Một dòng suối
hoa ban
thường đến tắm
Một tiếng khèn khuya
gọi gió ngàn
Một tràn ruộng
lúa tơ
vừa ngậm sữa
Một đàn quạ
nổ pháo mồm
cây gạo
đầu xuân
Một bóng chim cu
nghiêng
cành tre đuôi én
Thêm
nhiều quê hương
nhiều chân trời
Bát ngát
Nơi nào
cũng quê hương

MẸ

Ôi! Cách mạng rộng như lòng mẹ

Bà mẹ Âu Lâu

ngồi

như gốc mai nở trắng

giữa đàn con

đủ

các giống người

Thắng cả

Xa lưm

người Xê nê gan

làm mỏ than Ma rốc

Vào hầm than

đen

như thấy dân tộc mình

mấy ngàn đời

vùi dập

chết

ở đây

Tan tâm về
ra bờ sông nước trong
rửa mặt
Rửa xong
nhìn
mặt vẫn nhọ than
Thăng hai
Ma Hồ Mét
Công nhân bốc vác
An Giê
Gù gù
lưng cánh phản
Ngày ngày
khuân tổ quốc
xuống tàu buôn
Đêm hải cảng An Giê
lấp lánh
một vành trăng nửa
Từng chùm hoa điện
rụng trên đường
Hai ngọn hải đăng
bật luồng
Soi lối
cho tàu vào
ăn cướp

Và xa xa

Kas ba

xóm thợ không đèn

Nham nhờ

như một tấm Buinou rách

Thằng ba

Vi Lem

lái tắc xi Béc lanh

Thừa nhắm mắt

đi trong thành phố

Thổ công

tất cả

mọi con đường

Không tìm được

một con đường thoát

Lá Ti Ôn

rụng mái

mái tóc hung

người lái xe

thất nghiệp

Thăng Tư

Stê Phan

nhạc sĩ

thủ đô nước Áo

Đêm đêm

trong các bar

lao lực

ru tình yêu

thiên hạ

Về nhà

vợ bỏ

theo giai

lấy tiền

may mộng đẹp

Để lại

dòng sông Đa núp
sóng ầm ầm

Như

chiếc đại phong cầm
và
một rừng thông xanh

Thằng Năm

Pa pi ni
nông dân
ngoại ô La Mã

Nơi những vườn cam

mọng
nắng vàng

Soi những giấc mơ

hóa đá

Một cuộc đời
mãi
không thấy đẹp

Thằng Út
Victo
sinh viên
xóm nghèo Mông Mác
Con sông Xen
nước chảy
lờ đờ

Đá cũ
nhăn nheo
chiều quả phụ

Quăng đèn
thâm mắt
tiệm cà phê

Mấy tuýp Gác đi nan
chòng chơ
năm
rập vờ

Một câu thơ Ranh bờ
nổ
giữa đêm dài

Ai tự sát

Ơi! những người con

từng lạc lõng

trong đoàn quân

viễn chinh

nước Pháp

Các con

thuộc

nhiều quê hương

nhiều dân tộc

khác nhau

Mọi nỗi khổ đau

đều là con

của mẹ

Ave Maria!

chào những Maria
thuộc đủ các màu da
trên trái đất

Kho dự trữ yêu thương
cho tất cả loài người

Hai vú
chảy
dãi Ngân Hà
sữa ngọt

Qua mệnh mông
sa mạc
hải thù.

Một dòng suối
chưa người qua
nước mọc rêu
không chảy

Nhân loại
tùng xéo nhau
bằng các thứ
biên thủy

Gió địa cầu
tun hút
lạnh

Bơ vơ
như một sự
chia lìa

Chim ơi!
hãy thương
hàng dây thép gai vò vổ

Gọi lá về
cho cây bồ kết
nở
thêm xanh

Sao hãy mọc
những đêm trăng
biệt xứ
Đừng để chòi canh
đứng
một mình
Và tiếng vượn
cũng đừng
thao thức nữa
Để mũi lòng
khẩu súng
canh khuya

Ôi! Quê hương Vạn Tượng
Nắng sớm
mưa chiều
lỗ chỗ
vòi đi

Hoa đào

rụng trên đường

Có phải

hoa đào quê hương

sợ ta sang đây

đồng đất nước ngoài

bỡ ngỡ

Theo sang

cùng với gốc mai già

qua nghìn dặm quan san?

Nhớ bà mẹ Lào

lấy chỉ trắng

vòng cổ tay

chúc phúc

Cho ta
 một pho tượng Phật
 lên đường
Nhớ người em gái
 mắt nao rưng rờ rờ
 lưng chuyển như công múa
Búi tóc thơm
 mùi hoa Ly lan
Thương anh bộ đội Việt Nam
 nắng mưa vất vả
Gạo Bắc, muối Nam
 củ xả quê người
Nhớ người đồng chí It xa la
Chia nhau
 một nắm xôi
 chấm mắm
Một quả me
 một thời đạn
 ven rừng
Một nghĩa lớn
 một tiếng chim nóc lạng

Anh đến đây
và ngã ở đây
Tiếp máu
cho một quê hương
không sinh ra anh
Xây dựng
quê hương chung
Cách mạng
Lấy xác mình
gạch nổi
những phân chia
Chúng tôi
chôn anh
trong tiếng khèn
Hoa dại
nở
bồng bênh mây trắng
Có người con gái Lào
bập bồm

Đỉnh gió
 hú tên anh
Mây trắng
 rừng xanh
 không tận
Gió Lào ví vút
 thổi ngàn lau
Vun ấm
 đắp
 cho người chết
Dòng suối
 thì thảo
 đếm sỏi canh khuya
Mảnh đất quê Lào
 gối đầu tay
 ru
 anh ngủ
Nắng Việt
 chiều chiều
 vượt núi thăm.



John Foley chụp năm 1997

CỬA HÀNG LÊ ĐẠT

Cáo thăm lân giờ trước đèn¹

Nguyễn Du

Quý khách qua phố Trần Hưng Đạo

Hãy dừng chân

mấy phút

tham quan

Cửa hàng Lê Đạt.

1.

Lê Đạt nào?

Có phải Lê Đạt

của **Những người tự tử**

của **Những cái bình vỡ**

Chán thơ thần rồi sao

mà lại về mở hiệu

Hay vợ đau, con yếu

Làm thơ không đủ tiền

Hay bị phê bình

kiếm thảo

¹ Đề từ này mới thêm vào năm 1989.

Giờ như chim phải tên
Động thấy cây cong
là sợ
Hay thơ tôi không người tiêu thụ
Phải bán Kì-lô

2.

Làm thơ đã đành là khó sống
Một bài thơ Văn nghệ trả
năm nghìn
Mua soắn vừa hai hộp sữa
Nhưng kinh tế dân ta còn khổ
làm thế nào
Cả nước nghèo tần tảo nuôi nhau
Đủ sống làm thơ
thế là tốt lắm
Nếu không có mấy ông phê bình
Mác xít thiên binh
Duy vật chi hồ già đã
Nhai chữ mòn răng
chưa vỡ sự đời
Mấy chữ i-tờ lòng người
không biết
Ngắt ngọn bao nhiêu suy nghĩ
tìm tòi
Ra chữ nghĩa
nhiều khi
cũng giết người

Có những ngày chán nản

Tôi muốn đi thật xa

Không muốn nhìn

không muốn nghe

không muốn viết

Có những ngày

tôi chỉ còn muốn chết

Nhưng thương vợ

thương con

yêu tiếng Việt

Tôi không đành đi

Quê lạnh thân cô lặn lội

3.

Trần Dần đi phao tin

"Lê Đạt mở cửa hàng phở chó"

Anh em ôm bụng cười

Ô hay, sao lại cười

Tôi không định mở cửa hàng phở chó

Nhưng sáng tác cho đời thêm vài thứ phở

Chẳng là nên hay sao

Chẳng hơn ngồi nhai đi nhai lại

Mấy vần thơ thịt rừ

Bã nát từ thời cà cộ.

Một tý anh

một tý em

Tý ty nhiệm vụ

tý ty căm thù

Tý ty điểm huyện

tý ty mộng vũ

Đổ làm mấy chục thùng thơ

Bùi Thị Xuân¹

nếu không còn hàng phở

Đời sẽ buồn biết đến bao nhiêu

Như Hồ Gươm không người làm xiếc

Như Hồ Tây vắng bánh tôm

Ta sẽ mất rất nhiều Hà Nội

Nước béo

mỡ gầu

tôm tươi

thơ mới

Áo nắng tuổi cờ thu chín tới Thủ đô

4.

Anh em tôi để sau đến muộn

Mở cửa hàng

sinh sống

khó khăn

Bao nhiêu chỗ thơm

người ta "xí" trước

Hiệu 20 năm

Hiệu 30 năm

Hiệu "nhất Thủ-đô"

Hiệu "gia truyền chính cống"

Phong lưu sống nhờ đọc một cái tên

¹ Hàng phở Tý nổi tiếng phố Huyện Trần Công Chứa sau đổi thành phố Bùi Thị Xuân.

Anh em tôi đành ra góc phố
 Đăng ký mở hàng
 Chưa có tiếng tăm
 rồi sẽ có tiếng tăm
 Miễn chịu khó làm ăn
 cần cù
 lương thiện
 Bà con
 cho mấy tấm ni lông
 Lợp lên làm mái
 Mấy tấm dù Điện Biên
 quây lại làm tường
 Mới ra ở riêng
 bạn bè thương giúp đỡ
 Ôm lấy bóng đèn
 Văn Cao vẽ một con mắt đỏ
 Giải thích
 “ngày đêm mất ngủ
 dăm dăm sự đời”
 Ngoài cửa hàng
 Trần Dần treo
 quả tim đỏ sộ
 Khắc mấy câu thơ Mai – A
 “Yêu
 ghét
 khổng lồ”

Hôm khai trương

Hoàng Cầm giọng oanh vàng đất Bắc

Sẽ đến ngâm thơ

Nguyễn Sáng vẽ chân dung người đến dự

Tử Phác mắt Rômêô mơ buồn thả điệu "Quay tơ"

Phùng Quán "vượt Đào" về múa micrô độc tấu...

5.

Cuộc sống thật vui

nhưng thật là vất vả

Méo mắt

lo cơm

lo gạo

lo ốm

lo đau

Lo hàng trăm thứ

Vật chất đã đành là hạ tầng cơ sở

Nhưng người ta đâu chỉ có dạ dày

Còn tim đòi rung

còn đâu đòi nghĩ

Hằng hà sa số nhu cầu

Anh thích đi câu

Anh thích đi pic-nic

Chị thích đầu xúc xích

Chị thích Uxi

Như sách nói:

Bách nhân bách thích

Anh hôm nay đi chơi
Trời cao thu mát
Gặp một tà áo bay phơ phất bên hồ
Con ruồi đậu mép ngăn ngõ
Đêm khép cửa
lòng còn ngó gió
Còn anh
hai thớ tóc trên đầu
chưa vợ
Mưa dầm bến Nửa lữ xe
Đầu gối ba lô xệp mộng
Buồn như một sự hiểu lầm
Còn anh
con sài
vợ chưa
Sòn sòn
hai năm đôi
Quanh quần tã con
thuốc vợ
Còn anh
mơ ước trong đầu tây mù
Bao nhiêu dự định quay cuồng
Bức bối, tay chân
đói thèm cửa sổ
Tàu mơ neo nặng nợ rãnh đời

6.

Xin các anh hãy đến hàng tôi

Nếu cần vui

tôi sẽ đi làm xiếc

Trồng cây chuối ngược

đánh trống thổi kèn

Tôi sẽ làm thẳng hẽ

"óí a"

bông phồng nghịch ngợm

Giành giật mảnh vui

từ tiếng thờ dài

Những người ít cười

thường hay chết sớm

Tôi sẽ xào thêm xanh thêm mộng

Tôi sẽ làm thầy tướng

Chấp mây tử vi

mấy bài xì

Người làm thơ nào chẳng chút ít tiên tri

Nếu những cái hàng ngày i eo đê tiện

Mốc nấm ăn meo khắp cả thân hình

Tim tro nguội đến mèo không thèm ngủ

Tôi sẽ chum thơ tôi thành ngọn lửa

Sấy lại tâm hồn mưa phùn

Trên đường mưu sinh trường kỳ mệt mỏi

Tôi sẽ tiếp máu thơ nóng hổi

Lên dây cót lại trái tim

Bước túc tắc

phổ xanh mùa tíc tắc

7.

Để tạo dựng một cửa hàng nho nhỏ

Tôi đã đổi những ngày hớn hở

mười tám đôi mươi

Những má gọi

những vườn cười chín tới

Tôi đã sống những ngày lầm lũi

Quên ngủ quên ăn

Tôi đã chịu đau thương bất công hắt hủi

Tuổi thơ làm hai tuổi trời¹...

Tôi vẫn đi

như cung mệnh

sao Đà la đầy dọa

Cho đến lúc

trí trá

cường quyền

đều già

Không còn hành hạ con người

Sao ta chưa khai thác cung trăng

thành chỗ ở

Sao mới sáu bảy mươi

đời đã vội về già

Đến bao giờ mới có những thiếu nhi trăm tuổi

Ngậm ngùi thương ông Bành tổ chết non

Những bà mẹ vừa sinh con vừa hát

Chữ tự do mùa thật hạt bát cười

1958

¹ Mất một trường đoạn.



John Foley chụp năm 1997

ĐOẢN NGÔN

chữ ngắn – tình dài – nghĩa nặng

LẠC QUAN

“Một trong những diễn biến bình thường của cuộc sống là thay đổi thất vọng như thay đổi áo sơ mi”.

Có lẽ nên thêm vào câu nói hết sức bi quan của Ciroan một ý nhỏ: Nhưng người ta vẫn giữ nguyên áo may-ô hy vọng!

LỊCH SỬ

Trong quá trình lịch sử người ta thường hẹn tương lai và chỉ gặp hiện tại.

ƯU ĐIỂM XẤU

Phần lớn các nhà thơ cách tân đều có một ưu điểm xấu - Họ đều vô phép trước keng.

ĂN TRỘM

Khi anh nhớ một câu thơ hay, anh đã ăn trộm được một chút gì đó của cái chết.

VÔ CẢM

Mù nhiều khi không đơn thuần là một bệnh nhân nhãn khoa. Nó là một hội chứng của sự vô cảm.

THAM VỌNG

Tham vọng lớn nhất của nhà thơ là thay đổi quy chế của độc giả từ một người tiêu thụ thành một người sản xuất văn bản.

SỐ ĐỎ

Thơ cấp số đỏ cho người đọc. Chính vì vậy mà Heidegger gọi thơ là, “nhà của bản thể”.

NỖI LOẠN

Camus đưa ra một khẩu hiệu rất được: “*Tôi nổi loạn* vậy là *chúng ta* tồn tại”.

Người cách mạng đồng thời phải là người nổi loạn. Nếu không anh ta có cơ nguy trở thành cảnh sát hoặc công chức quay lưng lại chống đối cách mạng. Sự *nổi loạn* là chị em song sinh của cách mạng.

TÌNH CA

Một bài tình ca hay không phải một kỷ ức về tình yêu đã qua mà là một tình yêu hiện hành, một tình yêu bị bắt quả tang.

SỐNG ẺN THEO

Octavio Paz, nhà thơ lớn người Mexico có một nhận xét rất đáng nhớ “Quá nhiều người không sống mà sống ẻn theo”.

THÔNG BÁO

Ai nhớ tên tác giả câu thơ sau đây xin báo cho nhà thơ
Lê Đạt, 190 Phó Đức Chính – Xin cảm ơn và hậu tạ:

“Con người bao giờ cũng tương lai”.

RUTHERFORD

Nhà bác học người Anh này rất kị các nhà vật lý lý
thuyết, nhưng lại rất thích thù nhà lý thuyết hàng đầu
về vật lý lượng tử N. Bohr – Ông nhận xét:

“Bohr không giống các nhà lý thuyết khác. Anh ta chơi
đá bóng”.

THƯỢNG ĐẾ ĐÃ CHẾT

Nietzsche có lẽ đã tỏ ra hơi vội vàng khi tuyên bố
“Thượng Đế đã chết”. Ông không hiểu rằng Thượng
Đế này chết thì người ta sẵn sàng bịa ra một Thượng
Đế khác.

KINH NGHIỆM THƠ

Một nhà thơ có kinh nghiệm là nhà thơ biết im lặng để *nghe* chữ phát biểu.

THÓI QUEN

Hình như độc giả thơ hiện đại càng ngày càng có thói quen “fast food”.

Người ta nói rằng nhà thơ Mỹ Cummings đã tuyên bố:

“Bây giờ và ngày mai sẽ không có bán thơ tôi ở hệ thống cửa hàng McDonald”.

HỆ KHẨU CỦA NHÀ THƠ

Theo E. Jabès, hệ khẩu của nhà thơ là ở ngoài ngưỡng cửa giữa những giấc mơ quá sớm và những tứ quá muộn.

NGHI NGỜ

Alêxei Batasep, nhạc sĩ jazz Xô Viết nổi tiếng:

“Tôi rất nghi ngờ giá trị một nghệ thuật cũng như một tình yêu được phép”.

NÊN THƠ

Nhà vật lý Oppenheimer, cha đẻ của trái bom nguyên tử đầu tiên có một nhận xét rất thơ:

“Một khoảnh khắc tình yêu là một nguyên tử của vĩnh cửu”.

FLAUBERT

Niềm đam mê trí tuệ cũng đắm đuối như niềm đam mê tình dục. Đối với tôi, viết cũng là làm tình.

NGHIỆN

Ritsos, nhà thơ lớn người Hy Lạp bị lưu đày trong nhiều năm trên một đảo vắng có một ý kiến thật bất ngờ: “Tôi không nghiện rượu vì trước đó tôi đã nghiện chữ”.

SIÊU THỰC

Người ta cứ lặp đi lặp lại mãi chủ trương thơ của phái siêu chữ “viết trong mơ”, quên mất rằng đó là một giấc mơ *thức*. Nó đòi hỏi một khả năng “tinh” đặc biệt, phải được tôi luyện trong nhiều năm. Tôi hoàn toàn đồng tình với nhận xét của nhà thơ X., bạn tôi về Bùi Giáng: “Tôi không thích cái điên nhưng thích cái rõ trong thơ Bùi Giáng”.

NHẢY

Kazuo Ohao, một vũ sư Nhật nổi tiếng cho rằng vũ trước hết là một chuyển động của tư tưởng. Ông dạy học trò "Các em hãy nhảy không chân và không tay".

NGẠN NGŨ ANH

Một câu ngạn ngữ Anh rất hay:

Thơ bắt đầu bằng một con rệp và kết thúc bằng một Thượng Đế.

Nhà thơ không những có thói quen "bé xé ra to" mà còn *bé xé ra vô tận*.

GÁNH NẶNG

Ritsos nói:

"Gánh nặng nhất là gánh ánh sáng không chia sẻ được với người khác".

HUYỀN THOẠI

Trong hai cặp tình nhân huyền thoại của thế kỷ XX Elsa/Aragon và Beauvoir/Sartre, tôi ưu tiên cặp thứ hai.

Đọc kỹ những bản tình ca xuất sắc của Aragon, tôi vẫn cảm thấy ông hơi "năng giọng", cố gắng quân bình hóa trị phương trình tình yêu = tình nghĩa

(nó vốn là một phương trình ảo).

Beauvoir đã nói không úp mở về khả năng làm tình kém cỏi của Sartre. Nhà triết học đa tình này cũng từng công khai khuyên Beauvoir sang Mỹ ở với người tình một thời gian để thay đổi khẩu vị.

Nhưng khi nhà văn Mỹ Algren chính thức đặt vấn đề và yêu cầu chia tay chính thức với Sartre, bà đã dứt khoát khước từ một cách đau đớn.

ĐÌNH NINH

Tôi trọng các nhà thơ đình ninh nhưng triu mến các nhà thơ bốn chốn.

Các nhà thơ đình ninh có thể trở thành những trưởng môn phái lẫy lừng nhưng không có khả năng trở thành một nhà thơ tình tri kỷ.

NGẮT CÂU

Aristotle từng than phiền rất nhiều về những khó khăn với việc ngắt câu trong những di cảo của Héraclite.

VIẾT

Theo Nietzsche “Viết không phải chỉ là sống mà là mở ra những khả năng sống mới, giải phóng sự sống nơi nó còn bị cầm tù nhằm một dân chúng tương lai chưa có ngôn ngữ”.

LEVINAS

Các nhà luật học nhất thiết không nên bỏ qua yêu cầu sau đây của Levinas: Luật pháp phải đi từ chỗ sợ người khác đến chỗ sợ cho người khác và luôn hoàn chỉnh chống lại sự hà khắc của chính nó.

MINH BẠCH

Thơ cũng như chuyện phòng the không nên quá ư minh bạch.

HÒA GIẢI

Chủ nghĩa lãng mạn đề cao tính chủ thể, Phái Thi Sơn (Parnassien) đề cao tính khách thể. Hai bên cãi nhau rất hung trong lúc thơ vốn con nhà tử tế sợ to tiếng đã lỉnh đi tự bao giờ.

Sartre nói thơ là một chủ thể/khách thể. Trang Tử cũng nói: Thơ xuất hiện thuở trời đất còn hỗn mang. *Sự rạch ròi đến sau.*

THÔNG NHẤT

Thông nhất là tôn trọng và bảo đảm tính đa dạng chứ không phải là giản lược và ăn hết tính đa dạng.

DÂN CHỦ CHỮ

Các nhà thơ đều mưu toan hoàn toàn làm chủ tác phẩm của mình. Điều may mắn là không bao giờ anh ta đạt được điều đó. Những tác phẩm thơ hay thường là kết quả sự cưỡng lại của chữ.

KHÓ HIỂU

Hai câu thơ khó hiểu của B. Brecht:

Những bóng ma ngày xưa đến từ quá khứ

Giờ đây chúng đến cả từ tương lai.

TỘI TỔ TÔNG

Nhà thơ vì tương lai của chữ mà quên tội tổ tông của loài người. Anh ta nhớ mãi câu mở của Thánh kinh "Thoát kỳ thủy là *Lời*".

HÌNH HỌC

Thơ là một giả thiết sống không cần phải chứng minh.

CON TẠO

Cổ nhân đã rất hóm hỉnh khi mệnh danh Thượng Đế là *Con Tạo* nghĩa là một đạo diễn trong giới xướng ca vô loài.

HAI CHIỀU

E. Glissant, nhà thơ da màu đảo Martinique có một câu thơ *hai chiều* hết sức nổi tiếng.

Con đường nhỏ về già thành con đường lớn

Đứng ở góc nhìn của Khổng Tử đó là một lời khen.

Đứng ở góc nhìn của Trang Tử đó là một lời chê.

VỀ MALLARMÉ

Một nhà thơ khó tính Valéry nhận xét về một nhà thơ khó tính khác, Mallarmé như sau:

Mallarmé ưa tán tỉnh tuyệt đối!

MỘT BẢN TÌNH CA

Có thể nói Édith Piaf phần nào đã sinh ra ca sĩ Yves Montand. Khi Yves đã nổi danh, Piaf đột ngột cắt đứt với người tình trẻ:

Yves có thể sống tự lập và tôi đã trở thành một vật cản.

Nói về người tình/người chị của mình, Yves xót xa:

Piaf đã yêu tôi, đã nâng đỡ và làm tổn thương tôi với không xuể lòng chân thành, nụ cười và cách đối xử tuyệt vời cần phải nhiều năm mới chữa lành được.

HÓA THÂN

Theo R. Barthes, thành công của nhà văn "ngoài lề xã hội" Jean Genet là đã biết hóa thân thành một *nhân vật giấy*.

CẤM

Thời đế chế Napoléon III là một thời kỳ đen tối của nền dân chủ Pháp. Những biển CẤM lan tràn khắp nơi như một nạn dịch. Nhà báo dân chủ Henri Rochefort đã có sáng kiến làm một biển CẤM rất to trên viết hai chữ đại tự:

CẤM

CẤM

Theo nhiều phái, ông còn là tác giả của thông báo nổi tiếng sau đây:

Những điều không bị cấm đoán đều phải xin phép.

THƯỢNG ĐẾ

Thượng Đế là chủ sở hữu Hạnh Phúc.

HẠNH PHÚC I

Nhà triết học X đi khắp hang cùng ngõ hẻm mãi mới tìm được một người tự nhận là có hạnh phúc. Đó là một người rồ.

HẠNH PHÚC II

Gân trọn đời lần mò chiếc sơ mi hạnh phúc, người ta mới ngộ ra rằng hạnh phúc thường ở trần.

SAI LẦM CỦA NHÀ THƠ LÃNG MẠN

Cái sai lầm của nhà thơ lãng mạn A. Musset là nghĩ rằng chỉ thất tình mới khổ mà không biết rằng *đắc tình* có khi còn khổ hơn.

KINH KORAN

Tôi nhớ có đọc đâu đó trong *Kinh Koran* một ý kiến rất độc đáo xứng đáng với một câu thơ hay;

Mực của các triết gia còn quý hơn máu của những kẻ tuấn nạn.

Nhưng vì đã quá lâu nên tôi không dám bảo đảm tính xác thật 100% của nó. Mong các nhà nghiên cứu trợ giúp.

NGỘ ĐẠO

Đại sư Long Thọ nhiều lần nhắc nhở môn đồ:

Không nên lẫn *ngộ đạo* với *đắc đạo*.

Người *đắc đạo* lúc nào cũng có nguy cơ trở thành *trọc phú đạo*.

NGHE - NHÌN

Một ngôn ngữ nghe/nhìn trong đó phần nhìn quá lấn át phần nghe rất có thể

trở thành ngôn ngữ của sự mê hoặc.

Người ta thường bị một người đẹp quyến rũ *bằng mắt* chứ ít khi *bằng tai*.

SCĂNGĐAN

Viết là đi đến tận cùng cái có thể viết được (scriptible), mạo hiểm vào những cấm kỵ đương thời.

Todorov nói: Viết là tạo nên những scăngđan văn bản (scandales textuels).

TÌNH YÊU

Cái bi kịch của tình yêu nằm ở tính nhị nguyên đối nghịch của nó.

Với tư cách là một nhu cầu, nó đòi hỏi một đối tượng cụ thể bằng xương bằng thịt.

Với tư cách là một ham muốn, nó đòi hỏi một ám dụ (métasag naphore), một ngôn ngữ, một giấc mơ.

Tình yêu có lẽ thuộc địa bàn thẩm quyền của tâm phân học hơn là của tâm – sinh lý học.

TỔ QUỐC

Ubi pater sum, ubi patri a.

Nietzsche giải thích như sau:

“Tổ quốc chủ yếu không phải nơi ta được sinh ra như một người con mà nơi ta được sản sinh như một người cha.”

Đối với một con người, cái bất hạnh nhất là sự vô sinh.

GIẤC MƠ

Khi giấc mơ trở thành hiện thực, đầu muốn đầu không nó cũng đồng thời trở thành một giấc mơ chết.

BIẾN ĐỔI

Làm thơ là biến đổi ngữ nghĩa học thành ngữ nghĩa học.

LỜI KHUYÊN CỦA CHEKHOV

Nếu anh lâm vào một khổ nạn hãy tự an ủi bằng một khổ nạn lớn hơn. Chẳng hạn khi anh bị vợ cấm sừng hãy nghĩ: May quá nó mới chỉ phản bội mình chứ chưa phản bội Tổ quốc.

CON TEM

E. Jünger có lẽ bị sao quả tạ chiếu mệnh. Ông bị những nhà dân chủ nghi là theo chủ nghĩa Quốc xã, bị những kẻ Quốc xã nghi là thân Do Thái, bị phái hòa bình kết tội là hiếu chiến, bị phe hiếu chiến kết tội là theo chủ nghĩa hòa bình.

Cuối cùng ông được kết tội (?) là tác giả hàng đầu trong nền văn học tiếng Đức và được vinh danh bằng một bộ tem

E. Jünger viết thư cho nhà triết học hiện sinh kiệt xuất Heidegger (lúc đó cũng đang lâm nạn liên quan chủ nghĩa Quốc xã) về hiện sinh bất trắc của kiếp người như sau.

"Người ta có thể bị xem như một con chó và sau đó thấy mình được in trên một con tem".

Nhà thơ X cảm cảnh viết: "lên tem xuống chó".

LƯỠNG TÍNH

Mọi nghệ sĩ đều lưỡng tính (Léonardo da Vinci). Con mắt nữ theo dõi bàn tay nam của tôi trên trang giấy (Q. Colette)

TIN TƯỢNG

Tôi tin tưởng mãnh liệt ở sự hoài nghi.

TÔ ĐÔNG PHA

Thiền sư Thất Ân đến thăm vào lúc nhà thơ Thiền nổi tiếng Tô Đông Pha đương nổi giận, phát biểu "Tô Đông Pha nói rằng tám ngọn gió khó động được ông, vậy mà chỉ có một cái rầm cũng đủ thổi ông bay qua sông". (Bát phong suy bất động, nhất thi đả quá giang).

Cái khuyết điểm của thiền sư Cổ Thi là cái ưu điểm của thi sĩ. Chính nhờ cái nhay cảm bay qua sông ấy mà chúng ta có nhà thơ kiệt xuất họ Tô.

NỔI TIẾNG

Cartier Bresson nổi tiếng vì những bức ảnh chụp đời thường chân thực đến mức kỳ bí. Ông cũng được biết đến như một nghệ sĩ vui tính và khiêm tốn. C. Bresson thường nhắc đi nhắc lại với các bạn: "Có lần tôi đọc được một đoàn ngôn rất hay: sự nổi tiếng tóm được áo anh và tặng anh một cái bat tai danh dự. Tôi bắt đầu cảnh giác với sự nổi tiếng từ đó."

SÓNG VÀ CHẾT

Pyrrho được coi là chương môn trưởng phái bi quan và hoài nghi trong giới triết học cổ Hy Lạp.

Người ta đưa nhau nhắc lại danh ngôn sau đây của ông: "Cuộc sống tính đến cùng chỉ là cái chết được triển hạn".

Người ta quên mất rằng trong thời gian triển hạn ngắn ngủi này nhân loại đã kịp sáng tạo ra một nền văn minh bất tử chống lại cái chết.

PHÒNG CHỜ

Tôi thích họa sĩ Chirico, giai đoạn đầu và nhà thơ Reverdy, các nghệ sĩ lớn của những phòng chờ.

TẠM TRÚ

Thà suốt đời tạm trú những giả thuyết hơn thường trú những chân lý. Nó thường là những chân lý chết. Tôi yêu những từ *ăn hỏi* hơn những từ thành hôn.

VALÉRY

Valéry nổi tiếng là nhà thơ tư tưởng nặng ký và khó tiêu hóa.

Nhưng ông lấy được trọn cảm tình của tôi qua những câu thơ rất nhẹ nhàng sau đây:

Khoảnh khắc một ngực trần

Chớp khe hai mảnh áo

DI CHÚC

Nhà thơ già La Mã Horace di chúc con cái khi chôn ông hãy bỏ vào túi ông dăm hạt giống. Nó có thể tình cờ mọc thành cây sau khi ông qua đời.

KHUYẾN MẠI

Câu thơ đầu tiên được Thượng Đế khuyến mại, mỗi ta viết câu thứ hai xứng đáng với nó.

TIÊU THIÊN ĐƯỜNG

Một câu thơ mình yêu và một người đàn bà yêu mình.

LỊCH SỰ

Hài hước là phép lịch sự của thất vọng. Và tiếng cười có thể là cách xin lỗi của nước mắt.

CÁI CHẾT

Với Canetti, giải Nobel Văn học 1981, biểu thức "chết đúng lúc" là một ý kiến lầm lẫn. Cái chết không bao giờ đúng lúc.

NEWTON

Nhà thơ X gọi thuyết vạn vật hấp dẫn của Newton là bản tình ca vũ trụ.

DỊ DẠNG

Toulouse Lautrec là một người dị dạng đến mức "mình cũng ghê tởm mình". Suốt cuộc đời cô đơn, ông đi tìm an ủi trong đám gái mãi dâm mạt hạng và để tri ân ông đã biến họ thành bất tử.

Nhân vật La Goulue (Á Thuồng Luống) trong một kiệt tác của ông đã được nhiều người trong giới yêu hội họa mệnh danh là "nàng Giocondo" của các nhà chứa.

BI QUAN

Essénine có hai câu thơ tuyệt vọng gây nên một mini dịch tự sát trong đám trẻ nhẹ dạ

Chết không có gì là mới

Nhưng sống cũng chẳng có gì là mới mẻ hơn

Maiakovski phản pháo quyết liệt:

Tuổi trẻ chúng ta tiến về phía trước

Chỉ tóc gió bay thổi lại phía sau

Những câu thơ quá nhiều nhiệt huyết của Maia không thể coi là một thái độ lạc quan vững chãi.

Maia tự sát sau đó ít năm.

Cioran, người nổi tiếng bi quan trong giới văn học Pháp thủ thi.

Những kẻ (bi quan) không có lý do gì để sống. Tại sao lại có lý do để chết.

Ông thọ ngoài tuổi thất thập cổ lai hi. Có lẽ vì vẫn chưa tìm được lý do để chết!

ZAO WOUKI

Danh họa sinh năm 1921 tại Bắc Kinh và sống cả cuộc đời nghệ thuật của mình tại Paris.

Trước câu hỏi của báo chí "Tính đến cùng ông là người Trung Hoa hay người Pháp", nhà danh họa trả lời "Tôi là người nước Zao Wouki..."

CHỮ

Với đa số chữ là tình nghĩa.

Với nhà thơ chữ là tình yêu.

KÍN, HỜ

Mình đàn bà quý ở chỗ kín nên thường che đậy.

Đầu đàn ông quý ở chỗ thoáng nên thường để trần.

Nhiều người không hiểu rằng nghệ thuật **hở hang** là nhằm để cao cái được che đậy.

Đó là phép nhuộm mây nẩy trắng của Thánh Thán.

Khắc tinh của nó không phải sự "bưng bít" mà sự lỏa lồ.

ĐIỀU QUAN TRỌNG

Điều quan trọng không phải ở chỗ người ta nghĩ gì về mình mà ở chỗ mình nghĩ gì về mình.

SÓNG TỰ NHIÊN

Cần rất nhiều văn hóa và khổ luyện để sống tự nhiên.

LONG THỌ

Đại sư Long Thọ khuyên

"Hãy súc miệng mỗi khi anh thốt ra chữ **Phật**"

Cũng đúng vậy với người làm thơ.

- Hãy súc miệng mỗi khi anh mở miệng chữ.

BAO CẤP

Bao cấp dân chủ là tên khác của sự độc đoán.

ÁC KHẨU

Tristan Bernard hình như rất thành kiến với các nhà phê bình – Ông là tác giả

câu nói ác khẩu nổi tiếng sau đây:

“Một số nhà thơ thất bại trả thù chữ bằng cách trọn đời rắp tâm làm nghề phê bình”.

GIẤC MƠ

Một giấc mơ thỏa mãn không có nghĩa là một giấc mơ thành công mà chỉ có nghĩa là một giấc mơ kết thúc xuống cấp thành hiện thực.

Đó là ý nghĩa sâu xa của câu thơ:

Hiện thực là một giấc mơ bất mãn.

CHỐNG TIÊU CỰC

Trong lịch sử tư tưởng khoa học hiện đại người ta nhắc nhiều đến tên ba vĩ tử sư bỏ đề.

1. Copernicus người đầu tiên đã chứng minh được trái đất không phải tâm điểm vũ trụ và chỉ là một trong nhiều hành tinh của mặt trời.

2. Darwin người đã sửa lại lý lịch nhân loại và đã chứng minh rằng cha đẻ của con người không phải Thượng Đế mà là con khỉ hắc tinh tinh.

3. Freud người đã chứng minh rằng cái "tôi tư duy" nổi tiếng của Descartes chỉ là một phần không đáng kể của cái "tôi không tư duy" hay vô thức và khai sinh ra ngành phân tâm học.

Ba ông đã nói không với tiêu cực của chủ nghĩa "nhân tâm điểm" (anthropocentrisme) trong khoa học, mở ra thời kỳ thường thành của tư duy hiện đại.

EINSTEIN VÀ CHARLOTTE

Einstein rất mến phục Charlotte.

“Người ta viết về tôi hàng vạn trang sách mà không ai hiểu. Ông chẳng nói gì mà mọi người cũng hiểu”.

Charlotte nở nụ cười buồn quen thuộc và im lặng. Ông quá lễ phép để cải chính câu nói của nhà bác học: “Mọi người đều hiểu và hiểu lắm”.

LÀM TÌNH

P. Louys có một câu rất nổi tiếng:

“Khi yêu nhau, người ta làm tình. Khi thất tình, người ta làm chữ”.

Có lẽ vì được quá nhiều đàn bà yêu nên suốt đời ông chỉ là một nhà văn bần nhĩ.

Tôi rất ngại khi người ta khen một nhà thơ tài tình!

PICASSO

Người ta viết bằng văn xuôi hơi nhiều. Hãy viết bằng thơ.

Người vôi vàng thường trách tranh Picasso quá lý tính.

Thật ra Picasso vẽ bằng thơ.

CHÂN LÝ

Người ta càng ngày càng xa chân lý vì những định nghĩa về nó.

KHỎA XUÂN

Bản thân nghệ thuật "khỏa xuân" không có tội. Có tội là những người nghĩ bậy về nó.

SÙNG BÁI

Mọi sự sùng bái đều mê tín, kể cả sùng bái khoa học.

THƯỢNG PHONG

G. Courtelim không những nổi tiếng với tác phẩm mini "Những người ghê"

(nguyên văn Les Ronds de cuir) về những mẫu người công chức mà còn nổi tiếng về cách ăn nói trực ngôn. Ông là tác giả của câu nói "ghê gớm" dưới đây:

"Trong cuộc đấu tranh lâu dài giữa cái đầu và cái "đ..." (tôi vốn lễ phép), cái dưới thường chiếm thế thượng phong.

CÁI ĐẸP

Cuộc đấu tranh giữa phái nghệ thuật vì nghệ thuật và nghệ thuật vì nhân sinh càng ngày càng trở nên vô ích và lỗi thời.

Trong một xã hội văn minh, cái đẹp đã trở thành một nhu yếu phẩm và có một quy chế vì nhân sinh 100%.

TIỀN HÓA

Quá trình tiến hóa của nhân loại là biến những điều kiện *đủ* của thể hệ trước thành những điều kiện *cần* của thể hệ sau.

KHÔNG TƯƠNG

Sự không tương là giấc mơ của hiện thực.

ĐẠO VĂN

Chỉ Thương Đế có quyền tuyên bố mình tuyệt đối không đạo văn.

Flaubert cho rằng các nhà văn là những nhà sao cóp vịnh cửu, suốt đời cố gắng viết lại một bản gốc đã mất từ đầu.

HAI TAY

Một nhà văn luôn viết bằng hai tay.

Tay phải để viết những cái phải phải.

Tay trái để viết những cái phải khác.

VÔ THỨC VÀ HỮU THỨC

Một ngôn ngữ hoàn toàn vô thức là một ngôn ngữ vô nghĩa. (Vi diên).

Một ngôn ngữ hoàn toàn hữu thức cũng là một ngôn ngữ vô nghĩa. (Vi nhật).

ĐẠO ĐỨC

Nữ hoàng Cléopâtre bận tâm đến độ dài ngắn của mũi mình hơn là đến tương lai nhân loại. Đó không phải là một bận tâm đạo đức nhưng chính đáng.

Đạo đức cần hiểu rằng vô cơ ngăn cản một bận tâm chính đáng cũng là vô đạo đức.

HAI TRIẾT GIA

Nhà triết học hiện sinh Kierkegaard nói về nhà triết học lịch sử Hegel "Ngài giáo sư biết tất cả về vũ trụ, ngài chỉ quên không biết mình là ai".

ĐỐI THỦ

Đối thủ lợi hại nhất không phải là kẻ khác mà chính là bản thân mình.

NGƯỜI DO THÁI

Người Do Thái không phải một sản phẩm tự nhiên. Nó là một sản phẩm văn hóa.

HAI NHÀ SINH HỌC

H. Laborit, nhà sinh học nổi tiếng thế giới rất mê phong cách sinh học mà ông gọi là "sinh học trốn trường" (biologie buissonnière). Ông ca ngợi K. Lorenz, nhà ứng xử động vật học, giải Nobel 1993 như sau:

"Tôi rất hâm mộ K. Lorenz – Vì chương môn này thường "trốn học" lang thang các đồng cỏ nói chuyện với ngỗng trời."

XĂM MÌNH

Câu này hình như của Cl. Lévy Strauss:

Xăm mình là một thứ danh thiếp.

BỆNH NGUY HIỂM

Tennessee William: Người ta thường nghĩ rằng bệnh làm chết người nhiều nhất là những bệnh tim mạch. Riêng tôi, tôi cho rằng đó là bệnh cô đơn.

ĐÀN BÀ VÀ DÂN CHỦ

Ai cũng biết Stuart Mill là một học giả hết sức nghiêm túc. Người ta buộc tội ông là tác giả của câu nói dưới đây.

“Dân chủ như đàn bà không bao giờ được coi là đủ”.

DỊCH THƠ

Nhiều người thắc mắc nhà thơ X không dịch thơ Pháp. Được trả lời:

- Mình quá mải trò chuyện với chữ nên thường lỡ hẹn văn phạm.

Một nhà phê bình nữ mạng X là “dại tử” và ca dao hai câu lục bát “chính xác”, (chữ mượn của các “ghê” truyền hình):

Anh kia chữ nghĩa bề bề

Thần lời nó ám cũng mê mẩn người.

CHỪA TRINH

Mọi câu thơ hay đều ít nhiều bênh vực cho giáo lý “trinh tiết hoài thai” (immaculée conception). Một trong những giáo lý nền tảng nhất của đạo Cơ đốc.

Nhà thơ X đã nghị dịch là: “Chửa trinh”.

NÓI DỐI

Người ta thường chỉ nói dối hai đối tượng: bạn gái và cảnh sát.

Còn với các đối tượng khác, người ta đều có thể nói thật.

ĐẠO VĂN

J. Cocteau có một câu rất được:

Thơ là sự dối nói thật.

Một nhà thơ khác lẳng lẳng lấy câu đó và phát biểu như sau:

Thơ là sự dối nói thật chống lại sự thật nói dối.

Có thể coi đây là một ca đạo văn mẫu mực.

Hình như chính Cocteau cũng đã phát biểu:

Nếu tôi ký tên dưới đoàn ngôn này, thiên hạ có thể cười J. Cocteau là đạo văn.

CÂU THƠ HAY

Một câu thơ hay là một hợp doanh giữa Thượng Đế và con người.

TRUNG THÀNH

Kafka trước khi qua đời khẩn khoản người bạn là Max Brod đem đốt hết những di cảo của mình.

M. Brod nghĩ rằng thái độ trung thành nhất với bạn là đem những di cảo này ra xuất bản.

Lịch sử đã chứng minh rằng Max Brod đúng.

BI KỊCH

Bi kịch của tình yêu được nhà thơ X tóm tắt như sau:

Hai thì hơi thiếu ba thì hơi thừa.

NGHỆ THUẬT VÀ QUẢNG CÁO

Nghệ thuật và quảng cáo là đôi vợ chồng đã ly thân nhưng chưa ly hôn và vẫn chung căn hộ.

NÓI KHÁC

Thơ thật bao giờ cũng nói khác - Và nói khác cho ta một hy vọng sống khác. Chính vì thế mà Maia tuyên bố “thơ thật bao giờ cũng cách mạng”.

ĐA SỐ TUYỆT ĐỐI

Một người có thể là đa số tuyệt đối!

Nguyên lý dân chủ siêu lạ này được nhiều người đề nghị gọi là Nguyên lý Cupidông, vị thần của tình yêu.

CHIẾU SÁNG

Chiếu sáng là phát hiện ra một vùng tối mới.

CẦU TOÀN VÀ KHOAN DUNG

Bậc quân tử cầu toàn với bản thân và khoan dung với người khác.

Kẻ tiểu nhân cầu toàn với người khác và khoan dung với bản thân.

NƯỚC MẮT

Một điều đáng buồn của tuổi già là với năm tháng người ta càng mau nước mắt và càng khó khóc.

NGU XUÂN

Musil, nhà văn lớn người Áo nửa đầu thế kỷ XX miêu tả sự ngu xuẩn như sau:

“Mỗi người chạy tung tăng, mò ngậm một ý tưởng mà anh ta khẳng khẳng là độc nhất vô nhị”

Sự độc đáo thường thông minh.

Sự độc tôn thường ngu xuẩn.

CÂU HỎI

Một nhà tư tưởng Trung Hoa (hình như Lâm Ngữ Đường), có một câu hỏi rất sâu sắc:

“Cuộc sống bao giờ cũng có đủ để người ta hưởng. Tại sao lại mất hết cả cuộc đời để kiếm nó.”

MOZART

Một nhà phê bình viết về Mozart:

“Mọi nghệ sĩ đáng trọng đều phải lao động để sản xuất ra sự cô đơn – Mozart đã hết sức vất vả tạo nên sự thất sủng để chấm dứt thời thượng của mình – Ông phấn đấu trở thành thiếu số.”

VẼ VÀ TÔ VẼ

Một họa sĩ chân dung bậc thầy (hình như Rembrandt) đã nói.

“Người ta trả tiền chúng ta không phải để vẽ mà để tô vẽ”.

NHÂN DANH

Hitler đã nhân danh việc tuyển lựa một chủng người thượng đẳng (khoa học gọi là engénisme) để bênh vực cho những lò thiêu người.

MÁ MÌ

Có những chân lý má mì chuyên dụ dỗ con gái nhà lành bán sang bên kia biên giới.

KHÔNG THẮP ĐÈN

Có người thấy thiên sư Cổ Đức ngồi một mình trong phòng tối bèn hỏi:

- Thưa thầy sao thầy không thắp đèn?

Cổ Đức trả lời:

- Vì thương con thiêu thân.

CÔ ĐƠN

Những kinh nghiệm chính của cuộc sống đều không thể chuyển giao được.

Virginia Woolf cho đó là nguyên nhân sâu xa của sự cô đơn.

ĐIỀU ĐÁNG BUỒN

Điều đáng buồn đối với một nhà thơ là ly kỳ trong đời thường và nhạt nhẽo trong đời chữ.

SỬA SAI

Trong một bức thư gửi bạn là nhà thơ Andress, O. Elytis, giải Nobel Văn học 1979 viết:

“Andress thân mến, chắc bạn cũng chẳng lạ gì thơ được sinh ra để sửa sai Thượng Đế.”

CHỦ ĐỀ

Theo M. Dumas “Chủ đề thật sự của một nhà văn là cách viết của anh ta”.

LẬU VÉ

Tôi rất thích câu nói sau đây của F. Pong: “Người ta không biết ngữ nghĩa du hành toa nào. Nó đi lậu vé – Và lẽ dĩ nhiên, né tránh nhân viên kiểm soát”.

CON ĐƯỜNG DÀI NHẤT

F. Pessoa, nhà thơ tượng đài Bồ Đào Nha tâm sự:

“Tôi bao giờ cũng tìm con đường dài nhất giữa hai điểm – Đó chính là con đường thơ”.

NÓI DỐI

Một câu hỏi của nhà thơ cổ La mã Juvenal đến nay vẫn giữ nguyên tính thời sự của nó.

“Tôi biết làm gì tại Roma - Tôi không biết nói dối”.

EDDINGTON

Nhà vật lý kiêm triết gia kiệt xuất người Anh Stanley Eddington nói về khoa học:

Các nhà bác học đã kiên trì và say mê khám phá một hang động. Tại đó họ đã phát hiện ra những dấu chân. Họ đã xây dựng những lý thuyết khó hiểu dựa trên những phép đo có một độ chính xác tuyệt vời để có một hình dung ngày càng đáng tin cậy hơn về sinh vật đã để lại những dấu vết này. Để kết thúc, họ phải buồn rầu công nhận rằng đó không phải gì khác ngoài những dấu chân của chính họ!

BÀI XÌ

Thượng Đế thích chơi bài xì và thường đánh tráo - nói một cách lễ phép là biến hóa - con chủ bài vào giây phút cuối cùng.

DESCARTES

Descartes, tổ sư bồ đề lầy lừng của lý tính - ánh sáng, những năm cuối đời bỗng độc chứng làm thơ.

Hãy cho tôi chút bóng đêm

và ảo ảnh

Ít thời gian sau ông vĩnh biệt thế giới ban ngày của "tôi tư duy" vào thế giới ban đêm của những giấc ảo.

Một số học giả gọi mấy câu thơ nói trên là di chúc của Descartes.

ĐỊNH NGHĨA

Nhà danh họa người Nga Chagall định nghĩa “đi” là một chân bước dưới đất và một chân bước trên trời.

NGƯỜI PHÁT NGÔN

Nhà thơ là người phát ngôn của sự câm lặng.

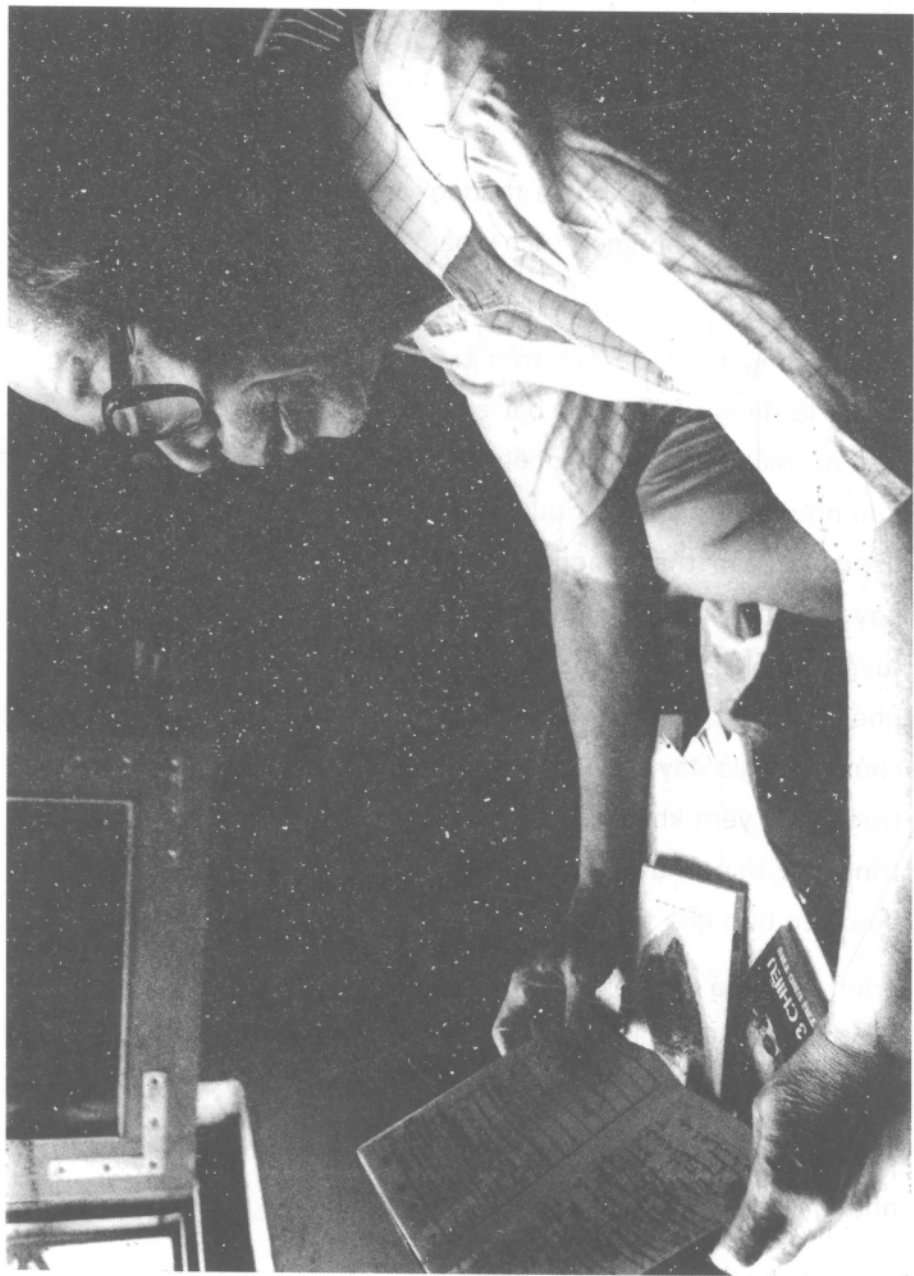
TÍNH KHẢ SAI

Các nhà khoa học tự nhiên thường viết rất hay và sâu sắc – Tôi xin dẫn một trích đoạn của nhà sinh học Thomas Lewis.

Có lẽ trong các sinh vật trên trái đất, duy nhất con người là động vật của sự bất an. Chúng ta có mặt tại đây do một cỗ máy lớn nhất trong những cỗ máy, tệ hơn nữa chúng ta là kết quả của một lầm lẫn – Những động vật cấp thấp không có quyền tự do tuyệt vời này – Chúng bị giới hạn trong một sự không lầm lẫn tuyệt đối. Khả năng phạm những lầm lẫn nhỏ, đó là phép lạ tuyệt vời của A.D.N. Không có khả năng đặc chủng đó, giờ đây có lẽ chúng ta vẫn còn là những con trực trùng yếm khí và âm nhạc sẽ không tồn tại – quá trình mà thiên hạ quen gọi là sự khám phá chủ yếu dựa trên tính khả sai (faillibilité).

Trình bày khá dài như trên để mong giải thích câu nói khó hiểu của N. Bohr, một trong những cha đẻ của vật lý lượng tử.

"Tính khả sai có thể là cơ may tuyệt vời nhất của những con người".



9 gác Lăn Ông / Lòng xanh xuân chờ
Gió mùa xổ cửa / Tìm đèn rong khuya

TIỂU LUẬN

Đối tác

Buồm bênh vai bướm thuyết minh xanh

Khoa học đã kéo loài người đi một bước dài khi tách xã hội thế tục ra khỏi thế giới thần linh và sự thống trị của tôn giáo. Loài người bừng tỉnh sau một đêm dài Trung Cổ. Khoa học chính là nền tảng của *tính hiện đại*. Nó cho rằng lý tính có thể biết rõ mọi quy luật của tự nhiên và căn cứ trên những quy luật đó con người có thể xây dựng một xã hội trật tự, phồn vinh, tự do và hạnh phúc.

Không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi thế kỷ XVIII là *thế kỷ Ánh Sáng*.

Con người bước đi với tốc độ chóng mặt...

Khoa học hình như đã trở thành một Thượng Đế mới - và Lý tính chiếm dần địa vị chỉ thánh của những niềm tin tôn giáo.

Người ta định ninh khoa học có thể dẫn tới chân lý và hạnh phúc. Condorcet, một nhà khoa học Pháp, khẳng định rằng "những khoa học về tâm giới, giống như những khoa học vật lý dựa trên việc quan sát sự

kiện, phải tuân theo cùng phương pháp và phải đạt tới cùng mức độ chính xác”.

Muôn gặt bỏ mọi dấu vết chủ quan trong ngành Toán, các nhà toán học cuối thế kỷ XIX, dưới sự thôi thúc của Hilbert, nhà bác học người Đức, bắt tay vào việc xây dựng một hệ thống toán thuần túy hình thức.

Nói như J.J. Duby: “Toán học mô thức hóa Vật lý và Thiên văn học; Logic hình thức hóa Toán học và chỉ còn đợi ngành Tin học để tạo ra những chiếc máy tiên đoán tương lai và sản xuất các định lý”.

Cuộc đời thật là tươi...

Nhưng xã hội con người hình như là một thực tế ngoan cố với những sự sắp xếp của Lý tính. Thế giới vẫn mất trật tự.

Và dưới danh nghĩa thiết lập trật tự thế giới, những con người “tử tế, đáng trọng” đã hăm hồ xua hàng triệu con người đem súng đạn đi bắn giết nhau trong những cuộc thảm sát nhân loại chưa từng biết tới. Người ta dùng khoa học chế ra những quả bom siêu diệt thừa sức phá hủy mọi mầm mống của sự sống trên trái đất. Các chính quyền quân sự độc đoán mọc lên như nấm trên những miếng đất nghèo nàn.

Của cải vật chất thừa mứa, phải đổ xuống sông xuống biển... nhưng quá nửa nhân loại vẫn đói rách.

Người ta giết nhau giữa ban ngày. Nhiều khoảnh đất của Thiên đàng Ánh sáng còn tối hơn Địa ngục.

Các nhà triết học, các nhà xã hội học bắt đầu đặt vấn đề với Lý tính.

Ngay trên quê hương của nó, Lý Tính cổ điển cũng bị những đòn trí mạng.

Năm 1929, nhà vật lý lượng tử nổi tiếng thế giới, Heisenberg, đã đề ra một trong những nguyên tắc có một tầm quan trọng lớn lao đến phương pháp tư duy khoa học của nhân loại cho đến đó vẫn bị chi phối bởi *quyết định luận* cơ học của Vật lý cổ điển. Heisenberg chứng minh rằng trong thế giới hạt, người ta chỉ xác định được hoặc *vị trí* (hay không gian) hoặc *tốc độ* (hay thời gian) của hạt chứ không bao giờ xác định được cả hai cùng một lúc. Nguyên lý bất định của ông như một trái bom bùng nổ làm chấn động nền khoa học đương thời.

May rủi sau nhiều thế kỷ bị Lý tính xua đi, nay trở lại, mà không phải trở lại thậm thụt bằng cửa sau! Nó nghiêm nhiên có hộ khẩu chính thức trong cư xá khoa học thực nghiệm.

Theo Heisenberg... người ta không bao giờ rút gọn được may rủi xuống bằng số 0, hay nói một cách giản dị hơn, không có cách nào triệt trừ được may rủi.

Cuộc chung sống giữa tính *quyết định* của Vật lý cổ điển và tính *bất định* của Vật lý lượng tử những ngày đầu thật sóng gió.

Một nhà khoa học không ai có thể nghi ngờ là bảo thủ, vị cha đẻ của thuyết tương đối, cũng không

tránh khỏi động tâm và đã phải thốt lên: “Thượng Đế không chơi xúc xắc”. Nhưng mặc dầu óc sáng tạo vĩ đại của mình, Einstein cũng chẳng tìm được cách nào chứng minh rằng Thượng Đế dị ứng với trò may rủi.

Điều oái oăm là chính ngành Vật lý lượng tử dựa trên thuyết bất định của Heisenberg đã góp phần đáng kể trong việc tạo nên thành công của ngành khoa học nó làm đảo lộn kỹ thuật và đời sống của thế kỷ XX: Tin học.

Sau khi sáng chế ra những máy móc *lực sĩ* trợ giúp con người trong lao động *cơ bắp*, các nhà khoa học thế kỷ XX đã sáng chế ra những máy móc *thông minh* (một khả năng mà các nhà thần học cho rằng đó là ân sủng đặc biệt mà Thượng Đế dành riêng cho con người). Một số nhà văn lo xa và quá giàu tưởng tượng đã nghĩ đến những cốt truyện khá hấp dẫn và đầy gay cấn về sự cạnh tranh giữa *người máy* và *người thật*. Và đã có những bộ óc sáng suốt thoáng nghĩ rằng *tin học* có thể giải quyết được cơn khủng hoảng của Lý tính.

Tôi sợ Toffler cũng nằm trong số những người này. Cuốn *Làn sóng thứ ba* và cuốn *Chuyển đổi quyền lực* của ông có thể coi là những sách tất đọc đối với những ai bận tâm đến thế kỷ XXI và chúng ta nhất thiết không thể lơ chuyển tàu *tin học* nếu chúng ta không muốn tụt lại triển miên trong nghèo nàn, lạc hậu.

Nhưng *máy tính* đầu ở thế hệ mấy chẳng nữa cũng làm việc theo những chương trình đã định sẵn (đầu là chương trình mờ) và chẳng bao giờ nó có thể trả lời được những câu hỏi cơ bản từng trăn trở nhân loại từ khi già từ kiếp vượn để bước vào kiếp người cho đến giờ: con người từ đâu đến? con người đi đến đâu? con người sống để làm gì?

Sự tiến bộ thần tốc của tin học, của kỹ học đã diễn ra trong nửa cuối thế kỷ đầy những bi kịch về mặt xã hội của loài người.

Liên Xô cũ tan rã kéo theo sự tan rã của Đông Âu. Các sắc tộc, các dân tộc đứng lên đòi hỏi quyền được sống với đặc tính văn hóa, với sắc thái riêng của mình. Về căn bản, đó là những đòi hỏi chính đáng, nhưng chen vào là những tham vọng, những thái độ cực đoan, phục thù. Và súng lại nổ. Và máu lại chảy. Những dân tộc hôm qua còn sống cùng một khu chung cư, nếu không phải như anh em thì cũng như những láng giềng từ tế, bỗng chĩa súng vào nhau đòi hỏi “quyền lợi chính đáng” (?) của mình bằng bạo lực.

Cơn thảm kịch của Nam Tư, của một số nước Cộng hòa trong Liên Xô cũ, những cuộc xung đột sắc tộc dữ dội tại Mỹ... Nạn đói thảm khốc tại châu Phi, kết quả của những cuộc nội chiến đầm máu... Rồi sự phát triển của bệnh cuồng tín của các thứ tôn giáo, của thái độ mê tín dị đoan đội lốt khoa học... Một cơn bão hận thù không khoan nhượng thổi những trận cuồng phong mông muội trên khắp trái đất.

Chưa bao giờ trật tự thế giới mới lại bất ổn định như bây giờ. Có phải lỗi tại Lý Tính không?

Không phải lỗi của lý tính, dĩ nhiên!

Nhưng lỗi của sự sùng bái lý tính.

Trước những bước đi vũ bão của khoa học, hình như một số người đã quên rằng mọi sự sùng bái đều mù quáng, kể cả sự sùng bái lý tính. Sự sùng bái lý tính chỉ là cực đoan của sự sùng bái tôn giáo - cả hai đều một chiều - và dựa trên một nguyên lý nổi tiếng đã có từ thời Aristotle - nguyên lý loại trừ về thứ ba. Hoặc đúng hoặc sai, không có về thứ ba. Hay nói một cách khác, kẻ nào không đi với ta là chống lại ta. Chính nguyên lý này, hệ quả của thuyết quyết định luận cơ học đã là cha đẻ của mọi tư duy máy móc, mọi thái độ không khoan nhượng, mọi sự hận thù, kỳ thị.

Vật lý lượng tử, khi đưa vào nguyên lý bất định, đã buộc ta phải đổi mới cách tư duy từ lâu vẫn thống trị nhân loại.

Bên cạnh hai vế đúng, sai nó đưa vào một vế thứ ba, và chúng ta có một bộ ba mới: đúng, sai, khác. Tôi khác anh chưa chắc đã là chống anh. Tôi chỉ khác anh và có thể bổ sung cho anh. Hệ quả lớn nhất của thuyết bất định là đề nghị dùng nguyên lý bổ sung thay thế cho nguyên lý loại trừ.

Con người thế kỷ XXI phải làm quen với một thế ổn định động, lý tính phải làm quen với sự bất định.

Lý tính phải mở cửa cho sự bất định thương lượng với nó, nhân nhượng, ký kết với nó những thỏa ước ổn định trong từng thời hạn, trung hạn hay ngắn hạn. Nói vậy không phải hạ thấp lý tính, quảng cáo cho bói toán cũng như các hiện tượng ngoại cảm. Mà là đẩy lý tính lên một mức trưởng thành mới, rũ bỏ những định kiến những ngộ nhận, tăng cường tính hiệu lực của lý tính.

Việc phát triển một số những lý thuyết khoa học gần đây về “hỗn độn học” (chaologie), về “toán biến động” (théorie des catastrophes), mô hình về những “cấu trúc phá tán” (structures dissipatives) cho ta thấy những bước đầu đáng khích lệ của lý tính kiểu mới.

Tôi thích từ “đối tác”, ít lâu nay đã trở thành thông dụng trong ngôn ngữ thời mở cửa. Nó kết hợp được hai tính cách vẫn bị coi là trái ngược trong logic cũ, “đối thù” và “cộng tác”, hay nói như các nhà logic mới, nó bao gồm được về thứ ba (le tierce inclus).

Thế kỷ XXI theo tôi là một thế kỷ hòa bình mở cửa, hiệp thương và tương nhượng. Con người phải tập làm quen với cái khác mình (tức là cái bất định), liên doanh với nó và coi nó như một bên đối tác.

Bỗng nhớ lời gợi ý của nhà thơ:

“Các nhà tư tưởng hãy tập nhảy”, trau dồi cái nhẹ, cái động, chống lại cái nặng, cái của tư duy cũ.

Lời quê

*Hai chân sau đứng thẳng chung chiêng vùng ăn số
Hai chân trên ngồi ngòai phôi chữ một khai nguyên*

1. Vào buổi bình minh của lịch sử, khi khoa học tự nhiên còn sơ khai, trước sự chuyển động của dòng đời ngồn ngàng trăm mối, các bộ óc của nhân loại, các nhà triết học đã cố gắng xây dựng những hệ thống kiến thức, tìm cách an bài mọi sự và cung cấp cho loài người những mô hình ổn định bao gồm mọi mặt sinh hoạt của xã hội. Đó là những tòa kiến trúc tổng thể vĩ đại nhằm minh giải nguồn gốc của vũ trụ cũng như quy định những thân phận rõ ràng cho từng thành phần trong cộng đồng.

Người ta dễ dàng coi đó là những chân lý hiển nhiên. Nhưng cuộc sống muôn màu muôn vẻ vẫn cảm thấy chật chội trong những cấu trúc vĩ đại đó. Vì thế này nòi một loại những triết gia “bụi” luôn đề ra những nghịch lý cốt để chứng minh tính thiếu sót cố hữu của mọi kiến trúc tổng thể.

Lâu đời và nổi tiếng nhất là “nghịch lý thằng Cuội”. Nghịch lý đó như sau:

“Tất cả dân đảo Crète đều cuội”.

Các nhà triết học đã vò đầu bứt tai mãi mà không giải quyết ôn thỏa được nghịch lý này.

- Nếu tất cả dân đảo Crète đều nói dối, thì với tư cách là một người dân đảo Crète, anh cũng nói dối, lời nói của anh không đáng giá nữa xu.

Nếu anh nói thật, có nghĩa là dân đảo Crète không phải tất cả đều nói dối.

Hình như mọi sự rắc rối đều phát sinh từ hai chữ “tất cả”.

2. Bước tiến bộ như vũ bão của khoa học tự nhiên, đánh dấu sự suy tàn của siêu hình học.

Khi Napoléon khen nhà thiên văn học Laplace: “Trong cuốn sách của ông tôi không hề thấy từ Thượng Đế xuất hiện dù chỉ một lần”. Laplace điềm nhiên trả lời: “Tâu bệ hạ, Thượng Đế đã trở thành một khái niệm vô dụng”. Sự xuất hiện của Newton cùng thuyết vạn vật hấp dẫn tuyệt mỹ của ông đã khiến nhà thơ mù người Anh Milton thốt lên:

“Và Newton xuất hiện, mọi sự đều sáng tỏ”.

Khoa học tự nhiên và quyết định luận của nó tương như đã có thể vĩnh viễn ngự trị tất cả thế giới.

Những thử nghiệm nghiêm ngặt và công phu tại các phòng thí nghiệm khiến các nhà khoa học tin rằng cuối cùng mình đã nắm được hiện thực và do đó có thể điều khiển được nó - như tiêu Thượng Đế thực sự.

Ngày hội đương đông vui rôm rả lại bỗng xuất hiện những khách không mời mà đến.

- Niels Bohr ông tổ thứ nhất của ngành vật lý lượng tử quảng ra một lời phát biểu hết sức "chối tai":

"Hiện tượng không phải là hiện thực, nó là hiện thực cộng với dụng cụ quan sát và người quan sát.

Chưa hết, ông còn bồi thêm một đòn trí mạng nữa thông qua lý thuyết bổ sung:

"Ánh sáng vừa là hạt vừa là sóng

Vậy thì kết cục ánh sáng là gì?

Người bạn đồng hành của Bohr, Heisenberg bắn thẳng vào quyết định luận cổ điển bằng nguyên lý bất định" và chứng minh rằng "chân lý thiêng liêng" kia không phải đúng ở mọi nơi mọi lúc, nó không hiệu lực trong thế giới các hạt.

Nhà triết học người Áo Adorno kết luận một cách "tàn nhẫn": "Sự tất cả (latotalité) là điều phi chân lý".

Còn nhà triết học người Anh, Popper thì khẳng định không úp mở:

“Các lý thuyết khoa học thực nghiệm đều là giả thuyết”.

Các nhà khoa học dù vĩ đại đến đâu cũng chỉ là một con người với thân phận hữu hạn của nó. Và trời đất thì vô cùng. Khoa học chỉ là một chuỗi “tiếp cận trường kỳ không có dấu chấm hết”.

3. Bất giác nhớ tới nhà thiên học Nhật Suzuki: “một sự vật trở thành hài hước khi bị kéo ra khỏi khung cảnh hạn hẹp của nó để được đặt vào một khung cảnh khác rộng lớn hơn”.

Và nhà văn lớn người Đức Herman Hesse:

“Sự nghiêm túc là một hiểu lầm xuất phát từ thời gian. Nó là kết quả của sự phóng đại giá trị thời gian. Trong vĩnh hằng thời gian không tồn tại. Vĩnh hằng là một khoảnh khắc vừa đủ cho một lời bông phèng”.

4. Người ta thường có thói quen phân định rạch ròi:

a/ Khoa học là thế giới của lý tính (lô gích)

b/ Nghệ thuật là thế giới của tưởng tượng.

Đó là một sự phân định sai lầm và có hại.

Nhà khoa học không có tưởng tượng chỉ là một công chức khoa học thô một khối kiến thức

nặng nề trên lưng như “cái bấu của một anh gù” (chữ của Nietzsche).

Nhà nghệ thuật thiếu lý tính chỉ là một nghệ sĩ thứ phẩm mắc bệnh vĩ đại cũng cần chữa trị hoặc nên đòi nghề.

Heisenberg nhận xét:

“Khoa học và nghệ thuật trong quá trình nhiều thế kỷ, tạo thành một ngôn ngữ của con người qua đó chúng ta có thể đề cập đến những phần ẩn sâu kín nhất của hiện thực”.

Và Poincaré, một trong những ông tổ của ngành toán xác suất:

“Điều cốt tử trong tinh thần toán học không phải tinh lô gích mà mỹ học, sự sai không còn được coi như một khuyết điểm mà được coi như một yếu tố chức năng tham dự vào quá trình phát triển của trí tuệ”.

Nó chính là gốc của phương pháp “thử và sai” trong khoa học.

5. Tưởng tượng cũng có nhiều cấp. Có tưởng tượng cao cấp và tưởng tượng hạ cấp. Phải học tập để nâng cao tưởng tượng. Khi trái táo rụng xuống đất, kẻ dung tục tưởng tượng ngay ra một đĩa bánh táo ngon lành. Còn Newton tưởng tượng ra trọng lực và thuyết vạn vật hấp dẫn.

6. Theo Borgès, một trong những nhà văn kiệt xuất nhất thế kỷ XX, không ít người trở thành độc ác vì thiếu óc tưởng tượng. Và ông hết lời ca ngợi một người bạn đã có khả năng tưởng tượng ra 12 tôn giáo “để mọi người có thể mỗi tháng thay đổi tôn giáo một lần và những người sinh vào tháng Giêng có thể có một tôn giáo khác với những người sinh vào tháng Chạp”.

7. Tôi không phủ nhận vai trò những dụng cụ tinh xảo, nhưng tôi có cảm giác về số người quá nhấn mạnh đến vai trò (quyết định) của chúng.

Người ta kể lại rằng khi hai vợ chồng nhà bác học Einstein được mời đến thăm một đài quan sát thiên văn nổi tiếng tại Hoa Kỳ, vị giám đốc có vẻ hơi tự đắc hỏi vợ nhà bác học:

“Bà thấy trang thiết bị ở đây thế nào?”

Vợ nhà bác học điềm nhiên trả lời:

“Hơi nhiều. Khi nghĩ ra thuyết tương đối ông nhà tôi chỉ có một cuốn sổ tay và một cây bút chì”.

8. Chúng ta đương đứng trước một thiên niên kỷ mới đầy sôi động, hay nói như các báo “đầy triển vọng nhưng cũng đầy thách thức”, nó đòi hỏi chúng ta phải có một óc tưởng tượng táo bạo và một lý tính sáng suốt để khỏi rơi vào tình trạng “chân chậm uống nước đục”.

Nói như Prigogine, thời đại mới đòi hỏi một “cách nghe mới thi vị” trên cơ sở một sự liên minh “mở” rộng rãi giữa các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học và văn học nghệ thuật cố gắng đối thoại một cách sáng tạo với cuộc sống.

Chữ bầu nên nhà thơ

1. Tôi xin phép được nhắc lại tóm tắt một số ý kiến cần thiết đã được phát biểu tại cuộc Hội thảo Văn Miếu và trong tập *Bóng chữ*:

- Văn xuôi chủ yếu dựa vào “ý tại ngôn tại”.
- Thơ khác hẳn, dựa vào “ý tại ngôn ngoại”. Đã “ý tại ngôn ngoại” tất nhiên phải cô đúc và đa nghĩa.
- Người ta làm thơ không phải bằng ý mà bằng chữ.
- Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ.

Nói như Valéry, chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về *hình thức* nhưng khác nhau về *hóa trị*.

Đã tiến bộ gia tốc của khoa học (nhất là tin học và sinh học) hình như đã gợi ý một số khả năng mới cho công việc làm thơ.

Người ta không buộc phải dừng lại ở mức bài thơ, câu thơ như trước. Nhà thơ có thể nghĩ tới việc

cây chữ như nhà khoa học *cây* gen trong công nghệ sinh học.

2. Người ta hay nói đến công phu người viết tiểu thuyết. Tolstoi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết đồ sộ *Chiến tranh và hòa bình*. Flaubert cân nhắc chữ trên cân tiểu ly như một thầy lang bốc những vị thuốc công phạt có thể chết người.

Nhưng các nhà lý thuyết ít nói đến công phu của nhà thơ. Ngược lại thiên hạ sính ca tụng những nhà thơ viết tức khắc trong những cơn bốc đồng, những nhà thơ thiên phú.

Trời cho thì trời lại lấy đi. Những cơn bốc đồng thường ngắn ngủi.

Tôi rất biết *những câu thơ hay đều kỳ ngộ*, nhưng là kỳ ngộ kết quả của một thành tâm kiên trì, một đa mang dấn đuổi, làm động lòng quỷ thần, chứ không phải may rủi đơn thuần.

Làm thơ không phải đánh quả. Và không ai trúng số độc đắc suốt đời.

Có người hiểu lầm câu nói của Trang Tử *vứt thánh bỏ trí* để coi thường việc học tập, rèn luyện, làm như Trang Tử khuyến khích một nỗ lực vô văn hóa.

Vứt thánh bỏ trí được lắm. Nhưng trước khi vứt, khi bỏ phải có đã chứ.

Tôi rất ghét cái định kiến quái gở, không biết xuất hiện từ bao giờ: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng tàn lụi sớm.

Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho.

Mà Trời tuy là kho vô tận, thường khi cũng bùn xin lắm. Hình như tất cả những người “cho” đều bùn xin. Và hoàn toàn sống dựa vào viện trợ, dầu là hào phóng, vô tư nhất nhiều khi còn khổ quá đi ăn mày.

Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lặn lội, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ.

Chúng ta cần học những nhà thơ như Lý Bạch, Saadi, Goethe, Tagore, ở vào buổi chiều tóc bạc vẫn thu hoạch những mùa thơ đầy thi.

Cái trẻ, cái già của nhà thơ quyết định không phải do ở tuổi trời, mà ở nội lực của chữ.

Picasso có nói một câu khá thâm thúy: “Người ta cần rất nhiều thời gian để trở nên trẻ.”

Có lẽ vì vậy mà tôi rất ủng hộ lời phát biểu của một nhà thơ Pháp, gốc Do Thái Edmond Jabès: *Chữ hầu nên nhà thơ*.

Jabès muốn nói rằng không có chức nhà thơ suốt đời. Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ lại phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.

Tôi không nhớ Gide hay Pessoa (nhà thơ lớn Bồ Đào Nha) đã có một nhận xét khá nghiêm khắc về Victor Hugo:

Victor nhiều lần tưởng mình là Hugo.

Như thế có nghĩa mặc dầu là một thiên tài đồ sộ đã không ít lần Hugo không được tái cử vào cương vị nhà thơ qua cuộc bỏ phiếu của chữ.

3. Con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người. Không có đại lộ chung một chiều cho tất cả.

Ta có thể nói con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ.

Nhưng, dầu theo con đường nào, một nhà thơ cũng phải cúc cung tận tụy đem hết tâm trí dùi mài và lao động chữ, biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ như một lão bộc trung thành của ngôn ngữ.

Một nền thơ có 1 Lý Bạch là một nền thơ có phúc. Một nền thơ có 100 Lý Bạch là một nền thơ bất hạnh vì chỉ có 1 Lý Bạch thật còn 99 Lý Bạch rơm.

Làm thơ là một lao động nhọc mệt, ít tiền và gian nan. Do đó các nhà thơ, các nhà phê bình thơ phải đùm bọc, giúp đỡ nhau. Nên vì thơ hơn là vì tên tuổi cá nhân mình, cần tránh thiên hướng bói lòng tìm vết. Phai biết trân trọng đối thoại với cái khác.

cái lạ của bạn. Con đường thơ là một chu kỳ mở. Không ai được vỗ ngực độc quyền chân lý cũng như tự cho phép mình nói tiếng nói cuối cùng.

Giữa những người có văn hóa, đối thoại bao giờ cũng hiệu quả hơn “đối thù”.

Không nên coi tranh luận thơ như một trận đánh bốc nhất thiết phải tìm những đòn hiểm đã bại đối thù. Thắng bại làm gì khi chỉ có thơ là chịu thiệt. Người ta rất có thể nghiêm khắc, quyết liệt mà vẫn “sang trọng”.

Và đừng bao giờ quên rằng, trong khi người ta tranh luận ồn ào về thơ, “nàng thơ” vốn con nhà tử tế và hay xấu hổ, thấy âm ỉ quá đã lẳng lặng rút lui từ bao giờ!

1994

Một thuần phong mỹ tục mới

1. Một thế kỷ sắp kết thúc. Một thế kỷ sắp bắt đầu. Nhiều giá trị đã lỗi thời như một thứ tiền quá đắt vô dụng.

Diện mạo một nền văn học Việt Nam cập nhật giàu tính truyền thống và hiện đại là một chân dung đương hình thành.

Do đó chúng ta cần hợp tác cùng nhau tìm. Quá trình tiến hóa nhân loại xét đến cùng là một quá trình tìm.

Quá trình tìm này dựa trên một phương pháp rất nổi tiếng mà khoa học mệnh danh là phương pháp *thử và sai* (essai et erreur).

Không phải vô tình mà các nhà tri thức học dùng thành ngữ *thử và sai* chứ không phải *thử và đúng* vì đã thử tất nhiên phải chấp nhận sai.

Và văn minh là gì nếu không phải là một chuỗi *thử và sửa sai* những gia thiết nhằm tiếp cận chân lý.

Giờ đây một em bé lớp Hai cũng biết rằng quá đất tròn và quay chung quanh mặt trời.

Nhưng để đi đến cái kết luận tương chừng hết sức sơ đẳng và hiển nhiên này nhiều thế hệ những bộ óc lớn của nhân loại đã tốn bao nhiêu thế kỷ thử và sai và đã không ít người bị thiêu trên đài lửa vì tội dị giáo!

Vì tất cả chúng ta cùng tìm nên trong hoạt động văn học cần khuyến khích một thái độ đối thoại nghiêm ngặt nhưng dung nhận.

Mấy năm nay trong không khí cởi mở ta đã thấy xuất hiện một phong cách đối thoại tương đối tốt. Nhưng rõ ràng chúng ta chưa thể tuyên bố đã hoàn tất chương trình thanh toán bệnh độc thoại.

Nguy hơn nữa không ít người có thiện chí vẫn còn vô tình đối thoại với thói quen độc thoại.

Độc thoại là tin rằng chỉ mình mới đúng, mới nắm được chân lý nên chủ tâm nhằm bắt bẻ phủ nhận những ý kiến không lọt tai, buộc bên đối tác phải phục tùng mình, ít chịu lắng nghe, phân tích cân nhắc vô tư những ý kiến khác.

Với người độc thoại, chân lý đã có sẵn và ở phía sau. Thái độ của họ là một thái độ hoài cổ và đóng kín.

Đối thoại là tin rằng chân lý đang hình thành, sẽ được hoàn chỉnh dần qua sự trao đổi bổ sung của dân hợp xướng những ý kiến khác nhau.

Với người đối thoại, chân lý là động, là phức hợp và ở phía trước. Thái độ của họ là một thái độ mở và dung nhận.

Nói thế không có nghĩa là xuê xoa, “huề” cả làng. Đối thoại có thể rất gay gắt nhưng bao giờ cũng diễn ra trong một không khí cởi mở, hợp tác, lắng nghe, thực sự cầu thị.

Đối thoại chính là thuần phong mỹ tục mới của một xã hội hiện đại, văn minh, tử tế.

Đáng tiếc rằng không ít chúng ta còn ở một khoảng cách khá xa với thuần phong mỹ tục đó.

Liệu Đại hội Nhà văn diễn ra vào năm 1995, năm được Liên hợp quốc coi là năm của sự dung nhận (année de la tolérance) đối với toàn thế giới có thể coi là một điềm lành không?

2. Theo lý thuyết thông tin: “Hàm lượng một thông tin tỷ lệ nghịch với độ xác suất”.

Nói một cách khác hàm lượng thông tin gắn liền với cái lạ, cái khác, cái bất ngờ của nó.

Nhiều nhà tri thức học cho rằng một trong những bi kịch của con người là không đồng thời với thực tại, nghĩa là con người thường nhìn nhận phán xét thực tại theo một cái nhìn đã cũ đã lỗi thời, đánh giá cái đối khác theo thói quen hay nói một cách chữ nghĩa hơn, theo quán tính.

Chúng ta đã mấp mé thế kỷ XXI mà tư duy nhiều khi còn nấn ná ở thế kỷ XIX hay nửa đầu thế kỷ XX. Chúng ta chưa rũ bỏ được thuyết định luận cơ học và thuyết loại trừ ba của vật lý và lô gích học cổ điển. Chúng ta còn quan niệm quá sơ sài về tính tương thuộc của nền văn minh nhân loại.

Tư duy chúng ta nặng về phân biệt, tách bạch hơn là dị hợp liên kết.

Truyền thống và hiện đại không phải là hai khái niệm riêng lẻ.

Một nền văn hóa thuần túy truyền thống là một nền văn hóa khăn xếp, áo dài, búi tóc, một nền văn hóa bảo tàng, một nền văn hóa chết.

Một nền văn hóa thuần túy hiện đại là một nền văn hóa chân không đến đất, cật không đến trời, một nền văn hóa “tân thời”, một nền văn hóa dóm.

Một nền văn hóa đích thực, sống động bao giờ cũng bao gồm cả hai mặt truyền thống và hiện đại.

Câu ca dao “Ta về ta tắm ao ta. Dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn” phải được coi là phần nào lỗi thời.

Có một thời, không ít người châu Á sùng bái văn hóa Tây phương thường có thái độ coi rẻ văn hóa phương Đông.

Cũng chính những người đó giờ đây thấy phương Tây bắt đầu quay sang nghiên cứu văn hóa phương Đông lại lớn tiếng xuýt xoa ca ngợi văn

hóa phương Đông một cách lố bịch. không hiểu rằng đó chính là thái độ sùng bái phương Tây một cách trá hình.

Phương Tây và phương Đông không nên văn hóa nào ưu việt hơn nền văn hóa nào. đó là hai nền văn hóa *khác* nhau và *bổ sung* cho nhau của một nhân loại đã vượt qua được tuổi ấu trĩ.

Thuyết bất định và nguyên lý bổ sung của khoa học hiện đại đã thêm cho nhân loại một khái niệm mới: Khái niệm về cái *khác*. nó nhấn mạnh đến tính chất phiến diện, hữu hạn của mọi lý thuyết so với thực tại hay nói như nhà bác học Prigogine: “Bài học thật sự của nguyên lý bổ sung hiển nhiên là tính chất phong phú của thực tại nó vượt ra ngoài mọi ngôn ngữ, mọi cấu trúc lô gích, mọi lý giải khái niệm.”

Nguyên lý bổ sung sửa lại thiên hướng “bài dị”. “loại trừ” của tư duy cổ điển.

Con người từ nhiều thế kỷ vẫn có thói quen coi mình là “chính” coi cái khác là “ngụy” là “điên rồ”.

Nói với một nhà vật lý lượng tử trẻ tuổi, nhà khoa học kiệt xuất Niels Bohr đã có một nhận xét thú vị: “Lý thuyết của anh thật điên rồ, nhưng nó chưa đủ điên rồ để trở thành đúng.”

Theo tôi, văn học nhất là thơ có nhiệm vụ tối quan trọng là phát hiện, lập dựng những cái khác giàu hàm lượng thông tin nói trên. Ta có thể nói nhà thơ và nhà bác học, tính đến cùng, đều theo đuổi

chung mục đích: tạo ra một cái nhìn khác tiếp cận hiện thực bị che phủ dưới lớp bụi của quán tính.

Muốn làm được việc đó tài năng không chưa đủ, cần phải có sự dũng cảm của nhân cách. “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Chữ “tâm” của Nguyễn Du theo tôi hiểu chính là *nhân cách*. Phải có một cái “tâm” lớn mới dám chống lại thói quen.

Tôi e rằng trong một xã hội cởi mở của truyền thông đại chúng và cơ chế thị trường tính cưỡng chế của nó chỉ thay hình đổi dạng chứ không suy chuyển uy lực.

Tần số xuất hiện trên màn ảnh nhỏ và đồng đô la (được coi là tiêu biểu cho “dư luận” trong thời kỳ mới) đang có nguy cơ trở thành những tiêu chuẩn tối thượng của sáng tạo và nhân cách bị hàng hóa.

Cách đây một thế kỷ khi Nietzsche tuyên bố câu nói lẫy lừng: “Thượng Đế đã chết” hẳn ông không thể nghĩ rằng một trăm năm sau Thượng Đế sẽ hồi sinh và lấy tên là *khách hàng*!

Một nền văn nghệ trợ phụ của những best-seller, một nền văn minh ảo của thời trang và trình diễn đang đe dọa nhân loại.

Một nhà thơ đa màu, E. Glissant có một câu thơ đáng suy nghĩ:

Con đường nhỏ về già thành con đường lớn.

Sung sướng thay những nhà văn nhà thơ không
già vì suốt đời dám lựa chọn những con đường nhỏ,
ít người đi.

1995

Một tiếng chim kêu sáng cả rừng...

Mừng nhà thơ Khương Hữu Dụng 90 tuổi

KHƯƠNG HỮU DỤNG

TUỔI CHÍN MƯƠI

Chín mươi xuân đến rõ mười mươi

Vươn tới trăm năm cái cõi người

Cuộc bụi thế gian chia gió lốc

Vườn thơ nhân loại góp hoa tươi

Đấu tranh chí vững con nguy nước,

Tao ngộ duyên may lúc cuối đời.

Cửa Phật không tu mà đắc đạo

Lòng thiền thanh thản sống an vui.

Năm 1951, Ban giám khảo cuộc thi thơ toàn quốc của Hội Văn Nghệ Việt Nam nhận được một tác phẩm in trên thư giấy đen đặc biệt của Liên khu V thời bấy giờ. Đó là tập *Từ đêm 19* nói về cuộc kháng chiến quyết liệt và anh hùng của Quảng Nam - Đà Nẵng. Tập

thơ có hơi anh hùng ca và ngồn ngộn sức sống, một trong những sử thi đầu tiên của kháng chiến đã gây một ấn tượng khá mạnh. Tập thơ được giải và giới yêu thơ toàn quốc nhất là miền Bắc bắt đầu biết đến nhà thơ Khương Hữu Dụng.

Năm đó, Khương Hữu Dụng đã ngoại tứ tuần.

Bài anh hùng ca *Từ đêm 19* viết năm 1947 - 1948.
Hơi thơ khốc, gân guốc và nhất là mới:

... Trên đầu đạn rào rào

Dưới chân đất rúng rúng

Một đồng chí ngã rồi

Hãy còn lạnh lạnh giọng:

- Nó ở bên kia đồi

Câu nhảm cho thật trúng!

Trao lại nhau khẩu súng

Trao lại nhau mối thù...

Không nên quên rằng nền văn học trẻ hồi đầu kháng chiến không thiếu gì những “áo hào hoa”, “trăng viễn xứ” và một loạt bài hát rất thịnh hành thời bấy giờ vẫn còn nỉ non “bóng ngựa hồng”... trên lưng có “chàng trai trắng”... mang theo biết bao “mộng vàng”.

Quê hương, cái miền đất Quảng nghèo cần đau khổ và gan góc đã ủa hơi thơ quyết liệt và gay gắt của cuộc đấu tranh vào tâm hồn nhà thơ giúp anh viết

được những trang sử thì hào hùng và hiện thực phần nào tránh được bệnh văn chương sáo rỗng.

Những tên đất, tên làng vô danh bỗng trở thành lịch sử:

Vĩnh Điện tình mơ

Ái Nghĩa chiều mờ

Nửa đêm Giao Thủy

Mai nữa Bình Cù...

Lẽ dĩ nhiên một bài thơ dài ngót 800 câu không khỏi có những đoạn thừa, nôm na. Nhưng bỗng:

Một tiếng chim kêu sáng cả rừng

Câu thơ long lanh một cách lạ... nó long lanh soi suốt bản trường ca như một ánh trăng. Câu thơ kỳ ngộ mà khi đọc người ta như muốn soi lên xem ở dưới những chữ bình thường, dưới lớp giấy giảng nghèo nàn kia có ẩn náu cái gì không mà sáng thế, mà ngân nga thế...

Khương Hữu Dụng sinh sau thế kỷ XX bảy năm. Mồ côi mẹ từ thuở lên ba. Lớn lên trong tiếng ngâm thơ Đường của cha, cậu bé say mê những chữ kỳ lạ đầy thanh điệu quynh rữ mặc dầu không hiểu nghĩa.

Khương yêu thơ với tấm lòng của đứa trẻ mồ côi mẹ. Của đáng tội... độc giả miền Bắc ít biết Khương Hữu Dụng, nhưng độc giả Trung, Nam và nhất là những người chú ý đến phong trào thơ yêu

nước và tranh đấu... đều biết và chú ý đến Khương Hữu Dụng từ lâu dưới những bút danh Thế Nhu, Hy Doãn, Thiên Dân hoặc ký tắt TN, HD, HZ, Z.

Một trong những người đầu tiên “để mắt xanh” tới Khương Hữu Dụng là nhà thơ, nhà cách mạng lão thành Phan Sào Nam.

Khương năng lui tới trò chuyện và đọc thơ cho cụ Phan nghe. “Ông già bến Ngự” đặc biệt chú ý đến những câu thơ giàu lòng ái quốc của cậu học trò Quốc học Huế.

Chẳng bao lâu cậu học trò mới bước vào đời đã được nhà chí sĩ coi như bạn thơ vong niên, mỗi kỳ hè gặp nhau thường tâm sự và trao đổi về thi ca. Cụ thích bài “Gửi tác giả Bút quan hoài”, những bài họa vận thơ Tôn Thất Đãi. Và đặc biệt khen tài ba bài “Lừa thù” viết về Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Viết hoan nghênh Xô Viết Nghệ Tĩnh vào lúc đó là một việc hiếm.

Chính Phan Sào Nam đã đặt bút danh cho Khương Hữu Dụng là Thế Nhu. Mỗi thịnh tình kéo dài mãi đến khi và sau khi cụ Phan mất (xem lời bạt của Khương Hữu Dụng trong tập thơ văn Phan Bội Châu. NXB Văn học, 1985).

Năm 1927, tờ báo yêu nước *Tiếng dân* của nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng ra đời. Ngay trong số ra ngày 2-11 năm ấy đã có thơ Khương và liên tục cho

đến năm 1935 dưới những bút danh như đã nói trên, có khuynh hướng yêu nước và dân sinh rõ rệt.

Thơ anh đăng trên báo *Tiếng dân* kể có hàng trăm bài và rải rác đăng trên các báo *Phụ nữ tân văn*, *Phụ nữ thời đàm* thời bấy giờ.

Năm 1936, Mặt Trận Bình dân ra đời. Thơ Khương Hữu Dụng càng đi sâu vào hiện thực đời sống người lao động để kêu gọi đấu tranh. Phác Cẩn trong tờ *Dân chúng*, 9-1938 đã đề cao khuynh hướng tiền bộ này.

Tất cả những bài thơ đăng và chưa đăng được tác giả tập hợp trong tập *Đời lam lũ* vừa mới quảng cáo đã bị nhóm Tự lực văn đoàn đánh phủ đầu trên báo *Phong hóa*.

Chú ý đến Khương Hữu Dụng lẽ dĩ nhiên còn có cả Sở Mật thám của thực dân Pháp. Thầy giáo Khương đã từng làm quen với những nơi ma thiêng nước độc như Bình Thuận, Kon Tum... và đến năm 1941 thì thầy bị cách chức vì “lòng trung thành đáng nghi ngờ đối với chính phủ bảo hộ và những hoạt động chính trị đáng khiển trách”.

Đã là một nhà giáo bị chính quyền thực dân “dè ý” hẳn không phải là một cuộc đời vui vẻ gì. Sự dè ý của chính quyền thường gây một khoảng trống cách ly nhiều khi rất rộng lớn. Những ngày nhỏ của một đứa trẻ mồ côi mẹ và những năm thanh niên của một nhà giáo tâm huyết, thường xuyên ở những nơi ma thiêng nước độc, “hẳn là hiu

hất” mà Khương Hữu Dụng không muốn giết sự cô đơn bằng những cuộc truy hoan ở xóm Bình Khang hay những đêm chơi tài bàn tổ tôm suốt sáng với những “tri kỷ gương”. Mà làm thơ thì có phải lúc nào cũng làm được dân. Nhà giáo cô đơn thêm bạn, may thay đã sớm tìm được một số bạn lương thiện trong quá khứ. Đó là Mạnh Hạo Nhiên, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Lục Du...

Khương Hữu Dụng dịch thơ như người bị ám ảnh.

Suốt cuộc đời có lẽ Dụng đã dịch hàng mấy ngàn bài thơ. Mà không phải để giết thời gian. Mà dịch để tiến hành một cuộc trò chuyện thơ không dứt với những tâm hồn đồng điệu. Dụng say mê dịch thơ cũng như say mê làm thơ. Và lại, việc tuy hai nhưng chính là một.

Kháng chiến bùng nổ. Sau khi viết tập trường ca về Quảng Nam - Đà Nẵng anh hùng, Khương Hữu Dụng làm ít thơ và dốc hết thời gian vào sáng tác các tập diễn ca cũng như các bài thơ truyền đơn binh vận. Không đếm xuê những bài thơ phục vụ kịp thời của anh được phổ biến khá sâu rộng trong toàn Liên khu V và có tác dụng khá lớn.

Sau này, anh đã tập kết ra Bắc và công tác tại NXB Văn học. Nhu cầu diễn ca không cấp bách nữa. Khương dành phần lớn thì giờ vào việc biên tập thơ. Thật ít có người biên tập tận tâm như Khương... và đã không ít nhà thơ, nhờ anh, mà không để lọt những

câu thơ bất cập ra mắt bạn đọc. Nhưng Khương vẫn khô sở, mặc dầu anh đã làm tròn một cách xuất sắc và tận tình công tác của NXB giao cho anh, công tác chính của nhà thơ đâu phải là biên tập. Anh đã trải qua nhiều ngày chán nản đến thất vọng để phá vỡ “tuyên phòng ngự trắng của trang giấy”. Những cố gắng học hỏi của Khương thật cảm động. Thấy đâu có tập thơ hay của nước ngoài, anh tìm đến mượn bằng được, thấy có nhà thơ trẻ nào có những vần thơ mới mẻ, anh tìm đến làm thân. Anh thử làm thơ leo thang, anh thử làm thơ văn xuôi, anh luôn luôn “đánh đu” với “dám nhà thơ trẻ”. Một nhà thơ “dần anh” đã có lần “mắng khéo” Khương Hữu Dụng: “Ông già rồi mà còn đua đòi mặc soóc”. Một mặt học hỏi anh em, một mặt hăm hở lao vào cuộc sống mới. Mặc dầu đã có tuổi, anh vẫn hằng hái có mặt trong hầu hết tất cả các chuyến đi thực tế khi ở vùng mỏ, khi ở Điện Biên, khi ở cầu Hàm Rồng mịt mù bom và máy bay Mỹ... ở tất cả các trọng điểm sống của miền Bắc đã được đền bù một cách xứng đáng như quê hương Quảng Nam nghèo nàn đã từng hào phóng với anh.

Tuy là “chưa trâu”... nhưng rồi cũng phải đến ngày sinh nở. Năm 1963 tập thơ *Những tiếng thân yêu* của Khương Hữu Dụng được NXB Văn học cho ra mắt bạn đọc, nghĩa là mười sáu năm sau *Từ đêm 19*. Mười sáu năm cố gắng tự trẻ hóa của Khương Hữu Dụng.

“Nhà thơ trẻ” trên 50 tuổi có những vần thơ tình thật tươi mát:

Chị đi trời đình trưa

Anh về trời xế nắng

Xe cùnh qua góc thông

Chị gặp chòm cây đứng

(Hai ngôi sao)

Và những câu thơ không kém đậm thắm đối với
Tổ quốc:

Ngu ơ Yên Châu ngõ Mộc Châu

Nửa đêm quờ áo mặc thêm vào

Ô hay! Ai báo Yên Châu nóng

Mưa núi chiều nay mát gió Lào

(Đêm Yên Châu)

Khương Hữu Dụng vẫn nỗ lực đổi mới và càng ngày càng trẻ. Tập thơ *Quả nhỏ* xuất bản năm 1972, năm mà người cán bộ biên tập NXB Văn học đã về hưu, là một bằng chứng đầy thuyết phục về độ trẻ hóa của Khương Hữu Dụng và đánh dấu một bước đáng kể của nhà thơ.

Nếu như *Những tiếng thân yêu* còn không ít chỗ gò ép, tập thơ *Quả nhỏ* thật khoáng đạt và tươi mát.

Tôi không cần phải nhắc lại đây là bài thơ nổi tiếng *Quê ông* vì nó đã có mặt ở hầu hết những tuyển tập thơ của ta. Chùm thơ về ông, về cha con, về ông cháu, chùm nào cũng có những câu thơ hay. Từ “Ông sao đánh máy”, “Ông trời mọc răng” đến

“Con ong về chậm” đến “Thằng Hưng. con già Khương. đã về”.

Tình yêu đất nước đậm thấm trong bài *Đêm Yên Châu* trong tập *Những tiếng thân yêu* đến tập *Quá nhỏ* vẫn không kém phần đậm thấm nhưng lại độc đáo, trẻ hơn trong diễn đạt:

Một rừng kè rất cọ

Nông Cống chiều nay

Sao mà Phú Thọ

Sao mà Tam Quan

(Nông Cống chiều nay)

Tập *Quá nhỏ* đánh dấu một bước “lục hóa” mới trong sự nghiệp thơ của Khương Hữu Dụng.

Gần mười ba năm sau *Quá nhỏ*, vào năm gần 80 tuổi, Khương Hữu Dụng lại xuất bản tập *Bi bô*. Hình như Khương Hữu Dụng ngày càng cố gắng đảo ngược quá trình “đá ong hóa” của thời gian bằng công phu tu dưỡng ngôn ngữ của mình. Tập thơ mở đầu với bài thơ lục bát, có thể coi như tuyên ngôn của Khương:

Bi bô từ thuở Tiếng Dân

Bạc đầu thơ vẫn tiếng xuân đánh vần

Với *Bi bô*, Khương Hữu Dụng đã coi thêm một tầng nữa trong sự nghiệp thơ chín muồi của anh. Tập thơ tuy mỏng (ai nỡ lấy cái mỏng dày mà đánh giá một tập thơ) nhưng cũng đủ chứng tỏ rằng Khương

Hữu Dụng “già rồi nhưng vẫn cứ tươi”. Những bài thơ vào giai đoạn cổ lai hi này của Khương Hữu Dụng luôn luôn như có tiếng cười đôn hậu, từng trái và dĩ dóm. Có những bài gần như đã đạt tới trình độ giản dị cấp hai của sự viên mãn.

Bài này không có tham vọng nghiên cứu đầy đủ thơ Khương Hữu Dụng mà chỉ mong cung cấp một cái nhìn sơ bộ bao quát về một cuộc đời hết mình vì nước, vì thơ, về những nỗ lực đổi mới không ngừng của tuổi người chống lại sự lão hóa của tuổi trời.

LỜI BỐ SUNG

Đã từ lâu tôi cố bỏ thói quen viết đêm, e không hợp với sức khỏe người cao niên.

Mà việc viết bài mừng thọ Khương Hữu Dụng 80 do những trục trặc kỹ thuật lại cấp bách quá!

Mỗi giao hảo gần nửa thế kỷ giữa hai người không cho phép tôi khước từ.

Và tôi đã miệt mài ba ngày ba đêm liền để viết cho xong bài *Mừng Khương Hữu Dụng 80 tuổi trẻ*.

Những tưởng viết xong có thể quy.

Nhưng không có sự cố gì đáng tiếc xảy ra.

Hình như nhà thơ 80 tuổi kia đã kín đáo truyền công lực trẻ cho người bạn vong niên tự bao giờ!

Năm nay Khương Hữu Dụng 90 tuổi.

Ai cũng biết cùng với năm tháng thời gian hình như kéo dài ra. Và một năm ở tuổi ngoài 80 vất vả, nặng nhọc có thể còn hơn bốn năm năm thời trẻ.

Giữa lúc ấy Khương Hữu Dụng dọn nhà về khu Kim Liên - Chúng tôi ít có dịp lui tới thăm hỏi nhau.

Và tôi hằng bận tâm đến sức khỏe của bạn.

Một hôm tôi đột ngột nhận được điện thoại từ Kim Liên. Khương lâm bệnh chăng? Không phải - Khương đọc qua điện thoại cho tôi nghe liền một mạch năm bài thơ tình, câu chữ như còn chưa nguội tiếng đập hồi hộp của trái tim.

Có phải nhà thơ không có tuổi? Tuổi của họ là tuổi những tình yêu!

80 tuổi Khương Hữu Dụng vẫn trẻ.

90 tuổi Khương Hữu Dụng càng trẻ.

Và tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ kỳ cục:

Ở bìa cuối cuốn *Bóng chữ* tôi có in mấy câu thơ như một bức tự truyền thần:

Tuổi lú lẫn

ngược nhằm ga trẻ đại

Hay ngày thơ không biết lối về già

Tha thân chữ ngã ba

Bức chân dung tự họa này có thể cũng là chân dung Khương Hữu Dụng.

Người La Mã xưa có một từ kép rất hay “alter ego”, một “chính mình-khác”. Thôi thì anh em ta canh ty bức chân dung vậy. Dụng có bằng lòng không?

Trong một tiểu luận về bài B52 của tôi, Khương Hữu Dụng có một lời kết chí tình:

Ôi ước gì bài thơ ấy là của tôi!

Xin phép được đổi một chút để “đáp lễ” anh:

Ôi ước gì tình 90 tuổi trẻ ấy là của tôi!

23-12-1996

75 tuổi... Hoàng Cầm

1. Giữa lúc chiến khu nào nức chuẩn bị tiếp quản Thủ đô tôi nhận được chỉ thị phải lên đường đi thẳng vào Sầm Sơn lo việc đón tiếp đồng bào chiến sĩ và nhất là anh em Văn nghệ miền Nam ra Bắc tập kết.

Đêm liên hoan đầu tiên với tiểu đoàn 307 lừng danh và các buổi liên hoan khác lần nào tôi cũng được nghe các chiến sĩ địa đầu phía Nam Tổ quốc say sưa biểu diễn bài “Đêm liên hoan” của Hoàng Cầm.

Trong hàng ngũ các nhà thơ kháng chiến ngoài Tố Hữu ra có lẽ ít người nổi tiếng như Cầm.

Cái sự nổi tiếng ấy của Cầm cũng có mặt không hay. Nó khiến một số người vội vã liệt anh vào hàng những nhà thơ dễ dãi.

Lúc ấy tôi chưa thân với Cầm.

Nhưng lòng say mê thơ dễ khiến tôi trở thành bạn thân, như trước đó với Văn Cao.

Trong những cuộc tranh cãi nhiều khi rất gay gắt về thơ ở tiệm trà Phúc Châu, sự mát tính của Cẩm đã đóng một vai trò hòa giải hết sức cần thiết.

2. Tôi vẫn nhớ không khi ồn ào mù mịt khói thuốc lá của cái tiệm trà Phúc Châu bé nhỏ thời đó (Bây giờ là hàng phở Thắng phố Tạ Hiện). Bao nhiêu những giấc mộng lớn, những khao khát cao xa về văn học đã được nuôi dưỡng bằng những ấm trà rẻ tiền uống đến đắng miệng.

Hầu như ngày nào chúng tôi cũng có mặt và phần lớn những cuộc trao đổi về thơ thế giới và trong nước đã diễn ra trong cái trà sò phố ngày xưa này.

Và nhất là tình bạn. Có lẽ đó là những ngày đầm ấm nhất trong cuộc đời vốn cô độc của tôi.

Không phải những cố gắng đổi mới thơ thời đó được tiến hành suôn sẻ hơn bây giờ. Nhưng tôi có cảm giác là vào những ngày mới hòa bình người ta quan tâm đến nhau hơn bây giờ, người ta ít thờ ơ với chung quanh như bây giờ. Điều khiến tôi bận tâm nhất trong thời kinh tế thị trường là người ta ít nhắc đến tình bạn. Hay tình bạn đã trở thành một thực phẩm *quá đắt!*

Người ta nói nhiều đến việc bảo vệ tầng ôzôn của khí quyển. Tôi cho rằng tình bạn cũng cần phải bảo vệ không kém trong môi trường “đầu tiên” quá ô nhiễm hiện nay.

Thơ Văn Cao gần như được phục sinh trong không khí xanh sạch đầm ấm này, và bài *Cửa biển* của anh đã ra đời.

3. Không bao giờ tôi quên, đúng, không bao giờ tôi quên những bữa rượu nghèo vào dịp lễ Giáng sinh những năm 50. Khi những món nhắm gây guộc đã lộ trở đáy đĩa, Hoàng Cầm bắt đầu ngâm thơ, và lần nào Cầm cũng đọc bài *Tựa Truyện Kiều* của Chu Mạnh Trinh.

Cái giọng ngọt ngào và sang trọng vùng Kinh Bắc, quê hương của những bà Chúa ngày xưa pha chút đoạn trường một đời thơ lận đận, nó khiến những người từng trải và dày dặn chữ như chúng tôi cũng không cầm được mũi lòng.

Tôi vốn không thích thơ Chu Mạnh Trinh lắm. Nhưng chỉ riêng câu “Cánh hoa rụng chọn gì đất sạch”, theo tôi, cũng đã đủ tạo cho nhà thơ quá tải hoa và mái chèo này một ghé hàng đầu trong thơ Việt Nam.

Tôi bỗng nghĩ đến một lời của Basho: “Chỉ cần viết được năm mươi một âm tiết¹ hoàn hảo cũng có thể coi là một nhà thơ Haiku bậc thầy”.

4. Hoàng Cầm và Nguyễn Bính là hai tài năng thơ bẩm sinh, đặc sản của hai vùng đất nước, một

¹ Mỗi bài Haiku gồm 17 âm tiết.

vùng chiêm khe mùa thối cơ cực đất Sơn Nam và một vùng tài hoa thanh lịch đất Kinh Bắc.

Tôi vẫn nhớ bữa thịt chó Hàng Bè sớm hôm đó với Nguyễn Bính. Không ít người kêu Bính khó tính, nhưng Bính đối với tôi rất tốt. Khi nào hơi nặng túi là Bính lại rủ tôi đi một tòn. Giữa hai miếng “chả đặc sản” thơm phức tôi bắt chợt hỏi Bính:

- Trong dòng thơ dân dã sau cậu là ai?

Bính không cần nghĩ ngợi trả lời tấp lự:

- Sau tao là thằng Cầm.

Rồi Bính tí tí uống tiếp. Bỗng Bính đặt chén xuống trở vào mặt tôi nói như quát:

- Thằng đểu, suýt nữa thì ông mắc lừa mày. Thằng Cầm cũng bằng tao.

Và cả hai đứa cười ha hả cụng ly uống một hơi như hai nhân vật Đông Chu liệt quốc.

5. Hoàng Cầm không phải một tâm hồn cứng rắn. Đã có lần tinh thần anh hạ áp đến mức nhiều bạn anh thất vọng nghĩ rằng nhà thơ khó có thể còn tiếp tục nổi con đường chữ đầy nhọc nhằn của mình.

Phùng Quán có kể lại:

“Văn hữu Bình Trị Thiên ra Hà Nội nhờ tôi dẫn đến thăm thi sĩ Hoàng Cầm. Họ hỏi anh: “Dạo này anh có làm thơ không?” Anh lắc đầu. “Anh có đọc

thơ không?” Anh lắc đầu. Anh nói sau một hồi lâu im lặng: “Tinh thần tôi suy sụp”¹.

Quán là một tâm hồn sôi nổi và ưa những cử chỉ hào hùng. Và Quán đã xé một mảnh giấy bao xi măng lấy gạch non viết ứng tác một bài thơ dán lên tường nhà Hoàng Cầm.

...

Tôi tin núi tàn

Tôi tin sông lấp

Nhưng tôi không thể nào tin

Một nhà thơ như anh

*Lại ngã lòng suy sụp*²

Tuy nói mạnh mẽ, nhưng tôi biết trong thâm tâm lòng tin của Quán đã lung lay lắm. Quán đạp chiếc xe con vịt đến tìm tôi:

- Anh Cầm vốn tin anh, việc động viên anh Cầm lẽ ra không phải việc của em mà của anh!

Tôi cố trình bày nhưng Quán không chịu nghe. Quán không hiểu rằng một thái độ yên lặng đầy tận tâm có khi còn cần cho việc hồi sức một tâm hồn đau yếu hơn những lời thuyết phục hùng hồn.

Tôi cũng lo. Rất lo. Nhưng kinh nghiệm 30 năm trò chuyện với người bạn sâu sắc và điềm đạm là Bồ Hồ Giương đã dạy tôi giá trị của những phút thảnh thơi cũng như sự cứu rỗi của chữ.

^{1,2} Thơ Phùng Quán, tr. 51.

Tôi không tin một người đắm đuối thơ như Cầm lại có thể bỏ cuộc.

Và *con người bạc nhược* kia đã đứng dậy với tư cách một *người chữ can đảm*.

Sau năm sáu tháng gì đó, Cầm đưa tôi một bài thơ cung điệu còn chuech choạc nhưng đã nghe thấy tiếng cánh đập của chữ.

Con chim họa mi Kinh Bắc lại vươn cổ bắt đầu hát.

6. Sinh thời, Đặng Đình Hưng thường có một cách đối xử không công bằng với Hoàng Cầm. Bao giờ Hưng cũng đánh giá Cầm như một nhà thơ bình dân "chiều nhì".

Tôi rất thông cảm với gánh nặng kỳ thị nó đè nặng nhiều năm trên lưng nhà thơ tài năng, con cháu Đặng Trần Côn đất Chương Mỹ này, nhưng tôi có cảm giác thành công quá chóng vánh và hư danh làm Hưng chóng mặt.

Tôi đã nhiều lần thẳng thừng với Hưng: "Trong thơ chiều nhất chiều nhì không quan trọng, cái quan trọng là tạo được cho mình một tiếng nói "khác" thiên hạ".

Nhưng Hưng không chịu và "cố tình vu" cho tôi là bệnh Hoàng Cầm.

Tôi có cảm giác Cầm cũng biết điều này, nhưng anh vốn là người mát tính và tốt nhện. Chỉ có một lần, tôi chứng kiến Hoàng Cầm nổi nóng thực sự.

Thời kỳ này Hưng đã có nhà ở Giảng Võ và đã có đồng ra đồng vào do Đặng Thái Sơn gửi về. Hưng bỗng nảy ra sáng kiến nhắn anh em tập trung tất cả tác phẩm lại đề Hưng viết lời giới thiệu và bỏ tiền ra in.

Lẽ dĩ nhiên tôi phản đối, phản đối quyết liệt. Đề làm dụ không khí. Cầm lại ngâm một số câu thơ. Chẳng biết có phải Hưng muốn sửa sai không? Anh gật gù:

- Những câu thơ mới viết của Hoàng Cầm sắc nước hần...

Chưa bao giờ tôi thấy Hoàng Cầm giận như thế.

Mặt anh đỏ lên và anh nói dần từng tiếng:

- Đây không phải những câu thơ mới làm, đây là những câu thơ trong phần kết tập Kinh Bắc tôi đã đưa ông xem từ 30 năm trước.

Bao giờ thì các nhà thơ mới có thói quen đọc thơ nhau một cách tận tình đối xử ân cần và chăm chút nhau trên đường trường gian nan của nghiệp chữ.

7. Không phải tôi không biết Hoàng Cầm có nhiều nhược điểm.

Bản thân nhiều tên tuổi lấp lánh trên vòm trời chữ nhân loại không phải ai cũng hoàn hảo, có người thậm chí còn bất hảo, như Villon¹.

¹ Nhà thơ Pháp thế kỷ XVI suýt bị án treo cổ vì tội hình sự.

Và tôi rất mê câu nói của Đức Phật:

“Biển khổ mênh mông quay đầu thấy bến”.

Tác phẩm chính là những bến quay đầu của họ. Con người nghệ sĩ có thể lỗi lầm (lẽ dĩ nhiên nếu họ không lỗi lầm thì hay quá!) nhưng một tác phẩm chân chính bao giờ cũng thánh thiện, cũng cứu rỗi. Nó là tiếng khản thiết kêu gọi thanh cao, lời vật nài phần *người* bao giờ cũng lâm nguy trong mỗi con Người.

Cho đến khi viết những dòng này, hình như tôi vẫn chưa hết bệnh Hoàng Cầm. Nhưng suy cho đến cùng, việc bệnh thật không cần thiết, có thể còn lố bịch. Nhà thơ thực tài không cần ai bệnh, bản thân họ đã có một đội vệ sĩ đông đảo, hùng mạnh, đó là những câu thơ của họ.

Và những câu như:

Nứt vai thành sọc lá lan đao

.....

Em đừng lớn nữa chị đừng đi

.....

Lớn lên em đừng tìm mẹ phía con mưa

đủ sức, thừa sức bệnh Hoàng Cầm lâu dài, rất lâu dài trong lịch sử thơ Việt Nam thế kỷ XX, và thơ nói chung.

02-1997

Thư Ep-Phen

*Rõ tám hướng ai riêng nhà góc khuất
Nắng đơn thương tháp bạc tóc bất thường*

Anh T. thân:

Những ngày cuối “bên ấy” bạn quá khát anh về “bên này”. Về “bên này” lại bị “hội chứng Epphen” kéo dài, mãi hôm nay mới thư anh được.

1. Lẽ dĩ nhiên có thể hiểu “Bóng chữ” và “Ngó lơ” như một thể hiện mới về thơ với điều kiện không nên quan niệm nó như một cách thể hiện mới duy nhất. Có nhiều *cách mới*.

Theo tôi, cái bận tâm lớn nhất của nhà thơ không phải là mới với bất cứ giá nào, vì cái mới cũng có thể cũ rất nhanh.

Người làm thơ tự trọng trên lĩnh vực ngôn ngữ phải bận tâm đến việc mở mang bờ cõi ngôn ngữ, tìm những vùng *khác* cho ngôn ngữ, tương tự một nhà bác học mở rộng bờ cõi của khoa học, đổi

khác cách nhìn tự nhiên, khai khẩn những vùng mù của kiến thức.

Mỗi nhà thơ ít nhiều đều có họ với Christopher Columbus. Một bi kịch lớn của con người là làm tương mình hoàn toàn đồng thời với bản thân. Trong tư tưởng nhận thức tình cảm mỗi cá nhân tồn tại không ít khái niệm lạc hậu, lỗi thời chưa kịp thanh toán hay nói một cách văn học hơn có nhiều xác chết chưa được chôn.

Do đó thường xảy ra hiện tượng “thằng chết cãi thằng khiêng” và điều đáng buồn là trong nhiều trường hợp người sống thua người chết.

Thơ cần làm nhiệm vụ phát hiện những xác chết trong nội tâm con người và tạo cho chúng một tình trạng mỗ yên mà đẹp. Đó không những chỉ là một hành động nhân đạo mà còn hết sức cần thiết cho sức khỏe cộng đồng.

Như các nhà triết học thường nói cuộc đời từ khi văn hóa xuất hiện vốn không có một nghĩa tự nhiên mà chính con người cung cấp cho nó một nghĩa.

Cái cao quý nhất của con người là cung cấp một cái nhìn mới, một nghĩa mới cho sự vật làm cho cuộc sống này càng đa nghĩa hơn, phong phú hơn.

Nhà tri thức đã đành là có nhiệm vụ phải trả lời những câu hỏi của thời đại. Nhưng cái quan trọng gấp bội việc trả lời là đặt ra những câu hỏi mới, làm

cho loài người luôn luôn thấp thỏm, luôn luôn suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, chống lại sự định ninh của thói quen và những lời ru ngủ của tinh thần tự mãn.

Người tri thức luôn có nguy cơ sa lầy trong tình trạng ăngtropic và trở thành một nhà *trí ngủ*. Tri thức là một thái độ sống, không phải là một học hàm một chức vị. Tôi không nhớ triết gia nào đã có một nhận xét rất hay: “Tri tuệ trưởng thành qua những câu hỏi và thui chột vì mãi trả lời”.

Những câu hỏi thường đa dạng

Những câu trả lời thường đơn điệu, phiến diện.

Trong hoạt động của tri tuệ, nhất là của thơ, nhất thiết phải khuyến khích sự đa dạng. Tôi xin nhắc lại: Một đất nước có 1 Lý Bạch là một đất nước có phúc. Một đất nước có 100 Lý Bạch là một đất nước vô phúc vì chỉ có 1 Lý Bạch thật còn 99 Lý Bạch dỏm.

2. Tôi muốn lưu ý anh một suy nghĩ của Nietzsche mà tôi rất tâm đắc: “Nghệ thuật sinh ra để ngăn cản chúng ta khỏi chết vì chân lý”

Nhà triết học lớn người Pháp Deleuze, vừa quá cố, đã bình luận đoạn ngữ này như sau:

“Những phạm trù của tư duy không phải chỉ là cái đúng cái sai, mà cái “sang trọng” (hiểu theo nghĩa cao thượng) và cái “ê tiện”, cái *cao* và cái *thấp*...

Có những chân lý của sự thấp hèn, những chân lý của kẻ nô lệ. Triết học có nhiệm vụ tố cáo sự thấp hèn của tư duy dưới mọi hình thức.

Chúng ta có nhiệm vụ đi tới những nơi cực điểm vào những giờ cực điểm, ở đó sống và nổi giận những chân lý cao nhất và sâu xa nhất”.

Thơ cũng có nhiệm vụ tương tự.

Tôi xin phép được nhắc lại ở đây đoạn kết trong bài viết nhân dịp thượng thọ 75 tuổi một người bạn: nhà thơ Hoàng Cầm. “Bản thân nhiều tên tuổi lấp lánh trên vòm trời chữ nhân loại không phải ai cũng hoàn hảo, có người thậm chí bất hảo”.

Và tôi rất mê câu nói của Đức Phật:

“Biên khổ mệnh mong quay đầu thấy Bến”

Tác phẩm chính là những bến quay đầu của họ. Con người nghệ sĩ có thể lỗi lầm nhưng một tác phẩm chân chính bao giờ cũng thánh thiện, cũng cứu rỗi. Nó là tiếng khản thiết kêu gọi thanh cao, lời vật nài phần người bao giờ cũng lâm nguy trong mỗi con người.

Thơ là một cố gắng về *mỹ học* cũng là một cố gắng về *đạo đức học*.

3. Tôi không đủ kiến thức về nhạc Rock để phát biểu nhưng theo tôi cái mới, đầu trong thơ, trong nhạc, trong hội họa thậm chí cả trong khoa học bao giờ cũng là vì không dễ tiêu hóa.

Một số kiến thức khoa học mà ngày nay nhiều người cho là hiển nhiên và bất kỳ một bộ óc thông thường nào cũng phải biết (nếu không muốn bị liệt vào phạm trù *những kẻ mắc bệnh tri độn*) như quả đất tròn và xoay quanh mặt trời đã khiến không ít những bộ óc thông minh khôn khổ khôn nạn và đã không ít nhà bác học bị thiêu cháy trên đài lửa bởi những tòa án của bóng tối cuồng tin.

Và tôi nghĩ không ít những thực phẩm ngày nay nhiều người ưa thích đã từng có thời khiến các tổ tiên ta vừa thoát ra khỏi thời ăn lông ở lỗ bị dị ứng đến mức Tào Tháo đuổi.

Miếng sống miếng chín còn thế hưởng hồ là Nghệ thuật. Tôi xin nêu ra đây một hiện tượng khá nghịch lý. Không ai vỗ ngực khoe mình không hiểu một bản giao hưởng của Beethoven, một họa phẩm của Cézanne, vì sợ thiên hạ chê mình là dốt. Nhưng người ta sẵn sàng khoe mình không hiểu một bài thơ và đổ tội cho nhà thơ là không đại chúng, là theo chủ nghĩa (?) hủ nút.

Thơ cũng là một chuyên ngành như nhạc, họa và nhiều chuyên ngành khác, muốn thưởng thức thơ cũng phải học. Không phải bất cứ ai hề biết tiếng Pháp là đọc được Mallarmé hay René Char.

Nguyễn Du từng đã có thời khó tiêu với bao tử một số nhà nho bảo thủ và đã từng liệt vào loại dâm thư:

Làm trai chó đọc Phan Trần

Làm gái chó kê Thúy Vân, Thúy Kiều

Lẽ dĩ nhiên thời nào cũng có một số nhà phê bình đau bao tử, nhưng có phải vì vậy mà buộc tất cả mọi người phải tuân thủ chế độ kiêng khem của họ đâu.

Buồn thay là kẻ suốt đời buộc phải ăn một thứ thực phẩm duy nhất đầu đó là nem công chả phượng. Một nền văn hóa dân chủ lành mạnh không nên gồm quá nhiều đường một chiều.

Cần phải khuyến khích việc phê bình.

Phê bình là đối thoại trong văn học. Một nền văn học không có đối thoại sẽ thiếu dưỡng khí, còi cọc, ảm mốc.

Định kiến giữa các nhà phê bình và sáng tạo không phải chỉ bây giờ mới có, nó đã có một lịch sử rất lâu đời.

Một nhà văn lịch sự lễ phép, khê khàng như Chekhov mà phải hạ bút vì các nhà phê bình như một lũ nặng bay vo ve hút máu một con ngựa sáng tác đương vất vả leo dốc không thể coi là một hiện tượng bình thường.

Theo tôi có lẽ bước sang thế kỷ XXI chúng ta cần phải xây dựng một *văn đức* mới trong văn học dựa trên một tinh thần đối thoại mới của tình bạn.

Không ai đòi hỏi các nhà phê bình nhất nhất đều phải đúng. Như vậy thì không còn ai dám phê

bình nữa và cũng là vi phạm một nhân quyền cơ bản của con người: quyền được nhằm lẫn. Nhưng ta có quyền đòi hỏi các nhà phê bình phải tử tế và lương thiện. Các cụ dạy: “Lời nói dối máu”. Các nhà phê bình phải có cái thận trọng, cái tâm của bậc “lương y kiêm từ mẫu” chứ không thể ứng xử như một tên lang băm vô trách nhiệm. Mục đích của việc phê bình không phải là kết quả hơn thua giữa người viết và người phê bình như trong một trận đánh bốc mả là tương lai của nền văn học - ngôi nhà chung của cả người sáng tác lẫn người phê bình.

Xin hãy thương lấy chữ hơn nữa.

4. Nhiều người thắc mắc “Anh tự nhận là một người lạc quan ngoan cố sao thơ tình anh lại rất buồn”.

Không nên lẫn “buồn” với “sướt mướt”, “bí lụy”. Cũng như không nên hiểu lạc quan là “tí tởn”, “hí hửng”. Trong bài trả lời chương trình TV5 của truyền hình Pháp về bài thơ bất khả chiến bại, tôi đã phát biểu: “Người làm thơ có thể bị đánh bại, thậm chí trọng thương. Nhưng bài thơ không thể chịu thua. Hầu hết những bài thơ tình của tôi đều là những bài thơ thất tình. *Chẳng ai yêu tôi cả*¹. Nhưng tôi không vĩnh biệt hy vọng. Thơ tôi là những lời gọi yêu”.

Ngoan cố thất tình xuân vẫn mãi

Khờ biết bao giờ hết đại yêu

¹ Lời Elsa Triolet giải thích lý do nhà thơ Maia tự sát: “Chẳng ai yêu tôi cả, tôi đi”.

Tôi thiết tha cái lạc quan của nhà sư già một mình giữa mênh mông rừng tuyết hàng ngày vẫn phóng những tư tưởng thanh cao lên vòm trời hoang vắng hy vọng làm giảm ô nhiễm cho khí quyển. Tôi thiết tha cái lạc quan của người tu sĩ diên thuyết pháp giữa sa mạc. Và tôi xin sữa - mượn lời Đấng Cứu Thế: Nếu tình yêu tát má bên phải hãy đưa má bên trái ra.

5. Quê hương không phải một khái niệm đơn thuần địa lý.

Không phải cứ ở trong nước là “nhiều quê hương” hơn ở ngoài. Vấn đề chính là tâm thế. Người ta rất có thể cách xa quê ngàn dặm mà vẫn ở gần quê hơn một kẻ nằm giữa lòng đất nước mà chỉ tơ tưởng đến việc đục khoét nó.

Xây dựng một nền thơ hiện đại Việt Nam là một công cuộc khó khăn và gian khổ, nó đòi hỏi sự nỗ lực hợp tấu của tất cả các nhà thơ, *trong* cũng như *ngoài* vì một lòng thương yêu tiếng Việt thiết tha, nó chính là lòng yêu dân yêu chữ thật sự của những người làm việc ngôn ngữ.

Các nhà thơ ở ngoài có thể mạnh là gần những vận động mới của thơ hiện đại thế giới.

Các nhà thơ “trong nước” có thể mạnh là hấp thụ trực tiếp nguồn nhựa dinh dưỡng của mảnh đất sinh thành ngôn ngữ Việt.

Tôi xin kết luận bằng một nhận xét đồng thời cũng là hy vọng. Nhiều cơ quan kinh tế tài chính cũng như khoa học tự nhiên xã hội đã nhiều lần kêu gọi sự hợp lực đóng góp của đồng bào hải ngoại. Bao giờ thì có lời kêu gọi đó từ phía các nhà thơ?

Thư viết đã dài mà vẫn chưa trả lời hết những câu hỏi của anh. Xin hẹn anh một vận hội khác.

Thăm anh và thăm tất cả những người từng bạn tâm đến tôi “những ngày Epphen”.

03-1998

Bản sắc dân tộc

... Trường kỳ hồi nước tìm nguồn

Sản xuất ra một khái niệm thỏa đáng là một điều kiện *cần* chưa phải điều kiện *đủ*.

Một khái niệm không được xác định có nguy cơ trở thành một huyền thoại.

Theo lý thuyết một khái niệm phát ra, nếu không được nuôi dưỡng, với thời gian sẽ tiêu hao thông tin và có thể trở thành “tiếng động”.

Ít lâu nay trên các phương tiện thông tin đại chúng trong lúc nhận xét một số công trình văn học nghệ thuật hình như đã chớm có dấu hiệu lạm phát khái niệm phong phú bản sắc dân tộc mà nhiều khi cả người phát lẫn người tiếp thu chẳng rõ mặt mũi mô tê ra sao.

Các nhà lý luận cần phải sớm phòng dựng chân dung bản sắc nói trên càng chi tiết càng tốt.

Không một thể căn cước của bất kỳ công dân nào mà lại, có thể đơn giản ghi ở mục đặc điểm: phong phú bản sắc dân tộc.

Bản sắc dân tộc không phải một thứ tiền sẵn trong kho lúc cần cứ việc rút ra tiêu trước, càng hiện đại thì lại càng phát hiện được bản sắc dân tộc một cách đầy đủ hơn, phong phú hơn.

Đã có một thời dư luận đánh đổ đồng những hoạt động tâm linh của dân tộc vào phạm trù duy tâm thậm chí mê tín - Với đà hiện đại hóa, một số hoạt động tâm linh (nó là một bộ phận không thể thiếu trong bản sắc dân tộc) đã được chú ý, phục hồi và quan trọng hơn nữa, được nghiên cứu.

Tiếp thu bản sắc dân tộc không phải một chuyển giao thụ động mà một quá trình phát hiện gạn đục khơi trong, một quá trình trẻ hóa và trường kỳ đổi mới.

Nói về thơ, Thể lục bát là một trong nhiều truyền thống chứ không phải truyền thống duy nhất của thơ Việt. *Quốc âm thi tập* Nguyễn Trãi, thơ Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Nguyễn Khuyến có lục bát đâu mà vẫn đậm đà bản sắc dân tộc.

Theo truyền thống là cần, nhưng không nên quên nghiên cứu những truyền thống cũ tạo ra những truyền thống mới còn cần hơn và phải được coi là biểu hiện tốt đẹp của bản lĩnh dân tộc.

Uống nước nhớ nguồn là một truyền thống hay.

Con hơn cha nhà có phúc cũng hay không kém.

Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh. Và cánh dùng để bay.

Tôi hay những truyền thống bay.

Vân chữ

Trước hết xin giải quyết cho xong một vấn đề coi như đã được giải quyết từ lâu tại nhiều nước.

Chữ gồm hai phần: phần *âm thanh* (son) và phần *nghĩa* (sens).

Không một nhà thơ nào có chút ít theo đòi nghiên bút lại chủ trương vứt bỏ nghĩa.

Chữ không có nghĩa đơn thuần là âm thanh, không còn là chữ nữa.

Nhưng chữ có một quy chế phức tạp.

Nó thuộc loài lưỡng cư. Một nhà thơ già đã nói đùa: chữ có họ với loài ếch nhái.

Cùng một lúc chữ ở hai địa vực khác nhau với hai nhiệm vụ gần như dị ứng với nhau.

Chữ vừa có nhiệm vụ *biểu thị* (signifier), vừa có nhiệm vụ *hình dung* (représenter).

Ở địa hạt biểu thị, nó được coi như một ký hiệu (signe) để phục vụ việc giao tiếp thuận lợi giữa con người.

Khi sống cuộc đời ký hiệu, chữ phải gặt bỏ phần máu thịt, sống động và phức hợp của sự vật để chỉ giữ lại phần đặc tính biệt phân của nó.

Con bò khác với con dê vì con bò kêu bò và con dê kêu be be...

Mùa thu khác với mùa hạ vì mùa hạ là mùa thứ hai còn mùa thu là mùa thứ ba trong một năm bắt đầu khoảng từ tháng Tám đến tháng Mười dương lịch...

Người ta sử dụng từ *bò* có thể chưa từng biết mặt con bò bằng xương bằng thịt như phần lớn đám trẻ thành phố London đầu thế kỷ XX.

Người sử dụng từ *thu* chỉ cần chú ý đến thời điểm của nó so với những mùa khác trong năm... cái xào xạc heo may rải đồng cái băng khuâng "hồi ký lá vàng" của nó, người sử dụng không cần biết.

Đặc tính của ký hiệu là phải đơn giản, rõ ràng, minh bạch để tránh gây nhầm lẫn.

Khi sự vật bị biến thành ký hiệu, mọi yếu tố không cần cho sự giao tiếp đều bị lược bỏ.

Nói theo các nhà ngôn ngữ học:

"Từ chó không sủa".

* * *

Nhưng con người là một sinh vật phức tạp. Nó có một đời sống tâm lý rất khó kiểm soát. Khi sử dụng *ký hiệu* nó vẫn không nguôi được sự vật và hầu

như không cam chịu sống thân phận một sinh vật thuần túy giao tiếp bằng ký hiệu.

Con người ít nhiều mang *mặc cảm Tì Thức* và những “khi tỉnh rượu, lúc tàn canh” không khỏi “đề đầu” tư lừng một cổ hương chữ nơi nghìn trùng mây trắng với một nàng Giáng Hương buồn.

Những phần bị gạt bỏ của sự vật không cam phận mờ yên mà đẹp. Chúng vẫn quay về ám ảnh ký hiệu như những bóng ma.

Bất cứ một chữ nào cũng đều có phần ngày *ký hiệu* và phần đêm *sự vật*.

Bóng chữ có thể coi là phần tiền kiếp không được hóa giải của chữ. Nó như bóng con thuyền Trương Chi thiếu nợ hồ khoan mãi lòng chén nước Mỹ Nương.

Các nhà tâm lý học gọi đó là cái bị dồn nén - Và cái bị dồn nén thường trở về trong những truyện của Bồ Tùng Linh.

Bóng chữ thêm thiếp trong rừng chữ tựa như nàng công chúa ngủ trong truyện cổ đợi nhà thơ đánh thức. Chữ của nhà thơ ít khi ăn ngon ngủ yên mà luôn thao thức mất ngủ.

Tiếng lạ kho đồ đạc cũ

Âm ngữ vùng mắt ngủ bạc đầu

* * *

Khi Sartre khẳng định “nhà thơ khước từ sử dụng ngôn ngữ” ông muốn nói rằng nhà thơ tuyệt đối không coi ngôn ngữ như một ký hiệu, một dụng cụ giao tiếp đơn thuần, nhà thơ nhẹ bẫng tâm đến phần *biểu thị* tự vị của chữ mà nặng lòng đến phần *hình dung*, đến diện mạo, giới tính, âm hưởng, độ vang vọng, sức gợi cảm quá khứ và tương lai của chữ trong tương quan hữu cơ với câu thơ, bài thơ và lịch sử thơ nói chung.

Nhà thơ không coi rẻ chữ như những vật vô tri, vô giác, những công cụ quăng đi khi đã hết tác dụng mà tôn trọng chữ như những sinh vật có hồn lắng nghe tiếng nói của chữ và trò chuyện với chữ như nhà ngoại cảm lắng nghe và trò chuyện với thế giới bên kia.

Mallarmé đề nghị hãy trả lại tính chủ động cho chữ, nghĩa là nhà thơ không được coi chữ như những ký hiệu thụ động để diễn tả một nội dung có trước mà phải thiết tha mời chữ tham gia cùng sáng tác với mình.

Khi có người hỏi Mallarmé:

- Ông định nói gì trong bài thơ?

Mallarmé trả lời:

- Nếu biết định nói gì thì nói, việc gì phải viết thơ.

Còn André Breton, vị trường môn lầy lùng của trường phái siêu thực thì khẳng định không chút do dự: “Chỉ những chữ nảy mầm mới đích thực là chữ”.

Nhà thơ ứng xử bình đẳng với chữ, không phân biệt chủ tớ trong quá trình sáng tác để tạo thành một sản phẩm kỳ diệu, nó là câu thơ, bài thơ, thậm chí còn có quyền bãi chức nhà thơ!

Edmond Jabès nói: “Chữ bầu lên nhà thơ”.

Và France Corto khi nhận xét về nhà thơ đồ sộ Victor Hugo đã có một câu bông lơn thật sâu sắc: “Hugo, cái anh chàng rồ cứ ngỡ mình là Victor Hugo”.

Thì ra cái nhà thơ đồ sộ kia đã từng “thất cù” qua các cuộc bầu chọn khát khe của chữ.

* * *

Cái lằm lằm phổ biến ở không ít người nằm ở chỗ họ quên mất rằng thơ dùng những từ thông dụng nhưng đã kinh qua một cấu trúc, một tổ chức, một công nghệ đặc biệt.

Nguyên liệu chữ đã được luyện trong một lò luyện kim đan chuyên dùng và đã thay đổi hóa trị.

Cũng vẫn những chữ đó nhưng chúng đã sống một thân phận khác.

Tôi xin nêu ra đây mấy thí dụ:

Câu thơ nổi tiếng của Mallarmé:

La chair est triste hélas! Et j'ai lu tous les livres

Có người dịch khá sát nghĩa:

Thú xác thịt mãi rồi cũng chán

Thú đọc thơ cũng ngán lắm mà!

Xét về mặt đơn thuần nghĩa thông dụng người dịch cũng lắm cũng chỉ bị phạt “vi cảnh” vì lỗi xâm phạm đến tính e thẹn, kín đáo của chữ. Nhưng đứng ở phương diện thơ, anh ta có thể phải bị kết án nặng vì tội “ngộ sát”. Dịch giả vô tình đã giết chết một câu thơ.

Câu thơ chữ Hán được truyền tụng của Thôi Hạo:

Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Có thể dịch rất đơn giản và sát nghĩa:

Hoa đào như cũ còn cười gió đông

Làm sao Nguyễn Du lại dịch:

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Chao ôi! Tôi sẵn sàng đổi mấy chục năm đời mình để được cái chữ *năm ngoái* ấy.

Nó làm chuyển động cả câu thơ như một tia chớp lạ trên bầu trời thương nhớ, tiếc nuối, đến mức phải đề bạt Nguyễn cấp đồng tác giả với họ Thôi.

Tôi bỗng nghĩ đến Gorki sau khi đọc một trang chữ cứ băng khuâng soi mãi lên mặt trăng xem, phía sau những con chữ có gì kỳ lạ mà quyến rũ đến thế.

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

Nghĩa tự vị có gì đâu mà ba trăm năm sau vẫn còn gió nổi trong lòng người một tương tư.

Cô nhân nói: Người đẹp từ trang chữ bước ra. Nhớ Lý Trác Ngô tựa *Tây sương ký*: “Tấc lòng người đời nay gửi lại đời sau đáng thương biết mấy!”

* * *

Heidegger đã tỏ ra rất từng trải chữ khi nhận xét rằng ngôn ngữ vừa sống trên miếng đất *hữu hạn* của ký hiệu vừa sống trên miếng đất *vô hạn* của vạn vật, của trời đất. Chữ vừa là công cụ giao tiếp vừa là “ngôi nhà của hiện hữu”.

Với tư cách là *ký hiệu* chữ càng phi cá tính càng công cộng càng tốt.

Với tư cách là *hiện hữu* chữ càng đậm đặc cá tính càng độc đáo càng tốt.

Mỗi công dân có một dạng vân tay

Mỗi nhà thơ thứ thiệt cũng có một dạng vân chữ. Trộn không lẫn.

Hãy so sánh:

Xin đừng ngó ngoáy lỗ trôn tôi...

... Cọc nhô đi rồi lỗ bỏ không

Rồi:

Bức sột nhưng mình vẫn áo bông

Tương rằng ốm dậy hóa ra không

Rồi:

Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao...

Ngôi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa...

Cùng một tiếng Việt - Tiếng Việt trăm phần trăm. Mà khác nhau biết bao!

Rõ ràng là có một tiếng Việt Hồ Xuân Hương, tiếng Việt Tú Xương, tiếng Việt Nguyễn Du...

Đó chính là phần yêu nước của nhà thơ đóng góp vào kho ngôn ngữ quốc gia. Đó là "tư khoản" chỉ tề mạnh riêng từng người trong Ngân hàng chữ Việt.

* * *

Con người khi bé thì ở chung với bố mẹ, lớn lên thì phải ra ở riêng.

Chỉ nhà thơ có tiếng nói riêng được coi là nhà thơ đã trưởng thành.

Và việc kiếm được một "ngôi nhà chữ riêng" còn khó gấp nghìn lần việc kiếm được một ngôi nhà riêng có mặt tiền trông ra phố.

Chúng ta chưa khuyến khích việc ra ở riêng trong thơ, nạn "chung cư" trong văn học còn khá phổ biến. Người ta còn quen đưa ra một vài tiêu chí chung chung để đánh giá thơ hàng loạt làm cái việc "dẻo chân cho vừa giày".

Có thơ tương đối giản dị như một ca khúc, có thơ phức hợp như một bản giao hưởng.

Cải chính không phải ở chỗ giản dị hay phức hợp mà ở dấu ấn của nhà thơ hay nói một cách khác, ở *văn chữ* của tác giả.

Thơ sống trong sự đa dạng bất thường và thường thui chột trong sự đơn dạng chuẩn hóa.

Các nhà thơ không loại trừ nhau như trong một trận đánh bốc mà bổ sung cho nhau như trong một dàn giao hưởng lớn.

Tôi xin nhắc lại một lần nữa - Một đất nước có 1 ông Lý Bạch là một đất nước có phúc. Một đất nước có 100 ông Lý Bạch là một đất nước bất hạnh. Vì 1 ông Lý đầu lục lưỡng bằng Hạng Võ cũng không "cứ" nổi 99 ông Lý dóm.

Người ta cho xuất bản thơ lỏng lẻo quá mà đánh giá phê bình lại khe khắt quá thậm chí có khi còn ác ý.

Chúng ta phải nuôi dưỡng tình đùm bọc ấm áp trong các nhà thơ và cố gắng xây dựng một cách ứng xử tử tế, có văn hóa trong phê bình thơ bất cứ ở lứa tuổi nào. Trong phê bình, tăng bốc vô lối cũng vô văn hóa như xi và vô lối.

Người làm thơ suốt đời hoạt động trong trạng thái giằng xé căng thẳng giữa *ngưỡa* và *hàm ngưỡa*. Giữa *chữ* và *bóng chữ*.

Gần ngưỡa quá thì câu thơ rõ ràng minh bạch nhưng có nguy cơ khô cứng, bẹt dí, vô hồn, vãn vãn.

Tha thân với *bóng chữ* ở vùng đêm, vùng hàm
nghĩa có cơ may mở mang bờ cõi của chữ nhưng cũng
có nguy cơ rơi vào bóng tối mịt mù của vô nghĩa.

Thời đại nào cũng có một số ít nhà thơ “trời
dậy” tình nguyện hoạt động ở vùng giáp ranh heo hút
này. Hãy thông cảm với họ. Họ chẳng đòi hỏi gì cá
ngoài một số điều kiện tối thiểu để được yên ổn làm
việc. Bản thân công việc của họ đã gian nan, vất vả
lắm rồi, đừng gây thêm khó khăn trở ngại cho họ.
Biết đâu họ chẳng thấm dò được một via quặng quý
nào đó cho ngôn ngữ thơ của đất nước. Nếu họ thất
bại thì sự không may đó của họ chỉ ít cũng có thể
giúp ích người khác đỡ thất cơ lỡ vận như họ và biết
dâu chẳng giúp người khác cơ may thành công.

Tôi muốn các bạn nghe lời tâm sự viết vào
những năm đầu thế kỷ XX của một nhà thơ lớn
người Pháp, người được đánh giá là mở đường cho
nền thơ hiện đại thế giới: Apollinaire:

Chúng tôi không phải kẻ thù các anh

*Chúng tôi muốn tặng các anh những vùng đất
mênh mông kỳ lạ...*

*Hãy thương chúng tôi, những người linh chung
thân biên giới*

Của vô cùng và của tương lai .

*Hãy thương điều chúng tôi sai, thương điều
chúng tôi lầm lỗi...*

Bao giờ chúng ta xây dựng được tình thương
ấy! Bao giờ chúng ta khai tử được câu ngạn ngữ già
nua và đáng xấu hổ “Đố kỵ như nghệ sĩ”.

2002

Lang thang trang lặn quê chữ tìm mình

Tôi đã nhiều phần yêu thơ Đường, học thơ Đường qua những bản dịch của Tân Đà. Công lao của ông đối với việc truyền bá thơ Đường ở nước ta là điều không ai chối cãi được. Cũng không ai chối cãi được Tân Đà có những bài thơ dịch trác tuyệt. Bản dịch *Hoàng Hạc lâu* đã đặt ông ngang hàng với những cây dịch đầu bảng trong văn học sử Việt Nam cỡ Phan Huy Vịnh, Đoàn thị Điểm.

Ngoài thơ Đường, Tân Đà còn có công giới thiệu với độc giả Việt Nam một cây bút đồ sộ của nền văn xuôi Trung Hoa, Bồ Tùng Linh, tác giả bộ *Liêu trai chí dị*. Tác phẩm vĩ đại này hình như bao giờ cũng được in kèm với một bài giới thiệu, bài đề từ của Vương Ngự Dương - Đó là một bài thơ ngắn vốn vẹn hai mươi tám từ.

- Hai mươi tám từ mà đủ sức “cử” hàng vạn chữ hạng nặng của một cây bút thượng thừa như Bồ qua nhiều thế kỷ thật là một thành tích đáng kinh ngạc. Hình như chưa ai phá được kỷ lục cử tạ này của siêu lực sĩ Vương trong bất cứ một thể vận hội nào.

Bài thơ như sau¹:

Cô vọng ngôn chi cô thính chi

Đầu bằng qua giá vũ như ti

Liệu ung yếm tác nhân gian ngữ

Ái thính thu phần quý xướng thi.

Tân Đà dịch:

Nói lão mà chơi nghe lão chơi

Giàn đưa lát phát hạt mưa rơi

Chuyện đời hăn chán không buồn nhắc

Thơ thẩu nghe ma đọc mấy lời.

Câu thứ tư trong bản dịch quá yếu, không đỡ nổi ba câu trên, làm sao gánh được hàng vạn chữ của Bồ.

Đây có lẽ là một trong những bài dịch non tay nhất của nhà thơ quá cố.

Cái giỏi của Tân Đà trong dịch thơ là không câu nệ chữ, lấy cái tình của mình liên doanh với cái tình của cổ nhân tạo nên những câu thơ đầy cảm xúc. Nhưng muốn vậy điều quan trọng nhất là người viết với người dịch phải đồng điệu (tức là cùng một cách chữ).

Tôi cho rằng Tân Đà với Vương Ngự Dương khác điệu.

¹ Bài thơ có tên là “Đề Liêu trai trước thu đồ”.

Cái chán của Tân Đà so với cái chán của Vương mới hiền lành làm sao!

Nhà thơ xứ Đoài chán lắm cũng chỉ đến mức than thơ:

Đời đáng chán hay không đáng chán

Nhấp chén quỳnh ta hỏi bạn tri âm.

Trong một cơn say lớn, ông cũng chỉ ao ước được lên cung trăng cùng thằng Cuội “nhìn xuống thế gian cười”.

Chính vì thế mặc dù là nhà Hán học uyên thâm, một nhà thơ, một dịch giả tài năng ông đã dịch bài thơ chưa “tới”. Tân Đà không bước được ra khỏi ngoài vùng chữ lãng mạn của mình tới vùng chữ “quái kiệt” của Vương. Vương nào có phải chỉ chán “chuyện đời”.

Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ

Vương chán cả *ngôn ngữ nhân gian*! Tức là thứ mà các nhà thi pháp gọi là *ngôn ngữ tiêu dùng*.

Nhà thơ họ Vương khao khát một *ngôn ngữ khác*. Diện mạo nó như thế nào ông chưa biết... Cho nên ông mới tạm mệnh danh là *ngôn ngữ quý*.

Quá là “gớm” với một nhà thơ cổ phương Đông.

Hai câu thơ cuối của Vương, theo tôi có lẽ nên dịch:

Ngôn ngữ nhân gian chùng dâ chán

Thèm nghe mộ ủa quý bình thơ.

Tôi có đem chuyện này nói với Phan Khôi. Ông tú già đất Quảng trẻ kính nhìn tôi, nửa tò mò, nửa giễu cợt. Tôi biết như vậy là ông đã ái mộ tôi lắm vì một lần tôi đã chứng kiến cảnh một nhà học giả thời danh mời ông cộng tác viết một chuyện khảo. Phan đã đứng lên nói rất to trước mặt mọi người:

“Tôi không cộng tác với ông vì ông “đốt lắm”. Phải nghe tiếng “đốt” nhọn hoắt như chọc thủng nhĩ mới hiểu Phan Khôi là người “bộc trực dữ dằn” đến mức nào.

Phan nghe xong, im lặng. Rồi gật gù: “Đúng là quái quỷ!”

Ông cười hy hy rung cả bờm râu, cái cười đặc biệt Phan Khôi rồi mở khóa ngăn kéo cho tôi hẳn một chiếc kẹo Tàu. Ông vừa đi dự kỷ niệm Lỗ Tấn ở Trung Quốc về.

* * *

Ít người biết Nguyễn Tuân cũng làm thơ. Nhưng thật oái oăm con người viết văn xuôi hết sức độc đáo ấy thơ lại cô và sáo.

Nguyễn hơn một lần tâm sự với tôi: “Mình là một poète raté (một nhà thơ hụt)”.

Nhưng trước sau tôi vẫn coi Nguyễn là một nhà thơ. Nhiều đoạn trong *Thiếu quê hương* và những tùy bút của ông có cái lấp lánh của những câu thơ hay.

Thái độ trân trọng chữ của ông không phải nhà thơ nào cũng có. Ông lại còn là một người thương

thức thơ tình tế. Nhưng tôi cảm giác Nguyễn cũng bị giới hạn bởi nhồn quan lãng mạn như người tri kỷ lớn tuổi của ông, nhà thơ Tân Đà.

Sau khi ca ngợi bài *Sông lấp* của Tú Xương một cách khá sành điệu. Nguyễn kết luận: “Dẫu thơ Tú Xương có thể lược đi bài kia, bài khác, nhưng không ai dám quên nữa quên bài *Sông lấp*. Bởi vì ***Sông lấp là tiêu biểu cho hơi thơ Tú Xương*** (L.D gạch dưới!) Không ai phủ nhận *Sông lấp* là một bài thơ hay, nhưng khẳng định nó tiêu biểu cho hơi thơ, giọng thơ của Tú Xương e hơi vội”...

Cái hơi hoài cổ này tôi đã gặp ở Nguyễn Du, ở Bà Huyện Thanh Quan và nhiều người khác.

Bài *Sông lấp* dù hay cũng vẫn là một bài thơ trữ tình theo thông lệ. Cái độc đáo, cái tiêu biểu cho hơi thơ Tú Xương, tôi nghĩ ở chỗ khác.

Nhà thơ Vị Xuyên đã tạo ra một tiếng nói trữ tình mới ở ngay những điểm chữ mà Lỗ Tấn “thanh tao” của chủ nghĩa lãng mạn cho là nôm na, dung tục:

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông

Tương rằng ốm dậy, hóa ra không

Một tuồng rách rưới con như bố

Mấy chữ, nghèo ngao vợ chán chồng

Tôi bỗng nhớ Hoài Thanh, một nhà thẩm bình thơ lãng mạn chủ nghĩa, khi ông viết trong

tập *Thi nhân Việt Nam* “Cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu của các ông Tú Xuất, Tú Xương lẫn Tú Mỡ. Nó hiền lành và thanh tao.”

Một người khê khàng như Hoài Thanh mà đã thốt lên như vậy hẳn phải khó chịu lắm!

Chao ôi! Tú Xuất thì có dính líu gì đến thơ. Đến như Tú Xương và Tú Mỡ cũng không thể “nhét” chung vào một bị được.

Tú Mỡ là một nhà thơ trào phúng hóm. tài ba. Tú Xương là nhà thơ trữ tình chính những nơi người ta vẫn quen định nghĩa là trào phúng.

Khách hỏi nhà ông đến

Nhà ông đã bán rồi

Vợ lăm le ở vú

Con tấp tênh đi bồi

Theo tôi đó mới là cách thơ không trộn không lẫn mà ông Tú Vị Xuyên đã góp cổ phần vào Công ty Thơ Việt Nam. Những cái dung tục, những cái nôm na khó chịu cất lên từ tiếng kêu xé ruột của trái tim nó làm con chữ “biến động” và đã “hóa” trữ tình từ lúc nào!

Chính cái cách trữ tình “Cười đầy mà khóc đầy” đã tạo cho Tú Xương một vị trí hết sức độc đáo trong lịch sử phát triển của thi pháp Việt Nam.

Nói vậy không phải để chê trách Nguyễn mà chỉ để nhấn mạnh rằng dù là bậc tài tử sành sỏi ông cũng không thể bước ra khỏi “vùng chữ” của mình.

Không nên quên rằng việc xác định tính cách một nhà thơ là một quá trình mò mẫm hết sức khó khăn không những với người phê bình thơ mà còn đối với chính bản thân nhà thơ.

Không ít nhà thơ không định hình đã rơi rụng trên đường “hàng thí” vì đã không nhận rõ cũng như khô luyện tính cách thơ của mình.

Có thể nói quá trình làm thơ là một quá trình gian khổ đi sâu vào bản thân, vừa phát hiện vừa xây dựng tính cách của một nhà thơ.

Có lẽ vì thế mà một số nhà thơ đời Tống đã vì *thi pháp* với *thiền pháp*, cả hai đều là những hoạt động tinh thần cao thể. *Cách chữ* đồng nghĩa với *cách sống* của người viết.

* * *

Trải nhiều thế kỷ, người ta thường nhắc đến giai thoại “thôi sao” để ca ngợi kỹ công luyện chữ của Giả Đạo.

Giả là một nhà thơ đời Trung Đường, đã cắt tóc đi tu tại chùa Thanh Long thành Lạc Dương. Ông là tác giả bài tứ tuyệt nổi tiếng trong đó có hai câu:

Điền túc trĩ biên thụ

Tăng sao nguyệt hạ môn

(Chìm ngu cây bên nước

Sư gõ cửa dưới trăng)

Nhà thơ bắn khoãn giữa chữ *sao* (gỗ) và chữ *thôi* (đây) đến mức trên đường đi một tay thì gõ, một tay thì đây như một thẳng rồ. Bận tâm chữ đến mức đó quá thật loại người xưa nay hiếm.

Thoạt nghe thấy hay!

Nghĩ lại hơi ngợ!

Một người làm thơ lâu năm tự nguyện đến nương nhờ cửa Phật. Tương đã giữ sạch lòng trần như Già tiên sinh mà lại bắn khoãn mãi giữa *gỗ* và *đây* sao?

Gỗ: tâm bình thường

Đây: tâm xao động

Gỗ: nhiều tính năng

Đây: nhiều tính tục.

Làm sao ông sư họ Già lại phải bận tâm nhiều đến thế trong lựa chọn?

Về sau mới biết ông Già nghe lời Hàn Dũ cười áo cà sa hoàn tục và đi làm quan. Những bắn khoãn chữ đâu phải chỉ đơn thuần hình thức, rất nhiều khi chúng biểu lộ nội căn của nhà thơ.

Ta có thể đôi mới lời cổ nhân và nói rằng: “Cho tôi rõ công nghệ chữ của anh, tôi sẽ đoán được anh là người thế nào.”

Vốn chữ

Lang thang trang lặn què chữ tìm mình

Nhiều người thắc mắc về việc những tác phẩm văn học của ta chưa vươn cao đủ tầm thời đại. Đó là những thắc mắc chính đáng...

Hiện thực là điều kiện *cần*, không phải điều kiện *đủ*, không phải cứ hiện thực lớn lao là *tức khắc* tạo ra những tác phẩm lớn lao theo một luật nhân quả đơn giản.

Sự ra đời của những tác phẩm tâm cỡ phải được coi là những cơ may của một thời đại, một xứ sở.

Tác phẩm lớn là con đẻ của những tài năng lớn, và việc xuất hiện những tài năng lớn lệ thuộc vào rất nhiều yếu tố phức tạp, cái thì giải mã được cái thì không.

Thế kỷ XIX ở Pháp là một thế kỷ mất mùa thơ nhưng lại sản sinh ra nhiều nhà tư tưởng kiệt xuất như Voltaire, Rousseau, Diderot... những con chim báo bão của cuộc cách mạng tư sản dân quyền vĩ đại.

Thời nhà Nguyễn ở Việt Nam không thể coi là một thời hiền hách về quân sự và chính trị nhưng lại là một thời kỳ phát triển đáng nể về văn học.

Đó là quy luật phát triển không đồng đều của xã hội trong một thời gian nhất định.

Có những triều đại được mùa về quân sự, kinh tế nhưng lại không được mùa về văn học và ngược lại.

* * *

Nói thế không phải để các nhà văn rũ bỏ trách nhiệm mà chính là để họ gánh vác trách nhiệm một cách nghiêm túc hơn.

Nhà văn không thể lý do lý trấu vì cái này vì cái nọ, 36 cái vì mà phải đối diện thẳng mặt với nghề nghiệp của mình.

Chúng ta chỉ có thể chống lại "mặc cảm tội lỗi" một cách hữu hiệu thông qua việc nâng cao phẩm chất nghề nghiệp viết với đầy đủ ý thức.

Một nhà văn có trách nhiệm phải là một nhà văn khổ luyện, chuyên nghiệp hóa ở trình độ cao, luôn luôn tự vấn xem mình đã sống chết với nghề chưa, đã một lòng một dạ vì nó chưa hay vẫn rong chơi những tháng năm nghiệp dư cho đến xế chiều.

Việc chuyên nghiệp hóa với tất cả tâm huyết của mình có thể xem như *văn đức* của người cầm bút.

Thẻ hội viên Hội Nhà văn không phải một chứng chỉ về tính chuyên nghiệp của người được cấp. Đó không phải là điểm đến mà chỉ là điểm xuất phát. Không nên nghỉ hè ở đó lâu quá.

Các thẻ hội viên cũng như các thứ bằng cấp không đem lại giá trị cho con người mà chính con người đem lại cho chúng giá trị đích thực thông qua lao động vất vả cũng như những cống hiến chất lượng cao hai sương một nắng của mình.

* * *

Văn học là một hoạt động văn hóa chiều sâu nó đòi hỏi nhà văn phải có một trình độ văn hóa trầm tích cao.

Vốn văn hóa này nhà văn phải nuôi dưỡng phát triển nó suốt đời.

Sinh thời, Nguyễn Tuân thường hay nói đùa (!): “Nhà văn trước hết cần biết đọc biết viết”.

Câu nói đùa hàm một ý nghĩa sâu xa.

Chúng ta phải cố gắng xây dựng một nền văn hóa đọc mở và nghiêm túc. Đọc với nhà văn không phải là chuyện giết thời giờ. Nó là một quá trình *tu dưỡng* sống còn không có không được trong suốt cuộc đời của một người cầm bút, nhất là trong hoàn cảnh đặc biệt của văn học Việt Nam. Phần lớn các nhà văn Việt Nam thế hệ chống Pháp cũng như chống Mỹ đều bận chiến đấu suốt thời trai trẻ của

mình, không có thời gian rảnh rỗi để tự trau dồi một vốn văn hóa chuyên sâu.

Điều này lẽ ra phải được bộ phận lãnh đạo Hội Nhà văn đặc biệt chú ý sau khi đất nước hoàn toàn độc lập và thống nhất. Sau năm 1975 lẽ ra Hội phải đặt vấn đề trau dồi văn hóa cho các nhà văn một cách cấp thiết và bài bản nhằm giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa *vốn sống* và *vốn chữ* (hiểu theo nghĩa rộng).

Một nền văn học không thể phát triển với những bước đi *tập tễnh* được.

Thiếu *vốn sống* tác phẩm sẽ nhạt nhẽo, ẻo uột, bất túc.

Thiếu *vốn chữ* tác phẩm sẽ thô vụng, sống sượng, suy dinh dưỡng.

* * *

Việc các nhà văn Việt Nam ít thông thạo ngoại ngữ đã trở thành một trở ngại đáng kể trên con đường phát triển của văn học Việt Nam, nhất là vào lúc đất nước đương mở cửa hội nhập với thế giới.

Không gì bi kịch bằng tình trạng cửa đã mở, nhưng chủ nhà lại không bước ra được những nơi sông dài biển rộng bị ngăn cản bởi những hàng rào thuế quan phi lý của ngôn ngữ.

Các nhà văn trẻ (vì còn đủ thời gian) nhất thiết phải nỗ lực học tập ít nhất một ngoại ngữ đến mức

thông thạo để có thể từ óc đi trên những con đường
thiên lý của văn hóa nhân loại.

* * *

Với các nhà viết văn xuôi vấn đề thiếu ngoại
ngữ còn có thể tạm thời giải quyết được một phần
bằng cách tăng cường công tác dịch thuật theo một
kế hoạch chu đáo.

Nhưng với các nhà thơ, việc đó trở nên cực kỳ
nan giải vì một tiểu thuyết dịch *trung bình* có thể đạt
tới 60 hoặc 70% giá trị nguyên tác.

Còn dịch thơ thì phải cố lắm mới đạt được
những chỉ tiêu này (lẽ dĩ nhiên trừ những cây dịch tài
năng như Đoàn Thị Diễm, Phan Huy Vịnh... hơn
nửa dịch thơ Hán sang tiếng Việt cũng tương đối
"dễ" hơn dịch các nhà thơ hiện đại Âu Mỹ).

Tôi đã phải bỏ non nửa năm trời để dịch hai câu
thơ kiệt xuất của Patrice de La Tour du Pin mà cũng
chỉ đạt được trên dưới 70% giá trị của nguyên tác:

Tous les pays qui n'ont plus de legende

Sont condamnés à mourir de froid

Những xứ sở không một manh truyền thuyết

Cơ ro nằm chết rét ngoài đường.

* * *

Tình hình đã như vậy, tự trách mình hay trách
người đều vô ích. Vấn đề là họp bàn với nhau và mỗi

nhà văn nhà thơ tự giác đặt ra một kế hoạch học “đọc” học “viết” cụ thể.

Đó là một quá trình *tự tu* hết sức gian khổ, nó đòi hỏi những nỗ lực thầm lặng và mệt nhọc, nhiều khi chán nản, xa ánh đèn quuyến rũ của các sân diễn hay của màn ảnh nhỏ.

2003

Nghệp thơ

Trăng Bạ Vĩ sao đổi chữ thiên di.

Trong các bộ môn văn học nghệ thuật, thơ có lẽ là bộ môn chịu nhiều hiểu lầm hơn cả.

Anh muốn vẽ ư? Anh phải đi học họa (dầu không phải học tại trường Mỹ thuật). Anh muốn làm nhạc ư? Tốt nhất mời anh thi vào Nhạc viện. Hình như chỉ có thơ là không cần phải học. Nhiều người nghĩ rằng thơ cũng như khả năng ngoại cảm hoàn toàn trời cho. Và tìm chữ cũng như tìm mỏ mà hải cẩu!

Các nhà thơ cũng góp phần không nhỏ vào sự ngộ nhận này. Nào nhà thơ đêm nằm nghe thiên hứng từ một còi thanh vắng đọc cho mình nghe như thánh ộp vào miệng một cô đồng phải ghi tấp lự, không đến sớm mai có thể rơi vãi mất hết! Nào nhà thơ cười trên con ngựa bay của cảm hứng mà các lý luận Trung Hoa dựa vào âm tiếng Anh của tự "inspira - tron" chuyển dịch một cách thần bí và sang trọng là "Yêu sĩ phi lý thuần", vân vân và vân vân.

Sinh thời Thơ Mới những năm 30, một nhà thơ đầu đàn viết:

Hôm qua đi hái mấy vần thơ

Ở mãi vườn tiền gần Lạc Hồ.

Chẳng ai biết Lạc Hồ ở đâu, nhưng lập tức đẻ ra một loạt các ông đầu bù tóc rối đi trong mưa tìm hứng thơ. Nhiều ông đi lạc xuống phố Khâm Thiên tìm thơ trong thú đi mây về gió với sự trợ giúp của nhựa cây anh túc cũng như thân xác của mấy nàng thơ “mỹ ăn liền”.

Khói huyền lên khói huyền lên

...

Lung linh vàng đội cung quỳnh

Nhịp nhàng biến hiện những mình tiên nga.

Kết quả chẳng biết sinh ra bao nhiêu nhà thơ, chỉ biết khá nhiều người tiền mất tật mang và ngày càng lún sâu vào cái mà ngày nay ta gọi là tệ nạn xã hội.

Các nhà lý luận nói nhiều đến cách làm việc cần mẫn của người viết tiểu thuyết hơn của người làm thơ. Người ta ca ngợi việc Tolstoi viết đi viết lại nhiều lần bộ tiểu thuyết đồ sộ *Chiến tranh và hòa bình*. Nhưng người ta lại trầm trồ việc Lý Bạch say túy lúy đặt bút không cần nghĩ, viết một mạch những câu thơ trác tuyệt bị thúc đẩy bởi một cuồng hứng.

Điều đó khiến nhiều người hiểu lầm rằng thơ không cần lao động cực nhọc mà chỉ cần cảm hứng.

Mà cảm hứng thì như người tỉnh thất thường, không
nhều, thoát đến, thoát đi ai mà lường trước được.

Theo tôi thơ là một nghề. Đã là một nghề thì
phải có kỷ luật lao động. Không nên thụ động thấp
hương chờ mà phải chủ động gọi hứng đến. Công
việc này đòi hỏi một kỷ luật nghiêm ngặt và gian khổ.

Các nhà thơ hãy tập thói quen hàng ngày ngồi
vào bàn làm việc như một người lao động bình
thường viết - cố viết. Không nghĩ ra cũng phải nghĩ
cho ra, cũng phải viết - Đừng có nản - Viết một chữ
một, câu bắt chợt đến. Rồi chữa. Rồi phát triển. Rồi
xóa sạch nếu cần. Nhưng nhất định phải viết - Dầu
công cốc, dầu tốn giấy mực và thời gian.

Hãy đi đến tận cùng chán nản để vật ngã nó.
Thật ra, nói không được gì chỉ là nhìn bề ngoài. Việc
viết xóa, sửa chữa viết đi viết lại tưởng như là vô ích
này là những yếu tố tích lũy và kích thích cảm hứng
rất tốt.

Một số nhà thơ cho rằng những câu bắt đầu là
của trời cho. Cũng có thể. Nhưng trời chỉ đầu tư mấy
câu đầu như một thứ vốn "ưu đãi xóa đói giảm
nghèo" còn việc ăn nên làm ra là việc của từng người
không ai làm thay được.

Valéry, nhà thơ, nhà lý luận thơ kiệt xuất người
Pháp có một ý kiến đáng để ta suy nghĩ: "Một hai
câu đầu có thể trời cho, phần còn lại là khổ sai chữ".

* * *

Thiên hạ không ngớt lời khen Tào Thục đi một bước làm một câu thơ. Đó là một lời khen không tốt. Nó dễ khiến người nhẹ dạ lầm lẫn thơ với một cuộc thi tốc độ. Thời Đường có bao nhiêu thần đồng xuất khẩu thành thi, đến nay tên còn lại bao nhiêu người? Tôi không thích những thần đồng. Tôi yêu những người lao động có trí thức một nắng hai sương trên cánh đồng chữ bặt tâm những vụ mùa cao sản.

Phê bình thơ *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu, Thánh Thán có một nhận xét rất được:

“Phàm cô nhân mà có một lời, một hàng, một câu, một chữ đủ để biết một mình trong một thời, chiếm cứ cả ngàn năm thì ta phải tin rằng không có gì - không do ở đọc sách (hay học tập - L.Đ), dưỡng khí (hay rèn luyện - L.Đ) mà ra”.

Thơ là chớp của Kim Tự Tháp văn hóa - Không có nền vững, chớp dễ sụp đổ như một lâu đài cát. Không có thơ hay ở trình độ cấp 1. Làm thơ nhanh hay chậm, dễ dàng hay khó khăn chỉ là cách riêng của từng nhà thơ không phải biểu hiện của tài năng.

Người luyện võ đến mức siêu chỉ phẩy tay đủ phát chưởng phá núi - Cái phẩy tay đủ phát chưởng phá núi - Cái phẩy tay đó hàm chứa bạc đầu khổ luyện. Một cái múa bút của Lý Trích Tiên thật ra công lực như Hạng Vương cừ đỉnh. Người ta chỉ nhìn thấy Tào Thục ung dung đi một bước làm một câu thơ, không nhìn thấy những đêm trắng “đọc thư Huyện thi” phu phen của họ Tào.

Maia có một cuốn sổ tay vật bất ly thân để tích lũy chất liệu thơ hàng ngày (một ý hay, một từ ngộ nghĩnh, một câu thơ chợt đến). ông coi nó như một kho hậu cần của sáng tạo. Đó là một kinh nghiệm hay.

Đỗ Phủ có một đòi hỏi hết sức nghiêm khắc đối với việc làm thơ - Nhà thơ khổ sai chữ này, di chúc đòi sau "Viết một câu quỵ thần chưa khiếp kinh, chết không nhắm được mắt".

* * *

Nhiều cây bút trẻ than thở về cảnh ngộ cô đơn và khó khăn của nghề chữ. Theo tôi đó không phải là cảnh ngộ riêng đối với các nhà thơ trẻ mà là số phận chung của các nhà thơ thứ thiệt.

Một người chữ lầy lòng như Baudelaire mà suốt đời vẫn thấp thòm lo lắng: "Thượng Đế! Cầu xin người phù hộ cho dăm ba câu thơ đủ sức chứng minh rằng Baudelaire không đến nỗi là kẻ mặt hạng thấp kém so với dăm người mình khinh bỉ".

Lời cầu xin của tác giả *Ác hoa* không phải là một lời cầu xin đầu lười hay làm dáng - Một người làm thơ tự trọng luôn hoài nghi, luôn nơm nớp mình là kẻ ngoài lề vô dụng và cần phải cố công, cùng sức làm được một vài câu thơ đủ chứng minh (không phải cho đời mà cho chính bản thân) rằng mình không đến nỗi là một kẻ vệt đĩa vứt đi.

Tôi kị những nhà thơ tự phong hay được sắc phong “thi sĩ suốt đời”. Nhà thơ đích thực bao giờ cũng ghềnh bất trắc và buộc phải bảo vệ (không phải bệ vệ) thi phận của mình qua thử thách khắc nghiệt và vô tư của chữ.

Ai cũng biết Victor Hugo là một nhà thơ đồ sộ. Viết về nhà thơ này, Jean Cocteau, một nhà thơ nổi tiếng nhận xét: “Hugo, cái anh chàng rõ cứ ngỡ mình là Victor Hugo!”. Như vậy là ông nhà thơ đồ sộ kia cũng từng đã không ít lần bị loại qua các cuộc bầu cử của chữ.

Làm thơ là một nghề hơi bị nguy hiểm. Tôi không nói đến cái nguy cơ bị ăn đòn bởi các nhà phê bình đao to búa lớn - Thời nào cũng có những kẻ đao búa. Cái nguy hiểm trầm trọng hơn là tình trạng mà Rilke gọi là niềm “cô đơn không tận” của nghiệp thơ. Các nhà văn xuôi cũng cô đơn, nhưng cô đơn khủng khiếp nhất hình như vẫn là các nhà thơ.

Không người làm thơ nào không trải qua những cơn tuyệt vọng muốn quẳng bút đi làm nghề khác cho nó khỏe - Nhưng thơ là một nghiệp, một tình yêu đằm đuối - Yêu cũng mạo hiểm lắm chứ! Nhưng có ai vì thế mà chưa yêu đâu.

Trong một phút xuất thần, Nguyễn Du khi nói về thân phận nàng Kiều đã cảm cảnh nói hộ bản thân ông và các nhà thơ:

Ma đưa lối quỷ dẫn đường

Lại tìm những lối đoạn trường mà đi

Ai buộc anh phải làm thơ, phải bước vào “con đường khô ái” đó. Chẳng ai cả - Thân làm tội đời mà thôi!

Trong bức thư nổi tiếng gửi người làm thơ trẻ, Rilke nhắc đi nhắc lại rằng họ chỉ nên đeo đuổi nghiệp thơ, nếu từ chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn họ cảm thấy không viết không được.

Lẽ dĩ nhiên đứng về phương diện quản lý, Hội Nhà văn phải thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của các nhà thơ trẻ mà niềm nở ân cần đối với họ, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho họ có thể gặp gỡ trao đổi với nhau. Báo Thơ rất nên mở ra cho họ một sân chơi, thông thoáng và hiện đại. Và nên tránh những lời quở trách chung chung và nặng chùy như “lại căng” “quay lưng lại với cuộc sống” “thơ hủ nút, xa rời quần chúng” vân vân và vân vân. Họ còn mới bắt đầu mà đã chụp những cái mũ trọng tội thế. Phải thương yêu, giúp đỡ họ (tôi rất ghét từ nâng đỡ) chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm cụ thể với một thái độ khoan dung, chân thành vì họ chính là ngân hàng tương lai của chúng ta - Đừng nên quá, “chữ nghĩa nhiều khi có thể giết người”.

Phải hiểu quy luật tiếp nối trong văn học. Thế hệ sau tiếp nối thế hệ trước là phải tìm ra được tiếng nói riêng, nhiều khi rất khó nghe đối với lỗ tai của thế hệ trước. Trong cuộc đấu tranh giữa thơ “cũ” và thơ “mới” những năm 30, đã có “cụ” gay gắt lên án đòi chém Lưu Trọng Lư. Tiếp nối không phải rap

khuôn làm theo mà làm khác thể hệ cha anh như thể hệ cha anh đã từng làm khác thể hệ trước. Tiếp nối truyền thống là trẻ hóa, phát triển nó tạo ra những truyền thống mới sống động và khác lạ. Đó là một lao động hết sức gian nan và vất vả đòi hỏi một đam mê mãnh liệt đến mức dửng dưng.

Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo

Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua

Anh bạn trẻ! Anh đã trèo được mấy núi rồi?

Dam mê một người còn không xong, sức mấy mà đam mê chữ.

2003

Cầm tên em đi tìm

Hiền nhiên gánh thơ thế kỷ XXI chủ yếu đè nặng trên vai thế hệ trẻ.

Đó là một vinh dự, quan trọng hơn, đó là một trách nhiệm. Tuổi trẻ - do cấu trúc sinh học thường có ưu điểm năng nổ, táo bạo, và nhất là có những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ trước cuộc sống.

Tôi xin nhắc lại một lần nữa: những ưu điểm trời việm trợ ấy không đủ để các nhà thơ trẻ đảm nhiệm tốt trọng trách chữ.

Kinh nghiệm cho ta biết rằng hoàn toàn sống bằng việm trợ đầu là việm trợ “vô tư” nhất cũng chẳng bao giờ góc đầu lên giàu mạnh được.

Hình như hiểu rằng “của trời đất kho vô tận” thật, nhưng trời đất cũng chẳng hào phóng như người ta tưởng và tem phiếu trời cấp nhiều khi cũng rất là kỳ bo, nên cổ nhân đã gợi ý “Hãy tự việm trợ rồi trời sẽ việm trợ”, hay nói kiểu các phương tiện thông tin đại chúng hiện tại “hãy cố gắng phát huy nội lực”.

Các nhà thơ trẻ phải trường kỳ học tập tự tạo cho mình một quỹ văn hóa, càng trường vốn càng tốt -

họ phải cố gắng tinh thông ít nhất một ngoại ngữ để có điều kiện mở cửa tiếp xúc với nền thơ thế giới - cái bất hạnh nhất của một nhà thơ là tình trạng bị cách ly bởi những hàng rào ngôn ngữ.

Một nghịch lý cũng cần nêu bật là không ít nhà thơ trẻ thường bắt đầu rất già vì họ quen nói bằng ngôn ngữ “khốt ta bít” của quá khứ mà cứ đinh ninh là của mình. Ngôn ngữ là một thói quen đáng sợ và rất ngoan cố. Thế hệ trẻ không dễ dàng tìm được ngay tiếng nói của mình. Cuộc tìm kiếm này là một quá trình hết sức gian khổ. Không thiếu gì người đã bạc đầu mà vẫn ăn bám tiếng nói của bố mẹ.

Chỉ khi nào nhà thơ tìm được tiếng nói riêng anh ta mới được coi là “người lớn”.

Tương tự nhà con cái phương trường được cha mẹ cho tách hộ khẩu ra ở riêng.

* * *

Đã có thời ở phương Tây người ta nói quá nhiều đến cuộc chiến giữa các thế hệ.

Theo tôi đó là một cách nói giật gân có nhiều tính chất “giễu” hơn là sự suy nghĩ chín chắn của một thế kỷ chưa rũ bỏ được ám ảnh chiến tranh nóng cũng như lạnh.

Các thế hệ chẳng việc gì phải găm ghè nhau cả. Trời đất còn vô khối vùng trí tuệ hoang hóa chưa khai khẩn.

* * *

Mọi sự tiếp nối trong nền văn minh nhân loại đều vừa *liên tục*, vừa *gián đoạn*.

Việc đầu tiên cần làm khi đưa trẻ ra đời là phải cắt rốn tách khỏi mẹ.

Đó là hành động gián đoạn chảy máu đầu tiên trong cuộc đời một sinh vật.

Một nền thơ chưa cắt rốn quá khứ chưa thể coi là một nền thơ đã thật sự khai sinh.

Các thế hệ đi trước hãy giúp đỡ thế hệ trẻ tách khỏi quyền giám hộ của mình tạo điều kiện cho họ sớm trưởng thành và ra ở riêng.

Uống nước nhớ nguồn là một truyền thống hay.
Con hơn cha là nhà có phúc cũng hay không kém.

* * *

Một số nhà thơ trẻ thường phàn nàn không được các nhà văn đàn anh *nâng đỡ*.

Tôi cũng xin phép được lặp lại mình một lần nữa. Tôi rất không thích từ *nâng đỡ*. Cái màu sắc *ô dù* quan liêu bao cấp của nó rất dễ gây hiểu lầm không những đối với thế hệ thơ trẻ mà còn cả với các bậc đàn anh.

Sinh thời một nhà thơ cổ thụ trong một phút bốc hứng đã buột miệng phát một câu xanh rờn trên bục giảng một lớp bồi dưỡng các cây bút trẻ:

“Các anh đều ở trong túi chúng tôi mà ra!”

Cũng may túi nhà thơ ấy thủng.

Giới thơ trẻ phải ý thức và trách nhiệm hơn về vai trò “khai phá” “lập nghiệp” của mình.

Vùng sâu vùng xa của chữ còn vạn thủy thiên sơn hơn nhiều lần vùng sâu vùng xa địa lý.

Hành trình mới hoang vu mới cô tịch làm sao! Không hiếm đoạn rừng nguyên sơn um tùm cỏ dại phải phát quang mà đi.

Lỗ Tấn nói “Đường do người đi mà có”.

Nhưng nhà thơ trẻ, nhà thơ khai phá nhiều khi lại là người phải đi những bước đầu tiên “lồng vết trắng soi vết chân thú dữ”.

Chống với thói quen chữ của chung quanh đã khó - chống với thói quen bản thân càng bội lần khó hơn. Chẳng có người tình, người bạn nào “khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu” cả. Ngay chính mình nhiều khi cũng lạnh nhạt, cũng hắt hủi mình.

Mọi con đường khai phá đều “thực đạo nan”; “Y hu hi nguy hồ cao tai...” Đường vào Thực khó hơn đường lên trời.

Mà chúng ta chỉ có cái ba lô hoài bão toồng teng trên lưng chống lại những dông bão cấp mười ba, mười bảy của đường trường.

Thượng Đế hãy phù hộ cho các nhà thơ trẻ chân cứng đá mềm trên con đường vạn lý trường chinh chữ.

Dù luận kêu ca các nhà thơ tre hay bìa bọt và ca ngợi lẫn nhau tại trận một cách hơi xa xỉ. Không nên quá nghiêm khắc đối với họ. Thỉnh thoảng gặp gỡ trên bãi bìa cho nhau đi tàu bay giấy tí chút để nạp thêm “gaz” hào hứng cũng chẳng sao, miễn là không nên kéo dài triền miên và nhất là chuyên hộ khẩu thơ tới đó!

Dừng bao giờ quên rằng cái quan trọng nhất đối với người làm thơ không phải những phút liên hoan thù tạc “văn minh vợ người” hay nhận hoa trên sân diễn mà là những phút những giờ thâm lặng, chán nản, đơn độc vất vả trên xới chữ.

Người ta thường ca ngợi những miếng điều luyện “trên cá tuyết vời” của các cao thủ, mà ít ca ngợi bản lĩnh “trì đòn” phi thường của họ. Nó chính là lòng gan dạ, khí phách của kẻ sĩ, cá văn lẫn võ.

Tôi muốn kê cho các bạn nghe *chuyện* nhà thơ Mỹ đồ sộ Walt Whitman.

Tập *Lá cỏ* của Walt được xuất bản năm 1855 với số lượng sáu bảy chục bản gì đó. Đã đến cái nước bóp mồm bóp miệng bỏ tiền túi ra in thơ (người ta còn truyền rằng ông tự sắp chữ lấy cho đỡ tốn tiền) để biểu xén hai nội chữ quân tử cũng đã là hâm hiu mặt hạn rồi! Mà nào có xong đâu.

Tập *Lá co* đầu tiên gửi tặng một nhà phê bình đàn anh lập tức được trả lại với một dòng phúc đáp chết người: “Đây không phải thơ, đây là sự vô lễ”.

Một nhà thơ thời danh khà kính, một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng hòa đã quăng cuốn *Lá co* vào lửa như hóa thiêu một sản phẩm ma quỷ. Không những thế nhà thơ thanh giáo kia còn rêu rao hành động thánh thiện của mình trong các buổi sinh hoạt của giới thượng lưu như một chiến tích của lòng tin và văn hóa.

Khi Walt lần la đến hiệu sách thu thập thông tin về tác phẩm của mình (nhà thơ đã khôn ngoan nhờ một người bạn đảm đương giúp phân tiếp thị), chủ hiệu sách trẻ kính nhìn ông như một quái thai ngấm dấm và phải lục mãi trên kệ sách mới lôi ra được một tập.

Walt hỏi:

- Làm sao tập *Lá co* mới xuất bản mà ông không bày bán?

Chủ hiệu sách nhún vai:

- Tôi khổ sở vì tập “*Lá cái*” này. - Một khách hàng quen trông thấy cuốn thơ trên sạp đã dùng dùng, bỏ đi sau khi quăng lại một câu: “Tôi tưởng ông là người đứng đắn ai ngờ ông lại buồn những thứ sách nhảm nhí này!”

Walt phai cần răng dốc túi ra mua cá ba tập *Lá co* để chứng minh cho sự tử tế của tác phẩm.

- Đây là một tập thơ rất độc đáo. tôi muốn mua thêm mấy cuốn tặng bạn bè.

Ông chủ hiệu sách chẳng biết thật thà hay tinh quái, cười:

- Người ta chỉ gửi bán có ba cuốn, nếu ngài muốn mua thêm xin đến hiệu sách cách đây ba nhà. Chắc chắn là còn. Có ma nào hỏi đâu.

Nhà thơ đi rồi vẫn còn nghe rành rọt bên tai: -
Đúng là thẳng hăm.

* * *

Điều kỳ quặc là Walt không nhảy xuống sông Potomac tự tử, cũng không chôn chặt mỗi "sầu vạn cổ" dưới đáy một chai Uýt-xki hay trong bụng một mỹ nữ "mây chiều"

Say đi em, say đi em

Say cho rơi la ánh đèn

Cho cung bậc ngà nghiêng điên rồ xác thịt.

Rượu rượu nữa và quên quên hết.

Không những thế ông còn lọ mọ đem tập thơ đã in ra sửa lại, viết bổ sung và tái bản lần thứ hai.

Hồi đó nhà thơ của chúng ta còn là một nhân viên văn phòng tại một cơ quan Nhà nước.

Một hôm ông trường phòng bất chợt thấy trên bàn của thuộc cấp (Walt là bút danh, tên khai sinh của nhà thơ là Walter) có cuốn *Lá cỏ bèn hỏi*:

- Ông cũng đọc cuốn này?

Tuy là người thông minh, nhưng Walt vẫn mắc bệnh ngây thơ cố hữu của các nhà thơ - Ông không nhận thấy sắc thái hơi khác thường trong giọng nói của thủ trưởng - Walt cười rất "colgati":

- Thưa ngài đây là một tập thơ khá độc đáo. Nếu ngài muốn, tôi sẽ biếu ngài một tập.

- Ông biết tác giả...

- Thưa ngài tôi rất biết vì tác giả chính là kẻ hèn này.

Khi Walt nhận thấy mặt thủ trưởng thay đổi thời tiết thì đã quá muộn.

- Cơ quan Nhà nước là một nơi nghiêm túc, không... không có chỗ...

Ông trưởng phòng phân nộ đến mức phải nói cả vạt dề thờ.

Và do bệnh quan liêu hách dịch vốn là một bệnh mãn tính của hầu hết các cơ quan công quyền, nhà thơ của chúng ta bị buộc thôi việc "vì tội vi phạm nghiêm trọng quy chế công chức".

Không chừa - Nhà thơ lạc quan ngoan cố mình đây thương tích kia lại tiếp tục sửa, tiếp tục bổ sung.

Tập *Lá cỏ* lúc đầu là một tập thơ mỏng non trăm trang, lần tái bản thứ tư vào năm 1870, nghĩa là sau lần xuất bản đầu tiên 15 năm, đã trở thành một tác phẩm bề thế dày năm sáu trăm trang.

Và nhà thơ từ từ cười một mình:

- Sự vô lễ đến năm sáu trăm trang biết đâu chẳng trở thành một sự lễ phép khác.

Và lần này trước tòa phúc thẩm của thời gian, nhà thơ đã được hiểu - Walt trở thành nổi tiếng, quá nổi tiếng đến mức không biết nhét túi nào cho hết.

Cả thế giới chào mừng nhà thơ "vô lễ mảnh què" như một tài năng khổng lồ tiêu biểu cho tiếng nói trẻ của một quốc gia ngoại cỡ mới thành hình mà người ta gọi là nước Hoa Kỳ. Hình như diện tích của quốc gia mệnh mông này còn hơi nhỏ so với tầm cỡ của nhà thơ, người ta mệnh danh ông là Christopher Columbus của một thời đại mới.

* * *

Đầu hiện tại *Bóng chữ* không đi con đường "thơ diễn đàn" của *Lá cò*, tôi vẫn hàm ơn Walt Whitman: Những con chữ trượng phu và ăm tình đồng đội của ông đã bầu bạn tôi đằng đẳng những năm tháng đơn độc nhất của nghiệm sinh:

Bạn muốn tìm tôi

Hãy tìm tôi để giày của bạn

Đâu đây tôi vẫn đứng tôi chờ.

2004

Truyền thống cần được trẻ hóa

Nhiệm vụ cấp bách của Thơ Việt là phải mở cửa ra năm châu để thở, để chống lại nguy cơ tẻ le của nền thơ khuất gió.

Một nhà thơ hiện đại, theo tôi, phải là một bộ hành thơ của nền thơ nhân loại. Mình phải đọc thế giới để xem họ tiến đến đâu để khỏi lầm tưởng những bước đã quá khứ của họ là tương lai của mình.

Khi gặp tôi tại Hà Nội, tiến sĩ Bernd có hỏi “Thơ ông ít độc giả, vậy ông nghĩ thế nào về vấn đề truyền thống và hiện đại, dân tộc và thế giới?”.

Năm ngoái, một số bạn ở Paris đã hỏi tôi về vấn đề vừa riêng vừa chung này. Tôi xin phép lạm dụng ít thời giờ của các bạn để trả lời vắn tắt: “Một nền thơ thứ thiệt thường bắt đầu thiếu số và chỉ trở thành đa số với thời gian” như vì sao tất ngàn năm tác lòng giờ mới thông tin sáng.

Truyền thống là cần, nhưng tạo ra những truyền thống mới còn cần hơn. Một truyền thống không được trẻ hóa là một truyền thống chết.

Mong muốn sâu xa của người làm thơ hiện đại là tỏ chức lễ Giáng sinh mình cùng với ngày lễ Phục sinh của ông cha. Trung thành với cô nhân là làm khác họ như họ từng làm khác những thế hệ trước để lập ngôn.

Dân tộc và thế giới là hai mặt của cùng một vấn đề. Thế giới mà không dân tộc, thơ sẽ trở thành lai căng và trước sau rồi cũng sẽ tàn lụi vì mất gốc.

Dân tộc mà không thế giới, thơ có nguy cơ suy thoái thành những nền thơ thô dân sống lay lắt trong những vùng bảo hộ heo hút.

Cách tân với một nhà thơ trẻ đã khó.

Cách tân với một nhà thơ già lại càng khó.

Con đường cách tân nhiều lúc hình như quá lạnh lẽo, cô đơn, quá mới chân với một người già.

Xin các bạn hãy cầu Thượng Đế phù hộ cho tôi.

Nhân Thánh Thán bình thơ Đường

Xin chọn mấy bài thơ Đường tương đối quen thuộc với độc giả Việt Nam để tiện theo dõi:

1. Hoàng Hạc lâu

Tịch nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ

Thử địa không dư hoàng hạc lâu

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản

Bạch vân thiên tải không du du

Tịch xuyên lịch lịch Hán Dương thụ

Phương thảo thê thê Anh Vũ châu

Nhật mộ hương quan hà xứ thị

Yên ba giang thượng sử nhân sầu

Thôi Hiệu

Lầu Hạc Vàng

Người xưa đã cỡi hạc vàng bay đi mất

Nơi đây chỉ còn trơ lầu Hạc Vàng

*Hạc một đi rồi không trở lại nữa
Mây trắng ngàn năm man mác trôi
Dòng sông quang tạnh rục rở hàng cây đất
Hán Dương*

*Cỏ thơm mọc tươi tốt trên bãi Anh Vũ
Chiều tôi quê nhà ở nơi đâu?
Khói sóng trên sông khiến người buồn bã.*

Kim Thánh Thán phê bình:

Có bản chép *Tích nhân dĩ thừa bạch vân khứ* thực là lầm lớn! Không biết rằng bài thơ này dùng bút lớn bao la tả liền ba chữ *Hoàng Hạc lâu*, chỗ kỳ lạ là ở đó. Giả sử người xưa mà cỡi *bạch vân* thì lâu này tại sao lại có tên là *hoàng hạc*? Lý này thật rất rõ ràng. Còn như câu 4 chọt thêm vào *bạch vân* điệu ở chỗ *có ý không ý, có nói không nói* (hữu ý vô ý, hữu vị vô vị). Nếu thoát tiên chưa tả *hoàng hạc* mà trước đã tả *bạch vân* thì là *hoàng hạc, bạch vân* đối chọi nhau: *Hoàng Hạc* vốn là tên lâu, còn *bạch vân* thì do điển nào mà ra? *Bạch vân* đã được người xưa cỡi đi mà đến nay hãy còn du du trên đời này há có *thiên tai bạch vân* sao? Thực không đáng một cái cười. Làm thơ không nhiều mà có thể khiến Thái Bạch Công phải gác bút thì đúng là bậc đại trượng phu trong rừng bút mực vậy. Hãy xem bọn nho mọn ô uế suốt đời rên rĩ khổ ngâm, đến cái ngày đầy nắp áo quan, người ta góp nhặt lại cũng được mấy trăm

ngàn lời thể nhưng không từng được cả một đứa trẻ nít trong làng tạm thời để mắt vào. thực đáng đau xót lắm.

Lê Đạt làm bàn:

Lý giải minh triết, lời lẽ tung hoành, sát phạt như những đường gươm tuyệt mệnh đúng là *loại người xưa nay hiếm* trong cõi phê bình. Thể loại phê bình thường bị một số nhà sáng tác *xem khinh 15 phút* như thể loại *ký sinh*, thẳng còng làm thẳng ngay ăn, viết đến mức Thánh Thán ai dám bảo thua sáng tác? (Tôi e rằng phần Thánh Thán phê bình *Tây sương ký* có chỗ còn vượt cả bút lực của tác giả Vương Thực Phủ).

Trong lúc không ít nhà sáng tác phải xuất trình chứng minh thư độc giả mới biết là của ai, chỉ cần lướt mấy dòng trên, dù chưa xem đến tên tác giả cũng biết ngay là của ông họ Kim. Lời thật độc! Trộn không lẫn.

Không có thể loại dở. Chỉ có người dở.

Kim Thánh Thán phê bình tiếp:

Phàm cổ nhân mà có một lời, một hàng, một câu, một chữ dù để bước một mình trong một thời, chiếm cứ cả ngàn năm thì ta cần phải tin rằng không gì là không đều do *đọc ở sách, dưỡng khí* mà ra.

Như dài thơ này ta phải tin rằng rõ ràng là do đọc sách. Các câu 1, 2: chính là ông đọc *Thiên Thiên đạo*, sách Trang Tử, lời của Luân Biện nói về Tề Hoàn công... ông liền thuận tay sửa bớt, dùng rất thích đáng. Các câu 3, 4 chính là ông đọc được câu ca *Dịch thủy* trong *Kinh Kha liệt truyện*.

Phong tiêu tiêu hể Dịch thủy hàn

Tráng sĩ nhất khứ hể bất phục hoàn

(Gió vi vu hể sông Dịch lạnh lùng ghê

Tráng sĩ một ra đi không trở về)

Cuốn sách ai cũng đọc thể mà chỉ riêng ông có sự sẵn dối cảnh liền dùng, *ngay ca chính mình rất cuộc cũng không biết nữa* thể thì rõ ràng phải tin đó là cái sức dưỡng khí.

Tiền dài tả *người xưa*, hậu dài tả *người nay* tuyệt nhiên không tả đến *lâu*! Dài này lại điệu ở chỗ không dính liền gì với đoạn trên, chỉ nhất ý tựa cao trông xa, riêng thổ lộ hoài bão của mình, *mặc cho đời sau muốn hiểu ra sao thì hiểu* thực đúng là bậc đại gia vậy.

Lê Đạt lạm bàn:

Thánh Thán viết lời bình trên đã 300 năm mà tương đầu mới viết hôm qua, hôm kia gì đó trên một tạp chí phê bình mới tại Pháp những thập niên 60.

Nghĩ đến thuyết *bản viết nhiều tầng* (écriture plurrielle) của Roland Barthes hay của trường phái *ngữ nghĩa phân học* (sémanalyse) quan niệm bất cứ một nguyên cảo nào cũng được viết trên một palimxet, tức là một miếng da cừu. Đã viết rồi được cạo sạch đi để viết mới nhưng vẫn ẩn hiện ban vẫn cù. Một câu thơ hay là câu thơ ký thác được lịch sử thi ca nhân loại, nó đi qua các tầng văn hóa như con tàu Du hành II vượt quỹ đạo Thái dương hệ đi vào cõi vô cùng.

Đọc sách, dưỡng khí là quá trình tích tụ, sinh thành trong ý thức lẫn vô thức con người, do đó một nhà thơ có thể xuất khẩu thành chương nhưng câu thơ vẫn mang sức hàm dưỡng hàng nghìn năm công lực mà *ngay chính nhà thơ rút cuộc cũng không biết*. Không có câu thơ hay mà lại ở trình độ cấp 1.

Thơ theo cấu trúc gián đoạn - Không cần những chuyển câu đồng dài có tính chất lý giải hai năm rờ mười - Nhà thơ cố gắng tạo nên một liên kết chữ phức hợp bất định và đa nghĩa, *mặc cho người đời sau* (cả đời nay nữa) *muốn hiểu ra sao thì hiểu*, khuyến khích khả năng tự do tạo nghĩa của họ với tư cách đồng tác giả của bài thơ.

Cố gắng sáng giá nhất của nhà thơ là dò tìm miền chưa biết, mở mang bờ cõi diễn đạt của ngôn ngữ và cảm thụ của người đọc. Đó là trọng chữ, trọng người, dẫu phải trò ú tim, cố tình làm khó, làm bí hiểm, coi thường người đọc.

Trong phong trào thơ hiện đại cuối thế kỷ XX, Thánh Thán “tam bách dư niên hậu” vẫn còn là một bạn đường đồ sộ.

Thánh Thán phê bình:

Thái Bạch Công phê bình bài thơ này cũng chỉ nói rằng:

Nhữn tiền hữu cánh đạo bất đắc

Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu

Trước mắt có cánh không nói được

Thôi Hiệu đề thơ ở trên đầu

... Bây giờ mình muốn mệnh ý thi họ Thôi đã mệnh ý hết rồi, nếu muốn thăm cách thi họ Thôi đã thăm cách xong rồi, nếu muốn tranh phát bút thì họ Thôi phát bút đã là không tiền khoáng hậu, không chiếu cố đến kẻ khác, dù cho mình có cảnh đẹp đầy mắt có thể soạn mấy trăm ngàn liên chẳng nữa thì cũng chỉ là tự nhả hết tâm huyết ra uống phi thôi, chớ còn đặt tay vào đâu được, vì thế bất giác cúi mình sát đất thổ lộ thực rằng: *có cánh nói không được*. Than ôi! Thái Bạch Công sờ dĩ hư tâm phục thiện như thế chỉ vì chính mình hiểu rõ luật thi cam khổ. Còn các ông đời sau thì bất chấp có người nào đề thơ rồi, chẳng ngần ngại gì mà không tức thì đề lại tám câu.

Lê Đạt làm bản:

Đúng là Lý Bạch qua hai câu thơ trên có tỏ lòng trọng thị Thôi Hiệu. Nhưng nói rằng *bất giác cúi mình sát đất* thì có phần quá đáng. Thánh Thán là một nhà phê bình cực đoan. Đó là ưu điểm, cũng là nhược điểm của ông.

Vì mãi đề cao Thôi Hiệu, ông chỉ thấy khía cạnh cúi mình sát đất của Lý Bạch mà không nhìn thấy thái độ tự tại bình tâm của một đại thi hào không lấy việc hơn thua làm trọng mà chỉ một lòng cảm thụ thơ hay. Thơ anh làm về lầu Hoàng Hạc thế là diệu, của anh hoặc của ta, ta hơn hay anh hơn việc đó có quan trọng gì, anh làm đã đạt rồi thì ta ngâm thơ của anh hà tất phải làm thêm một bài để *thi đấu*, con trẻ nó chẳng cười cho sao? Đó là tâm sáng của bậc thượng đẳng.

Thánh Thán viết: *Than ôi! Thái Bạch Công sở dĩ hư tâm phục thiện như vậy chỉ vì chính mình hiểu rõ luật thi cam khổ.*

Tôi cũng biết ý Kim tiên sinh muốn dùng Lý Bạch để dạy một bài học cho các ông *thơ thần* đời sau... của trường phái thơ con cóc!

Nhưng tôi e tiên sinh còn có điều hạn hẹp khác:

Ở một phần khác Thánh Thán viết: *Ôi luật thi đời Đường chẳng phải chỉ là sự cấu tạo tốt đẹp của một thời mà vốn là tuyệt xướng của ngàn bậc thánh.*

Luật thơ dù tuyệt vời đến đâu cũng chỉ là bước đầu. Người làm thơ cao thủ không thể không thuần thục nó nhưng thành thục rồi nên quên nó đi, biến nó thành một phản xạ. Luật thơ dù là thơ Đường, *chỉ là điều kiện cần, không phải là điều kiện đủ.*

Lý Bạch không làm không phải vì hiểu rõ luật thi cam khổ, ông không làm vì không thích làm, thế thôi.

Thánh Thán thừa hiểu rằng hai nhà thơ lớn nhất đời Đường là Đỗ Phủ và Lý Bạch:

Đỗ Phủ hoạt động trong cõi *luật*.

Lý Bạch hoạt động trong cõi *siêu luật*.

Đỗ Phủ là tuyệt đỉnh của thơ luật Đường.

Lý Bạch là chân trời của thơ Đường.

Sao lại lấy những tiêu chuẩn của cõi luật áp đặt cho cõi siêu luật?

Một điểm nữa, tại sao lại khẳng khẳng kết luận rằng Lý Bạch cúi mình sát đất không dám làm thơ về lầu Hoàng Hạc nữa? Thật ra Lý Bạch đã làm. Nhưng không làm như Thôi Hiệu. Hai câu thơ:

Nhân tiền hữ cảnh đạo bất đắc

Thôi Hiệu đề thi tại thượng đài

có thể coi là một bài kiêu khác của Lý về Hoàng Hạc lâu. Nó cũng nổi tiếng không kém gì bài Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu.

Đó chính là phép hiện diện bằng khuyết diện của bậc đại trí.

II. Đấng Kim Lăng Phụng Hoàng đài

Phụng Hoàng đài thượng phụng hoàng du

Phụng khứ đài không giang tự lưu

Ngô cung hoa thảo mai u kinh

Tấn đại y quan thành cổ khâu

Tam Sơn bán lạc thanh thiên ngoại

Nhị thủy trung phân Bạch Lộ châu

Tông vị phù vân năng tế nhật

Trường An bất kiến sử nhân sầu.

Lý Bạch

Lên lầu Phụng Hoàng tại Kim Lăng

Lên lầu Phụng Hoàng (xưa) phụng hoàng dạo chơi

Phụng hoàng đi rồi lầu không nước sông vẫn trôi

*Trong cung Ngô hoa có vùi chôn đường nhỏ
tối tăm*

Áo mũ đời Tấn thành ra gò đất

Núi Tam Sơn rơi một nửa ra ngoài trời xanh

Sông Nhị phân đôi ở giữa bãi Cò Trắng

Tất cả chỉ vì đám mây nổi hay che mặt trời

Không thấy thành Trường An, người buồn bã.

Thánh Thán phê bình:

Trong thơ đời Đường, một bài gồm 4 câu 7 chữ là 28 chữ rõ rệt đó chính là 28 ngôi sao, ngôi nào cũng đều có duyên có cớ, trong số đó quyết không có ngôi sao nào không duyên cớ. Nay trong ba câu bài thứ nhất bài thơ này tôi kiểm cái duyên cớ tất phải là *phụng du* (phượng đạo chơi) mà không tìm được. Như vậy Lý tiên sinh ngày ấy hẳn nên cắt đứt ái dục mà nhường cho họ Thôi độc bộ, thế mà tại sao lại cũng giống như bọn văn nhân nhỏ mọn đời sau cứ phải muốn hơn hơn không xá, cam làm vậy...

Giang tự lưu cũng chỉ là đổi *vân du du*. Diệu là diệu ở hai câu *Ngô cung*, *Tấn đại* lập tức một khóc một cười?

Ta muốn kiểm cung Ngô mà chỉ có cớ hoa vui lỗi như thế há không muốn khóc thất thanh ư? Nhưng ta nghe nói kẻ đánh Ngô là Tấn, do đó đi kiểm triều đại Tấn thì cũng đã *mũ áo thành gò* rồi, như thế há không muốn cười ra nước mắt ư?

Lê Đạt lạm bàn:

Trước hết cần nói *Phụng Hoàng đài* không phải một bài thơ kiệt xuất của Lý Bạch.

Lấy một bài trong số ngàn bài thơ của Lý để so với bài kiệt xuất nhất của Thôi Hiệu là một việc làm e không công bằng.

Nhưng thôi, ta cứ chấp nhận coi đó như kết quả của một cuộc bốc thăm phân bảng các đội bóng tranh giải Mundial.

Ngay trong câu mở đầu, Thánh Thán viết:

Tương truyền đây là bài thơ bắt chước Hoàng Hạc lâu (của Thôi Hiệu). Như vậy là Thánh Thán đã tôn Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu lên làm một mô thức và lấy nó làm chuẩn đánh giá bài Phụng Hoàng đài.

Đó là cách phê bình *khép kín* nhìn về phía sau chứ không phải *mở* nhìn ra phía trước.

Trong thơ, làm lại một bài thơ của người khác đã viết không phải chuyện lạ. Vấn đề chính là *biến hóa* cái của người khác thành cái của mình như thế nào.

Lấy một ví dụ cho dễ hiểu. Đọc câu thơ của Nguyễn Du:

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Ai cũng biết Nguyễn Du mượn một câu thơ Đường:

Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Hoa đào như cũ còn cười gió đông

Nhưng hai chữ *năm ngoái* tuyệt bút hàng ngàn lần so với hai chữ *y cựu*, nó gợi lên bao nhiêu nỗi tiếc bâng khuâng và ngơ ngác, nó làm sống sảng cả câu thơ... khiến câu thơ gần như trở thành của

Nguyễn Du chứ không thể nói là đơn thuần bất
chước thơ Đường.

Thánh Thán căn cứ vào luật thơ Đường (lại
luật!!!) *4 câu 7 chữ là 28 chữ, rõ rệt chính là 28 ngôi
sao* (biết rồi khô lắm nói mãi!) rồi đi đến nhận xét
*Nay trong ba câu của dài thứ nhất bài thơ này tôi tìm
kiếm cái duyên có tất phải là "phụng du" mà không
kiếm được.*

Không kiếm được là phải vì có đâu mà kiếm.
Tôi nhắc lại: Lý Bạch hoạt động ở cõi siêu luật (một
cõi luật khác).

Câu thứ nhất trong bài của Thôi Hiệu

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ

là nói một sự kiện Thôi cho là trọng đại nó khơi
nguồn cảm khái của nhà thơ, mới vào bài thơ đã bộc
lộ tính hoài cổ trang trọng một cách rõ rệt.

Câu mở đầu của Lý Bạch:

Phụng Hoàng đài thượng phụng hoàng du

Dung dị và phóng khoáng, hai chữ phụng
hoàng lặp lại cho câu thơ đáng đáp nhẹ nhõm
của một cuộc chơi (du). Cái ý *du* này quán triệt
cả bài thơ.

Đã chơi thì *tà* hay *không tà* nào có quan trọng
gì? Và lại, xét đến cùng, *chơi* tự nó chẳng phải là
duyên cớ sao? Lý Bạch là một nhà thơ điêu luyện
đến mức tự nhiên. Trong lúc mọi người yên trí rằng
phụng du là *bất tức*, là không có *duyên cớ*, Lý Bạch
thùng thắc gây nhẹ, nhẹ nhưng vào lưới.

Đó là câu 7 của bài thơ, trở lại ý chơi và nâng nó lên một tầng khái quát mới.

Tất cả chỉ vì đám mây nổi hay che mặt trời

Tổng vị phù vân năng tế nhật

Cả *phụng du* cả *Ngô lẫn Tấn*, tất cả cũng chỉ do trò chơi của đám mây nổi (mây nổi tan hợp bất thường, phù du chứ không phai mây trắng u hoài, man mác) với mặt trời mà thôi.

Bất giác nghĩ đến lời bình của Trang Tử về *con gà gồ* trong Nam Hoa kinh.

Để nói cái lai láng, cái trầm buồn, Thôi Hiệu có một cách. Để nói cái tiêu sái, cái thích thàng, Lý Bạch có một cách. Sao Kim nhạc trường lại bắt hai người diễn tấu giống nhau?

Hai câu thơ được Thánh Thán khen:

*Trong cung Ngô hoa có vùi chôn đường nhô
tối tăm*

Áo mũ đời Tấn thành gò đất.

Đúng là những câu thơ hay, nhưng cũng là hay theo tiêu chuẩn của mô thức *Hoàng Hạc lâu*, của thông lệ.

Theo tôi hai câu xuất sắc nhất trong bài là hai câu mà Thánh Thán bỏ qua:

Núi Tam Sơn rơi một nửa ra ngoài trời xanh

Sông Nhị Thủy phân đôi ở giữa bãi Cò Trắng

Xuất sắc vì tâm kỳ.

Hai câu thơ như bút khôi sức hút của hạ giới bay lên quỹ đạo vũ trụ.

Người làm thơ có cái bút lực muôn trượng của một tâm hồn siêu phàm ngoại cỡ hàng ngày làm bạn với *núi Kinh Đình* với *sông Hoàng Hà* *đổ xuống từ lưng trời*.

Một người như thế không thể nào lấy luật, dù là *luật của thánh nhân* để giới hạn được.

Ai cũng biết Đỗ Phủ suốt đời lao tâm khổ tứ làm một câu thơ *quy thần chưa khiếp kinh, chết không nhắm mắt*, đó là bản tâm lớn của bậc thi bá.

Lý Bạch hình như đã bút được ra khỏi bản tâm ấy, ông làm thơ như bình sinh *khi đói ta ăn, khi mệt ta nghỉ*, như con cá Kinh dọc ngang vùng nước cả, con chim bằng vùng vẫy đỉnh Thiên Sơn, đó là cái hư tâm hay nói theo các nhà phê bình mới, cái hồn nhiên cấp hai, của bậc chân thi.

Suốt đời Đỗ Phủ kính trọng Lý Bạch như một người anh lớn không phải vì tuổi tác, mà chính vì cái hư tâm này.

Nó không khỏi nhắc ta nghĩ đến thái độ kính trọng của Khổng Tử đối với Lão Tử.

Nhà quy tắc vĩ đại của nhân loại nói với học trò:

Loài chim ta biết nó hay bay, loài cá ta biết nó hay bơi, loài thú ta biết nó hay chạy. Loài chạy thì có

thể đánh bằng cạm bẫy, loài bơi thì có thể đánh bằng chài lưới, loài bay thì có thể đánh bằng lưới giập, còn như loài rồng thì ta không biết nó cưỡi mây gió lên trời như thế nào. Nay ta gặp Lão Tử, người ấy cũng như con rồng vậy.

Kim tiên sinh,

Ông là bậc tiền bối, uyên bác, bụng chứa hàng kho sách, tôi là kẻ đến sau kiến thức đơn sơ - dùng lời một nhà thơ Pháp - chỉ vừa đủ để tự vệ - tiếp ông rượu e rượu dôm không mua, nhà chật ở chung, trăm không gây, e bất tiện hàng xóm, tri âm riêng có tác lòng với thơ, mấy lời lạm bàn, mong ông lượng thứ.

2004

THƠ và NÊN THƠ

Trong nhiều thế kỷ các nhà lý luận thường tranh cãi mất rất nhiều thời giờ về lý thuyết phản ánh.

Thơ có phản ánh thực tế không? Theo tôi, đó là một cách đặt vấn đề không thỏa đáng. Nó gây nhiều sự lẫn lộn vô ích và có hại. Điều quan trọng nhất không phải thơ có phản ánh thực tế hay không mà *phản ánh như thế nào.*

* * *

Người ta hay nhắc đến trường hợp nhà thơ Trương Kế với bài *Phong Kiều dạ bạc* nổi tiếng.

Đêm nằm thuyền trần trọc, Trương bỗng bật ra hai câu thơ kiệt xuất:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên

(Trăng lặn quạ kêu sương đầy trời

Cây phong bên sông và lửa chài đối giấc ngủ buồn bã)

Làm đến đó thời tắc.

Trương loay hoay mãi nhưng nghĩ không ra.
Bài thơ bốn câu có nguy cơ bị chết yểu nửa chừng.

Đương chán, bỗng tiếng chuông chùa Hàn Sơn
vẳng tới. Như có thần nhân mách bảo, Trương cầm
bút viết tấp lự hai câu thơ: .

Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

(Chùa Hàn Sơn ngoài thành Cô Tô

Nửa đêm chuông ngân đến thuyền khách)

Không ít các nhà lý luận cho rằng tiếng chuông
đã sinh ra hai câu thơ, hay nói một cách khác *thực tế*
tiếng chuông đã được phản ánh trong hai câu thơ
này. Chao ôi! Số tao nhân mặc khách mắt ngủ trên
sông nghe tiếng chuông đêm là bao nhiêu người,
tiếng chuông chùa-Hàn Sơn có phải chỉ đêm nay mới
đánh đâu mà sao chỉ câu thơ Trương Kế còn vẳng lại.
Tiếng chuông chùa đã có từ ngàn năm nhưng hình
như nó chỉ *tồn tại* với đời từ khi có câu thơ của
Trương Kế.

Chính vì vậy mà một số nhà phê bình cực đoan
thuộc trường phái duy mỹ của Oscar Wilde đã kết luận:
Chính Trương Kế đã sinh ra tiếng chuông kia (!)

Tiếng chuông như đã có sẵn trong đầu nhà thơ
và tiếng chuông ngoại giới chỉ có nhiệm vụ làm nó
thức giấc như cái hôn của chàng Hoàng tử làm thức
giấc nàng Công chúa ngủ trong rừng.

Quả táo rụng trúng đầu nhiều người chứ có phải chỉ trúng đầu một mình Newton đâu. sao chỉ có duy nhất nhà khoa học đảo quốc sương mù nghĩ ra định luật vạn vật hấp dẫn.

Vậy quả táo có trước hay định luật nổi tiếng kia có trước?

Ta lại có nguy cơ rơi vào cái vòng luẩn quẩn con gà sinh ra quả trứng hay quả trứng sinh ra con gà.

Thật ra từ khi con người xuất hiện, tự nhiên không còn tính thuần túy khách quan của nó nữa. Nói như các nhà vật lý lượng tử nó đã trở thành một khách thể - chủ thể (objectif - subjectif). Tự nhiên trở thành *có nghĩa* và nghĩa đó là do con người cung cấp cho nó, hay nói một cách khác, tự nhiên đã trở thành *một khách thể văn hóa*.

Ta từng khen một cảnh đẹp hay chê một cảnh xấu.

Đẹp hay xấu không phải một thuộc tính của tự nhiên. Tự nhiên chỉ tồn tại. Thế thôi.

Chính con người, chính văn hóa đã cấp cho nó ý nghĩa đẹp hay xấu.

Có lẽ vì thế mà giai đoạn tập rượt của con người kéo dài đến thế, so sánh với giai đoạn tập rượt của các động vật khác. Con người chủ yếu là sinh vật phát nghĩa (homo-significans).

Giai đoạn tập rượt này có thể kéo dài suốt đời. Phát nghĩa gắn liền với học tập, với văn hóa.

Một con người ăn lông ở lỗ có thể đứng đứng bước trên một cây cầu vắt qua suối hai bên trồng liễu nhưng một người đã đọc Nguyễn Du:

Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Con người đó không thể qua cầu mà không băng khuâng tức cảnh sinh tình.

Cho nên nói con người văn hóa là con người cảm thông với ý nghĩa của vạn vật chung quanh, hơn nữa, trên những ý nghĩa đã tồn tại, còn có khả năng tạo ra những ý nghĩa mới.

Platon trong phương án tổ chức nước Cộng hòa hoàn toàn có *chức năng* của ông đã đề nghị nên tống tiễn các nhà thơ ra khỏi nền cộng hòa vì thơ không có chức năng thiết thực gì, nhưng với trực giác của một nhà triết học thượng thặng, ông không quên căn dặn nên tống tiễn các nhà thơ ra khỏi nền cộng hòa với *rất nhiều hoa*.

Platon không hiểu (hay cố tình không hiểu) rằng con người ta không phải chỉ sống bằng bánh mỳ mà còn sống với những nhu cầu tinh thần khác cũng bức thiết không kém, trong đó có nhu cầu về *cái đẹp*.

Không phải *cảnh nên thơ* xui khiến con người làm thơ mà phải nói rằng *cảnh trở nên thơ* do *cái nhìn thơ của thi nhân* đối với nó.

Cuộc sống thực dụng, vật chất mài mòn cảm giác khiến con người ngày càng trở thành dửng dưng hơn, vô tâm hơn với ngoại giới.

Một nhà thơ lớn hàng đầu của thi ca nhân loại, Apollinaire, thường lo lắng đến viễn cảnh một ngày kia con người không ai còn ngạc nhiên nữa trước hình ảnh một con tàu.

Con người hiện đại ngày càng tách rời khỏi tự nhiên khỏi môi trường sống của nó.

Một tương lai bê tông hóa là một viễn cảnh không lấy gì làm tốt đẹp đối với thế giới.

Người ta ngày càng nhắc nhiều đến nhu cầu *xanh* của cộng đồng.

Người làm thơ cũng như người cán bộ môi trường có nhiệm vụ chăm lo đến nhu cầu *xanh* của đời sống.

Nhiệm vụ của nhà thơ là *tạo ra những cái nên thơ mới* làm cuộc sống ngày một “*xanh sạch đẹp*” hơn, có ý nghĩa hơn, thi vị hơn và đáng sống hơn.

Việc sản xuất ra những cái *nên thơ mới* đã trở thành nhu cầu thiết yếu của một xã hội ngày càng công nghiệp hóa ở mức cao, một đóng góp quan trọng trong việc cải thiện *chất lượng sống* của con người kỹ học.

Ngày xưa chỉ có cảnh trăng thanh gió mát, cảnh heo may xào xạc, cảnh chia ly bên cầu liễu là nên thơ. Các nhà thơ hiện đại đã có công tạo ra những cái

nên thơ mới bằng những chất liệu từ trước đến nay vẫn bị coi là dung tục. Nhờ họ mà con tàu xuyên Siberi, chiếc máy giặt, miếng thịt, con sò, con hến, bột xà phòng... (xem B.Xăngdra, F. Ponge...) đều trở thành nên thơ trong thế giới hàng ngày của nghiệm sinh.

Thơ chống lại nguy cơ sa mạc hóa của tâm cảnh.

Với các nhà thơ hiện đại, *mỹ học* ngày càng đồng nghĩa với *đạo đức học*.

* * *

Khi Mạnh Hạo Nhiên sau một đêm mưa to gió lớn thức giấc tự hỏi:

Dạ lai phong vũ thanh

Hoa lạc tri đa thiếu

(Đêm qua tiếng gió mưa

Hoa rụng nhiều hay ít)

Ông không hề thuyết giảng dông dài về đạo đức, về lòng bác ái nhưng một con người đêm nghe tiếng gió mưa, sớm tự hỏi về hoa như vậy liệu có thể là một kẻ độc ác và nhẫn tâm không?

Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò gió nổi, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng thiện những vùng trời tốt đẹp hơn, nhân tính hơn...

Cổ nhân nói:

“Con người là sinh vật của những khoảng xa”.

Thơ chính là tiếng nói của những khoảng xa đó¹.

2005

¹ Chú thích: Tuyệt đối không nên lẫn lộn việc sản xuất ra những cái nên thơ với việc tô hồng.

Tô hồng là bầy vẽ thêm thắt vào hiện thực những màu sắc sỡ làm mờ những yếu tố tiêu cực, khuếch đại những mặt tích cực để quang cáo.

Sản xuất cái nên thơ là đi sâu vào bản chất hiện thực, phát lộ những hàm nghĩa chưa biết, những mặt chìm của tảng băng, tăng cường nhân tính đẩy lui nguy cơ sa mạc hóa vô cảm của thiên hướng tiêu dùng ngày càng phát triển trong một xã hội quá ư thực dụng.

Một đảng là sự lóe sáng của phát minh.

Một đảng là sự lóe loẹt của hàng chợ.

Cái khác biệt

Tuổi Cao Biền tìm vị thành niên

Tìm một tiếng nói khác biệt là công việc hết sức khó khăn. Trước hết do cái mà các nhà xã hội gọi là bản năng bầy đàn của chúng ta (*instinct grégaire*). Con người được giáo dục và dẫn dắt để giống người khác. Giống người khác là điều kiện cần của sự yên ổn. Khác người khác là bước đầu của sự gian nan, của khổ nạn.

Khác người là trạng thái không bình thường - không bình thường là có vấn đề - Là bệnh tật. Nguy hiểm. Thời Trung Cổ, những kẻ khác người có thể bị nhốt trong các nhà thương điên.

Chế độ tự kiểm duyệt khe khắt được thiết lập từ khi đĩa bé mới ra đời tạo thành một hàng rào thuốc quan hết sức nghiêm ngặt của *siêu ngã*.

Cộng đồng là môi trường lý tưởng của sự giống nhau. Một con chuột có *mùi lạ* lập tức bị cộng đồng chuột tiêu diệt.

Trong giới động vật, hình như chỉ con người là chấp nhận, thậm chí đòi hỏi sự khác biệt.

Pascal đã rất sâu sắc khi định nghĩa con người là một *cây sậy tư duy*.

Tư duy là gốc của sự khác biệt, sự khác biệt là gốc của văn hóa.

Văn hóa chính là tri thức về sự khác biệt.

Không có sự khác biệt thì không có văn hóa, hay nói một cách tổng quát hơn, không có *lịch sử*.

Chao ôi! Chúng ta không bao giờ tắm hai lần trên cùng một đoạn sông.

Tìm được một tiếng nói khác đã khó, duy trì được nó lại càng khó hơn.

Một trong những quy luật phổ biến trong vận hành của tự nhiên là định luật về *sự nỗ lực ít nhất* (loi du moindre effort). Vũ khí lợi hại nhất của cộng đồng là thói quen. Sống theo thói quen là đỡ tốn năng lượng nhất.

Sao anh lại sống khác thiên hạ?

Anh có chấp mạch không đấy?

- Người sống khác thiên hạ thường bị tập thể nghi ngờ thậm chí cô lập. Nhiều nhà triết học quan niệm rằng đời sống con người là một bi kịch - Nó luôn luôn bị co kéo giữa hai đối lực, lực ì của thói quen và lực chống ì của *cái khác*.

Cho nên nói thơ thứ thiệt bao giờ cũng lên đường, cũng thức.

Con người không phải tìm cái khác để khác, để lập dị, để làm phiền đồng loại mà vì cái khác chính là sự sống.

Không gì giống nhau bằng cái chết.

Một xã hội lành mạnh là một xã hội mở, đa dạng dung nhận được nhiều sự khác biệt.

Lý thuyết thông tin đã cung cấp cho sự khác biệt một chỗ dựa khoa học quan trọng.

Theo lý thuyết trên, lượng thông tin tỷ lệ thuận với độ khác biệt (hay độc đáo). Càng độc đáo càng nhiều tin. Một thông điệp hoàn toàn lặp lại, khối lượng tin bằng 0, là một thông điệp vứt đi. Hàng ngày nhân loại đã lãng phí bao nhiêu thời gian và công sức cho việc phát ra những thông điệp *rác* ấy.

Các nhà phê bình thường nói: Người làm thơ chỉ có thể cách tân vào tuổi trẻ của cuộc đời.

Thanh niên nhiều đam mê, nhiều cả gan, dám “được ăn cả, ngã về không” và coi sự khác biệt như một hành vi tự khẳng định mình trong cuộc sống.

Càng già lòng đam mê và cả gan càng teo lại - Tuổi già ưa sự yên ổn trong những đồng cảnh quen thuộc, biết rồi. Người già ưa nghỉ chân hơn là xê dịch.

Đành là thế. Nhưng cũng có một số trường hợp (lẽ dĩ nhiên không nhiều) con người có thể *già* về

thân xác nhưng trẻ về tinh thần do một quá trình khổ luyện và tu dưỡng kiên trì để tự tạo cho mình một *trí tuệ cường tráng*.

Thế nào là một trí tuệ cường tráng?

Đó là một trí tuệ có khả năng thiết lập những tương quan mới giữa các sự vật để sản sinh ra những nghĩa *khác, chưa có*.

Khả năng *phát nghĩa* là thước đo sức trẻ khỏe của tinh thần.

Trong một cộng đồng chữ cần phân biệt những *cháu già* và những *ông trẻ*.

Người ta nói nhà thơ cách tân bao giờ cũng trẻ chính là xuất phát từ bản lĩnh phát nghĩa độc đáo của họ.

Khoa học gọi khả năng phát nghĩa độc đáo này là *entropi-âm* (négro-entropie), nó đi ngược lại với *entropi* hay xu thế lão hóa hủy diệt của thời gian.

Trong ngôn ngữ tri thức học, entropi-âm đồng nghĩa với sự phát triển, sự sống và entropi với sự suy thoái, cái chết.

Thơ hay bao giờ cũng đi ngược thời gian.

Có lẽ nhờ vậy mà chúng đôi khi có cơ may kỳ ngộ sự bất diệt.

Tôi xin phép được nhắc lại.

Con người là một sinh vật xã hội - có nhu cầu hơi ấm của cộng đồng.

Người ta thường tuyên bố nhà thơ viết cho tương lai, trên đầu độc giá của hiện tại: không phải - Nhà thơ cách tân đến mấy cũng muốn được những người đương thời thông cảm, trở thành những bạn đồng hành trên con đường xa lắc xa lơ của chữ. Họ rất khô tâm vì không thể chia sẻ nỗi niềm của mình với bạn đọc. Nhà thơ bao giờ cũng cho việc độc giả không hiểu mình là một điều bất hạnh.

Đó là cái giá phải trả cho nỗ lực cách tân (không ai ham mà lại chủ trương trả giá càng cao càng tốt!).

Vì tương lai mà các nhà thơ cam phận sống một hiện tại cô đơn và lạnh lẽo.

Chẳng ai thích cô đơn cả!

Tuổi già thường là tuổi của cô đơn. Một nhà thơ cách tân càng cô đơn hơn. Nhiều đêm mất ngủ "giường rộng tha hồ gió" anh ta những muốn nhắm mắt lại trở về những con đường cũ của những tụ điểm đông vui của lễ hội.

Độc giả nên hiểu rằng cách tân không phải là một ham muốn ngông cuồng, lập dị, chọc quấy thiên hạ, đó là một nghiệp, một số phận.

Quấy đảo cái đơn điệu, xói mòn gây sự bất ổn trong ngôn ngữ không cho người khác làm thơ một đời sống an nhàn.

Nạn nhân đầu tiên của sự cách tân không phải là độc giả mà chính là bản thân nhà thơ.

thân xác nhưng trẻ về tinh thần do một quá trình khổ luyện và tu dưỡng kiên trì để tự tạo cho mình một *trí tuệ cường tráng*.

Thế nào là một trí tuệ cường tráng?

Đó là một trí tuệ có khả năng thiết lập những tương quan mới giữa các sự vật để sản sinh ra những *nghĩa khác, chưa có*.

Khả năng *phát nghĩa* là thước đo sức trẻ khỏe của tinh thần.

Trong một cộng đồng chữ cần phân biệt những *cháu già* và những *ông trẻ*.

Người ta nói nhà thơ cách tân bao giờ cũng trẻ chính là xuất phát từ bản lĩnh phát nghĩa độc đáo của họ.

Khoa học gọi khả năng phát nghĩa độc đáo này là *entropi-âm* (négro-entropie), nó đi ngược lại với *entropi* hay xu thế lão hóa hủy diệt của thời gian.

Trong ngôn ngữ tri thức học, entropi-âm đồng nghĩa với sự phát triển, sự sống và entropi với sự suy thoái, cái chết.

Thơ hay bao giờ cũng đi ngược thời gian.

Có lẽ nhờ vậy mà chúng đôi khi có cơ may kỳ ngộ sự bất diệt.

Tôi xin phép được nhắc lại.

Con người là một sinh vật xã hội - có nhu cầu hơi ấm của cộng đồng.

Anh ta luôn sống dèo heo hút gió ở những vùng sâu vùng xa của ngôn ngữ, và luôn nơm nớp lo mình lẫn đường. Tôi không mong cái đỉnh ninh của người đắc đạo. Người làm thơ hiện đại luôn tự tạo cho mình những ngã tư chữ.

Tôi rất thú từ *lạc* trong ca khúc *Thiên Thai* của một người bạn.

Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên.
Sự *lạc* đó chính là cơ duyên. Không ai tới Đào Nguyên theo những tấm bản đồ địa chính cả!

Những câu thơ trong những chiếc chai lênh đênh biên liệu có ngày cập bến và nhận được hơi ấm một bàn tay tri kỷ hay mất tích trong biệt vô âm tín đại dương.

Nhà thơ cách tân luôn sống cuộc đời bất định với những câu hỏi cốt tử mong được trả lời. Những bức thư tình gửi đi nhiều khi không đến được địa chỉ lúc sinh thời.

Phần lớn những thư hồi âm thường hậu mộ. Một nhà thơ già gọi đó là “những truy tình”.

Kẻ cũng khá lâm ly (!)

Được cái đa phần giống nhà thơ này đều là những kẻ lạc quan, ngoan cố.

Nhà thơ cách tân hôm nào cũng ra ga đón bạn và thường trở về một mình.

Đèn đỏ sân ga tàu đợi chuyến

Đêm một mau già kỷ niệm lắm ma

Trong bài tựa *Mái Tây* Lý Trác Ngô viết:
“Tắc lòng người đời xưa gửi lại đời nay đáng
thương biết mấy!”

Lời người đời nay gửi người đời sau chẳng lẽ
không đáng thương sao?

2005

Bài Haikâu

Em cúi thẳng cánh mắt danh lam

Mỗi nhà thơ có một cách làm việc khác nhau. Victor Hugo không mấy khi ngồi mà thường đứng viết.

Goethe ưa cười trên một chiếc ghế ngựa gỗ trong một tư thế hết sức bất tiện để sáng tác.

Flaubert thường ăn mặc rất tề chỉnh như sắp đón một thượng khách trước khi ngồi vào bàn.

Nguyễn Tuân ưa viết trên loại giấy hào hạng.

Một nhà thơ bạn tôi chỉ có thể viết trên loại giấy xấu hoặc bản nháp một mặt mua ở hàng đồng nát. Anh ngại nhất những trang giấy quá trắng sợ chữ “xấu hổ”. Đó không phải là một cách lập dị. Đó là thật tạo không khí thuận lợi để khởi hứng.

Tôi thường làm thơ vào thời gian đi bách bộ quanh Bờ Hồ. Không khí thoáng đảng khuyến khích tự do liên tưởng, một trong những vận hành quan trọng hàng đầu của sáng tác. Có thể nói hầu hết những bài Haikâu hay nhất của tôi đều là những bài

thơ “bách bộ” (lẽ dĩ nhiên người ta cũng có thể tự do liên tưởng trong một ổ chuột chật hẹp. Không có một nguyên tắc chung trong cách tạo môi trường viết của các nhà thơ).

Tôi vừa bách bộ vừa nghĩ lan man. Một câu thơ bỗng nảy ra trong đầu:

Người đến rồi người lại đi

Câu bắt đầu hơi bình dân kia khiến tôi nghĩ đến thể lục bát.

Tôi vẫn vừa đi vừa lẩm bẩm:

Người đến rồi người lại đi

Việc lặp đi lặp lại một câu thơ cho ta một tình huống thơ tương tự một trạng thái nhập đồng.

Tôi buột nghĩ câu thơ thứ hai:

Khiến người đứng gốc cây si đợi chờ

Trên đời những người “sốt sáng quá” thường không phải là kẻ vô tư.

Trên giấy những chữ “sốt sáng quá” chạy đến đầu ngòi bút thường là những chữ không đáng tin, cần phải kiểm tra lại.

Giai đoạn thơ bách bộ chỉ là giai đoạn sơ khởi.

Ưu điểm cũng như nhược điểm của nó là tính tự phát của những câu thơ “xuất khẩu”.

Và thơ thì không thể hoàn toàn tự phát được.

Nó đòi hỏi, nhất thiết đòi hỏi một giai đoạn tu từ, thường khi hết sức gian khổ trên giấy.

Ở Bờ Hồ về nhà, tôi lập tức ghi Haikâu thơ tự phát kia vào nháp.

Và tôi đọc đi đọc lại hàng chục lần bằng mắt.

Việc ngâm nga lúc đầu giờ đây trở thành có hại, nó dễ khiến người ta chìm đắm trong âm thanh không có lợi cho việc thẩm định chữ.

Tôi lặng lẽ đọc và nhận thấy trong tập hợp *đứng gốc cây si đợi chờ* chỉ *gốc cây si* là thật sự phát nghĩa còn những từ *đứng* và *đợi chờ* có vẻ thừa... Đứng hay ngồi có quan trọng gì đâu! Đợi chờ quá dễ dãi, thiếu tính bất ngờ do đó lượng thông tin rất thấp, thậm chí bằng số không.

Tôi nghĩ mãi không biết nên thay *đứng đợi chờ* bằng biểu thức gì. Miệng cứ lẩm nhẩm đọc đi đọc lại mãi. Tôi gần như bị nhạc điệu của câu thơ ru ngủ. Tôi biết đã đến lúc phải ngừng lại. Tiếp tục có nguy cơ bị rơi vào rãnh mòn của âm điệu dễ dãi. Tôi bỏ bản nháp đi làm việc khác để thay đổi không khí. Lúc này tốt nhất là nghe một bản nhạc (ưu tiên nhạc không lời). Cùng lắm có thể bật một chương trình tivi miễn là nó đừng “sến” quá (một chương trình thời sự, vòng quanh thế giới hay khoa học là tốt nhất).

Vì tôi vốn mắc bệnh mất ngủ mãn tính nên buổi chiều tôi dứt khoát không động đến thơ - chỉ đọc

sách, ưu tiên sách lý luận hay trình thám. Cũng có thể xem một phim vô hiệp Tàu.

Sớm hôm sau, bách bộ quanh Bờ Hồ, tôi lại tiếp tục công việc hôm trước. Tôi vừa đi vừa lăm nhăm. Tôi bỗng vô tình nhìn thấy cây si trong đền Ngọc Sơn. Ôreka! tôi thích thú sửa lại:

Đề người đền gốc cây si đợi chờ

Từ *đền* nhất định phát nghĩa tốt hơn là *đứng* hay *ngồi*. Nhưng hình như từ *đền* quá to so với không gian chung của câu thơ. Hơn nữa hai từ đầu huyền *người* và *đền* đi cặp kè đọc lên nghe có phần hơi chói tai.

Tôi lăm băm mãi từ *đền*. Tôi chợt nghĩ đến một hình ảnh rất dân dã và cũng rất độc đáo. Trong tiếng lóng “đường phố”, người ta thường gọi một cửa hàng có cô chủ bắt mắt là *miếu*. Thời kháng chiến lần thứ nhất, cánh cán bộ và chiến sĩ trẻ ở ATK không mấy người là không biết tiếng miếu cô Hạ áo tím ở Cao Vân.

Đề người miếu gốc cây si đợi chờ

Tập hợp *miếu gốc cây si* có vẻ đặc địa.

Tôi viết ra giấy, đọc đi đọc lại, cười một mình lấy làm thú vị.

Nhưng hai từ *đợi chờ* vẫn có cảm giác khó chịu như những vị khách không mời mà đến ám quẻ. Tôi gạch đi gạch lại dưới *gốc cây si*. Từ *miếu* bỗng gợi tôi nghĩ đến từ *khán*. *Khán chờ* nhất định là nhiều

thông tin hơn *đợi chờ*. Nhưng từ *chờ* vẫn chưa ổn. Nó nhảm quá. Tôi đọc đi đọc lại mãi (lê dĩ nhiên bằng mắt). Không hiểu sao tôi bỗng vụt nghĩ đến hai từ *khẩn tình*. Hình ảnh này lóe sáng như một đốm ngộ. Tôi đọc lại:

Người đến rồi người lại đi

Đề người miếu gốc cây si khẩn tình

Cổ nhân nói: *Người đẹp từ trong chữ bước ra*, thật là sâu sắc và hữu lý.

Tôi bỗng có cảm giác lâng lâng hạnh phúc như vừa kỷ ngộ một giai nhân.

Tôi tạm đặt tên duyên may này là hiệu ứng Từ Thức.

Trong thâm tâm tôi biết mình đã gặp câu thơ hăng chờ đợi. Những người yêu thơ và làm thơ hết lòng đôi khi có cái cơ may của họ Từ.

Có người hỏi tôi:

- Sao lần này anh lại làm thơ lục bát?

Lục bát thì sao?

Một người cách tân thơ không cần và không nên kỳ thị bất cứ thể thơ nào.

Tôi chưa bao giờ phản đối thơ lục bát.

Tôi chỉ phân đối quan niệm thù cừu cho rằng thơ lục bát và chỉ thơ lục bát mới là thơ dân tộc trăm phần trăm!

Thơ lục bát, thơ tự do, thơ Đường, thơ leo thang... đều có thể là thơ dân tộc được cả.

Khuyết tật là một điều bất hạnh. Dương yên dương lành ai lại tự khuyết tật cảm xúc mình để “mô đéc”.

Thơ lục bát cũng có thể rất hiện đại.

Đã có một thời người ta tranh luận rất say sưa và rất vô bổ về thơ nên có vần hay không vần. Vớ vần. Lúc nào hứng vần thì vần, lúc nào không hứng vần thì thôi. Thơ chẳng vì thế mà khó ở và bị thiếu mất cái “của quý” dân tộc.

Tôi xin mượn phép các bạn một câu hỏi nhỏ: bài Haikâu lục bát dưới đây có phải “cổ lỗ” không:

Nắng tà tình chưa chạm câu

Vườn kỷ niệm mất Đập Cầu vọt bướm

Nếu phải, xin các bạn ưu tiên tôi cái “cổ lỗ” ấy!

Trong những bài thơ hiện đại đau đầu khổ nhất, đọc giả tình tế bao giờ cũng thấy thấp thoáng một nụ cười giễu cợt pha chút châm biếm.

Bài Haikâu:

Ngoan cố thất tình xuân vẫn mãi

Khờ biết bao giờ hết đại yêu

là một bài tình ca buồn nhưng nó không rơi vào tình trạng suốt mướt, “sến” của một bài tình ca lãng mạn. Những nhóm từ *ngoan cố thất tình, đại yêu* do tính bất thường của chúng đã tạo cho bài thơ một khoảng cách ngôn ngữ và bóng dáng một nụ cười.

Hiện đại là một điểm nhìn, một bộ pháp hơn là một thể viết quy định sẵn.

Tôi rất kính trọng nhà thơ André Breton chương môn lấy lưng của phái siêu thực.

Những đóng góp lớn lao của ông với phong trào văn học nghệ thuật của thế kỷ XX là không thể phủ nhận được. Nhưng tôi không thể không sòng phẳng nói rằng những bản tuyên ngôn của ông giá trị hơn thơ ông. Mặt khác thái độ kỳ thị của ông đối với các trường phái thơ khác là đáng trách. Người ta mệnh danh ông là Đức Giáo Hoàng. Ông không ngừng phạt bên này thưởng bên kia một cách quyết liệt.

Ông vẫn chưa bước ra khỏi quỹ đạo của thơ truyền thống mặc dầu khao khát tiến hành một cuộc cách mạng thơ triệt để.

Quỹ đạo của thơ truyền thống vận hành theo nguyên lý loại trừ của tư duy cổ điển.

Quỹ đạo của thơ hiện đại vận hành theo nguyên lý bổ sung của Niels Bohr một trong những tổ sư của vật lý lượng tử.

Tôi xin phép được nhấn mạnh một lần nữa:
Thơ truyền thống là tất định, là loại trừ.
Thơ hiện đại là bất định, là bỏ sung.
Thơ truyền thống là một hệ khép kín.
Thơ hiện đại là một hệ mở.

Nhân tiện nói vắn tắt về thơ Haikâu.

Trước hết tôi xin dẫn ra đây ba bài tứ tuyệt (thể thơ đặc biệt cô đọng) được coi là những bài thơ tứ tuyệt mẫu mực hàng đầu trong Đường thi.

Bài I của Lý Bạch:

Sàng tiền minh nguyệt quang

Nghi thị địa thương sương

Cư đầu vọng minh nguyệt

Đê đầu tư cố hương

(Trước giường ánh trăng sáng

Ngỡ là sương rơi trên mặt đất

Ngẩng đầu nhìn trăng sáng

Cúi đầu nhớ cố hương)

Bài II của Mạnh Hạo Nhiên:

Xuân miên bất giác hiệu

Xì xì văn đề diêu

Dạ lai phong vũ thanh

Hoa lạc tri đa thiêu

(Đêm xuân ngủ không biết đã sáng

Đâu cũng nghe tiếng chim kêu

Tiếng gió mưa đêm qua

Hoa rụng nhiều hay ít)

Bài III của Thôi Hiệu:

Khứ niên kim nhật thư môn trung

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Nhân diện bất tri hà xứ khứ

Đào hoa y cựu tiếu đông phong

(Năm trước ngày này trong cửa này

Mặt người hoa đào cùng ánh đỏ

Mặt người ấy không biết giờ ở nơi nào

Hoa đào vẫn cười gió đông như cũ)

Tôi phải xin nói ngay. Tôi chưa bao giờ dám nhận xét rằng câu 1 và câu 2 hơi thừa. Mỗi bài 11 hay là một tập hợp hoàn chỉnh không thể nói thừa hay thiếu. Nhưng chắc các bạn không thể không nhận xét như tôi. Trong mỗi bài thơ tứ tuyệt câu 3 câu 4 thường là hay nhất, cần bản nhất. Câu 1 câu 2 có thể coi như những câu dẫn. Dĩ nhiên một bài thơ nào cũng cần có câu dẫn. Nhưng vào thời đại bùng nổ của tin học với những mạch tích hợp ngày càng phức tạp mà phải dùng đến Haikâu dẫn thì hơi tốn kém.

Trên nền tảng những bài thơ tứ tuyệt của cổ nhân tôi muốn thử một cách diễn tiết kiệm. Thơ Haikô ra đời từ bận tâm chống lãng phí. Có thể tôi làm nhưng thủ pháp giản ước quá hấp dẫn như thúc đẩy tôi “một liêu ba bảy cũng liêu”. Cầu trời phù hộ cho tôi!

Còn tại sao lại viết Haikô chứ không phải Haicâu tôi xin thành khẩn khai báo rằng tôi tuyệt đối không may may có ý muốn lập dị. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng Haikô không phải một bài tứ tuyệt cắt đôi hay hai câu thơ đơn thuần mà là một thể hoàn chỉnh tự đủ trên cơ sở những “chíp” chữ đa năng, đa nghĩa.

Chiếc “điều đứt dây” này có bay đến đích không. Tôi cũng không chắc. Nhưng tôi tin ở cơ may. Một người làm thơ mà không tin ở cơ may thì không làm được một cái gì đáng đồng tiền bát gạo cả.

Cùng lắm là mất một cuộc đời.

Đời người đáng quý thật nhưng con đường thiên lý của thơ cũng đáng quý không kém.

Tôi chưa bao giờ hoài nghi rằng con đường tôi đi lại không dẫn tôi “lạc” đến phố Bích Câu.

2006

Quanh thơ Haikâu

1. Tổ tiên xa của thơ Haikâu có thể nghĩ đến những câu đối văn học cổ Đông Á.

2. Đọc tứ tuyệt Đường thi tôi nhận thấy không ít bài hình như chỉ có hai câu chủ... còn lại là dư dấy.

Thời kỳ này tôi mắc bệnh viêm ruột phải ăn kiêng.

Đồng thời cũng là lúc Mùa-khem Đạo cơ đốc.

Liệu Haikâu có lấy môi trường kiêng kham trên và lấy đến đâu?

3. Tôi rất yêu thơ Basho. Nhưng tôi cảm giác đọc Haiku đòi hỏi một tâm thế đặc biệt, một trạng thái thiền lặng được chuẩn bị.

Cuộc đời nhiều tiếng động và trái tim bồn chồn thị trường siêu náo nhiệt có thích hợp thơ Haiku không?

4. Thơ Haikâu không phải Hai câu viết lập dị.
Nó không đơn thuần số lượng câu chữ.

Ước mong có nhà sử học văn chương nào phát
hiện ra chút ít liên quan họ hàng giữa nó với thơ
Haiku trong một cây phả hệ bất định.

Tôi ưa những họ hàng ngẫu nhiên hơn họ hàng
tự nhiên.

5. Những bài Haikâu đầu đời nguyên là những
thơ tình. Mà người tôi yêu lại quá bận, quá sốt ruột
để đọc trọn một bài thơ tình lai láng kiểu 1930.

Kẻ yêu thật thương kiếm lời... bên kia bờ sự
bém mép.

Thư dài lưa nước sông Hồng buông mát

Chữ tro bệnh tình siêu thoát nổi chẳng.

6. Một trong những bi kịch người là quá thấp
thòm những bận rộn nổi của hiện sinh.

Ăn mãi nghĩ đến chơi, chơi lại quan tâm bon
chen, cầu cạnh, kiểm soát.

Ít người biết sống trọn vẹn một khoảnh khắc
“bây giờ và ở đây”.

Suốt đời họ chưa từng một lần tận hưởng một vị cơm chín nục. Thường và lùa miếng cơm bầy lè hoặc tám rươi.

Ai cũng than phiền đời ngắn mà xài hoang như một tỷ phú tài khoản vô tận Ngân hàng Thời gian.

Bao nhiêu lúc sống chưa sáng đã tắt.

Mỗi người là một nghĩa trang mộng.

Hình như Tô Đông Pha, nhà thơ lớn đời Tống, đã có một gợi ý rất hay:

"Hãy buộc nút góc khăn để tự nhắc nhở thời gian chớ có một thời"

Và cuộc đời không có nghĩa là suốt đời"

Không phải vô cớ mà hậu thế đã mệnh danh Tô là "kẻ đại cứu vớt những khoảnh khắc".

Thơ Haikâu có ước vọng tham gia công cuộc cứu hộ này.

Trên đây là sơ lược hoàn cảnh xuất thân thơ Haikâu... Lẽ dĩ nhiên nó chỉ có giá trị gợi ý. Mỗi sinh vật ra đời là một câu đố hiểm hóc của Thượng Đế.

Mọi suy diễn định ninh đều nguy hiểm.

Cha mẹ sinh con trời sinh tính.

Tính Haikâu ra sao?

Cầu Đấng Tối cao độ trì cho Haikâu sống, và nói sõi để tự trả lời.

Người hàng xóm thân thiết

Các nhà nghiên cứu lịch sử hội họa, nhất là vào khoảng 100 năm gần đây hình như đều chấp nhận một sự thật hiển nhiên: giới thơ là những người hàng xóm thân thiết nhất cũng như đáng tin cậy nhất của hội họa.

Ta tạm dẫn ra một vài thí dụ tiêu biểu: Apollinaire từng là bạn của Picasso, Reverdi, của Braque, Henri Michaux, của Magritte, Aragon, của Matisse...

Trong vận hành của hội họa, tự nhiên vừa là nguồn cung cấp chất liệu hay nói nôm na là nuôi hội họa đồng thời cũng là đối thủ nguy hiểm nhất của nó.

Cái đòi hỏi giống thật ngay từ những ngày đầu trắng đầu nước của mối lương duyên giữa tự nhiên và hội họa đã là nguyên nhân đáng tiếc của không ít những cảnh xúp chằng lành canh chằng ngọt.

Từ trên diễn đàn trang trọng này tôi có thể tuyên bố rằng kẻ thù ngoan cố và dai dẳng nhất của hội họa chính là chủ nghĩa tự nhiên.

Một số nhà lý luận đứng đắn hẳn hoi cũng đã từng tuyên bố rằng nhiệm vụ chủ yếu của hội họa là ghi lại tự nhiên.

Không đợi đến các trường phái hiện đại một trăm năm gần đây, từ thuở trường thành chưa bao giờ hội họa tự đặt ra cho mình nhiệm vụ phải ghi lại tự nhiên cả. Nó không có nhiệm vụ phải sao chép tự nhiên mà tạo ra một tự nhiên mang đậm dấu ấn văn hóa của con người.

Bức tranh La Joconde của Leonardo da Vinci không đơn thuần là chân dung của bà vợ ngài thương gia Joconde thành phố Milan- Nó *dzậy* mà không phải *dzậy*- Nó còn là chân dung của nữ tình.

Phân tích một cách chặt chẽ ra mọi *tự nhiên* trong một tác phẩm hội họa đều ít nhiều có tính chất *siêu tự nhiên*.

Nhà thơ Pháp Jean Cocteau đã diễn đạt ý kiến này theo phong cách bay bướm đặc trưng của ông:

“Cái chổi trong tranh Van de Velde bao giờ cũng là hơn một cái chổi, nó là một sinh linh có khả năng đối thoại với trăng sao.”

Người ta thường khen Cartier Bresson, nhà nhiếp ảnh người Pháp nổi tiếng thế giới đầu thế kỷ XX về những bức ảnh “đời thường” đã đạt tới mức kiệt tác của ông. Đó là một sự hiểu lầm đáng tiếc. Những bức ảnh “đời thường” của Bresson đã trở thành *dị thường* dưới lóe chớp đốn ngộ của nhà nhiếp ảnh.

Việc ra đời của hội họa trừu tượng, dầu muốn hay không muốn đã đánh dấu một bước phát triển ngoạn mục của hội họa.

Nhiều người nói rằng lời phát biểu “trên cả tuyệt vời” sau đây: *Trừu tượng là một hiện thực khác* là của Kandinsky. Điều quan trọng không phải nhà danh họa có nói như vậy hay không. Điều quan trọng là ông đáng được nói câu ấy.

Những người cách tân trong hội họa (mà không phải chỉ riêng hội họa) thường bị chê trách là những kẻ phá bình, không biết điều. (Thì ưu điểm nhất của họ là không biết điều). Thiên hạ cho rằng những gò bó của hội họa cổ điển quá khó nên một số họa sĩ trẻ bất tài mới phá phách làm càn.

Một nghệ sĩ mà không chế ngự được những gò bó dầu khó khăn đến đâu của nghệ thuật là một nghệ sĩ vét đĩa. Những họa phẩm phong cách cổ điển của Picasso đã đạt tới cái đẹp thánh thiện không thua gì Raphael.

Một nghệ sĩ cách tân coi khinh 15 phút những sự gò bó của nghệ thuật cổ điển, nghệ thuật nào chẳng có những cái gò bó của nó, những cách tân của họ chỉ nhằm loại bỏ những gò bó lỗi thời, phi mỹ học và phản nhân tính, để tạo ra những gò bó mới thỏa đáng hơn, cao cấp hơn, tự do hơn.

Đã có thời người ta lờ rằng luật thơ Đường là cực khó. Số lượng không lồ thơ các cụ tại những đài phát thanh phường chứng tỏ rằng những niêm luật dọa người thật ra cũng chẳng có gì là ghê gớm.

Hoạt động sôi động của hội họa Việt Nam một thập niên gần đây với sự ra đời của một số họa sĩ có cá tính đã chứng tỏ rằng các nghệ sĩ trẻ không phải một đám người lập dị, bất tài.

Ngược hân lại, tôi cho rằng sự phát triển của hội họa không giả vờ, nghệ thuật sắp đặt, trình diễn, thân thể họa, hội họa kết hợp với truyền hình là những nỗ lực đầy văn hóa của một lớp nghệ sĩ trẻ đã trưởng thành và dám chịu trách nhiệm về mình.

Tự do chân chính bao giờ cũng gắn liền với trách nhiệm cao. Người nghệ sĩ một mình đứng trước tác phẩm, không còn được dựa vào những quy chiếu quen thuộc an toàn của quá khứ, chỉ hoàn toàn dựa vào lương tâm của mình có thể coi là hành động dũng cảm và nguy hiểm của những người mở đường.

Mở đường bao giờ cũng là một công việc khó khăn, sao ta không giúp đỡ mà lại cản đường họ?

Tôi rất tâm đắc câu của một nhà triết học già người Pháp, Paul Ricoeur: "Mỹ học hiện đại càng ngày càng gần với đạo đức học".

Lời xông đất

Đói sân chơi, hành khát chân trời

I. Cuối thế kỷ XIX, Nietzsche đã làm xôn xao giới tư tưởng đương thời vì một lời tuyên bố dứt khoát và quyết liệt: Thượng Đế đã chết!

Mặc dầu Nietzsche là một trong số ít những triết gia mà tôi đặc biệt kính trọng, tôi cũng buộc phải bất đồng ý kiến với ông.

Nietzsche không hiểu rằng mặc dầu là một quy định hết sức ngặt nghèo và phần nào tàn nhẫn cái chết quyền uy tối thượng chỉ có khả năng làm luật đối với những chủ thể hiện sinh. Thượng Đế ở ngoài phạm vi chế ngự của luật đó không phải vì ông là đáng chỉ tôn mà chỉ đơn giản là vì ông chưa bao giờ xuất hiện.

Chưa ai được xem mặt Thượng Đế.

Sức mạnh bất diệt của Thượng Đế nằm ở chỗ ông hiện diện ở *mọi nơi mọi lúc* mà chưa từng xuất hiện *bằng xương bằng thịt* ở bất cứ địa chỉ cụ thể nào.

Thượng Đế không có tên đăng ký trong tất cả các sổ hộ khẩu thường trú (kể cả KT3).

Tuy Thượng Đế chưa bao giờ xuất hiện (mà cũng chẳng biết ông ta có tồn tại hay không) nhưng lại *tối cần thiết đối với loài người*.

Tôi xin gạch dưới mấy từ *loài người*.

Mặc dầu số lượng sách đọc tuy không thể nói là nhiều nhưng cũng không đến nỗi ít trong dằng dặc cuộc đời làm chữ của mình, tôi cũng chưa từng thấy có đại gia nào đề cập đến nhu cầu *Thượng Đế của loài vật*.

Có lẽ vì cuộc đời loài vật là ở phía sau và của loài người là ở phía trước. Không phải không có lý do mà các nhà triết học hiện sinh từ Kierkegaard qua Heidegger đến Sartre thường đặc biệt nhấn mạnh đến khái niệm *phóng sinh* (không phải theo nghĩa nhà Phật mà theo nghĩa dự án (Projet) của một Bộ Kế hoạch đầu tư siêu cao cấp nào đó).

Văn hóa loài người hình như bắt đầu với sự ra đời của thời *tương lai*.

Chính thời tương lai là môi trường thân thiện nhất cho sự ra đời của Thượng Đế.

Kafka đã viết một câu tối nghĩa và phức hợp đến giờ người ta vẫn chưa lý giải xong:

“Đáng cứu thế sẽ chỉ xuất hiện sau khi người tôi - Đáng cứu thế sẽ không tới vào ngày cuối cùng mà vào ngày hôm sau”.

Thượng Đế tồn tại và cần thiết như một hy vọng, một bến hẹn trong hải trình đông gió đầy bất trắc và đơn lẻ của kiếp người.

Thượng Đế thường “đến hẹn lại lên” nhưng bao giờ cũng trễ giờ thậm chí cả vào lúc ngày hội bắt đầu rã đám.

Có thể nói cả nhân loại đều ít nhiều thất tình Thượng Đế.

Hy vọng là thứ lương thực tinh thần cũng thiết yếu như các thứ lương thực vật chất khác của con người.

Loài người có thể *chết đói* vì thiếu Thượng Đế, loài vật thì không.

* * *

Tôi đã bỏ mấy chục năm mà vẫn không dịch ôn hai câu thơ “cực kỳ” của Appollinaire khi ông đứng trên cầu Mirabeau xem nước chảy.

Không Từ ngày trước khi nhìn dòng nước chảy cũng có một câu thật hay:

Ôi! Cũ trôi chảy như thế này mãi ru.

Nhưng nó không “độc” như của nhà thơ người Pháp.

Comme la vie est lente

Et comme l'espérance est violente

Mất chữ (nhân từ) của hai câu thơ này nằm trong tính từ *violente*. Tính từ này gồm hai ngữ

tổ viol có nghĩa là *cưỡng hiếp*, xâm hại và *lent* chậm chạp.

Tạm dịch nghĩa:

Cuộc đời lờ đờ trôi

Hy vọng thì dử dỗi.

Quá xoàng và hiền lành. Làm sao diễn đạt nổi bản chất hy vọng thường quyết liệt và dử dỗi như một tình yêu ngoài luồng!!!

* * *

II. Chúng ta có một thói quen không tốt là ít thực hành *tư duy khái niệm* tức là ít bận tâm đến *chiều sâu*, lật đi lật lại tìm hiểu kỹ những *tầng nghĩa* của chữ. Nói một cách hình ảnh hơn chúng ta thường quen khai thác *ngữ nghĩa lộ thiên* hơn là khai thác *hầm lò*.

Trong lô gích người ta gọi phép ăn sổi nghĩa đó là “phép tư duy huyền thoại”, nó thường dẫn đến những loại suy hấp dẫn và lầm lẫn.

Ví dụ: khi các đoàn Olympic học sinh của ta đạt được những giải cao trong các cuộc thi quốc tế, nhiều người trong chúng ta vội vàng “kết luận” về giới trẻ của ta là thông minh vượt trội nhất “Đông Nam Á”, rằng cách đào tạo của ta là ưu việt hàng đầu... Chúng ta quên mất rằng người ta có thể đi từ những dữ kiện *rất đúng*, đến những kết luận loại suy *rất sai*.

Trong giới truyền thông thường lưu truyền câu nói cửa miệng “*những con số biết nói*” mà không lưu ý rằng những con số cũng “*biết nói dối*”. vì thế mà trong thương trình phát triển giới tri thức nước ta trong thời hạn năm mươi năm tới có người đã dự kiến đào tạo 20.000 tiến sĩ (!!!) mà không để thời giờ phân tích từ tiến sĩ như một khái niệm học thuật. Không nên quên rằng một từ dùng trong ngôn ngữ hàng ngày và một từ chuyên dùng (nghĩa là khái niệm) nội dung có thể khác nhau “một trời một vực”.

Chính vì tư duy huyền thoại mà nhiều người trong chúng ta còn dễ bị mê hoặc bởi sự hào nhoáng của một số mỹ từ như “giải thưởng quốc tế”, “du học” “viện sĩ Mỹ” (giá rẻ từ 100 đến 200 đô một ông) “thần dược” v.v...

Một nhà thơ già đã gọi chúng là “những từ mẹ mình dụ dỗ con gái nhà lành bán sang bên kia biên giới của sự tinh táo”.

Kẻ cũng hơi quá nhưng không phải hoàn toàn không có lý do.

* * *

Từ nhà thơ trẻ là một từ lưỡng cư phức hợp vì nó phát nghĩa trên hai mặt bằng *tự nhiên* và *văn hóa*.

Nhà thơ trẻ lẽ *tự nhiên* là người có tuổi trẻ. Tuổi trẻ cho họ những ưu thế *tự nhiên* đối với những thế hệ khác (ví dụ: tính năng động, tính táo bạo, dễ hấp thu cái mới v.v...). Nhưng nhà thơ trẻ không phải

tự nhiên có được tiếng nói thơ trẻ (điều này thuộc bình diện văn hóa).

Phần lớn các nhà thơ trẻ khởi đầu đều nói tiếng nói đã *già* (tôi rất thích từ “nhàu” của giới truyền hình) của cha ông. Họ phải học tập lao động rất công phu để trẻ tự tạo một *tiếng nói riêng của mình*. Và chỉ khi nào có tiếng nói riêng đó họ mới được coi là trưởng thành và đủ điều kiện tách hộ bố mẹ ra ở riêng.

Có những người trẻ đến già vẫn sống nương nhờ “phụ mẫu”.

Các thế hệ đàn anh phải thông cảm với họ, hết lòng khuyến khích họ có tiếng nói độc lập, tạo điều kiện cho họ sớm ra ở riêng thay bằng ne nết họ, bắt họ giống mình bằng những đòi hỏi quá khe khắt về truyền thống.

Truyền thống là để *phát triển* chứ không phải để *tồn kho*. Cải biên chỉ là một cách *tiện nhất* chứ không phải *tốt nhất* càng không phải *duy nhất* cho việc phát triển.

* * *

Một trong những bi kịch của con người (đồng thời cũng là ưu điểm lớn nhất của họ) là xuất phát từ những *kiến thức đã biết* để tổ chức những *kiến thức chưa biết* (mà thiên hạ thường gọi là phát minh). Điều này có ưu điểm là bao đảm tính liên tục của sự phát triển, nhưng kèm theo nó bao giờ cũng tồn tại

rui ro *bào thủ* cũng như nguy cơ *bỏ sót* những cái độc đáo.

Kiến thức loài người không phát triển theo đường phẳng mà theo hình Kim tự tháp. Các thế hệ đàn anh phải có đức tính hy sinh “cùi đầu làm ngựa đưa nhi đồng” và lớp trẻ phải có cái can đảm “trèo lên vai” lớp đàn anh để nhìn “xa hơn, cao hơn”.

Nó không những đòi hỏi các nhà thơ trẻ phải nỗ lực học tập tu dưỡng mà còn đòi hỏi các đàn anh cũng phải nỗ lực học tập tu dưỡng để đủ khả năng *hiếu* và giúp đỡ lớp trẻ.

Tôi xin phép được nhắc lại: Các thế hệ đàn anh tuyệt đối không nên áp đặt những kiến thức, những sở thích của mình (kể cả của đám đông đối với họ).

Viên Châu, một trà sư được các đệ tử hết lời ca ngợi trong việc lựa chọn bộ sưu tập trà. “Mọi thứ thế này ai mà chẳng thích. Rõ ràng là tiên sinh có khả năng thẩm mỹ hơn Lợi Hưu - Bộ sưu tập ấy cả ngàn người xem mới có lấy một người thích.” Viên Châu buồn rầu nói: “Điều đó chỉ chứng tỏ rằng tôi là một kẻ tầm thường phàm tục. Lợi Hưu dám chuộng những vật mà chỉ riêng một mình ông ấy thích, còn ta thì vô tình chiều theo ý thích của đa số. Sự thực, cả ngàn trà nhân mới có một người như Lợi Hưu” (Okakuro Kakuzo).

* * *

III. Một nhà thơ già có nói một câu rất đáng giá
“Các nhà thơ trẻ được sự bảo trợ của Thượng Đế” vì
cùng một họ tương lai.

Có điều là sự bảo trợ của Thượng Đế hẳn là
khác xa với chế độ ô dù của xã hội loài người.

Chế độ ô dù trần gian tỷ lệ thuận với số lượng
phong bì trong khi sự bảo trợ của Thượng Đế lại tỷ lệ
thuận với nỗ lực tự tu dưỡng và thành tâm lao động
của bản thân chủ thể.

Điều này được niêm yết minh bạch và công
khai tại cửa tiếp dân của Nhà Trời.

“Hãy tự giúp rồi Thượng Đế sẽ giúp”.

* * *

Các nhà thơ trẻ.

Nếu các bạn nỗ lực tu dưỡng và dốc lòng chữ.
thế nào các bạn cũng có cơ may Thượng Đế đến
thăm và phát ngôn qua miệng bạn.

Đúng. Các bạn đều có cơ may trúng tuyển M.C
của Thượng Đế trong một lúc chớp đón ngộ.

* * *

Ôi được làm nhà thơ trẻ hạnh phúc biết bao!

Một văn hóa mới

Muốn ổn định mọi sinh hoạt xã hội, một trong những điều quan trọng hàng đầu là xác định những giới hạn.

Như mọi người đều biết một phóng sự báo chí và một sáng tác văn học về cơ bản là khác nhau, không phải vì giá trị - có những phóng sự rất hay và những sáng tác văn học rất xoàng - mà vì giới hạn: giới hạn của một phóng sự báo chí là hiện thực, giới hạn của một sáng tác văn học là hư cấu.

Không ai khen thưởng hoặc kỷ luật một cấp hành chính vì một phản ánh hư cấu. Bởi vậy xin các cấp hành chính chớ quá đề tâm mà hành một nhà văn vì chính những hư cấu của anh ta.

Nếu sự đời cứ rạch ròi như vậy thì đã không có chuyện.

Nói của đáng tội các nhà văn cũng đóng góp một phần không nhỏ trong việc gây ra những rắc rối hiều lăm này.

Một nhà văn đồ sộ của thế giới, có thể vào một lúc ăm đầu nào đó, bỗng tuyên xưng một cách

trình trọng rằng nhà văn là thư ký của xã hội. Tên ông là Balzac.

Mặc dầu là một người cầm bút và lẽ đương nhiên ít nhiều thiên vị đồng nghiệp, tôi cũng xin hơ tâm đề nghị với xã hội, căn cứ vào quy chế viên chức Nhà nước, dứt khoát sa thải những viên thư ký này. Vì một lý do rất đơn giản: những báo cáo, tường trình của họ đều hư cấu hay nói nôm na hơn là bịa.

Những lý do thường đơn giản mà cuộc đời thường phức tạp.

Xem kỹ lại những báo cáo bịa này thượng cấp bỗng nhận thấy có những hình ảnh hiện thực khá bắt mắt cũng như một số dự báo xã hội khá hấp dẫn. Người ta nghĩ đến việc chuyển đám thư ký này sang Cục Dự báo xã hội. Nhưng Bộ Xã hội dứt khoát từ chối vì một lý do rất chính đáng: những dự báo xã hội đáng tin cậy (?) thường dựa trên những thống kê, những điều tra xã hội học cụ thể chứ không linh tính thiếu sở cứ khoa học như của đám thư ký xã hội.

Bỏ thương vương tội, tập thể liền sắp đặt và giúp đỡ họ tổ chức thành một hội đoàn tạm đặt tên là Hội Nhà văn.

Tương đã ổn. Nhưng đám nhà văn vốn có hai tật cố hữu: đó là nhiều sự và ngiên tuyên bố (đã thế lại hay đại miệng). Sau khi đã yên vị chưa ấm chỗ, một nhà văn được coi là khá tiêu biểu viết:

“Nhà văn là những người lao động chuyên sản xuất ra những ảo thế.”

Kê cũng chí lý. Nhưng mới được nửa câu, chẳng biết ngựa ngáy thế nào anh ta lại “tương” luôn ra một mệnh đề khó ngửi “nhưng những ảo thế này nhiều khi sâu sắc và thực hơn hiện thực (?)” tiếp thế là cánh đồng bắt tận những hiểu lầm lại tiếp diễn.

Tôi từng đã nhiều lần ca ngợi sự phong phú và sâu sắc của ngôn ngữ dân gian.

Chẳng hạn khi muốn đề cao giá trị một sản phẩm, người ta nói: “Đồ của em là hàng độc chứ không phải hàng chợ.”

Các danh ngôn cũng phải được coi như những hàng độc. Chúng rất giàu giá trị dinh dưỡng nhưng khi sử dụng cần hết sức thận trọng nếu không muốn xuống Bạch Mai cấp cứu về nạn ngộ độc thực phẩm.

Các nhà văn Mỹ thường chiếm thế thượng phong trong việc sản xuất ra những cảm nang, nghĩa là những thủ thuật, những mẹo hữu hiệu.

John Kiss cũng không nằm ngoài thông lệ. Cuốn Dễ được yêu của ông mau chóng trở thành mộtбет-xelơ. Không biết bao nhiêu cặp tình nhân, những cặp vợ chồng đã hàm ơn ông - Thư của các fan gửi tới nặng hàng tạ tây.

Cái phiền hà nhất của các ông bà mới là sẽ có lúc phải mai mối cho chính mình.

Như một nhà văn tự trọng, Kiss bắt bỏ một cô gái chân rất dài và mắt xanh mớ đỏ rất KPop.

Không biết vì quá hưng phấn quên lời sách dạy hay vì mỹ nhân bỗng lên cơn hâm pha điên mà khi nhà văn cúi xuống hôn, nàng liền tặng chàng một cái tát nảy dom đóm mắt. Bị một cái tát đẹp chẳng phải một sự cố gì đáng nghiêm trọng.

Nhưng không phải chỉ ở Việt Nam, mà ở Mỹ, mà trên toàn cầu, đám văn sĩ nghệ sĩ bất kê tài năng họ như thế nào, đa phần đều nổi tiếng về lòng đỏ kỹ.

Khắp các báo đều “buôn” chuyện cái tát và mặt sát Kiss là nói láo.

Việc phê bình có cơ biến thành một cuộc chửi hội đồng quá âm ỉ làm kinh động không khí thiềm mạc của một nhà bác học top ten thế kỷ XX.

Ông thanh tra tác phẩm và chứng minh rằng Kiss nói không sai, chỉ không đầy đủ.

Ông là Gödel, cha đẻ lý lẽ của nguyên lý bất toàn có thể diễn nôm là nguyên lý về tính không đầy đủ của mọi hệ kiến giải (principe d'incomplétude).

Nó được coi là một nguyên lý khoa học có tầm quan trọng hàng đầu trong tự trào hiện đại thế giới.

Vì hai lý do. Thứ nhất vì nó khái quát được bi kịch của con người với tư cách là sinh vật tư duy: xã hội không có định nghĩa (hiểu biết tính đến cùng chỉ là một chuỗi những định nghĩa) thì không phát triển

được nhưng đó cũng là khởi điểm của những rắc rối vì mọi định nghĩa đều không đầy đủ.

Thứ hai vì nó là cơ sở khoa học đáng tin cậy nhất cho một nền văn hóa mới: văn hóa của đối thoại và lòng bao dung.

Hậu hiện đại... thì... là...

Đường bụi trang lịch cũ

ép ép dần thời gian

Ai cũng biết thời gian không thể đảo ngược trong thế giới của con người. Có nghĩa rằng mọi sự tất yếu đều già nua, cũ kỹ.

Hay nói một cách khác có vẻ khoa học hơn, thời gian gắn liền với entropi, với cái chết.

Sống là chống lại quá trình lão hóa, quá trình lỗi thời, sống là chống lại entropi, sống là đổi mới.

Theo lý thuyết: lượng thông tin hao mòn với tần số xuất hiện. Một thông tin lần đầu phát ra hiển nhiên hàm lượng giàu hơn cùng thông tin trước phát lần thứ hai, thứ ba... Và nếu không được bồi đắp, tu sửa, phát triển, thông tin trên lập đi lập lại có nguy cơ trở thành một "tiếng động". "Tiếng động" là xác của một thông tin chết.

Ngôn ngữ cũng không thoát khỏi quy luật khắc nghiệt này. Có điều ngôn ngữ lão hóa chậm hơn. Và cũng khó thấy hơn.

Một nền thơ lành mạnh sống động không thể không luôn luôn đổi mới. Đổi mới là lối ngược dòng suy thoái. Đổi mới là tạo ra ăngtropic âm nó chính là sinh tố cái lão hoàn đồng của trí tuệ.

Đã có một thời người ta nghĩ rằng muốn đổi mới phải “quét sạch quá khứ”.

Đó là thời của chủ nghĩa giáo điều.

Cơ sở chủ nghĩa giáo điều là phương pháp loại trừ.

Phương pháp này đã chế ngự và làm hại tư duy loài người trong suốt chiều dài của lịch sử.

Trong những năm cuối thế kỷ XX chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ mới hình như thế giới tư duy đã trưởng thành khá nhiều.

Nhân loại đã bước đầu nhìn rõ tính chất độc đoán và bạo lực của nguyên lý loại trừ và định đề khuếch đại nguy hiểm của nó:

“Kẻ nào không đi với ta là chống lại ta”.

Càng ngày càng có nhiều bậc trí giả hết lòng ủng hộ nguyên lý bổ sung.

Vào về đôi “*cái đúng*”, “*cái sai*” của lô gích truyền thống đã xuất hiện một về thứ ba “*cái khác*”.

Ánh sáng vừa là *hạt* vừa là *sóng*. Vậy thì ánh sáng đứt khoát là hạt hay là sóng. Vật lý lượng tử

đã trả lời dứt khoát rằng không thể trả lời dứt khoát được.

Sóng và hạt không loại trừ nhau và cùng song song tồn tại.

Đó là nền tảng của nguyên lý bổ sung cũng như hệ quả của nó, phương châm chung sống hòa bình và thế giới đa cực.

Thơ hiện đại (hiểu theo nghĩa rộng) cũng vậy. Thơ không sống bằng phủ định loại trừ mà bằng khẳng định bổ sung.

Không phải chỉ có một cách hiện đại mà có nhiều cách hiện đại. Không có một tổng công ty độc quyền phát hành tin phiếu hiện đại.

Thơ hiện đại không phải một trường phái khép kín. Mà một trường phái mở.

Nó được xây dựng trên một nhu cầu đối thoại triệt để. Một tinh thần bao dung “vô ngại”. Và một tình bạn hào hiệp của những người đồng hành nghĩa.

Thế kỷ XXI phải cố gắng sửa đổi câu tục ngữ Pháp lâu đời “Ganh ghét nhau như các nghệ sĩ”.

Đã có một thời người ta nói quá nhiều đến vấn đề văn nghệ phản ánh hiện thực cũng như hình tượng của Stendhal: tác phẩm như mảnh gương di chuyển dọc lộ trình cuộc sống. Vì vội vàng người ta đã vô

tình quên mất một điều quan trọng: đó là một mảnh gương biến dạng.

Bản cho hết nhẽ không gì không xuất phát từ hiện thực. Và cái tháp ngà nổi tiếng một thời xét đến cùng cũng chỉ là hình tượng của một hiện thực thoát ly.

Nhưng hiện thực là gì?

Các nhà khoa học cũng như triết học đều nhất trí không ai biết được hiện thực rốt ráo diện mạo ra sao. Hiện thực là một tập hợp những khả thể. Người ta chỉ có khả năng tiếp cận chứ không vĩnh viễn nắm bắt được chúng. Trường phái trừu tượng và hiện thực không khác nhau ở gốc xuất phát mà khác nhau ở cách nhìn. Chẳng có gì xuất phát từ hư vô cả.

Trong các sách về thơ Đường hình như người ta thường nhấn mạnh quá mức đến tiếng chuông của chùa Hàn Sơn.

Giai thoại đại để như sau:

Nhà thơ Đường Trương Kế đêm đỗ thuyền trên bến Phong Kiều đã xuống bút được hai câu thơ thật hay:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên

(Trăng lặn, quạ kêu, sương đầy trời

Cây sông, lửa chài, đối giấc ngư buồn bã)

Hai câu thơ tuôn liền mạch như thánh cho ăn lộc. Rồi tắc, tắc tị. Trương Kế đứng lên, ngồi xuống mãi vẫn không nhích được bút. Mà không viết tiếp được thì hai câu thơ trời cho kia coi như vứt đi. Cái bi của nhà thơ thật khó chịu. Nó còn khổ sở hơn cảnh một anh chàng mắc bệnh táo bón kinh niên trong một nhà vệ sinh công cộng buổi sớm đông thương dề.

Bỗng tiếng chuông chùa Hàn Sơn nổi lên. Nhà thơ orêka hạ liền hai câu tuyệt bút

Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự

Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền

(Chùa Hàn Sơn ngoài thành Cô Tô.

Nửa đêm tiếng chuông vắng đến thuyền khách).

Hú vía! Và sau đó Trương Kế chỉ còn việc thùng thỉnh đi vào bất tử.

Người ta đua nhau kể công tiếng chuông kia. Hỡi ôi! Đêm nào chùa Hàn Sơn chẳng thỉnh chuông. Tiếng chuông ấy có ai “thấy” đâu.

Người ta chỉ thấy nó từ khi có bài thơ của Trương. Vậy phải coi Trương Kế là đồng tác giả của tiếng chuông. Các nhà tri thức học nói đến *liên khách thể - chủ thể*. Cái lớn lao của nhà nghệ sĩ, nhà triết học, khoa học là đưa ra được một cái nhìn mới một nghĩa mới soi rọi những vùng mù của cõi biết, mở mang biên cương của hiện thực làm cho hiện thực ngày thêm phong phú hơn, sinh sôi nảy nở to đẹp hơn, đàng hoàng hơn.

Ông T.U.Q thọ trời

dẫn ba chi tiết sửa đổi

ngày Chúa nhật

Những năm 50 của thế kỷ, tại Pháp người ta làm quá rùm beng chung quanh phong trào *tiểu thuyết mới*. Dàn nhạc đệm “mê ly” này đã khiến không ít những nhà văn có tài năng mất đi sự tỉnh táo cần thiết cho một công cuộc cách tân văn học chiều sâu. Thật đáng tiếc.

Nhưng tôi không tán thành thái độ phủ nhận gay gắt của nhà văn hậu hiện đại người Áo Peter Handke đánh giá trường phái này như một “vụ sây thai”. Đóng góp của các nhà tiểu thuyết mới là không thể phủ nhận được. Giá họ tỉnh táo hơn. Giá họ đừng quá đĩnh ninh với sứ mệnh truyền bá một nền văn học lý thuyết kết hợp những cách tân sáng tạo với khoa học viết. Thái độ quá đĩnh ninh ấy vô tình đã biến họ thành những cha cố của một tôn giáo chữ nó có mùi cuồng tín Trung Cổ.

Với sự phát triển của khoa học thông tin những năm cuối thế kỷ bước đi với một vận tốc chóng mặt.

Chủ nghĩa hiện đại (tôi rất không thích từ chủ nghĩa) hôm nào còn khiến mọi người ô a ngờ ngàng đã mau chóng trở thành quá đât. Người ta bắt đầu nói nhiều đến chủ nghĩa (?) hậu hiện đại. Các nhà lý thuyết đặc biệt là các nhà lý luận Mỹ đã tốn khá nhiều giấy mực để nói về cái chủ nghĩa này, và

không ít vị đã vô tình hay cố ý làm nó rắc rối thêm khó hiểu thêm.

Tôi ưa định nghĩa của Umberto Eco vì độ giản dị sâu sắc của nó. Umberto là một nhà tín hiệu học (sémiologue) cự phách người Ý. Ông còn là một nhà tiểu thuyết hậu hiện đại có tầm cỡ. Những tác phẩm của ông như: “Tên hoa hồng”, “Chiếc đồng hồ của Foucault” vừa mang nhiều tính thể nghiệm vừa “best seller”: đó là một thành tích hiếm nhà văn đạt được.

Ông có một định nghĩa “hơi bị hay” về phong cách hậu hiện đại: “Tiếp theo nền văn học hiện đại tiền phong bị cầm tù trong ngõ cụt của trang giấy là một nền văn học hậu hiện đại, đặc tính chủ yếu của nó là sự châm biếm (ironie). *Có nghĩa là anh có thể viết thoải mái kể cả trơ lại phép sử dụng tình tiết của tiểu thuyết cổ điển nhất với điều kiện giữ một khoảng cách châm biếm* (L.Đ gạch dưới).

Tôi chưa được đọc thơ Gilbert Keith Chesterton. Và không ít cuốn tự điển nổi tiếng chỉ nhắc đến ông như một nhà văn, nhà luận chiến sắc sảo người Anh.

Nhưng tôi vẫn tin ông là một nhà thơ độc đáo, không phải chỉ vì những nhận xét hết sức khen ngợi của một người thính mũi và khó tính như Borgès mà chủ yếu vì một số đoạn ngôn từ cười của ông.

“Tuân thủ một kẻ yếu là kỷ luật

Tuân thủ một kẻ mạnh là quy luật”.

“Bị bắt buộc và cưỡng bức bệnh viện có thể tra lại một bệnh nhân thiếu đi một chân chứ không thể tra lại thừa một chân (trong một đả suy sưa sáng tạo)”.

“Một người có thể tuyên bố: Tôi đã chán thân phận một tín đồ thanh giáo, tôi muốn trở thành một kẻ ngoại giáo. Không ai có thể nói “Tôi chán đau đầu, tôi muốn đau răng!!!”.

Cioran ca ngợi sự bông đùa như một nghệ thuật khó khăn và cách thức duy nhất để đạt tới cái nghiêm túc.

“Đi rất xa vào sự bông đùa tức là thôi không còn bông đùa”.

Bậc trí giả hiểu rằng nghiêm túc thường khi chỉ là cái vỏ bọc của tình trạng nghèo nàn về tưởng tượng, nhất sợ trước sự đa nghĩa của đời sống và một trò diễn để lẩn tránh cái thật sự nghiêm túc.

Kafka ao ước “viết về bất hạnh bằng những từ của hạnh phúc”.

Liệu ta có nên viết về nghiêm túc bằng những từ của bông đùa.

Ài đảm bảo những câu dưới đây là nghiêm túc:

“Cho ta nghe tiếng vỗ một bàn tay”

“Hãy đi bộ trong khi cười lừa”

“Gảy một cây đàn không dây”.

Những công án tương chừng thiếu nghiêm túc này đã soi đường cho không ít bậc đại trí...

Bình luận về tác phẩm của nhà danh họa thiền Sengai, Suzuki viết:

“Một sự việc trở thành hài hước khi vượt ra ngoài khung giới hạn nhỏ bé của nó và được đặt trong một khung cảnh khác rộng lớn hơn”.

Hermann Hesse nhà văn Đức được giải Nobel từng nghiền ngẫm thiền trong nhiều năm nhớ nhệ:

“Cải nghiệm tức là một sự hiểu lầm xuất phát từ thời gian. Nó là kết quả việc phóng đại giá trị của thời gian. Trong vĩnh cửu thời gian không tồn tại. Vĩnh cửu là một khoảnh khắc dài vừa đủ một câu nói đùa”.

Có lẽ các nhà văn, nhà thơ hậu hiện đại gần gũi thiền vì “Thiền là tôn giáo duy nhất dám bông phèng về bản thân mình”.

Các tôn giáo khác hình như đều nghiêm túc quá. Borges kể lại rằng ông có một người bạn họa sĩ tuyệt vời đã tạo lập được mười hai tôn giáo để mọi người có thể đổi món tôn giáo mỗi tháng một lần và những kẻ sinh vào tháng Giêng không cùng một tôn giáo với những kẻ sinh vào tháng Chạp.

Lẽ dĩ nhiên Borges như những bậc trí giả từng trải văn hóa thường hay bông đùa.

Trí tuệ con người không có những định nghĩa không phát triển được. Nhưng mặt khác định nghĩa

cũng có khả năng trôi buộc trí tuệ khi trở thành những dây xiềng định kiến. Một định nghĩa như một bến dò. Một dòng sông trên đường ra biển lớn không thể nản ná dừng lại một bến dò mặc dầu tất cả “những cây đa bến cũ” “những trăng thề”. Chúng ta cần có nhiều định nghĩa mới.

Tôi muốn kể lại đây một truyện dân gian Việt Nam.

Truyện cây Thi là, một loại gia vị phổ biến đối với các món “hải quã”.

... Ngày hôm ấy là ngày Thượng Đế dành cho việc đặt tên muôn loài. Cả vũ trụ mới hình thành và vô danh lữ lượt kéo đến trụ sở.

Vì Thượng Đế quá thông tuệ nên vùn vện có một ngày mà hầu hết muôn loài đều được đặt tên.

Mãi đến lúc gần hết giờ, một loại cây bé nhỏ, xanh xao lách mãi mới tới được bộ rông.

Nếu nó không tận mắt chứng kiến thái độ hết sức dân chủ của Thượng Đế vì muôn loài phục vụ thì nó đã quay về. Nó sợ. Khổ. nó phải chờ mãi mới cất được tiếng nói.

Thượng Đế hơi bất ngờ. Ông phán truyền:

- Người thì là...

Lần đầu tiên Thượng Đế hơi khó nghĩ trước loài cây hèn mọn quá, vô nghĩa quá. Ông lập lại:

- Người thì là...

Đúng lúc ấy Thiên lôi đánh trống tan tằm. Và thứ cây bẻ bông tội nghiệp kia từ đó được định danh là cây Thi là.

Có người bảo Thượng Đế hơi quan liêu và máy móc về giờ giấc.

Có người lại bảo Thượng Đế khôn và hậu hiện đại.

Bất giác nghĩ đến câu thơ tình quái nổi tiếng của Bà Ba Béo Hoa Kỳ, Gertrude Stein.

A rose is a rose is a rose is a rose.

(Một bông hồng là một bông hồng, là một bông hồng, là một bông hồng)

Hậu hiện đại... thì... là...

ĐƯỜNG CHỮ

Câu thơ khô tu xí xóa nợ luân hồi

Sau Nhân Văn, tôi vẫn tiếp tục...

*Nhân Văn chỉ là một chặng chữ không phải
toàn bộ Đường chữ của Lê Đạt*

Ngay từ nhỏ tôi đã ôm ấp mộng cách tân thơ Việt - lẽ dĩ nhiên lúc đó tôi không ý thức được rõ rệt nên cách tân như thế nào.

Sau Cách mạng tháng Tám, nhà thơ ảnh hưởng đến tôi nhiều nhất là nhà thơ Xô Viết Maiacovski.

Tôi thích những hình ảnh quá đấm hết sức táo bạo cũng như những bài thơ quảng trường mạnh mẽ tham gia trực tiếp vào quá trình thay đổi xã hội của ông.

Ảnh hưởng của Maia rất đậm nét trong những bài thơ tôi cho in trên *Giai phẩm mùa Xuân* và báo *Nhân Văn* số một. Những hình ảnh sinh sự đã

khiến tôi ít nhiều được công nhận như một nhà thơ
 cách tân:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một dây bính vôi

Càng sống càng tối

Càng sống càng bé lại

Hay

Người công an đứng ngã tư đường phố

Chi huy bên trái bên phải xe chạy xe dừng

Rất cần cho việc giao thông

Nhưng đem bực công an máy móc

Đặt giữa tim người

Bắt tình cảm ngược xuôi

Theo đúng luật đi đường Nhà nước

Có thể gây rất nhiều chua xót ngoài đời

Tôi cũng rất mê hai câu thơ ngông nổi tiếng của
 Nguyễn Công Trứ:

Trời đất cho ta một cái tài

Giắt lưng dành để tháng ngày chơi

Cho đến lúc này, chủ yếu tôi vẫn là một nhà thơ
 tài tử. “Chơi” thì là tài tử chứ còn gì nữa!

Những câu thơ hay của tôi thường là do may mắn mà ra đời chứ ít khi trải qua một quá trình lao động gian khổ nào! Càng may mắn tôi càng thích thú. Từ “chơi” của ông Trú đã ảnh hưởng lâu dài đến sáng tác của tôi cho mãi đến đại hạn Nhân Văn.

Trong suốt hơn 30 năm đại hạn này, tôi có nhiều thời gian suy nghĩ về thơ mình cũng như về thơ nói chung.

Tôi buồn rầu nhận ra rằng thơ tôi chưa có cách tân triệt để - Về cấu trúc mà nói, nó vẫn chưa thoát khỏi thơ “Mới” những năm 1930.

Tính cách tân của nó chủ yếu chỉ là thay đổi dấu.

Thiên hạ chủ yếu làm thơ ca ngợi (dấu cộng).

Tôi chủ yếu làm thơ phê phán (dấu trừ).

Thơ ca ngợi hay phê phán cũng đều trực tiếp bị thúc đẩy bởi thời sự. Việc tôi bị án treo bút (không biết đến bao giờ, có thể đến suốt đời) đã tách tôi ra khỏi sức ép của xuất bản. Tôi bắt đầu nghĩ đến những thay đổi triệt để hơn.

Nhưng triệt để là thế nào tôi vẫn chưa hình dung được!

Thời kỳ này tôi vẫn tiếp tục làm thơ nhưng bắt đầu chán thơ mình. Tôi viết và xé bỏ rất nhiều. Bế tắc. Tôi quyết định nghỉ làm thơ một thời gian dài để có điều kiện suy nghĩ.

Rất nhiều đêm mất ngủ. Có lẽ bệnh mất ngủ của tôi bắt đầu từ thời kỳ này.

Tôi luôn luôn tự hỏi:

Chẳng lẽ mình thiếu nghị lực và bản lĩnh đến mức không tận dụng được những bất hạnh gây ra cho gia đình, bạn bè, người quen, người không quen cũng như cho chính bản thân mình để có đủ hơi sức tiến hành những cách tân thơ từng ôm ấp từ hồi nhỏ. Chẳng lẽ mình đánh phí bỏ nghiệm sinh một cách vô ích và oan uổng. Làm thế nào để rũ bỏ được mặc cảm tội lỗi. Làm thế nào để không bị rút lại như một rơ-moóc già tại một ga xếp rêu mốc.

Trần Dần hình như ngay từ đầu đã tìm ra con đường của mình và anh tiếp tục đi một mạch.

Tôi không có cái may mắn ấy.

Tôi phục xuống đọc sách. Trong cuộc đời chìm nổi của mình, những lúc nán lòng tôi đều trở về với sách, hy vọng tìm ra một lời giải, một lý do để tin trong việc giao lưu với những con người "tự tế" của chữ.

Rất may thời gian này Hội Việt kiều yêu nước tại Pháp gửi về tặng thư viện Khoa học Xã hội rất nhiều sách, đặc biệt những sách về chủ nghĩa cấu trúc, về phong trào Thơ mới, Văn học mới, Phê bình mới... Những năm 50 là giai đoạn hoạt động tư

tương sôi nổi của giới trí thức Pháp, có ảnh hưởng lớn đến diện mạo văn hóa nhân loại.

Tôi mê mải đọc sách 4 năm liền, ngày 8 giờ vàng ngọc thứ thiệt. Nhiều hôm tôi đọc thông tằm từ 2 giờ chiều đến 21 giờ, giờ thư viện tắt đèn. Thấy tôi về muộn phải vét cơm nguội ăn, con gái lớn tôi đã nói đùa: “Bố phải lòng cô nào mà mê mết thế!”

Và tôi còn đọc nữa nếu như không xảy ra một sự cố bi hài kịch lớn.

Đế quốc Mỹ đã bắt đầu leo thang ném bom Hà Nội. Các cơ quan lục tục sơ tán.

Tôi vẫn mê mải đọc sách. Cùng vào thời điểm này, Trần Dần ra thư viện để dịch thuê Althusser và Trần Đức Thảo cũng “hội ngộ” để tìm tài liệu bổ sung cho những nghiên cứu của anh về giai đoạn sơ khai của ý thức.

Giám đốc thư viện là một thiếu tá chuyên ngành “râu hùm hàm én” rất Từ Hải. Con người trượng phu này có lẽ rút kinh nghiệm từ bài học bất cần của Từ Hải nên đã có một cảnh giác rất “siêu”. Ông đã nói với thuộc chức:

- Thời buổi này ai còn tâm đầu đọc sách! Chắc bọn Trần Dần, Lê Đạt ra thư viện là để tụ bạ... làm bậy.

Và ông hạ lệnh “cấm” chúng tôi đọc sách. Lẽ dĩ nhiên ông không công khai nói toạc ra như vậy mà sử dụng phương pháp trí trá khuất tất quen thuộc của

đảm thư lại. Một hôm tôi đưa phiếu mượn sách, cô thư thư quen tỏ ra lúng túng và nói:

- Giám đốc chi thị các anh không được đọc sách tiếng nước ngoài, chỉ được đọc sách tiếng Việt.

Cũng may lúc đó tôi cũng đã ngốn gần hết những sách cần đọc.

Và cho đến bây giờ tôi vẫn hàm ơn thư viện Khoa học đã cho phép tôi “du học” bốn năm liền mà không cần chạy chọt cũng như vướng bận những lo toan xích láp, quạt tai voi, dây mai-so, hạ thấp tư cách con người.

Trên đất nước bốn nghìn năm văn hiến ai ngờ đọc sách mà cũng gian nan thế.

Một anh bạn khá thân thường chạy tài liệu cho tôi dịch kiếm sống, một hôm có vẻ thông cảm rủ rì với tôi:

- Ông đúng là một thằng rồ, còn ai chịu in sách cho ông nữa mà cách tân với cách tung. Nghĩ cho nó khỏe. Rồi tôi sẽ cố chạy thêm tài liệu cho ông dịch!

Trước sự tốt bụng của bạn, tôi còn biết trả lời thế nào. Chỉ còn cách giấu biệt không cho ai biết những dự định thơ của mình như dấu một bệnh “đáng xấu hổ” ở chỗ kín của cơ thể.

Hay tôi là một thằng rồ thật!

Có lẽ do làm việc căng quá, tôi lâm bệnh. Chóng mặt. Di lảo đảo. Nằm xuống nhiều lúc thấy đầu mình tụt xuống một hố sâu thẳm. Và ác mộng. Nhiều đêm sợ quá tôi phải ngồi dậy tựa lưng vào tường thức cho đến sáng.

Một anh bạn giới thiệu tôi với bác sĩ X, một chuyên gia thần kinh “năm bờ oản” thời bấy giờ, ở Pháp về.

Bác sĩ X hỏi tôi:

- Anh cho tôi xem sổ khám bệnh.

Tôi cười trả lời:

- Đây là lần đầu tiên tôi đến khám tại một bệnh viện công.

X ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Không sao, để tôi nói anh em kiểm tra toàn bộ sức khỏe cho anh...

Xem kỹ những giấy tờ xét nghiệm và sau khi khám cho tôi, X chậm rãi:

- Anh chẳng có bệnh gì đáng bận tâm cả, chỉ bị stress thôi.

X viết đơn cấp thuốc cho tôi và khề khàng như nói tâm sự:

- Ông đến nhờ tôi, lẽ tất nhiên tôi phải khám và cấp thuốc...

X nhìn quanh rồi càng hạ thấp giọng:

- Thời buổi này ai chẳng suy nhược thần kinh... tôi cũng bị, lẽ tất nhiên ít hơn ông vì không bị ăn đòn...

X tiền tôi ra cửa, bắt tay tôi khá chặt và dận dò:

- Quên nó đi ông ạ.

Chẳng biết tôi quên “nó” hay “nó” quên tôi mà chỉ sau đó ít ngày tôi bỗng hết bệnh.

Tôi vẫn loay hoay tìm cách đổi mới thơ mình nhưng thất bại. Cái thói quen ngôn ngữ là một trong những thói quen cứng đầu và hết sức ngoan cố.

Thời trước Nhân Văn tôi tin tưởng hào hứng biết bao!

Hình như những ngày đẹp trời đã qua. Và giờ đây là một chuỗi những Chủ nhật buồn.

Tôi thêm cái đỉnh ninh của Trần Dần.

Nhưng tôi biết Trần Dần cũng chẳng thể giúp gì được tôi.

Tôi không thể làm giống như anh được. Với Dần, tôi cũng ngày một kính nhi viễn chi hơn.

Không phải hai đứa mâu thuẫn gì nhau.

Tôi không có cái “bình thường tâm” của kẻ tu chợ và cần phải có một diện tích thanh vắng nhất định để thiền ngẫm cũng như nghiệm chữ.

Trong cuộc đời trăm luân một con người, đôi khi ta hạnh ngộ một vài câu nói nó cứu mạng mình như một chiếc phao cứu sinh.

Suốt đời tôi hàm ơn ba câu nói.

Một của Trang Tử: “Mọi người đều biết lợi ích của cái hữu dụng, ít người biết lợi ích của cái vô dụng”.

Hai của Lacan: “Vô thức được cấu trúc như một ngôn ngữ”.

Ba của Mallarmé: “Hãy tra tính chủ động cho chữ”.

Tôi bắt đầu cuộc hành trình **vô dụng** lần tìm **vô thức** thông qua **việc giải phóng ngôn ngữ**.

Tôi xin phép được nhắc lại đây một đoạn viết khá dài trong tập “*Đời tôi và tâm phân học*” của Freud, nó cũng sâu sắc như Lacan nhưng lại dễ hiểu hơn.

“Người ta thấy miễn tương tượng là một kho chứa được hình thành khi có sự chuyển đổi đau đớn từ nguyên lý khoái lạc sang nguyên lý thực tế nhằm tạo ra một thể vật cho việc thỏa mãn xung năng mà cuộc sống buộc con người phải từ bỏ. Người nghệ sĩ giống như một người loạn thần kinh, anh ta tự rút lui vào thế giới tương tượng ấy, tách khỏi hiện thực không làm anh ta thỏa mãn. Nhưng khác với người loạn thần kinh, nghệ sĩ biết cách làm thế nào tìm lại được con đường hiện thực vững chắc. Các tác phẩm

của anh ta là sự thực hiện tương tượng những khát vọng vô ích giống hệt những giấc mơ... Nhưng trái lại với những giấc mơ phi-xã hội và nặng tình tư si, sáng tác của nghệ sĩ bộc lộ khả năng gọi mỗi dòng cảm ở người khác, đánh thức và thoa mãn chính những khát vọng vô thức ấy ở nơi họ."

Freud còn viết:

"Mọi đứa trẻ khi chơi ửng xư như một nhà thơ với ý nghĩa nó tự tạo ra cho mình một thế giới hay nói chính xác hơn, nó chuyển dịch những đồ vật của thế giới nó đang sống sang một trật tự mới phù hợp. Nó coi trò chơi của mình là rất nghiêm túc."
(L.D. gạch dưới).

Nói một cách nôm na người làm thơ thực hiện một trò chơi chữ nghiêm túc, sử dụng những phép tu từ học (ám dụ, hoán dụ, lược tính, ghép âm, nói lái nói lố...) như một đứa trẻ chơi với những đồ vật chung quanh.

Thế nào là chơi nghiêm túc - Chơi nghiêm túc là chơi thật, chơi hết mình, sống trò chơi như một nghiệm sinh thực thụ. **Nghiêm túc** không mâu thuẫn với **trò chơi** mà mâu thuẫn với **chơi đùa** hay **tài tử**. Từ một người **chơi tài tử** tôi đã nỗ lực **nghiêm túc** để trở thành một người **chơi chuyên nghiệp**.

Người làm thơ **chơi** những phép tu từ như một thứ **bầy vô thức**. Anh ta **sinh sự** với ngữ nghĩa và ngữ pháp để tạo ra một **sự sinh mới** cho thơ.

Người làm thơ ráp tâm biến **ngôn ngữ tiêu dùng** thành một thứ **ngôn ngữ trò chơi** (hiểu theo nghĩa mạnh) trong một trạng thái nửa tỉnh nửa mơ mà Roland Barthes gọi là một sự **chú ý bồng bềnh** (attention flottante).

Chính cái trò chơi hết mình này khiến Freud coi các nghệ sĩ như một thứ **trẻ con lớn tuổi** có khả năng đánh thức bản năng trò chơi của độc giả.

“Mỗi người tự nhớ lại thời anh ta sống thực với những ham muốn trẻ thơ trong đó ngôn ngữ làm ra thế giới, thời gian là chiếc gậy của nàng tiên và tấm thảm bay, tóm lại thời của ma thuật” (J. Bellemin Noel).

Tôi xin phép được mở ngoặc để nói thêm về từ **chơi chữ** vì từ này do bị sử dụng quá nhiều đã xuống cấp nghiêm trọng và thường bị nhiều người coi như một trò kỹ xảo đơn thuần có tính lý trí. Người chơi chữ dễ dàng được coi là một người thông minh. Như tôi đã trình bày ở trên, chơi như vậy là **chơi đùa**. Nhà nghệ sĩ cũng như đứa trẻ không **chơi đùa** mà **chơi thật** khiến trò chơi chữ không còn là một trò chơi đơn thuần dựa trên óc thông minh của một người tinh táo mà dựa trên toàn bộ trí năng cũng như cảm năng của một kẻ **đam mê** bị thánh óp trong một cơn thượng đồng của chữ.

Về phương diện này phải coi Hồ Xuân Hương như một nhà thơ tiên phong đầu bảng trong thi pháp Việt Nam.

Hãy theo dõi cuộc chơi chữ hết sức nghiêm túc
và tài ba của cao thủ chữ họ Hồ:

Một đàn thẳng ngọng đĩnh xem chuông

Chúng bảo nhau rằng ấy ái uông...

Cửa son đỏ loét tùm hum nóc

Hòn đá xanh rì lún phún rêu...

Nứt ra một lỗ hồm hòm hom...

Cái hay của bà Hồ không phải ở chỗ nói đến
“cái ấy” một cách công khai và tri túc mà ở chỗ bà
đã làm việc đó, thông qua một nghệ thuật chơi chữ
hết mình một cách hiểm hóc, tài tình và hữu hiệu.
Hàng phòng ngự chặt chẽ và cứng rắn của nguyên
lý thực tế đã bị nguyên lý khoái lạc xuyên thủng
và sút tung lưới.

Tôi xin lấy một ví dụ - bài *Giáo Thụ gửi vợ*
cũng nói về “cái ấy” một cách mạnh mẽ:

Cõi Bắc anh mang thẳng củ lẳng

Miền Nam em giữ cái chai he

Hắn còn vương vít như hang thỏ

Hay đã to ho quá lỗ trê?

Nhưng sao nghe không sướng - nó lỗ lổ và
dung tục quá! Điều quan trọng không phải là nói đến
cái ấy mà là nói như thế nào. Tôi không hủ nhơ tới

mực lấy đũa gấp dài rút quần vớ. Trong thơ người ta có quyền nói tất cả mọi thứ nhưng nhất thiết phải nói bằng thơ nghĩa là phải vượt qua chủ nghĩa tự nhiên cấp 1 đến cấp 2 của nghệ thuật. Một bức tranh không thân của Renoir hoàn toàn khác một anh đầm trường của phim con heo.

Tất cả cái “khoái” trong thơ Xuân Hương không nằm ở chỗ nói trắng cái ấy ra mà ở phép nửa kín nửa hở, nó kích thích lòng ham muốn của người đọc. Ham muốn vốn không có khuôn mặt thật. Ham muốn thường hiện ra dưới nhiều hình dạng, nó nuôi dưỡng và duy trì những đòi hỏi của nguyên lý khoái lạc.

Cái ấy thì ai chẳng biết...

Nhưng “biết rồi khổ lắm nói mãi, thế rồi làm sao!”

Chính cái “thế rồi làm sao” ấy là nghệ thuật.

Trong trò chơi phi ngựa của trẻ nhỏ, vật chơi chỉ là một chiếc gậy gỗ, chính tưởng tượng, chính sự đam mê của đứa trẻ đã biến chiếc gậy gỗ thành con ngựa. Cái thích thú nằm ở chỗ chiếc gậy gỗ không phải là con ngựa mà vẫn là ngựa hay nói một cách dân dã hơn “nói dzậy mà không phải dzậy”. Cái ấy bao giờ cũng có mặt và bao giờ cũng vắng mặt trong một trò ú tim vô tận.

Bà Hồ có nhiều câu thơ kiệt xuất nhưng câu tôi kính nể nhất vẫn là câu

Cọc nhô đi rồi lỗ bỏ không

Nó thăm thăm như chiếc hồ không bao giờ có thể lấp đầy của ham muốn.

Không nên quên ham muốn về cơ bản khác với nhu cầu. Nhu cầu thì hữu hạn và có thể thỏa mãn được, còn ham muốn thì vô hạn và luôn luôn “bất mãn”.

Tôi bắt đầu tự làm khó dễ mình bằng những bài tập chơi chữ sử dụng tất cả những phép tu từ học có thể theo tiếng gọi của những âm tiết. Viết xong đến đâu lại xé lại đốt đến đó như một anh chàng lần thân - Tôi không muốn và cũng không dám cho ai xem - sự tự cô lập này thật hết sức nặng nề.

Trần Dần thỉnh thoảng có hỏi tôi: “Sao lâu nay không thấy cậu làm thơ?”

Tôi chỉ cười xòa trả lời: “Vẫn làm nhưng không ra gì.”

Đặng Đình Hưng nửa nạc nửa mỡ: “Ông anh “xêriơ” quá... phải cơn huyền cồn như thằng em này thì thơ mới bốc được.”

Không, tôi nhất quyết không sử dụng bất cứ một thứ “đôpinh” nào.

Người ta có thể đạt tới sự xuất thần bằng nhiều cách, không nhất thiết phải cậy nhờ những chất ảo sinh (hallucinogène) và kích hoạt.

Một nhà thơ mà phải nhờ đến chất “viagra” để thưởng đồng thì yếu quá.

Tôi đã nỗ lực rất nhiều để trở thành một kẻ rõ chữ. Tôi xin được phép nhắc lại một lần nữa. Người làm thơ hoạt động ở những vùng biên ngôn ngữ rất giống một người điên. Cái khác biệt giữa họ nằm ở chỗ người điên thì vượt biên đi thẳng tới cõi vô thức hoàn toàn của đêm tối mù mịt và ở lại đó còn người làm thơ thì loạng choạng bước một vài bước sang cõi vô thức thì ngừng lại và biết đường sau quay, trở về với cõi ngày của ý thức sau khi đã lượn dăm mông đêm của vô thức để mở rộng địa giới của cõi chữ. Làm thơ không chỉ đòi hỏi **sự buông lỏng** mà còn một **cảnh giới** thưởng thừa.

Không một nhà thơ nào lại không muốn có người đọc mình **bây giờ và ở đây**.

Lời tuyên bố hoàn toàn sáng tác cho tương lai chỉ biểu hiện của một thái độ hờn dỗi vạn bất đắc dĩ.

Tháp ngà là một hình ảnh không lấy gì làm sáng giá của trường phái thơ lãng mạn - Nhà thơ không mong muốn sự cô đơn, nhà thơ chỉ chấp nhận nó.

Không tháp ngà nào ngăn cản được những tiếng vang vọng của sự sống cũng như của những bận tâm nhân loại của người nghệ sĩ.

Nhà thơ càng cô đơn càng cần san sẻ. Cần nhưng sợ. Dem những câu thơ đến bạn thân mình cũng phải cố gắng mới làm quen được tung ra đời liệu có được thiên hạ thông cảm không. Cái tình trạng bòn chôn ấy thật đáng sợ. Và nó kéo dài trong nhiều năm.

Thương anh nỗi trường kỳ nợ sợ

Một mình huyết gió nghê trang đêm

Những năm đó tôi rất thân với hai câu thơ cực hoang vắng của Mạnh Hạo Nhiên:

Bất tài mình chu khi

Đa bệnh cố nhân sơ

vì bất tài nên **minh chủ** (chứ không phải **vua ngu**) không dùng, nhiều bệnh nên cố nhân (chứ không phải kẻ **sơ giao**) ít lui tới.

Thái độ tri thiên mệnh và bình thân của họ Mạnh đã nâng đỡ tôi không ít trong đẳng đặc trường kỳ bất hạnh.

Sau khi làm những bài tập tự do ghép chữ một thời gian, tôi bắt đầu tập “chơi chữ” theo những đề tài nhất định hay nói một cách giản dị hơn, tôi bắt đầu tập sáng tác.

Tôi đã mất ba tháng để viết xong bài **Ông phó cá ngừ** lần thứ nhất và ba tháng nữa để sửa đi sửa lại không biết bao nhiêu lần, nhiều câu chữ mãi có

khi lại trở về câu lần đầu, đi chông chênh trong một vùng bất định đầy sương mù, luôn đối diện với một câu hỏi da diết... đâu là điểm tự do xa nhất chữ có thể đạt tới, đâu là cực hạn nhất thiết không được bước qua.

Tôi vốn không phải là một nhà thơ suốt mướt - Trong những năm tháng bất hạnh của nghiệm sinh tôi đã tu dưỡng một nụ cười bất chấp, một "chủ nghĩa makê nô" chính hiệu. Người yêu thì gọi tôi là "ông Di lặc", kẻ ghét thì là "tên Nhân Văn ngoan cố".

Không hiểu sao khi đọc lại bài thơ "Ổng phò cả ngựa" còn nóng hổi những chữ mới ra lò, nước mắt tôi cứ ứa ra không cầm lại được.

Tôi hiểu rằng mình đã được cứu rồi.

Vào những năm 80, sau khi được phục hồi, chuẩn Tổng Thư ký Hội Nhà văn Nguyễn Khải nói với tôi:

- Anh chọn mấy bài thơ cho báo Văn Nghệ.

Nghe nói (?) khi đưa mấy bài thơ của tôi cho báo, có người trong Ban Biên tập đã hỏi Nguyễn Khải:

- Anh có hiểu không?

Khai trả lời:

- Mình cũng không hiểu lắm nhưng cứ nên đăng.

Sau khi số báo ra mắt độc giả có khá nhiều phản hồi “tiêu cực”.

Một nhà thơ kỳ cựu từ thời Tự lực Văn Đoàn T.T. hỏi tôi một cách đầy thiện chí:

- *Át cơ rơi*, ông định nói gì thế?

Mà không phải chỉ có một mình T.T.

Tôi chợt nghĩ đến Mallarmé - khi có người hỏi:

- Ông định nói gì trong bài thơ?

Mallarmé trả lời:

- Nếu biết nói gì thì **nói** việc gì phải **viết**.

Một số nhà thơ chống Mỹ có cảm tình với tôi cũng tỏ vẻ thất vọng:

- Tương anh mới thế nào chứ mấy bài vừa rồi chẳng có gì mới cả!

Phần lớn những người bạn “chính trị” của tôi cũng quờ trách. Đ.P., một cựu tù Sơn La tỏ ra khá quyết liệt:

- Ông im tiếng bao nhiêu lâu, giờ tái xuất giang hồ, anh em chờ đợi một tuyên ngôn của ông về dân chủ, tự do, ông lại cho in mấy bài thơ tình vớ vẩn.

Tôi cười trả lời:

- Có tuyên ngôn đấy chứ, tuyên ngôn về quyền dân chủ của chữ.

Đ.P. cau mặt:

- Ông thì lúc nào cũng đùa được.

Tôi trộm nghĩ rằng hành động yêu nước nghiêm túc nhất của một công dân với tư cách một người làm thơ là cù cun tận tụy bảo vệ và mở mang bờ cõi chữ của dân tộc mình.

Chỉ có một người (lẽ dĩ nhiên là theo chỗ tôi biết) tin là tôi nói thật: Trần Đình.

Trần Đình là nhà báo lâu năm, quen tôi từ hồi “Sự thật” ở trên rừng. Anh nổi tiếng về những tập Hồi ký Cách mạng, ghi lại theo lời kể...

Trần Đình đã tốt nghiệp khoa Ngữ văn tại trường Đại học Bắc Kinh nổi tiếng. Đình rất lọc lõi thơ Đường. Ngoài ra anh còn có một vốn kiến thức quảng bác về thơ thế giới.

Thế là ít nhất đã có hai người tương đối hiểu thơ tôi, bản thân tôi và Trần Đình.

Tôi xin nhấn mạnh: thêm một người không đơn thuần là một thay đổi về số lượng, mà quan trọng hơn hết, đó là một thay đổi về chất lượng. Tôi đã thoát khỏi vòng cô đơn - Một người là số ít nhưng hai người là khởi điểm của số nhiều.

Trần Đình đã giúp đỡ tôi **không ít** trong quá trình “*Bóng chữ*” qua những nhận xét vừa tinh tế vừa bốc đồng của anh.

Năm 1993, Hội Nhà văn chủ trương xuất bản cho những anh em vừa được “phục hồi” mỗi người một tập thơ.

Hoàng Cầm cho in tập "*Về Kinh Bắc*", tập thơ đã đưa anh vào vòng lao lý. Phùng Quán cho in "*Thơ Phùng Quán*". Trần Dần, tập "*Cống tình*", một tiểu thuyết thơ và tôi cho in tập "*Bóng chữ*". Trong mấy tập thơ trên, số phận tập "*Bóng chữ*" có phần long đong hơn cả.

Khi đưa Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Giám đốc kiêm Tổng Biên tập N.V.P. nhất định không chịu ký duyệt phần *Lão Núi*. Không phải vì ác ý - N.V.P. nói "Tôi không thể ký tên chịu trách nhiệm về những bài thơ tôi chẳng hiểu gì cả!".

Cũng may việc này tôi đã đề phòng trước. Khi đưa tập thơ cho Ban chấp hành Hội Nhà văn tôi đã nói với Chính Hữu và Hữu Mai, hai nhân vật có ảnh hưởng nhất trong Ban chấp hành thời bấy giờ:

- Nếu các ông thấy có những điểm sai sót về chính trị, tôi dứt khoát sẽ sửa, ngược lại các ông nên đảm bảo cho tôi tự do về mặt phong cách.

Chính Hữu và Hữu Mai tán thành và chính nhờ sự ủng hộ tích cực của hai người mà tập "*Bóng chữ*" được ra đời một cách trọn vẹn không bị cung hình.

Vừa chân ướt chân ráo ra mắt độc giả, "*Bóng chữ*" đã được ăn đòn ngay.

Một nhà thơ thời chống Mỹ viết một bài đã kích thậm tệ đăng trên tạp chí Văn nghệ Quân đội lên án tôi tham chữ bỏ nghĩa, nặng hơn nữa còn chủ trương vô nghĩa, gọi "*Bóng chữ*" là "thơ ú ớ" sùng bái vô thức chống lại ý thức.

Toàn những khuyết điểm giết người!

Bài viết quá nhiều lỗ hổng về kiến thức, kể cả những kiến thức cơ bản.

Lẽ dĩ nhiên tôi không trả lời.

Một nhà thơ trẻ hỏi tôi:

- Sao chú không trả lời?

Tôi cười:

- Người ta phê bình một nhà thơ trùng tên Lê Đạt chứ có phê bình mình đâu, mình mà ngu thế làm sao còn sống được đến giờ.

Không biết xuất phát từ đâu dư luận dứt khoát rằng thơ tôi khó hiểu.

Có người vừa mở tập "*Bóng chữ*" lướt qua đã gập sách lại và kêu ca rằng thơ tôi "hũ nút". Trong thơ, **nạn đọc bằng tai chứ không bằng mắt** cũng khá phổ biến.

Tôi không yêu cầu độc giả ủng hộ tôi vô điều kiện, tôi chỉ yêu cầu sự công bằng. Đa số các bài thơ của tôi đều được viết đi viết lại nhiều lần. Bài *Át cơ* chỉ vắn vẹn bốn năm câu mà chi phí mất hàng tuần, chẳng lẽ độc giả quá bận tiện đến mức không nở chiều cố cho nó mười mười lăm phút bạc vụn?

Hơn nữa, "hiếu" căn bản là hoạt động của lý tính trong tiếp xúc của con người với ngoại giới. Người ta có thể chưa "hiếu" mà vẫn cảm nhận được

thông qua trực giác. nó cũng quan trọng chẳng thua gì lý tính trong hoạt động nhận thức.

Khi ta “mê” một người con gái nhiều khi ta cũng không hiểu tại sao. Các nhà thơ lãng mạn gọi đó là “tiếng sét ái tình”. Chỉ sau khi hết choáng váng ta mới có điều kiện sử dụng lý tính để “hiểu” và **hiếu** mãi vẫn chưa **hiếu** hết.

Không phải bao giờ cũng **hiếu** mới **cảm** được.

Những lời ủng hộ mạnh mẽ đầu tiên đến từ Paris.

Người đầu tiên là Đỗ Kh. Một nhà thơ trẻ nổi tiếng vì những câu thơ “bất lịch sự” trên *Tạp chí Thơ* ở Cali.

Hôm đến từ biệt nhà thơ Hoàng Cầm, Đỗ Kh. tiện tay vớ tập “*Bóng chữ*” trên sàn gác, đọc qua thấy lạ bèn dứt luôn vào túi (Kh. cứ yên tâm mình đã đền Hoàng Cầm một cuốn “*Bóng chữ*” khác rồi). Trên đường về qua Lào, Kh. tranh thủ đọc “*Bóng chữ*” ở khách sạn và lập tức viết cho tôi một lá thư “hết sức lịch sự” và cảm động.

“Anh khiến bọn trẻ chúng em cảm thấy bớt lạc lõng.”

Rất cảm ơn Đỗ Kh.!

Người thứ hai là Đặng Tiến, nhà phê bình thơ được nhiều người tán thưởng ở hải ngoại. Bài của Đặng Tiến được Vũ Quần Phương đăng hai kỳ trên báo *Người Hà Nội* của giới Văn nghệ thủ đô cho thấy

một vốn kiến thức khá sâu sắc về thơ Việt cũng như thơ thế giới.

Đặc biệt nhất là bài của Thụy Khuê nói về *thơ tạo sinh của Lê Đạt* phát trên đài R.F.I. và sau được in trong tập tiểu luận “*Cấu trúc thơ*”.

Sau khi bài phê bình của chị xuất hiện, trong nước cũng như ngoài nước có dư luận rằng tôi đã “gà” Thụy Khuê viết bài này.

Đó là những xì xào không đúng sự thật. Thời kỳ đó tôi chưa quen Thụy Khuê.

Chị có liên lạc với Hoàng Ngọc Hiến xin tôi một tập “*Bóng chữ*”. Và một hôm chị “phôn” cho tôi từ Paris nói rằng đài R.F.I. sẽ phát bài của chị về “*Bóng chữ*”, chị đề nghị tôi nghe và cho biết ý kiến.

Sự sắc sảo của Thụy Khuê khiến tôi ngạc nhiên. Tôi có viết gửi chị một lá thư. Và lá thư **hậu** “*Bóng chữ*” này đã mở ra một tình bạn tận tâm và lâu dài giữa hai người.

Một tác phẩm nghệ thuật khi ra đời, nếu nó được tác giả thật sự mang nặng đẻ đau với tất cả tâm huyết của mình, tự nó đủ sức tự vệ.

Không sức mạnh nào bắt nạt hay bịt miệng được nó!

Hậu từ

Trong thời gian viết ***Đường chữ***, một nhà báo quen hỏi tôi:

- Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Nhân Văn anh muốn gửi thông điệp gì?

- Xin bạn cất ngay cho tôi từ *thông điệp* vào tủ, coi nó như loại được phẩm độc hại môi trường bảng A.

Lạm dụng những từ khoa trương rất không tốt cho sức khỏe ngôn ngữ quốc gia và có nguy cơ cao dẫn đến nạn lạm phát.

Trong quốc sách tiết kiệm không nên quên tiết kiệm ngôn ngữ.

Đừng xài ngôn ngữ như xài tiền chùa.

Một hôm trên nóc nhà tròn quận XIII Paris, trụ sở của đài R.F.I., sau bữa ăn trưa, nhà phê bình văn học Thụy Khuê có hỏi tôi:

- Anh là một trong những nhà văn Việt Nam có điều kiện thuận lợi nhất để viết hồi ký về Nhân Văn Giai phẩm sao anh không viết?

- Không phải không viết mà chưa viết.

- Bao giờ anh viết...

- Khi có đủ can đảm.

Thụy Khuê có vẻ hơi khó chịu:

- Em hỏi nghiêm túc.

- Minh cũng nghiêm túc.

- Ít năm nay theo đường lối Đổi mới, chính quyền hành xử đã có vẻ bớt cứng rắn...

- Mình chưa viết không phải vì sợ chính quyền. Lê dĩ nhiên trong một nước thế giới thứ ba, từng trải hàng nghìn năm phong kiến và thuộc địa việc sợ đó không bao giờ thừa.

Ở Việt Nam, người ta chưa có thói quen nói đến khuyết điểm của người đã khuất và điều mình sợ là dọc xong tập hồi ký, các con bạn có thể đến chất vấn: “Bố cháu với bác là chỗ thân tình, cả nhà cháu đều quý bác sao bác lại “đánh” bố cháu?”

Dùng là có thể chết luôn được!

Nhưng điều tôi sợ nhất chính là bản thân mình. Liệu tôi có đủ can đảm giữ gìn để khỏi hạ cấp việc viết hồi ký thành một toan tính “mông má lý lịch” hoặc “tự tố điều” thành tích nhằm đánh bóng thương hiệu?

Vào giai đoạn hiện tại tôi tự xét chưa đủ bản lĩnh miễn dịch cảm dỗ ma quỷ ấy.

Năm 2000 tôi có viết bản trường ca “*Bước kỹ vào XXI*”, xin phép được tái sử dụng phần kết của nó cho tiêu luận này:

Năm 2000

năm chiếu cố

những địa đầu thiếu số

Các nhà cầm quyền

đổi đảm nghi can

đứng trước giờ công bố

hãy nhẹ tay.

MỤC LỤC

THƠ.....	9
DI CẢO	295
ĐOÀN NGÔN	389
TIỂU LUẬN.....	445

ĐƯỜNG CHỮ

Lê Đạt

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 3822 2135

Chịu trách nhiệm xuất bản

Trung Trung Đình

Biên tập : Tạ Duy Anh

Trình bày : Như Hoa

Sửa bản in : Minh Minh - Thanh Thủy

Bìa : Vũ Quân

Sách cho người Việt!

Liên kết xuất bản



Công ty Sách Bách Việt

Địa chỉ: Số 13, Tổ 74, Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84-4) 3514 8742 - Fax: (84-4) 3514 8685
Email: info@bachvietbooks.com.vn
Website: www.bachvietbooks.com.vn

In 1.000 cuốn, khổ 16x24 cm tại Trung tâm In và Đo vẽ bản đồ, Ngọc Hồi, Hà Nội. Giấy đăng ký KHXB số: 31-2009/CXB/03-79/HNV do CXB cấp ngày 06/01/2009. Quyết định xuất bản của Giám đốc NXB Hội nhà văn số 01/QĐ-NXB HNV ngày 10/01/2009. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2009.

Đường Chữ



Số 13, Tổ 74, Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84-4) 3514 8742 - Fax: (84-4) 3514 8685
Email: info@bachvietbooks.com.vn
Website: www.bachvietbooks.com.vn
Blog: <http://360.yahoo.com/bachvietbooks>

BACHVIETBOOKS



Giá / 125.000đ

Độc Lê Đạt ở bất cứ cái gì ông viết ra nói ra, dù đó là thơ, là truyện, là đoản ngôn hay bài trò chuyện, tôi luôn bị ấn tượng bởi cách nói, cũng tức là phản ánh cách tư duy của ông. Một cách tư duy và một cách nói ra thành lời những điều tư duy in đậm cái nét riêng không thể lẫn trộn của Lê Đạt. Ông không ngừng sục sạo các ngõ ngách của từ và tiếng, của chữ và lời, không ngại làm mới và không sợ bị coi là khác lạ.

Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên

Lê Đạt là người “xem chữ nghĩa quý hơn tính mệnh”. Ông thực sự là một kẻ viết tung hoành giữa “kỳ trận chữ”, là một “phu chữ” tận tụy, tận hiến và được chữ “bầu lên nhà thơ”. Trong số những nhà thơ cùng thời, Lê Đạt là một độc đáo, một riêng biệt, một “nhân-cách-thơ”.

Một đời thơ “vẩy chữ thẳng hoa”, Lê Đạt tạo được hàng trăm câu chữ “độc sáng”.... Lê Đạt càng viết, chữ gọi chữ, chữ tương tác chữ, chữ kết hợp chữ làm nên những “thi ảnh” đẹp, táo bạo, lạ lùng. ... Chữ vẩy chữ làm nên nghĩa “liên văn bản” của thơ. Lê Đạt là một “kỳ nhân” giữa truyền thống và đương đại.

Nhà thơ Phùng Tấn Đông

Bản khoản tìm lời đáp bí quyết nào đã giúp Lê Đạt hóa giải và hòa giải được đến thế, tôi đã nghĩ đến một căn cốt nhân bản trời cho, đến một trí tuệ mẫn tiệp, một nền tảng văn hóa sâu dày, một căn bản triết học tinh thông. Tất cả những thứ ấy đã bổ sung nhau mà tinh luyện nên chất vàng mười Lê Đạt. Khiến ông vừa thâm trầm như một triết nhân lại ngây thơ như một nhi đồng, thông sáng như một học giả lại láu táu như một trẻ cận thành niên, đỉnh đạc như một kẻ sĩ lại xuềnh xoàng như một canh điền. ...

TS Ngữ văn Chu Văn Sơn



Đường
chữ

L Ê Đ A T

Phó thường dân
phố nhỏ vô danh
vô giai thoại
Thành tích
mấy trang giấy sờn
mấy câu thơ bụi
núi Vô Sơn



Số 13, Tổ 74, Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84-4) 3514 8742 - Fax: (84-4) 3514 8685
Email: info@bachvietbooks.com.vn
Website: www.bachvietbooks.com.vn
Blog: http://360.yahoo.com/bachvietbooks

BACHVIETBOOKS



8 936041 680548

Giá / 125.000đ